

Lý Thái Bạch

Tại huyện Châu Cầm tỉnh Tứ Xuyên, đời vua Huyền Tôn nhà Đường có một người đàn bà nằm mộng thấy sao Trường Canh sa vào mình, thọ thai sanh đặng một đứa con trai giòng họ Lý. Vì sao Trường Canh có tên là Thái Bạch, cho nên bà đặt tên con bà là Lý Bạch, hiệu là Thái Bạch.

Lý Bạch mới lên mười tuổi mà dung nhan phong nhã, cốt cách phi phàm, lại có tính thông thư sử, xuất khẩu thành thơ, ai ai đều cho Lý Bạch là một vị tiên giáng thế. Do đó mọi người gọi Lý Bạch là Là Trích Tiên ; và Lý Bạch cũng tự đặt cho mình biệt hiệu là Thanh Tiên cư sĩ.

Con người đã vậy, thích gì đến công danh phú quý, Lý Bạch trọn đời ngâm thơ, uống rượu, du ngoạn khắp nơi, nghe chỗ nào có rượu ngon thì lần tới.

Tại Hồ Châu, quận Ô Tinh đồn có rượu rất ngon, Lý Bạch chẳng quản đường xa ngàn dặm, lần tới, lên lầu gọi rượu đến uống say mềm.

Lúc đó, Tư mã Hồ Châu tên Già Diệp đi qua, nghe trên lầu có giọng ngâm thơ sang aảng, bèn cho người dò hỏi xem ai ?

Lý Bạch đáp lại bằng 4 câu thơ như vầy :

Thanh Tiên cư sĩ trích tiên nhân, Từ từ đào danh tam thập xuân Hồ Châu Tư Mã hà tu vấn... ?

Kim túc như lai thị hậu thân Nghĩa là :

Thanh Tiên cư sĩ ấy người tiên, Với tuổi ba mươi rượu lại ghiên.

Tư Mã Hồ Châu sao khéo hỏi... ?

Hậu thân kim túc chớ nên phiền. Tư Mã Hồ Châu nghe mấy câu thơ giật mình hỏi :

— A ! Té ra là Lý Bạch người đất Thục mà tôi không biết xin túc hạ hỉ xả cho.

Nói xong Hồ Châu mời Lý Bạch về công đường đã dâng mười ngày thơ rượu rất hậu.

Hồ Châu Tư Mã hỏi :

— Túc hạ là người có tài cao học rộng, để mà đoạt lấy đai vàng mũ bạc, tại sao túc hạ không đến trường an mà ứng thi ?

Nét mặt thản nhiên, Lý Bạch đáp :

— Cuộc thế đang hỗn loạn, chạy theo tiền tài xua nịnh, kẻ nào có tiền lo lót thì được đỗ cao. Chính con mắt đệ thấy thế nên đệ đành ngao du đây đó, uống rượu ngâm thơ, để tránh cái bực mình khi thấy bọn khảo quan dốt nát, tự cho mình là thần thánh, nhai đi nhai lại vài phường sáo ngàn đời của cổ nhân. Họ nằm trong một đáy giếng mà họ những tưởng họ đang ở trong bể cả. Nực cười thay !

Tiếc vì tài năng quán thế mà không có chỗ dùng nên Tư Mã Hồ Châu tỏ lời an ủi :

— Danh tiếng của túc hạ lâu nay đã lừng lẫy, nếu túc hạ chịu xuống Trường an thì lo gì không có người tiến cử.

Cảm động trước tấm thịnh tình của Tư Mã Hồ Châu, Lý Bạch nghe theo, lên đường về Trường an ứng thí.

Khi về đến Trường an, Lý Bạch vào cung Tử Cục để du ngoạn lại gặp được Hạ Tri Chương đang giữ chức Hàn Lâm tại Triều.

Tuy mới gặp nhau, song hai người đã nghe danh nhau nên rất hâm mộ. Hạ Tri Chương mời Lý Bạch về nhà kết làm anh em, cả ngày đàm đạo, lúc thi ca, lúc tiểu nguyệt rất là tương đắc.

Chuỗi ngày thoăn thoắt trôi chẳng mấy lúc mùa thi đã đến.

Hạ Tri Chương bảo Lý Bạch :

— Mùa thi năm nay quan Chủ khảo Nam Tĩnh là Thái sư Dương Quốc Trung, anh ruột của Dương Quả Phi, còn quan giám sát lại là thái úy Cao Lực Sĩ, cả hai người này thuộc về bọn tham ô, những lạm. Hiền đệ tánh khảng khái, không chịu luồn cúi kẻ tiểu nhân, lại không có vàng bạc để lót lót cho chúng thì dầu có tài xuất quỷ nhập thần đi nữa cũng khó mà chiếm được bằng vàng. Nhân tiện tôi có quen với hai người đó, vậy để tôi viết cho hiền đệ một bức thư giới thiệu, may ra hiền đệ có thể đem cái thiên tài lỗi lạc của mình tạo thành sự nghiệp, vẻ vang thanh danh để thỏa cái chí bình sinh.

Trước lời tâm huyết, Thái Bạch không nỡ từ chối, đành để cho Hạ Tri Chương viết bức thư giới thiệu, đem đến dâng cho thái sư Dương Quốc Trung, và thái úy Cao Lực Sĩ.

Hai người này xem thư rồi cười lạt, bảo nhau :

— Chẳng biết cái lão Hạ Tri Chương đã mắc nợ Lý Bạch bao nhiêu vàng bạc mà ân cần viết thư giới thiệu với chúng ta, lại nói miệng tày, không dâng một lễ vật gì cả. Đời nay những đứa thi nhân mơ mộng không hiểu lấy một chút nhân tình. họ Lý thơ thì hay thật, song xử thế thì rất vụng về. Há dễ họ không biết đời nay tiền tài phải đi trước nhân nghĩa sao ? Vậy thì hễ đến ngày tựu trường, chúng ta thấy tên Lý Bạch cứ việc đánh hồng ngay để cho họ một bài học kinh nghiệm đời vậy.

Rồi ngày thi đến... Khoa thi mở rộng để chọn nhân tài. Bọn khảo quan tham ô đã đồng ý sẵn, nêu ra câu thi sấm như vầy :

“Bất nguyện văn chương quán thiên hạ, chỉ nguyện văn chương trúng khảo quan”.

Nghĩa là : “Chẳng mong văn chương hơn mọi người, chỉ mong văn chương hợp ý quan trường”.

Dĩ nhiên, Lý Bạch văn chương lỗi lạc, sức lực có thừa, chỉ trong chốc lát đã làm xong thi quyển đem nộp cho quan trường.

Dương Quốc Trung tiếp lấy, xem qua thấy tên Lý Bạch bèn lấy bút son gạch chéo, đánh hồng, rồi chỉ vào mặt Lý Bạch nói :

— Chỉ đáng mài mực để hầu người...

Cao Lực Sĩ cũng a dua nói :

— Hạng thí sinh ấy chỉ đáng tháo giày, xỏ tất mà thôi.

Nói xong, đuổi cổ Lý Bạch ra khỏi trường thi.

Lý Bạch uất hận tràn đầy, trở về nội phủ than ngán thở dài, thầm trách những kẻ tham ô, tật đổ và nói với Hạ Tri Chương rằng :

— Nếu sau này mà tôi có đắc lộc, quyết sẽ bắt thái sư Dương Quốc Trung mài mực, Cao Lực Sĩ tháo giày cho đền lại những ngày nhục nhã.

Hạ Tri Chương thế cũng đau lòng, vội vàng khuyên giải :

— Hiền đệ chớ có nản lòng, hãy cứ ở lại tị xá, chờ ba năm nữa đến kỳ thi, may ra gặp những khảo quan thanh liêm chánh trực, chừng ấy hiền đệ được bằng hỏ đề tên cũng chưa muộn.

Lý Bạch nghe theo. Từ đó hai người tri kỷ, lúc vịnh nguyệt, lúc mơ trăng không nhắc gì đến chuyện thi cử nữa cả.

Bỗng một hôm, sứ giả nước Phiên đem thơ đến triều. Vua Huyền Tôn giáng chiếu sai Hạ Tri Chương ân cần tiếp đãi sứ giả.

Rạng ngày hôm sau, vua Huyền Tôn lâm triều, truyền cho sứ giả dâng thơ, và khiến Hạ Tri Chương mở ra xem trước long án.

Hạ Tri Chương mở bức thơ ra không biết một chữ nào cả.

Vua Huyền Tôn tức giận cho đòi cả triều thần văn ban, võ bá đến, hỏi xem có ai biết được thứ chữ riêng của nước đó không ? Cả triều thần đều mù tịt.

Huyền Tôn đập long án hét :

— Trong triều có bao nhiêu người lãnh bằng vàng bia đá, lộc cả quyền cao, lúc bình thường thì múa môi khua mép, đến lúc hữu sự lại nín tiếng câm hơi. Chẳng lẽ chừng ấy, cầm bào, chừng kia hốt bạc mà không được lấy một người học rộng tài cao để đọc bức thơ của Phiên quốc ? Nếu thơ không đọc được thì biết đâu mà trả lời, và như thế còn gì thể diện của Thiên Triều nữa. Trầm hạn cho các khanh 6 ngày nếu không đọc được bức thơ của Phiên quốc thì Trẫm sẽ cách chức hết.

Các quan văn võ, ai nấy mặt mày tợ nhuộm chàm, đứng ngơ ngẩn nhìn nhau như những bức tượng đá.

Lúc bãi triều, Hạ Tri Chương buồn bức trở về nhà kể lại đầu đuôi câu chuyện cho Lý Bạch nghe. Lý Bạch tủm tỉm cười rồi ngao ngán nói :

— Nếu khoa thi trước kia mà không có những bọn gian thần tham nhũng thì ngày nay triều đình đâu có cái nhục đó !

Hạ Tri Chương nghe Thái Bạch nói, giật mình hỏi :

— Thế ra hiền đệ có thể đọc được chữ của nước Phiên sao ?

Lý Bạch khiêm tốn đáp :

— Có lẽ...

Hạ Tri Chương mừng rỡ vô cùng. Sáng hôm sau, Hạ Tri Chương vào triều thật sớm, ngồi đợi nơi viện Đãi Lâu.

Ba hồi chuông Cảnh dương nổi dậy, tiếp theo ba hồi trống Long Phụng rung lên, vua Huyền Tôn vội vã từ giã các cung phi lâm triều.

Triều thần bái yết xong, Hạ Tri Chương quỳ tâu :

— Muôn tâu Bệ hạ, muốn đọc bức Phiên thư, hạ thần nhắm đi nhắm lại trong nước chỉ có một người. Người ấy họ Lý tên Bạch, một kẻ học rộng tài cao, thiên tư lỗi lạc, ngoài ra không còn ai nữa.

Vua Huyền Tôn phán hỏi :

— Lý Bạch hiện nay ở đâu ?

— Tâu Bệ hạ, Lý Bạch hiện đang ở nhà hạ thần.

Vua Huyền Tôn chuẩn tấu cho người đến tư dinh Hạ Tri Chương để thỉnh Lý Bạch.

Sứ giả đi một lúc trở về tâu :

— Tâu Bệ hạ, hạ thần đã đến mời Lý Bạch nhưng Lý Bạch không chịu yết kiến, viện lẽ là kẻ vô tài kém đức, không đáng mặt triều kiến Bệ hạ.

Nhà vua hỏi lại Hạ Tri Chương :

— Lý Bạch không chịu phụng chiếu vì lẽ nào vậy ?

Hạ Tri Chương đáp :

— Tâu Bệ hạ, Thái Bạch vì hiện có cái nhục nằm trước vào trường thi bị khảo quan đánh hồng đuổi ra trường. Nay áo vải vào triều nên hổ thẹn, vậy xin Bệ hạ rộng lượng ban ơn huệ, thì thể nào y cũng phụng chiếu.

Huyền Tôn y tấu, sai người đến phong chức tiến sĩ cập đệ cho Lý Bạch, lại cấp đai vàng, bào tía, hốt ngà, mao gấm để cho về vang nhà thơ “tửu hứng tiên thơ...” Hạ Tri Chương còn sợ Lý Bạch không khứng, nên trở về nhà bảo Bạch :

— Nay Thiên Tử đã có lòng ái mộ hiền nhân, vậy hiền đệ đừng vì hiềm tĩ lữ tham quan mà phụ lòng Thiên Tử, bỏ lỡ dịp may.

Bạch vâng lời, mặc triều phục, theo Hạ Tri Chương vào triều bái yết.

Huyền Tôn thấy Lý Bạch cốt cách đoan trang, phong lưu tuấn tú như vị tiên giáng thế, trong lòng thầm phục, và phán rằng :

— Nay có thư Phiên quốc đưa đến, cả triều thần không ai đọc nổi, vậy trăm triệu khanh đến để cùng trăm chia lo.

Thái Bạch tâu :

— Tâu Bệ hạ, tài năng của hạ thần chưa đủ làm vừa ý khảo quan thì dám đâu mong làm vừa lòng Bệ hạ.

— Khanh đừng tự hạ mình như thế, xem tướng mạo của khanh, trăm đã biết tài của khanh đến bậc nào rồi.

Nói xong, Huyền Tôn sai thị vệ đòi Phiên sứ đến.

Lý Bạch mở thư trước mặt sứ thần đọc to :

“Đại Khả Độc nước Bột Hải gọi Đường Triều khản khản :

Từ khi người chiếm cứ nước Cao Ly đến nay, hai biên giới tiếp liền, binh sĩ hai bên nhiều lần gây hấn. Bản quốc không thể nhẫn nại trước hành động của quân gia Đường quốc nữa, nên sai sứ đến Đường triều, nếu thuận thời đem tất cả một trăm bảy mươi sáu thành Cao Ly nhường lại cho bản quốc, sẽ có những tặng phẩm sau đây phụng tặng : nai Hạng sơn, vóc Nam Hải, trống Bành thành, hưu Phù dư, lợn Trịnh hiệ, ngựa Suất Tân, lục ốc châu, cá Vị Đà, mận Cửu Lộ, lê Lạc Ty.

Nếu kháng à, bản quốc sẽ cho binh biến, chừng ấy máu rây ngàn dặm, ăn năn thì đã muộn, chớ trách bản quốc không cho biết trước”.

Huyền Tôn nghe xong bức thư mặt mày biến sắc, hỏi văn võ bá quan :

— Nay Phiên vương ngạo mạng Thiên Triều lại hăm chiếm đoạt Cao Ly, vậy các khanh có cách gì chế ngự không ?

Cả đình thần đều im bật.

— Tâu Bệ hạ, xin Bệ hạ hỏi thử Thái Bạch có ý kiến gì hay chăng ?

Huyền Tôn hỏi Lý Bạch, Lý Bạch tâu :

— Việc này không có gì đáng để Thánh Thượng phải nhọc tâm. Ngày mai, xin Bệ hạ cho đòi Phiên sứ vào triều, hạ thần sẽ viết một phong thư bằng chữ Phiên bang mà trả lời, cho chúng nó một bài học thích đáng thì chúng nó phải phục tùng.

Huyền Tôn hỏi :

— Trong thư tự xưng là Khả Độc, vậy Khả Độc là người nào ?

Lý Bạch tâu :

— Khả Độc là tên vua nước Bột Hải.

Thấy Lý Bạch đối đáp thông suốt, vua Huyền Tôn bèn phong cho Bạch chức Hàn Lâm học sĩ, lại truyền tứ yển tại Kim Loan, cho phép Lý Bạch tự do chè chén, không phải bó buộc vào nghi lễ.

Bạch uống rượu đến say tít cung trăng, không còn biết đất trời gì cả. Nhà vua sai thị vệ đỡ Bạch lên nằm ở Điện tiền.

Hôm sau, đầu trống canh năm vua Huyền Tôn đã lâm triều còn Lý Bạch say mềm chưa tỉnh.

Bọn nội thị lay gọi, Lý Bạch vẫn nằm ý ra đây. Nhà vua thấy thế bèn bắt ngự trù nấu canh cho Lý Bạch ăn để giải rượu.

Lúc thị vệ dâng canh lên nhà vua thấy canh còn nóng bèn tự mình cầm thìa khuấy cho nguội để cho Lý Bạch dùng.

Lý Bạch tạ Ơn, dùng xong mấy thìa canh thấy trong người tỉnh minh, ma men bay đâu mất.

Một lúc sau, Phiên sứ vào triều kiến, Lý Bạch đứng bên ngự tọa, tay cầm bức thư của Phiên sứ đọc rất to, không lầm lộn một chữ nào.

Phiên sứ thấy thế sợ sệt vô cùng.

Lý Bạch thay vua phán rằng :

— Nhà ngươi là sứ một tiểu quốc lại dám vô lễ với thiên triều, lẽ ra phải xử tội; tuy nhiên, thánh thượng dùng lượng cả bao dung, vậy nhà ngươi hãy phục sẵn dưới thềm để chờ lời phê chiếu.

Vua Huyền Tôn truyền đặt văn kỹ thất bảo bên Ngự Tọa, dùng nghiên Bạch Ngọc, bút ngà, mực Long Yên, giấy Kim hoa tiên và nhắc cấm đồn đến đặt bên Ngự tọa để cho Lý Bạch thảo chiếu.

Lý Bạch tâu :

— Giày của hạ thần không được thanh khiết cho lắm, e phạm đến Thánh thể, vậy xin Bệ hạ cho phép hạ thần được cởi giày đi tất không, để lên điện ngọc.

Vua Huyền Tôn nghe nói, toan truyền bọn nội thị tháo giày cho Lý Bạch, nhưng Lý Bạch đã tâu thêm :

— Hạ thần có một lời, xin Bệ hạ tha cho hạ thần cái tội cuồng vọng này.

— Được, khanh muốn gì cứ việc tâu, dù khanh có làm lỗi đến đâu, trẫm hứa không chấp trách.

Lý Bạch tâu :

— Ngày trước hạ thần vào thi bị thái sư Dương Quốc Trung và thái úy Cao Lực Sĩ đánh hỏng. Nay hai người có mặt làm cho văn khí hạ thần bị bế tắc. Vậy muốn cho văn ý của hạ thần được phần khởi, rửa nhục cho quốc vương, xin Bệ hạ truyền cho thái úy tháo giày và thái sư mài mực để cho hạ thần thảo chiếu.

Vua Huyền Tôn nghe qua sửng sốt, nhưng không biết phải làm sao, đành truyền chỉ bắt Dương Quốc Trung mài mực, Cao Lực Sĩ tháo giày cho Lý Bạch. Hai người này tự biết không thể cãi lệnh đành phải cúi đầu trơ mặt tuân hành trước văn ban võ bá.

Lý Bạch đắc ả, ngạo nghễ ngồi trên cấm đồn, một tay vuốt râu, một tay múa bút.

Thảo xong tờ chiếu, Lý Bạch đứng lên long án.

Vua Huyền Tôn thấy tự tích không khác gì bức thư của Phiên bang, tuy không nói ra, lòng rất đẹp ả, nghĩ thầm : “Con người tài cao học rộng như vậy, dầu ta có bắt thái sư mài mực, thái úy tháo giày cũng là việc phải”.

Nghĩ xong, truyền cho Phiên sứ phục chỉ.

Lý Bạch đến trước Ngự tọa, cao giọng đọc bức chiếu thư :

“ Hoàng đế Thiên triều chiếu dụ cho Khả Độc nước Bột Hải biết : trước đây Thạch Nhoãn đầu phục, Đà Long lai hàng, bản triều ứng theo mệnh trời mà lập ngôi Hoàng đế, lấy đức vỗ bốn phương, lấy oai trị thiên hạ, binh hùng tướng mạnh, các nước lân cận thấy khiếp oai. Diệt Lợi bội thề nên bị bắt, Tán Phổ khiếp vía phải hàng đầu; Tân La, Thiên Trúc, Ba Tư hàng năm dâng cống lễ; Lâm ấp, Cốt Lợi, Nê Rà La, đều sợ thế chẳng dám giở đao binh.

Cao Ly vì trái ý Thiên triều, nên bị Thiên triều vắn tội. Tắm gương ảy đáng cho nước nhà người soi. Nay nước Bột Hải chỉ là một nước phụ thuộc của Cao Ly, sánh với Trung Quốc chẳng quá là một quận bé nhỏ, binh tướng, lương thực có bao nhiêu mà dám châu chấu đá voi. Nếu nghịch mạng trời ảc là không tránh khỏi tội.

Nay Thiên triều đức trọng ơn dày, lấy lời nhơn nghĩa mà dung thứ cho kẻ cuồng si ; vậy khuyên Khả Độc mau sớm tỉnh ngộ, xưng thần nộp cống, cải lệnh, xương phơi thành núi, máu chảy thành sông, mua cười cho thiên hạ”.

Nay dụ.

Vua Huyền Tôn nghe đọc, khoan khoái vô cùng, truyền nội giám trao lời chiếu cho Phiên sứ.

Phiên sứ cũng thất kinh không dám nói một lời, cúi đầu bái mạng, rồi bước ra.

Hạ Tri Chương đưa Phiên sứ ra đến cửa ngọ môn, Phiên sứ hỏi :

— Người thảo chiếu làm chức chi trong triều mà lại khiến thái sư mài mực, thái úy tháo giày như thế ?

Hạ Tri Chương đáp :

— Người ảy tên Bạch họ Lý, được phong làm chức Hàn Lâm học sĩ. Đây là một bậc thần tiên trên cung trời trích giáng để giúp Thiên triều. Thái sư, thái úy bắt quá là một người phạm, há đi mài mực cho ông ta không đáng sao ?

Phiên sứ ghi nhớ mọi điều, về đến kinh đô tâu lại đầu đuôi cho vua xứ Bột Hải rõ. Khả Độc nghe nói có thần tiên giáng trần giúp sức nên khiếp đởm, bao nhiêu ý tưởng khinh để điều tiêu tan cả, vội vã viết hàng thư sai người đem lễ vật triều cống như trước.

Vì vậy, vua Huyền Tông trọng đãi Lý Bạch vô cùng, muốn gia phong cho Lý Bạch thêm chức tướng nhưng Lý Bạch một mực từ chối :

— Tâu Bệ hạ, bạc tiền, châu báu, chức tước đối với hạ thần không thích thú bằng tiêu dao nhàn hạ, xin Bệ hạ cứ cho giữ tước Học sĩ du ngoạn, hễ gặp rượu ngon thì uống, đủ vậy.

Biết Lý Bạch là bậc thanh cao không dám làm phật lòng. Từ đấy cứ lâu lâu nhà vua lại mở yến tiệc thết đãi và thỉnh thoảng triệu Lý Bạch vào cung nội để bàn việc quốc sự.

Một hôm, Bạch cỡi ngựa thả thơ trước trường an, bỗng gặp một bọn đao phủ dẫn một chiếc tù xa đến pháp trường. Hỏi ra mới biết đó là viên tướng phạm tội, từ Tĩnh Châu giải về sắp hành quyết. Người ấy họ Quách tên Tử Nghi.

Lý Bạch thấy Tử Nghi mày ngài hàm én, biết là một tên kiện tướng có thể làm rường cột cho quốc gia sau này, bèn vội vã ra lệnh cho đao phủ thủ tạm ngưng việc hành quyết.

Dặn xong, Lý Bạch cỡi ngựa về triều cầu xin một đạo chỉ ân xá tội nhơn, rồi lại phi ngựa ra pháp trường, mở tù xa, thả Tử Nghi ra mà khuyên nhủ nên gắng sức đỏi công phục tội để khỏi phụ lòng mong ước của Bạch.

Tử Nghi lạy tạ ơn cứu mệnh, hỏi tên họ Lý Bạch rồi từ giả.

Lúc bấy giờ nơi hoàng cung đến mùa hoa mẫu đơn đua nở, khoe sắc đủ màu. Giống hoa này là giống hoa Mộc thạch được của nước Dương Châu đem cống hiến, gồm có 4 thứ là : Đại Hồng, Thâm Tử, Thiển Hồng và Thông Bạch.

Vua Huyền Tông truyền dời những hoa ấy đến điện Trầm Hương để ngắm cung phi, thưởng hoa dưới nguyệt, lại đòi bọn đệ tử Lê Viên đến đó hòa nhạc cho vui.

Tuy nhiên, vì chán nghe những bản nhạc cũ, nên nhà vua phán rằng :

— Ngắm cung phi, thưởng danh hoa, không nên nghe những khúc cổ nhạc nhàm tai mãi.

Vua truyền cho một con hát có danh tên là Là Quy Niên đến triều thỉnh Lý Bạch vào cung.

Là Quy Niên tìm mãi mới gặp Lý Bạch đang say mèm trong quán rượu, và đang ngâm thơ :

Tam bôi thông đại đạo Nhất đầu hợp tự nhiên Đản đắc tửu trùng thú Vật vi tỉnh giả truyền Nghĩa là :

Ba chung rành đạo lớn Một đầu hợp tánh thiêng Say sưa trong thú rượu Còn hơn kẻ tỉnh điên

Giọng thơ ran rần bên ngoài, Là Quy Niên biết đúng là Lý Bạch, vội lần vào quán và truyền mệnh lệnh của Huyền Tông :

— Thừa học sĩ, Thánh thượng và Quý Phi hiện đang ngự tại điện Trầm Hương, dạy đòi học sĩ đến để đàm đạo, xin học sĩ đi ngay cho.

Lý Bạch không đáp, trợn đôi mắt đỏ ngầu nhìn Là Quy Niên rồi ngâm tiếp một đoạn thơ của Đào Uyên Minh, cùng một giọng ma rượu :

Ngã túy dục miên, quân thả khứ Nghĩa là :

Ta say thích ngủ, đừng ai đến Ngâm xong, Lý Bạch nhắm mắt ngủ li bì, chẳng kể gì đến lệnh vua chúa gì hết...

Là Quy Niên thấy thế cười ngặt nghẽo, gọi năm bảy tên tùy tùng leo lên lầu khiêng Lý Bạch xuống, đặt lên yên ngựa, đỡ hai bên, để cho ngựa chở thẳng về lầu Ngũ Phụng. Xong vào báo cho vua Huyền Tôn rõ.

Vua Huyền Tôn đặc cách cho phép Lý Bạch được đi ngựa thẳng vào Trầm Hương, rồi cùng với Phi Tử lên lầu nhìn xuống thấy Lý Bạch ngồi ngất ngưỡng trên lưng ngựa, xiêu bên này, vẹo bên kia, ai trông thấy cũng phải tức cười.

Vào đến điện Trầm Hương, Lý Bạch nằm vật trên long khảm mắt nhắm híp, miệng chảy đầy nước dãi... Nhà vua xem thấy động lòng, vội lấy áo long bào lau cho đỡ con cứng của “Nàng thơ”.

Phi Tử tâu :

— Muôn tâu, thần thiếp nghe người ta nói nước lạnh có thể dùng giải rượu được.

Vua nghe nói liền sai thị vệ đem nước lạnh đến giải rượu cho Lý Bạch. Quả nhiên, vừa uống cạn ly nước, Lý Bạch tỉnh rượu ngay, vội vàng quỳ mọp xuống đất tạ tội.

Nhà vua đỡ Lý Bạch dậy và nói :

— Nay trẫm cùng Phi Tử thưởng hoa, muốn có một khúc nhạc tân kỳ, vậy nên triệu khanh đến để viết khúc ca chương thanh bình điệu.

Thấy văn phòng tứ bảo đã đặt sẵn trước mặt, Lý Bạch liền cầm bút thảo ngay :

Vân tường y thường, hoa tường dung Xuân phong phát hạm, lộ hoa nùng Nhược phi quần ngọc sơn đầu kiến, Hội hướng giao đài nguyệt hạ phùng ; Dịch :

Mây vờn như áo, hoa như mặt Sương đượm hơi xuân, lướt bóng hoa.

Quần ngọc đầu non bằng chẳng thấy, Cung giao ngõ tường bóng trăng tà...

Nhất chi hồng diễm lệ ngưng hương, Vân vũ vu sơn ủng đoạn trường.

Tá vãn Hán Cung thù đắc tự ?

Khả lân Phi yến ý tân trang !

Dịch :

Một cảnh hồng thắm đượm hơi hương, Mưa gió non vu luôn đoạn trường.

Hỏi thử Hán Cung ai dám sánh ?

Khá thương Phi Yến chốn Tân trang !

Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan, Tường đắc quân vương đối tiểu khan...

Giải thích xuân phong vô hạn hận, Trầm hương đình bắc ý lan can.

Dịch :

Hương trời, sắc nước gợi vui tươi, Tửu mên quân vương hé nụ cười...

Gió thoảng hơi xuân vô hạn hận, Trầm hương đứng ngắm tựa lan can. Lý Bạch viết xong dâng lên, Huyền Tôn xem thấy tình ý tuyệt trần, trong lòng phơi phới, truyền cho Là Quy Niên theo điệu mà hát.

Quý Phi lạy tạ Ơn vua đã chiếu cố đến mình.

Huyền Tôn ỏi :

— Không phải tạ Ơn trẫm, khanh nên tạ Ơn Học sĩ mới phải.

Quý Phi lấy ve vàng chén ngọc rót đầy ly rượu, sai cung nữ đưa mời Lý Bạch.

Từ đó trong cung lúc nào có yến tiệc cũng mời Lý Bạch đến. Quý Phi yêu mến Lý Bạch khác thường, mỗi tình tài tử giai nhân chớm nở cũng như sợi dây oan nghiệt nghìn đời ràng buộc mãi với kiếp người tài hoa.

Lẽ ra có thể làm đổ nước nghiêng thành đi được, song Lý Bạch lại là người chỉ thích có rượu thơ, đâu có tham vọng những mùi vinh hoa phú quý. Nhà thi sĩ tài hoa kia lạnh nhạt trước mối tình thâm kín của Quý Phi. Còn Quý Phi yêu mà không được người ta yêu lại, bực tức đến nỗi sanh ra thù oán. Sự đời là thế, chữ yêu đổi ra chữ oán không mấy hồi.

Lúc bấy giờ trong triều có Cao Lực Sĩ là hạng rắn độc, trong lòng ấp ủ mối thù với Lý Bạch bất y tháo giày thuở nọ, nên thăm dò biết được mối tình tuyệt vọng của Đào Quý Phi có thể dùng làm lợi khí cho hấn phun độc được, liền thừa cơ hội ấy dèm pha rằng :

— Theo ngụ ý của kẻ hèn này thì ba bài bình điệu của Lý Bạch lẽ ra Nương Nương phải oán ghét lắm mới phải, có sao Nương Nương lại ngợi khen đến thế ?

Quý Phi hỏi :

— Tại sao mà nhà ngươi lại cho là phải oán ghét ?

Cao Lực Sĩ rót nhẹ ly rượu vào gói thuốc độc rồi nói :

— Tâu lệnh bà, câu : “Khả lân Phi Yến ý tân trang” nó hàm một nghĩa châm biếm vô cùng.

Chắc Nương Nương cũng rõ nàng Triệu Phi Yến thuở xưa là bậc Hậu Phi của vua Thành Đế, được nhà vua quâ chuộng hơn cả. Phi Yến lại sai mê Sích Phượng và cùng người ấy tư thông. Chẳng may vua Thành Đế biết được, bắt gặp Sích Phượng trong tủ áo, đem giết ngay trước mặt Phi Yến. Nay Lý Bạch đem Phi Yến sánh với Nương Nương thì đó là một lời nhạo báng rất bóng bẩy. Xin Nương Nương xét k !

Thuở ấy Quý Phi có nuôi chàng An Lộc Sơn làm con nuôi trong tư cung. An Lộc Sơn với Quý Phi ngang tuổi nhau, thế mà Quý Phi ngày hai ba lần thân hành tắm rửa cho đứa “con cưng” ấy trước mặt vua Huyền Tôn, mà vua Huyền Tôn cũng không nói gì cả. Thật Quý Phi còn tệ hơn nàng Phi Yến thuở trước.

Cao Lực Sĩ khéo châm ngòi, đốt lửa, gây vào lòng Quý Phi một mối hận thù với Lý Bạch, nên Quý Phi tâu với Huyền Tôn rằng Lý Bạch ngạo nghịch, không giữ lễ quân vương.

Bắt đầu từ đó, các cuộc yến ẩm trong cung không mời Lý Bạch vào nữa. Và Huyền Tôn cũng không hỏi Lý Bạch về việc triều chính nữa.

Lý Bạch cảm thấy lòng yêu chuộng của Huyền Tôn mỗi lúc một lạt lẽo dần, đoán biết Cao Lực Sĩ mưu hại, và Quý Phi cố báo thù, nên nhiều lần tâu xin đi nơi khác, nhưng vua Huyền Tôn cố cầm ở lại.

Lý Bạch buồn bã, càng ngày càng dầm mình sống trong bể rượu, không thiết tha đến việc đời nữa. Cả đến người vợ của Lý Bạch ở tại Cẩm Thành là Hứa phu nhân, cũng không bao giờ được Bạch tưởng đến. ọi “Phòng không lạng ngắt như tờ, ngựa ai thấp thoáng lờ mờ hơi sương”. Hứa phu nhân trông tin mòn mỏi mà chẳng thấy Lý Bạch đâu !

Trong các bợm rượu thân tín với Lý Bạch thời ấy là Hạ Tri Chương, Là Thích Chi, Nhữ Dương, Vương Kiến, Thôi Tông Chi, Tô Tấn, Trương Bạc, Tiêu Thại, thường hay say sưa ngã ngón mà người ta gọi là “ẩm trung bát tiên”.

Một hôm tốt trời, vua Huyền Tôn truyền đòi Lý Bạch vào cung để phóng thích con “Phượng Hoàng muôn thủa” ấy về với đồng nội cỏ hoa cho thỏa lòng ao ước.

Huyền Tôn có đôi lời an ủi :

— Trẫm thấy khanh tài năng lỗi lạc, tánh tình lại thanh bạch nên đem dạ mến yêu. Nay trẫm tạm cho khanh được vinh quy, vậy khanh có cần thứ gì trẫm sẽ ban cấp cho.

Lý Bạch tần :
—

Hạ thần không cần gì cả, ngoài một món tiền để uống rượu thôi.

Vua Huyền Tôn hạ chiếu, truyền rao khắp nơi, cho phép Lý Bạch đến đâu uống rượu không phải trả tiền. Số tiền ấy sẽ do ngân khố thanh toán.

Nhà vua lại ban thêm vàng bạc, đai y và cấp 12 đưa tùy tùng theo hầu Lý Bạch.

Lý Bạch cúi lạy tạ Ơn và nghĩ rằng :

“Vì vua này quả có đôi mắt xanh tương đối vậy”.

Huyền Tôn lại thân cầm hai đóa hoa vàng trên mũ Lý Bạch rồi truyền nội thị đỡ Bạch lên ngựa trước ngai vàng, đưa ra khỏi triều môn. Đó là một ân huệ đặc biệt đối với các vua nước Tàu thời ấy.

Các quan đưa đón, rượu tiễn lời chào từ Trường An đến mười dặm đường chưa dứt.

Chỉ có thái sư và thái úy, hai người lánh mặt, ngồi nhà hủ hê sung sướng, khen ngợi diệu kế của mình đã khéo “tổng cổ” được tên “thi sĩ cứng đầu” ra khỏi triều để dễ bề thao túng.

Hạ Tri Chương và cả bọn rượu đều đưa Lý Bạch ngoài trăm dặm, viết đến hơn trăm bài thơ tổng biệt mà vẫn chưa cạn tâm tình.

Lý Bạch đi rồi, Hạ Tri Chương cảm thấy lòng mình hiu quạnh như mất một cái gì không bao giờ còn tìm thấy nữa.

Có lẽ trong đời nghệ sĩ của Lý Bạch, chỉ có Hạ Tri Chương là người yêu Bạch nhất.

Trên đường về, tuy Bạch cảm thấy vui với cỏ nội, mây ngàn, tìm lại những cái gì xa xưa đã mờ khuất, song cũng không khỏi bồi hồi, nhớ đến Hạ Tri Chương người bạn tâm giao, cảm nghĩa cùng nhau nhưng yêu nhau không trọn.

Ngày kia, Lý Bạch về đến Cẩm Châu, gặp lại Hứa phu nhân, vợ chồng tương mến, duyên cảm sắt lại giao hòa, nói lại tiếng đàn xưa trong tâm hồn thi sĩ.

Các bè bạn xa gần trên đất Thục, chiều sớm lân la, rượu thơ túy lúy. Thật là một cảnh an nhàn.

Thế mà : “Nửa năm hương lửa đang nồng, trượng phu thoắt đã động lòng bốn phương”. Cho hay con chim trời không bao giờ chịu đậu một nơi, dù nơi đó là nơi cảnh đẹp hoa tươi, suối ca, gió hát.

Một sớm tinh sương, Lý Bạch tỏ ý với vợ muốn đi du ngoạn sơn thủy. Mặc dầu Hứa phu nhân nghe nói cũng buồn lòng, nhưng nàng đâu phải là chiếc lòng son có thể nhốt được loài chim trời cuồng vọng ấy được, đành sửa soạn cuộc chia phôi.

Lần này ra đi, Lý Bạch không xúng xính mũ cao, áo rộng của chức Học sĩ nữa, mà chỉ ăn mặc theo lối thư sinh, hay nói cho đúng hơn là một gã học trò nghèo, chỉ đem theo một thằng đồng tử con con và cỡi một con ngựa ốm ốm, và như thế cũng đã phong lưu chán rồi.

Một hôm, Lý Bạch đi đến huyện Hoa Nẫm. Tiếng đồn quan huyện này là một vị quan tham ô những lạm, một nước, hại dân. Lý Bạch định ý “sửa lưng” tên quan chức mục nát ấy.

Bạch đến trước huyện, cho ngựa đi thẳng vào cổng, đánh ba hồi trống làm như không biết huyện quan đang xét việc nơi công đường.

Huyện quan nghe có tiếng trống đổ hỏi hỏi hà thất kinh tưởng là giặc đến, dớn dác muốn tìm đường tẩu thoát. Sau biết rõ giận lắm, sai lính lệ xuống lôi cổ Lý Bạch lên công đường hạch hỏi.

Lý Bạch giả say, không đáp. Quan huyện truyền đem tổng cổ tên bợm rượu ấy vào lao để chờ truy cứu.

Khi Lý Bạch vào lao được một lúc thì thấy một tên lính lệ mang mực, giấy đến vát vào mặt bảo phải cung khai đầu đuôi câu chuyện, nếu không thì đánh chết.

Lý Bạch mỉm cười, cầm bút viết một hồi :

“Ta là Lý Bạch, quê ở Cẩm Châu, nhỏ tuổi, rộng văn chương vung bút giết loài nịnh, Trường An gọi bắt tiên, Trúc Khê xưng Lục Dật; thảo chiếu trừ Phiên quốc, Điện ngọc tự do vào uống rượu mà giải trí, Kim loan chỗ nghỉ ngơi, canh nóng có vua khuấy, dãi chảy áo vua lau, Dương thái sư mài mực, Cao thái úy tháo giày. Trước sân rồng Hoàng Đế còn cho ta cỡi ngựa, huống chi tại huyện Hoa Nẫm các người lại buộc ta không được cỡi lừa ư ?” Viên chủ ngục xem xong lời cung, mình mẩy rụng rời, tay chân run lập cập, vội vã quỳ xuống tạ tội.

Lý Bạch nói :

— Việc này không can hệ gì đến nhà người đâu. Nhà người hãy mau đến công đường nói cho quan huyện biết rằng ta vâng chỉ Hoàng Thượng đến đây để tra xét tội tham ô của hần, sao hần lại dám bắt ta hạ ngục ?

Viên chủ ngục vội vã mang tờ cung khai đến trình lên tri huyện và thuật lại những lời Lý Bạch vừa nói.

Tri huyện khiếp vía nắm tay tên chủ ngục chạy thẳng đến lao xá, bắt từ bên ngoài lạy vào, rên rĩ xin Lý Bạch dung tha cho đưa ngu hèn.

Các phủ huyện quanh vùng nghe tin lập tức đến nơi chào mừng Học sĩ và mời Học sĩ thẳng thính đường để xin những lời chỉ giáo.

Lý Bạch lấy lời liêm chánh răn dạy mọi người, ai nấy đều vui vẻ nghe theo.

Từ đấy Lý Bạch đi đến đâu, các tham quan, ô lại nể mặt không dám hành hạ dân lành như trước nữa.

Kể một thời gian sau đó An Lộc Sơn — đứa con nuôi của Quý Phi — nổi loạn, tụ tập một số cường đồ cướp bóc Trường An. Vua Huyền Tôn phải bỏ kinh đô chạy vào đất Thục, giết thái sư Dương Quốc Trung trước mặt ba quân, và thắt cổ Quý Phi tại gò Mã Ngôi; mặc dầu những giòng lệ chảy ước long bào, ông vua đa tình kia cũng phải buộc lòng dứt bỏ lời thề trong đêm thất tịch “tại thiên nguyện tác tị dự diều, tại địa nguyện vi liên là chí” : “Trên trời nguyện làm chim liền cánh, dưới đất nguyện làm cây liền cành”.

Khúc trường hận của Huyền Tôn đã được nói lên trong lời văn thiết tha bi đát của nhà thi sĩ áo xanh “Giang Châu Tư Mã” với nỗi hận lòng gởi gắm niềm riêng.

Lý Bạch lúc ấy tránh loạn ẩn tại Lư Sơn. Vĩnh Vương Lân lúc bấy giờ lại làm Tiết độ sứ quản thủ cả vùng đồng nam nước Tàu.

Vì thấy Huyền Tôn rời bỏ kinh đô, thiên hạ đại loạn, nên ý cũng muốn “thừa cơ một thuở” bèn sai sứ giả đến triệu Lý Bạch về giữ lại trong quân để bàn việc “đại kế”.

Chẳng bao lâu con trai của Huyền Tôn là Túc Tôn lên ngôi kế vị, phong Quách Tử Nghi làm nguyên soái thống lãnh đại lĩnh. Túc Tôn nghe Vĩnh Vương Lâm có ý tạo phản bèn xuống chiếu sai Quách Tử Nghi đến vấn tội.

Khi ấy nội bộ của An Lộc Sơn bị nổi loạn : An Lộc Sơn bị đưa con trai giết đi để tiếm ngôi rồi chẳng bao lâu, đưa con trai của An Lộc Sơn lại bị một tên cận thần phản phúc giết đi để đoạt quyền; do đó, chỉ trong một thời gian ngắn bọn loạn quân này tan rã, và nhà Đường thu lại được cả hai tỉnh.

Được rảnh tay, Quách Tử Nghi đem quân đánh Vĩnh Vương Lâm. Tên phản phúc này bị cô thế bỏ trốn, bị một tên quân canh bắt được giải đến viên môn.

Còn Lý Bạch thì gặp lại được Quách Tử Nghi, đưa Lý Bạch về triều tâu cùng vua Túc Tôn, nói rõ tài năng lỗi lạc của Lý Bạch và xin Túc Tôn trọng dụng.

Túc Tôn liền xuống chiếu phong cho Lý Bạch làm Tả thập di, nhưng Lý Bạch một mực từ chối không nhận.

Từ đó, Lý Bạch một thuyền một lá, thường thờ sớm bãi chiều gành, rồi đến Kim Lăng, than thở cho những sự phê hưng diễn biến không ngừng :

“Trùng thu viễn cận thiên quan chủng, hòa thử cao đề lục đại cung”.

Trong óc nhà thơ say ấy có những mối cảm hoài gì trong thế sự ?

Một đêm, khi thả thuyền đến ven sông Thái Thạch, trăng tỏ sao thưa gió hòa nhẹ, vàng trắng lơ lửng trên không như gieo vào lòng người một mối vô tư, xóa nhòa những cái gì còn nặng vẫn vương trong trần tục, Lý Bạch đắm mình trong khung cảnh ấy, ngồi trầm lặng nơi đầu thuyền, uống rượu, uống cả vầng trăng, “rượu say, say cả vầng trăng dịu hiền”.

Vầng trăng rung rinh đáy nước, rung rinh trong lòng chén, thấm sâu vào tiềm thức siêu thần, Lý Bạch thấy mỗi sợi tóc mình biến thành một vầng trăng ngời ngời sáng... trong phút mê ly, Lý Bạch nhảy xuống dòng sông, ôm mảnh trăng rung rinh tan vỡ... để trở về nơi cảnh tiên bồng...

Thôi thế là hết một đời tài hoa trên trần tục.

Bạch ra đi... đi mãi không bao giờ còn trở về với Hứa phu nhơn nữa.

Từ đây Hứa phu nhơn thần thơ với gió sớm mây chiều, ôm nửa vầng trăng vạm vỡ mà nằm mơ trong giấc mộng hồn...

Bá Nha, Tử kỳ

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, tại kinh đô, nước Sở (nay thuộc về phủ Kinh Châu, tỉnh Hồ Quảng) có một người danh sĩ họ Du tên Thụy, hiệu là Bá Nha.

Bá Nha tuy người nước Sở, nhưng lại làm quan nước Tấn đến bậc Thượng đại phu. Tấn và Sở thời đó hai nước giao hảo nhau.

Một hôm Bá Nha phụng mệnh vua Tấn sang nước Sở để gắn liền giây thân hữu giữa hai nước cho bền vững thêm.

Bá Nha được vua nước Sở trọng đãi, truyền bày yến tiệc đãi đằng rất hậu.

Tuy nhiên, Bá Nha không lấy thế làm vui, vì đã bao năm xa cách đất tổ quê hương, nay lại được trở về, tấm lòng nhung nhớ những kỷ niệm thân yêu xa xưa lâng lâng vào tâm não. Từ mái gia đình đến những cây tòng, cây bá, mới ngày nào mà nay đã vừa một người ôm, cái định luật biến chuyển không ngừng đã phủ một màu tang trên dòng đời xa cũ.

Sau các yến tiệc, Bá Nha đi thăm viếng mộ phần, họ hàng, bè bạn, tấm lòng quyến luyến quê hương càng thấy thiết tha hơn lúc nào hết.

Nhưng vì nhiệm vụ chưa thành, Bá Nha không dám vì thế mà lưu lại nơi đất tổ, phải đành vào triều để từ giả quốc vương trở về nước Tấn.

Vua Sở ban khen rất nhiều vàng bạc, lụa là, gấm vóc, và truyền đem ra một chiếc thuyền rất lớn để đưa Bá Nha về nước.

Bá Nha là một khách phong lưu, lối lạc, trong tâm hồn chứa đựng một nguồn tình cảm thanh cao, coi cảnh vật thiên nhiên như một món ăn tinh thần bất tận.

Một hôm, thuyền đến cửa sông Hán Dương, gặp lúc trăng thu vàng vạc, trời rộng sao thưa, Bá Nha truyền cấm thuyền dưới chân núi để vui với cảnh đẹp hải hồ. Mặt nước sông lúc bấy giờ trong vắt như miếng thủy tinh, gió lồng trắng ngàn bập bênh sóng vỗ. Bá Nha truyền cho đồng tử đốt lư trầm và lấy túi đàn đặt lên trước án.

Bá Nha mở tới gấm, nâng cây Dao cầm đặt ngay ngắn rồi thử giây.

Hơi trầm quyến gió, réo rắc đưa tiếng đàn vút tận trên không.

Trong lúc đang hứng thú, bỗng tơ đồng đứt mất một dây, Bá Nha thất kinh tự nghĩ : “Dây đàn đứt ắc có người quân tử đang nghe nhạc đâu đây ?” Bèn truyền tả hữu lên bờ xem thử kẻ nào đã nghe đàn mà không ra mặt ?

Tả hữu vâng lệnh vừa toan bước vào bờ, thì từ bên trên có tiếng người nói vọng xuống :

— Xin Đại nhân chớ lấy làm lạ, vì kẻ tiểu dân kiếm củi về muộn, đi ngang qua đây nghe tiếng đàn tuyệt diệu nên chân bước không đành đó thôi.

Bá Nha vừa cười vừa nói :

— Người tiểu phu nào mà lại dám nói chuyện nghe đàn trước mặt ta, thật là kẻ cuồng vọng. Nhưng thôi, hãy cho hắn đi !

Từ bên trên lại có tiếng vọng xuống đáp :

— Đại nhân nói như thế là sai ! Đại nhân nghe câu : “Thập thất chi áp, tất hữu trung tín” đó sao ? (Trong cái áp mười nhà ắc có người trung tín). Trong nhà có người quân tử ở thì ngoài cửa có người quân tử đến. Và lại nếu Đại nhân khinh rằng trong chốn núi non quê mùa không có người biết nghe nhạc, thì tiếng đàn tuyệt diệu của Đại nhân cũng không nên gảy lên ở đây làm gì ?

Nghe câu trả lời ấy Bá Nha hơi ngượng, biết mình đã lỡ lời, liền vội vã bước ra trước mũi thuyền hỏi :

— Nếu kẻ trên bờ quả thật là một người biết nghe đàn thì đây ta hỏi thử, vậy chớ ta vừa khảy khúc gì đó ?

Giọng nói trên bờ vẫn bình thản vọng xuống :

— Đó là khúc “Khổng Vọng Vi” than cái chết của Nhan Hối, nhưng vì bị đứt dây nên mất một câu chót. Khúc ấy như vậy :

Khả tích Nhan Hồi mệnh tảo vương Giáo nhân tư tưởng, mẩn như sương !

Chỉ nhân lậu hạng, đan, biểu lạc, Còn khúc chót như vậy :

Lưu đặc hiền danh vạn cổ cương Dịch :

Khá tiếc Nhan Hồi sớm mạng vong Tóc sương rên đúc lấy nhơn tâm !

Đan, biểu ngộ hẹp vui cùng đạo, Danh tiếng lưu truyền vạn cổ niên. Bá Nha nghe xong lòng mình phát phới, vội vã sai kẻ tùy tùng bắc cầu lên bờ để triệu thỉnh người lạ mặt xuống thuyền tâm sự.

Bọn đầy tớ tuân lệnh, song bọn này là những đứa phàm tục, những con mắt thịt ấy đâu phân biệt được kẻ quạ người hiền, chúng quen thói xưa bợ, hễ thấy người sang trọng thì thưa bẩm, thấy kẻ nghèo khó thì khinh khi, thấy chủ mình sai đòi một người tiểu phu nón lá, áo vải, tay cầm đòn gánh, lưng giắt búa cùn, chân đi giày cỏ, chúng lên mặt hống hách, nạt nộ :

— Hãy đi xuống thuyền ngay, và phải giữ lễ. Hễ thấy lão gia phải sụp lạy, lão gia có hỏi gì thì phải lựa lời mà nói khéo mắt đầu đó !

Người tiểu phu vẫn thản nhiên như không nghe lời nói của chúng, từ từ bước xuống thuyền, bỏ đòn gánh và chiếc búa cùn nơi mũi thuyền, rồi bước vào yết kiến Bá Nha.

Trông thấy Bá Nha, người tiểu phu chỉ xá dài mà không lạy.

Bá Nha thấy thế cũng ngạc nhiên, song cũng đưa tay chào đón, nói :

— Thôi, xin quà hữu miễn lễ cho.

Rồi như muốn thử tài năng người tiểu phu xem thực chất đến đâu, Bá Nha sai đồng tử nhắc ghế mời tiểu phu ngồi lại bên mình và hỏi :

— Hiền hữu biết nghe đờn chắc là biết ai chế ra cây Dao cầm, và biết chơi đàn có những thú gì chớ ?

Gã tiểu phu mỉm cười đáp :

— Đại nhân đã hỏi đến, chẳng lẽ tiểu dân không nói ra những cái mình biết. Xưa kia vua Phục Hy thấy có năm sắc sao rơi xuống cụm ngô đồng, và chim Phượng Hoàng đến đó đậu, nhà vua biết ngô đồng là thứ gỗ quý, hấp thụ tinh hoa của trời đất, có thể dùng nó chế làm nhạc khí được, liền sai người hạ xuống cắt làm ba đoạn. Đoạn ngọn tiếng quá trong và nhẹ, đoạn gốc tiếng đục và nặng, chỉ có đoạn giữa tiếng vừa trong vừa đục, có thể dùng được.

Vua bèn đem ngâm nơi giữa dòng nước chảy bảy mươi hai ngày, đoạn đem phơi trong mát chờ cho thật khô, lựa tay thợ khéo là Lưu Tử Kỳ chế thành cây Dao cầm.

Dao cầm dài ba thước, sáu tấc, một phân, ấn theo ba trăm sáu mươi một độ chu thiên, mặt trước rộng tám tấc ấn theo tám tiết; mặt sau rộng bốn tấc, ấn theo bốn mùa; bề dày hai tấc ấn theo lưỡng nghi.

Đàn ấy gồm mười hai phím, tượng trưng cho mười hai tháng trong một năm, lại có một phím nữa, tượng trưng cho tháng nhuận, trên mắc năm dây ấn theo ngũ hành, trong tượng ngũ âm : cung, thương,ốc, vũ, chủy. Trước kia vua Thuấn khải đàn ngũ huyền, thiên hạ thái bình. Châu Văn Vương ở tù Dũ Là, Bá Ấp Khảo thương nhớ, thêm một giây oán gọi là dây văn huyền (dây văn). Lúc Vũ Vương đánh vua Trụ, trước ca, sau múa thêm một dây

phần kích để phần khởi gọi là dây vũ huyền (dây vũ). Như vậy trước kia có năm dây, sau thêm hai dây nữa là thất huyền cầm.

Đàn ấy có sáu “kỳ” và bảy “không”. Sáu “kỳ” là kỳ rét lớn, nắng lớn, gió lớn, tuyết rơi lớn; gặp lúc ấy người ta không dùng, còn bảy “không” là không đàn đám tang, không đàn trong lúc lòng nhiễu loạn, không đàn trong lúc bận rộn, không đàn trong lúc thân thể không sạch, không đàn trong lúc ý quan không tề chỉnh, không đàn trong lúc không đốt lò hương, không đàn trong lúc không gặp tri âm.

Lại còn có thêm tám “tuyệt” là : thanh, kỳ, u, nhã, li, tráng, lu, trường. Trong tám tuyệt ấy gọi đủ cả các tình cảm, vì vậy tiếng đàn có thể đi đến tuyệt vời vậy.

Bá Nha nghe nói biết người tiều phu là bậc kỳ tài, đem lòng kính trọng hỏi :

— Hiền hữu quả là một người tinh thông nhạc là. Trước kia Khổng Tử đang gảy đàn Nhan Hối bước vào thoảng nghe có tiếng u trầm, biết lòng Khổng Tử có à tham sát, nên lấy làm lạ hỏi ra mới biết Khổng Tử đang đàn, thấy một con mèo bắt chuột nên à niệm ấy xuất lộ ra tiếng tơ đồng. Vậy thì trước kia Nhan Hối nghe tiếng đàn mà biết lòng người, còn hiền hữu ngày nay nghe ta đàn có biết lòng ta đang tư lự gì chăng ?

Người tiều phu đáp :

— Xin Đại nhân cứ khảy cho tôi nghe một khúc, nếu may ra có cảm thông được thì đó cũng là điều may mắn.

Bá Nha nổi dây đàn, gảy khúc “à tại non cao”.

Tiều phu mỉm cười nói :

— Tuyệt thay ! à chí cao vút ! à tại non cao...

Bá Nha nghe nói ngưng đàn, lấy lại tâm hồn gảy thêm khúc : “à tại lưu thủy”.

Tiều phu cũng cười và nói :

— Bao la trời nước, thật là một khúc : à tại lưu thủy ! tuyệt hay !

Thấy tiều phu biết rõ lòng mình, Bá Nha thất kinh, khâm phục khôn cùng, mời người tiều phu ngồi lên trên, khiến kẻ tả hữu dâng trà, rồi bày tiệc rượu hai người đối ẩm.

Trong lúc uống rượu, Bá Nha cung kính, chắp tay hỏi :

— Dám hỏi tiên sinh, quà danh và quà quán ?

Người tiều phu cũng đứng lên đáp lễ, rồi nói :

— Tiểu dân họ Cung tên Tử Kỳ, ngụ tại thôn Tập Hiền gần núi Nhữ Yên. Còn Đại nhân chẳng hay cao danh, quà tánh, và hiện trấn nhận nơi nào ?

Bá Nha kính cẩn đáp :

— Tiệm quan họ Du tên Thụy, tự Bá Nha, nhân vì có công vụ nên đến nơi này. Xét mình tài hèn đức thiếu không xứng đáng với lộc nước ơn vua, còn tiên sinh tài năng xuất chúng, học vấn cao siêu, lẽ ra phải xuất thân đoạt lấy công danh, phò vua giúp nước, lưu danh muôn thuở sao tiên sinh lại cam ẩn dật nơi chốn núi non này mà làm gì ?

Tử Kỳ nói :

— Tôi còn cha mẹ già, không có anh em, phận làm con phải lo đến chữ hiếu, dẫu cho công hầu bá tước cũng không thể đổi lấy một ngày hiếu dưỡng của tôi được.

à ! Ra tiên sinh là người chí hiếu, trong đời khó có ai mà sánh kịp như vậy. Chẳng hay tiên sinh năm nay được bao nhiêu tuổi ?

Tử Kỳ đáp :

— Tiểu dân hai mươi bảy tuổi.

Bá Nha vỗn vã nói :

— Tiệm quan hèn tiên sinh một tuần (mười tuổi), nếu tiên sinh không chê đức mọn tài hèn thì xin kết làm anh em để khỏi phụ cái nghĩa tri âm mà đời tôi chưa từng được gặp.

Tử Kỳ khiêm nhượng đáp :

— Thừa Đại nhân, Đại nhân là một bậc công khanh thượng quốc, còn tôi là kẻ áo vải quê mùa, năm tháng ra vào nơi sơn lâm cùng cốc, đâu dám cùng với đại quan so vai, kết bạn, xin đại quan miễn cho.

Bá Nha nghe Tử Kỳ nói vậy, lòng bồi hồi mặt buồn rười rượi năn nỉ :

— Giá trị con người không phải ở chỗ giàu sang phú quý, mà là chỗ đức hạnh tài năng, nay nếu tiên sinh chịu nhận làm anh em với tôi thì thực là vạn hạnh, còn như giàu nghèo, sang hèn, chúng ta không nên nói tới.

Nói xong Bá Nha sai kẻ tả hữu gây lại lò hương, rồi cùng Tử Kỳ lạy tám lạy, nhận nhau làm anh em khác họ.

Bá Nha lớn tuổi hơn, làm anh. Hai người vui vẻ ngồi kề nhau đối ẩm. Nỗi lòng tâm sự của một khách phong trần với một người chung đỉnh được hoàn toàn cởi mở vượt qua những cái giả dối đê hèn của cuộc sống loài người, để trở lại với cái thiên chân thuần túy.

Hai người chuyện trò mãi mà không biết chán, đến khi ánh trăng đã lạt màu, sao trên trời chỉ còn sót lại một vài đóm trắng, tiếng gà eo óc đầu thôn dục bóng bình minh, hai người vẫn còn như đắm say trong tình giao cảm, quên hẳn cả thời gian.

Khi tên thủy thủ đến gần xin lệnh cho thuyền lên đường, Tử Kỳ đứng dậy cáo biệt.

Bá Nha giọng run run, nhìn Tử Kỳ nói :

— Lòng tôi quá cảm mộ, chưa nỡ rời hiền đệ, vậy mời hiền đệ cùng đi với tôi qua một đoạn đường, để du sơn du thủy và trò chuyện cùng nhau cho cạn mối tâm tình.

Tử Kỳ bùi ngùi đáp :

— Lễ ra tiểu đệ phải đưa tiễn hiền huynh vài dặm mới phải, ngặt vì cha mẹ của tiểu đệ ở nhà đang trông, xin hiền huynh thứ lỗi.

Bá Nha nói :

— Vậy thì hiền đệ về nhà xin với song đường qua Tấn Dương thăm chơi, chắc bá phụ và bá mẫu cũng không nỡ từ chối.

Tử Kỳ nói với giọng luyến tiếc :

— Tiểu đệ không dám phụ lời hiền huynh, song việc này không dám hứa chắc ; vì vạn nhất, nếu tiểu đệ không xin phép được tung đường thì thành ra thất hứa với hiền huynh, ấy là tội của tiểu đệ rất lớn !

Cảm lòng hiếu thảo của Tử Kỳ, Bá Nha nói :

— Hiền đệ thực là một bậc quân tử ; nếu vậy thì thôi để tôi sẽ tìm cách đến thăm tiểu đệ.

Tử Kỳ hỏi :

— Bao giờ hiền huynh sẽ ghé lại thăm tiểu đệ ?

Bá Nha tính đốt tay một lúc rồi nói :

— Sang năm, cũng đúng vào ngày này.

Tử Kỳ nói :

— Nếu vậy thì sang năm cũng đúng vào ngày này tiểu đệ xin đợi hiền huynh nơi gành đá.

Tử Kỳ nói xong, toan cáo biệt, Bá Nha giữ lại, và nói :

— Hãy khoan, hiền đệ thử thả một chút đã.

Dứt lời, Bá Nha quay lại sai đồng tử lấy ra hai nén vàng ròng, rồi hai tay nâng cao lên trước mặt, nói :

— Đây là món lễ mọn của ngu huynh làm quà cho bá phụ và bá mẫu, tấm tình cốt nhục, hiền đệ chớ nên chối từ.

Cảm tình tri ngộ, Tử Kỳ không dám từ chối, nghẹn ngào cầm hai nén vàng, lệ tràn khoeo mắt, búi ngùi ra đi.

Bá Nha tiễn đến đầu thuyền nắm tay Tử Kỳ không nỡ rời.

Xưa nay có cuộc chia ly nào mà không ngậm ngùi giữa kẻ ở, người đi, huống chi tình bạn tâm giao, nỗi lòng chưa cạn, Bá Nha cứ nhìn theo, nhìn mãi cho đến lúc Tử Kỳ đi khuất mới cho nhổ neo.

Dọc đường Bá Nha lâng lâng nhớ tiếc, đắm đắm đôi mắt về một phương trời, nên mặc dầu trời trong gió mát, cảnh đẹp muôn vàn mà đối với Bá Nha lúc ấy như thờ ơ lạnh nhạt.

Về đến kinh đô, Bá Nha vào yết kiến vua Tấn để nhận lấy những lời ban khen của cửu trùng.

... Thời gian lặng lẽ trôi như một dòng sông êm ả...

Mới ngày nào, gió thu rào rạc tiếng sáo biệt ly còn văng vẳng bên tai, thế mà thoắt đã một năm qua; ngọn gió heo may từ miền bắc cực thổi về báo hiệu lại một mùa thu nữa, đến...

Bá Nha nhớ lại ngày mình ước hẹn, vội vã vào triều xin vua Tấn cho nghỉ phép về Sở thăm nhà.

Vua Tấn nhậm lời. Bá Nha sửa soạn cây đàn, đem vài tên đồng tử rồi lặng lẽ xuống thuyền ra đi...

Khi đến Hán Dương, vừng kim ô đã ngã bóng xuống lòng sông, khói sóng dâng lên nghi ngút.

Bọn thủy thủ vào báo cho Bá Nha biết thuyền đã đến núi Mã Yên. Bá Nha lập tức ra đứng nơi mũi thuyền xem cùng bốn phía, nhận ra nơi đây, quả là nơi đã gặp Tử Kỳ năm trước.

Sau khi hạ lệnh cấm thuyền, Bá Nha vẫn đứng trông về phía núi Mã Yên, đỉnh núi cao hun hút, mịt mờ trong màn sương xám của hoàng hôn gọi lên một cái gì xa vắng.

Bá Nha nghĩ bụng :

— Năm ngoái vì tiếng đàn mà gặp được tri âm, năm nay ta đờn một khúc nhạc nữa hẳn Tử Kỳ nghe tiếng phải lần đến.

Tối hôm ấy, Bá Nha sai tiểu đồng lấy cây Dao cầm ra, đốt lò hương vãn phím, đem hết tinh thần nhớ nhung xây thành một khúc nhạc tâm tư. Khi đàn đờn bỗng thấy trong tiếng đờn mình có hơi ai oán nổi lên. Bá Nha thất kinh, dừng tay lại, suy nghĩ : “Cung thương có tiếng ai oán thê thảm như thế, hẳn Tử Kỳ gặp nạn lớn rồi. Sáng mai ta phải lên bờ dò hỏi mới được”.

Đêm ấy, Bá Nha nằm thẫn thức với ngọn đèn mờ, suốt canh trường không chợp mắt ; nỗi lòng nhớ nhung bồi hồi rào rạc dâng lên như nhịp sóng trầm bất tận của mặt trăng giang.

Trời chưa sáng, Bá Nha đã truyền cho đồng tử theo mình lên bờ, đem theo cây đàn và mười thẻ vàng, nhắm chân núi Mã Yên thẳng tới.

Ra khỏi triền núi, hai bên cây cối um tùm, và có mấy con đường băng ngang rất lớn ; Bá Nha không biết đi con đường nào, bèn ngồi nghỉ chân nơi một tảng đá, đợi có người nào đi ngang qua sẽ hỏi thăm.

Một lúc sau, có một ông lão tay xách giỏ mây, tay cầm gậy trúc xăm xăm đi tới.

Bá Nha cúi mình thi lễ.

Ông già thấy thế hỏi :

— Tiểu sinh có điều gì cần hỏi han chăng ?

Bá Nha cung kính đáp :

— Thưa lão trượng, trong mấy con đường này, đường nào về Tập hiền thôn ?

Ông già đáp :

— Cả hai con đường, đường nào cũng về Tập hiền thôn cả. Con đường tay phải về Thôn thượng Tập hiền, còn con đường bên trái về thôn hạ Tập hiền. Vậy tiên sinh cần đến thôn nào ?

Bá Nha hỏi :

— Thưa lão trượng, Chung Tử Kỳ ở về thôn nào ?

Vừa nghe nhắc đến ba tiếng Chung Tử Kỳ, ông già kia bỗng sa sầm nét mặt, đôi mắt sâu ngòm động đầy cả lệ, thứ lệ đặc và mặn chằm chằm tràn ra trên đôi má nhăn nheo, ông ta sụt sùi kể :

— Chung Tử Kỳ chính là con của lão. Năm ngoài cũng vào ngày này tháng này nó đi đón củi về muộn, có gặp một người nước Tấn là Bá Nha tiên sinh. Vì chỗ đồng thanh tương ứng hai người kết nghĩa anh em. Lúc ra đi, Bá Nha tiên sinh có tặng cho con tôi hai nén vàng; con tôi về nhà dùng tiền ấy mua sách đọc, bất kể giờ khắc. Vì ban ngày đón củi mệt nhọc, tối đến lại lo học hành nên chẳng bao lâu bị bệnh lao mà qua đời rồi.

Chưa kịp nói hết câu, đôi dòng nước mắt của Bá Nha đầm đìa trào ra như hai dòng suối. Bá Nha nghẹn ngào không nói được nữa lời.

Chung lão thấy thế lấy làm lạ hỏi tên tiểu đồng :

— Tiên sinh đây là ai vậy ?

Tiểu đồng đáp :

— Thưa lão trượng, đây là quan Thượng đại phu nước Tấn, Du Bá Nha đó !

Chung lão nghe nói thốt ra hai tiếng “ôi trời” rồi cũng nghẹn ngào không nói gì được nữa. Cả hai người chỉ nhìn nhau, và thông cảm nhau bằng những giọt nước mắt, hai thứ nước mắt khác nhau nhưng chảy cùng một nhịp chung nhau một mối đau đớn.

Cuối cùng, Chung lão gượng gạo thi lễ và nói :

— Mong ơn Đại nhân không chê cảnh bần tiện. Con lão lúc lâm chung có dặn, vì lúc sống không tròn được đạo làm con, lúc chết xin chôn nơi chân núi Mã Yên để trọn nghĩa tâm giao với lời ước hẹn cùng quan Đại phu nước Tấn. Vì thế theo lời trần trối, lão đã đem chôn nơi bên ven đường ở chân núi. Con đường tiên sinh đi đến, bên mặt có nắm đất con, đó là ngôi mộ của con tôi đó. Nay mới vừa đúng một trăm ngày, lão mang vàng hương đến thăm mộ, mới gặp tiên sinh ở đây.

Bá Nha lau nước mắt nói :

— Sự đời biến đổi, may rủi khó lường, nay đã đến nỗi này, tôi xin theo lão trượng đến trước mộ phần, để lạy vài lạy cho thỏa tình mong nhớ.

Nói xong, Bá Nha sai tiểu đồng xách giỏ cho Chung lão, rồi cùng nhau kẻ trước người sau, trở lại nơi chân núi.

Khi đến nơi, Bá Nha thấy nắm đất bên đường cỏ xanh chưa kín, lòng gọi lên một mối thê lương. Bá Nha vừa khóc vừa lạy, tuy miệng không nói được nửa lời mà trong lòng như đã nói tất cả nỗi hờn biệt ly.

Lạy xong, Bá Nha truyền đem cây đàn đến rồi ngồi trên một tảng đá, tấu lên một khúc nhạc “thiên thu trường hận”.

Bỗng thấy gió nhàn rít mạnh, ánh sáng u buồn, mấy tiếng chim kêu u uất vọng lên từ xa như những hồn ma bóng quế dật dờ khi say khi tỉnh.

Bản nhạc ngưng, gió ngừng thổi, trời lại sáng dần.

Bá Nha nói với Chung lão :

— Có lẽ hồn Tử Kỳ đã hiện về đó ! Chẳng hay lão bá có biết cháu đàn khúc gì đó không ?

Chung lão đáp :

— Lúc nhỏ lão cũng có biết chút ít về cầm thảo, nhưng nay tuổi đã già, tâm thần hỗn loạn không có thể phân định được khúc gì.

Bá Nha nói :

— Cháu vừa đàn khúc đoản ca để viếng người tri âm, tài hoa mệnh yếu.

Bá Nha bỗng hai tay cầm cây đàn đưa lên cao đập mạnh xuống tảng đá. Cây đàn vỡ ra từng mảnh, ngọc, phím đồng rơi rải tơi bời.

Chung lão hoảng kinh hỏi :

— Sao tiên sinh giận gì mà lại đập cây đàn đi vậy , Bá nha đọc luôn bốn câu thơ để đáp lời ông lão :

Dao cầm đập nát đau lòng phượng, Đã vắng Tử Kỳ đàn với ai ?

Gió xuân bốn mặt, bao bè bạn.

Muốn tìm tri âm, thật khó thay ! Chung lão thở dài nói :

— Chỉ vì không có người biết nghe mà kẻ đờn hay phải đành thất vọng !

Bá Nha hỏi :

— Lão bá ở thôn Tập hiền nào ?

Chung lão đáp :

— Tệ xá ở nơi thôn Tập hiền thượng, vậy mời đại nhân, nếu không chê nghèo nàn, xin đến đó nghỉ ngơi.

Bá Nha nói :

— Hạ quan xin cảm ơn lão bá, nay nếu hạ quan có trở về đó cũng chỉ gọi thêm nhiều mối nhớ nhung mà thôi. Nhân dịp hạ quan có đem theo mười nén vàng, xin dâng cho lão bá dùng một nửa trong việc cung dưỡng tuổi già, còn một nửa mua mấy mẫu ruộng để làm tự cho Tử Kỳ. Mai hạ quan về triều dâng biểu cáo quan trở về quê cũ, chừng ấy hạ quan sẽ rước bá phụ, bá mẫu về sống chung để yên hưởng những ngày tàn. Tôi tức là Tử Kỳ và Tử Kỳ cũng tức là tôi vậy.

Nói xong Bá Nha hai tay dâng mười nén vàng cho Chung lão, sụp xuống đất lạy mấy lạy rồi ra đi. Chung lão đứng nhìn theo, lòng buồn ngủi luyến ái...

Trang Tử

Cuối đời nhà Chu, tại ấp Mông, nước Tống, có một người họ Trang tên Chu, tự Tử Hưu, làm quan dưới triều nhà Chu. Trang Tử thờ vị thánh Lão Đam, vị thánh này trước tác bộ “Đạo Đức Kinh” và người đương thời tôn xưng là Lão Tử.

Trang Chu ngủ ngày thường nằm mộng thấy mình hóa bướm, bay nhõn nhõ trong không trung bèn đem việc ấy hỏi thầy.

Ông thầy đó là một vị chân nhân, thông hiểu cả vũ trụ, nên nghe xong, ông ta giảng giải :

— Nguyên thuở trời đất mới phân, âm dương vừa định, thì có một con bướm trắng hút hết tinh túy của các loài hoa, đoạt khí thiên của nhật nguyệt, tạo thành một nguyên tố trường sanh bất tử.

Con bướm trắng ấy một hôm lại đến cung Dao Trì hút nhụy hoa bàn đào của Tây Vương Mẫu, nên bị con chim thanh loan giữ vườn mổ chết, hồn dạt dờ xuống cõi trần mà đầu thai ra người đó.

Trang Chu nghe nói như tỉnh giấc chiêm bao, đầu óc cởi mở, quan niệm được những nét huyền diệu của vũ trụ, bèn đóng cửa tu hành, về sau trở thành một nhà đạo học cao siêu.

Lão Tử thấy học trò đã giác ngộ, nên đem bộ học thuyết kinh năm ngàn chữ và tất cả sở đắc của đời mình truyền lại cho Trang Tử.

Trang Chu được truyền dạy, gắng tu luyện, nên thể nhập được lẽ biến hóa của thiên nhiên, thông suốt định luật sanh khắc của ngũ hành.

Tuy theo đạo “Thanh tĩnh vô vi” nhưng Trang Chu không bỏ cái thuyết “âm dương thuần nhút” nghĩa là vũ trụ phải có âm có dương thì loài người phải có vợ có chồng.

Trang Chu lấy ba đời vợ : người thứ nhất bị bệnh chết, người thứ hai vì phạm lỗi bị bỏ, người thứ ba là họ Điền.

Trang Tử sang du lịch nước Tề, Điền Tôn là một người rất trọng học vấn, thấy Trang Tử thông minh đem lòng yêu mến gả con gái mình cho Trang Tử. Điền thị là một nàng tuyệt thế giai nhân, tuy Trang Tử không phải là người háo sắc song cũng yêu thương vợ lắm.

Thời ấy Sở vương nghe tiếng đồn Trang Tử là bậc tài danh, nên cho người đến thỉnh về triều, gia phong tước lộc, ngỗ hầu cứu dân độ thế.

Tuy nhiên, là bậc tu hành, Trang Tử đâu có thiết tha gì đến bả vinh hoa phú quý, nên từ chối ngay, và dẫn vợ về trú ngụ nơi Nam Họa Sơn thuộc địa phận Tào Châu, để sống một cuộc sống an nhàn ẩn dật.

Một hôm, thần thơ nơi sườn núi, Trang Tử gặp một thiếu phụ mặc tở đang, đang ngồi cầm cây quạt, quạt một nắm mồ mới đắp, đất chưa ráo.

Trang Tử lấy làm lạ hỏi :

— Tại sao nàng lại ngồi quạt nắm mồ ấy làm gì thế ?

Thiếu phụ đáp :

— Chồng thiếp không may chết sớm, nắm xương tàn chôn cất nơi đây. Lúc sinh tiền đang nông duyên hương lửa, chồng thiếp có dặn rằng nếu rủi ro mà chồng thiếp có mất sớm thì hãy đợi cho nắm mồ lên cỏ đã, rồi hãy tái giá. Nay chồng thiếp rủi mất mà gió mưa toi tả biết bao giờ nắm đất này khô để cho loài cỏ mọc lên được. Mà ba thu đằng đẳng; đêm xuân một khắc ngàn vàng, tiện thiếp chờ sao được ! Vì vậy thiếp mới quạt cho đất khô, để cỏ mau mọc, chừng ấy dầu thiếp có tái giá thì cũng khỏi phụ lòng người chín suối.

Trang Tử nghe dứt lời, thở ra một hơi dài não nuột, trách cho lòng người đời sớm bạc tình, và nói :

— Nếu nương nương muốn cho đất khô ngay không có gì cả. Kê bát tài này xin quạt giùm cho.

Thiếp phụ nghe nói mừng rỡ, trao chiếc quạt the cho Trang Tử.

Trang Tử vận dụng hết “bản ngã” hướng vào nắm mồ, dùng phép quạt mấy cái, nắm mồ tự nhiên khô ráo, đồng thời cỏ xanh lẫm tấp nập chồi.

Thiếu phụ mỉm cười, mặt tươi như đóa hoa buổi sáng, quỳ xuống tạ Ơn Trang Tử và nói:

— Tiện thiếp mang ơn tiên sinh rất trọng, nơi đây biết lấy gì đền ơn. Vậy xin tặng tiên sinh chiếc quạt này.

Vừa nói, thiếu phụ hai tay vừa nưng chiếc quạt lên ngang mày, rồi hớn hờ ra đi.

Trang Tử cầm cây quạt che ngấm nghĩa, lòng nao nao một nỗi buồn khó tả. Cho hay sự đời chỉ là một bức màn thừa, ân tình chỉ là một lớp vỏ che đậy những bản năng dục vọng kinh tởm của con người.

Về đến nhà, Trang Tử về mặt lạnh lùng, trước khi bước vào mái hiên, ngâm mấy câu :

Bất thị Oan gia bất tự đầu Oan gia tương tự kỷ thời hựu ?

Tảo tri tử hậu vô tình nghĩa Tựu bả sinh tiền ân ái câu.

Dịch :

Nếu chẳng oan gia đâu gặp nhau Oan gia ràng buộc được bao lâu ?

Nếu hay lúc chết không tình nghĩa Thì sống thà đừng ân ái nhau Thấy mặt chồng bước vào nhà rầu rầu, lại vừa ngâm thơ, vừa cầm cây quạt the, Điền thị ngạc nhiên hỏi :

— Tại sao chàng đi chơi về lại buồn bã như thế. Chiếc quạt kia ở đâu vậy ?

Trang Tử đem chuyện thiếu phụ quạt mồ kể lại đầu đuôi cho vợ nghe, và nói thêm rằng :

— Đây là cây quạt bạc tình, mà thiếu phụ ấy đã tặng cho ta.

Điền thị nghe chồng kể đầu đuôi nổi giận, mắng rằng :

— Cái thứ đàn bà quý sứ ấy, chồng chết nắm mồ chưa xanh cỏ đã toan bề ân ái, thật là khôn kiếp, lẽ ra thứ ấy phải giết đi rồi đem thả trôi sông để khỏi làm nhơ cho giới phụ nữ.

Trang Tử nghe vợ nói, chỉ cười không đáp, buồn bã ngâm tiếp mấy câu thơ :

Sinh tiền cá cá thuyết ái ân, Tử hậu nhân nhân dục phiến văn Họa hổ họa bì nan họa cốt, Tri nhân tri diện bất tri tâm.

Dịch :

Khi sống người người khoe ân ái Lâm chung kẻ kẻ muốn quạt mồ Vẽ cộp, vẽ da xương khó vẽ, Biết người, biết mặt, biết lòng mô ? Điền thị nghe mấy câu thơ càng thêm cău tiết, hơi giận phùng phùng, trách chồng sao lại đem những hạng đàn bà mất nết ấy mà so sánh với mình. Dễ thường tất cả đàn bà trong xã hội ai cũng thuộc vào loại đó sao ?

Trang Tử mỉm cười, nói :

— Thôi đừng có làm giận làm hờn mà chi. Tôi giả thử, nếu mai kia một nọ, rủi tôi mà có bất hạnh đi rồi, liệu đóa hoa hải đường kia đang độ phơi phới hơi xuân, có thể phong kín nhụy hương mà chờ quá hạng thiếu quang chín chục đó không ?

Điền thị cắn môi, phì cười nói :

— Nếu đã là trung thân thì không bao giờ thờ hai chúa, gái tiết trinh bất sự nhị phu. Nếu bất hạnh mà chàng có rủi ro điều gì thiếp xin cam phận đến già, chứ không bao giờ nghĩ đến những chuyện đê hèn như vậy.

Trang Tử nghe vợ nói, cười xòa tỏ ý khó tin.

Điền thị tức giận chụp cây quạt xé nát rồi nói :

— Để làm gì cái đồ phụ bạc này, nhìn thêm nhơ mắt. Chỉ có lúc chàng chết đi mới rõ bụng người đàn bà này tiết hạnh dường nào !

Trang Tử nói :

— Thôi ! nàng đừng giận dữ làm gì ! đó là ta thử lòng nàng đó thôi, nếu quả nàng có lòng trinh tiết như vậy thì còn gì quà hóa bằng.

Tuy nói thế, nhưng nét mặt Trang Tử từ đó vẫn không phai màu chán ngán !

Chẳng bao lâu, Trang Tử lâm bệnh, mỗi ngày một trầm trọng thêm. Điền thị cả ngày sùi sụt bên giường.

Một hôm, Trang Tử gọi vợ đến nói :

— Bình tôi đã nguy ngập, không thể sống được lâu, rất tiếc là cây quạt mồi không còn để nàng dùng mà quạt cho nắm mồi tôi xanh cỏ, để nàng sớm được tái giá cho khỏi tiếng tăm người đời dị nghị.

Điền thị vừa khóc vừa nói :

— Xin chàng cứ tịnh dưỡng chớ có buồn bã như thế mà tổn hại tinh thần. Thiếp là một người có học, biết chữ “Tùng nhất chi chung”, lẽ đâu lại làm được chuyện đề hèn như thế, nếu chàng không tin, thiếp xin tử tiết trước mặt chàng để chàng trông thấy tấm lòng chung thủy.

Trang Tử hỗn hển nói :

— Lòng nàng đã như thế thì dầu có nhắm mắt, tôi cũng an lòng.

Nói xong, Trang Tử tắt thở. Điền thị lăn lóc than khóc rất náo nề, bi ai, thống thiết.

Nàng mặc đồ tang, lo việc khăn liệm, quàng quan tài nơi giữa nhà để phúng điếu.

Qua mấy ngày, Điền thị khóc suốt mướt, bỏ ăn bỏ ngủ. Đến ngày thứ bảy, bỗng có một chàng thư sinh, mặt như dồi phấn, môi tựa thoa son, áo tía, quần đen, phong nghi tuấn tú, có giắt theo một người lão bộc đến tự xưng là Vương Tôn nước Sở. Ngày trước có đính ước cùng Trang Chu theo đòi học tập, nay đến nơi mới hay Trang Chu đã chết, nên Vương Tôn cảm nghĩa xin vào phúng điếu.

Điền thị phải ra tiếp kiến.

Khi Vương Tôn khóc lạy linh cữu xong, Điền thị mời Vương Tôn vào nhà khách để dùng trà.

Thấy một gã thư sinh trẻ đẹp như thế, Điền thị thoát động lòng, tuy bên ngoài giữ lễ, nhưng bên trong cũng muốn kiếm cách làm quen để tiện bề gần gũi.

Vương Tôn nói :

— Trang tiên sinh đã ra người thiên cổ, nhưng lòng ngưỡng mộ của tôi vẫn còn. Nay tiểu tử muốn xin lưu lại đây một trăm ngày, trước là trọn đạo cư tang, sau mượn sách vở của tiên sinh để học đòi được phần nào hay phần ấy.

Vớ được dịp may, Điền thị tủm tỉm cười, cung kính đáp :

— Tình nghĩa thầy trò, xin Vương Tôn đừng ngại gì cả.

Nói xong, nàng xuống bếp lo sửa soạn cơm nước đãi đằng rất hậu.

Thảo đường gồm có ba gian, gian giữa quàng linh cữu, gian bên phải Vương Tôn ở. Điền thị đêm đêm lấy cớ đến khóc chồng nhìn ngắm Vương Tôn, mắt liếc, lòng mơ, mối tình mỗi ngày một tha thiết.

Tuy nhiên, hình như có một giòng sông ngăn cách, Điền thị không biết làm sao để vượt qua bờ sông ân ái; một hôm nàng đánh liều gọi người lão bộc của Vương Tôn đến hỏi :

— Chủ nhân của ông đã có vợ con chưa ?

Người lão bộc đáp :

— Thưa phu nhân, chủ tôi lâu nay lo trau dồi kinh sử chưa có thì giờ để nghĩ đến việc đó.

Điền thị mỉm cười hỏi tiếp :

— Ông liệu xem những người đàn bà như thế nào mới hợp ý Vương Tôn ?

Người lão bộc nói :

— Mấy hôm nay chủ nhân tôi ước mong sao được có người nhan sắc như phu nhân mới vừa ý.

Điền thị không dè dặt nữa, nói thẳng :

— Ông có thể tác thành cho hai bên chúng tôi được không ?

Người lão bộc làm ra vẻ e ngại, nói :

— Điều đó chủ tôi còn gì mong ước hơn, song sợ e tiếng thầy trò, thiên hạ dị nghị chẳng?

Điền thị dẫn giải :

— Vương Tôn tuy trước kia có lời nguyện ước, song chưa từng học với chồng tôi một ngày nào thì sao gọi là nghĩa thầy trò ? Vậy ông là một người lão bộc trung thành, tôi nhờ ông giúp đỡ, nếu việc được thành công tôi sẽ trọng thưởng.

Người lão bộc tỏ ý thuận tình bước đi. Điền thị còn căn dặn theo :

— Nếu ngày nào xong việc, ông nhớ tin cho tôi biết liền đi nhé !

Một ngày trôi qua, thời khắc đối với Điền thị như dài dần đặc, trong lòng mơ ước không yên.

Sáng hôm sau, Điền thị nóng ruột quá mới gọi lão bộc đến phòng hương hỏi chuyện.

Vừa mới gặp mặt Điền thị, người lão bộc đã nói :

— Nương Tử ôi ! Công việc bất thành rồi.

Điền thị nghe nói, trong mình lạnh toát, mồ hôi rướm ướt áo, hỏi vội :

— Sao ? Sao thế ?

Lão bộc chậm rãi đáp :

— Chủ tôi nói cũng có lý. Theo người thì sắc đẹp của Nương Tử tuyệt lắm rồi, tình sư đệ cũng không đáng kể, duy chỉ có ba việc này thực là khó khăn lắm.

Điền thị nóng lòng, hỏi :

— Việc gì ? Ông cứ nói mau đi !

— Điều thứ nhất : Chiếc quan tài còn nằm nơi giữa nhà, thầy người chết chưa lạnh, nếu bàn tính đến cuộc hôn nhân e bất nghĩa lắm. Điều thứ hai : Trang tiên sinh cùng Nương Tử thuở nay ân ái đậm đà, tình chăn gối không gì thương tổn. Vả lại, Trang tiên sinh lại là một bậc tài hoa lỗi lạc, còn chủ nhân tôi, học mọn tài sơ, e không xứng đáng với Nương Tử chẳng. Điều thứ ba : chủ tôi đến đây không có mang theo tiền bạc bao nhiêu, lấy gì mà lo sính lễ. Vì các lẽ đó mà công việc không thành.

Điền thị nghe xong cười nói :

— Cả ba điều ấy rất dễ giải quyết :

Sau nhà còn một cái phòng trống, tôi sẽ thuê người khiêng cái quan tài kia đem ra để tạm sau đó.

Vong phu có gì đáng gọi là đạo đức và tài năng đâu. Trước kia đã có hai đời vợ nhưng vì dạy không được nên phải bỏ đi, thiên hạ đều cho là bạc bẽo. Sau đó Sở vương hâm mộ hư danh nên mời về làm tướng, y tự biết mình bất tài nên lánh mặt nơi thôn dã,

sống ẩn dật nơi chốn núi non. Hôm trước đây hơn một buổi dạo chơi, y có gặp một thiếu phụ quạt mờ, liền giở trò trêu hoa ghẹo nguyệt, đoạt cây quạt của thiếu phụ đem về đây. Tôi nổi giận xé chiếc quạt ấy ra từng mảnh. Ông coi đó ! như vậy mà còn tình nghĩa yêu đương gì nữa chứ !

Việc tiền bạc Vương Tôn nói đó cũng không khó khăn gì. Tôi là chủ rồi, còn ai mà đòi sinh lễ nữa. Đến như tiệc tùng thì tôi còn của cải hơn mười lượng vàng lại không đủ chi dùng sao ! Nếu Vương Tôn mà có cố tình kết tóc trăm năm với tôi thì chúng ta làm một cái lễ mọn để động phòng hoa chúc cũng đủ lắm rồi.

Nói xong Điền thị lấy vàng giao cho lão bộc đem về đưa cho Vương Tôn và hẹn đêm hôm ấy làm lễ hợp cẩn.

Tối hôm đó, Điền thị được tin Vương Tôn khứng chịu một bề, rất mừng rỡ, mượn người khiêng chiếc quan tài của Trang Tử để ra phía nhà sau, rồi thay đổi đồ tang, mặc áo gấm, quần hồng, thắt hoa, kết lá trước thảo đường muôn màu sắc sỡ.

Sửa soạn xong, Điền thị ngồi chờ Vương Tôn đến.

Mãi đến quá 9 giờ đêm, Vương Tôn mới qua thảo đường. Điền thị nóng lòng như đốt, đôi mắt long lanh, hai má ửng hồng, nhìn Vương Tôn khôi ngô tuấn tú, trong chiếc áo cẩm bào màu lục.

Hai người làm lễ xong, men rượu hiệp cẩn nuốt chưa trôi qua nửa cổ, Điền thị phút động hương tình, dục Vương Tôn vào phòng nghỉ sớm...

Bỗng Vương Tôn mặt mày nhăn nhó, chàng lăn dưới đất la ôi ôi. Không rõ việc gì, Điền thị hoảng kinh đến ôm Vương Tôn vào lòng.

Người lão bộc nghe tiếng chạy đến, thấy vậy nói với Điền thị :

— Chủ tôi trở lại bệnh đau bụng trước kia rồi đó. Bệnh này thì không có thuốc nào chữa nổi, chỉ trừ có được một vật ấy mà thôi.

Điền thị lo lắng hỏi :

— Vật gì thế ?

Người lão bộc giải thích :

— Trước kia, bình nhật cứ mỗi lần bệnh ấy phát lên thì vua nước Sở phải giết một tù nhân, lấy bộ Óc ngâm rượu cho Vương Tôn uống thì khỏi ngay. Nay bệnh ấy tái phát mà ở nơi chốn sơn lâm cùng cốc này tìm đâu ra được thứ đó, chắc là chủ tôi phải chết mà thôi.

Điền thị sốt ruột hỏi :

— Thế thì óc của người chết có dùng được hay không ?

Người lão bộc nói :

— Người chết chưa quá một trăm ngày thì bộ Óc vẫn dùng làm thuốc ấy được. Trước kia tôi có nghe quan Thái y nói như vậy.

Điền thị hớn hờ nói :

— Vong phu chết chưa quá hai mươi ngày, vậy thì ta nạy quan tài mà lấy vật ấy.

Người lão bộc làm ra vẻ ngần ngại nói :

— Chỉ sợ Nương Tử không nỡ làm như thế.

Điền thị bủ môi nói :

— Ta cùng Vương Tôn kết nghĩa đá vàng, cho đến rằng long bạc đầu, thân của ta còn không tiếc, huống chi một nắm xương tàn kia mà ăn nhằm vào đâu.

Nói xong, Điền thị gởi gắm cho người lão bộc ở lại săn sóc Vương Tôn, còn mình thì chạy thẳng xuống nhà dưới tay cầm một cây búa, tay nắm một con dao mò sang bên phòng có để linh cữu của chồng.

Vừa đến nơi, Điền thị không cần nghĩ ngợi gì nữa cả, hai tay hươi búa bổ vào quan tài mấy cái, nắp quan tài bật tung ra. Bên trong nghe có tiếng rên rồi bỗng thấy Trang Tử lồm cồm ngồi dậy.

Điền thị hoảng kinh, đứng cứng ngắt như trời trồng, hai tay rụng rời, rơi lưỡi búa và con dao xuống đất.

Trang Tử nói :

— May phước nhà ta, trời không nỡ để tuyệt mạng, tôi chết đã hơn mười ngày mà còn sống lại được, vậy thì chúng ta cùng về phòng nói chuyện cho vui.

Trang Tử đi trước, Điền thị nối gót theo sau, mồ hôi toát ra như tắm, da mặt cắt không còn chút máu, chỉ sợ về đến phòng gặp người lão bộc và Vương Tôn ở đó nàng sẽ không biết nói làm sao với chồng.

Chưa tìm được lời lẽ nào để nói dối, thì hai người đã đến nơi. May thay, người lão Bộc và Vương Tôn lại biến đi đâu mất.

Điền thị vững lòng, lấy hết can đảm nói :

— Từ hôm phu quân mất đến nay, suốt ngày đêm tôi khóc mãi, không ăn, không ngủ gì được cả. Bỗng nghe trong quan tài có tiếng rên, tôi sực nhớ đến cổ nhân có chuyện hoàn hồn nên vội vã bửa nắp quan tài để xem chàng có sống lại chăng !!!

Trang Tử mỉm cười nói :

— Phu nhân có lòng như vậy, ta rất cảm ơn, song ta chết chưa quá hai mươi ngày, lẽ ra phải cư tang thủ tiết, chứ sao lại mặc áo tía quần hồng làm gì vậy ?

Điền thị không biết nói sao, đành làm lơ, dờ dờ vuốt ve hàng ngày để làm cho phai sự bền lén của mình. Thôi thì mất liếc, miệng cười, đủ trò nghệ thuật.

Trang Tử chỉ cười, và cũng chỉ biết cười thôi, chứ không còn nói được lời nào nữa. Sai lấy rượu uống, uống đến say mềm, rồi trèo lên giường ngủ, rồi lại chọt dậy lấy bút viết :

Tòng tư liễu khước oan gia trái, Nhĩ ái chi thời... ngã bất ái.

Nhược kim nhĩ tố phu thê, Phạ nhĩ phủ phách thiên linh cái !...

Dịch :

Từ đây nguyệt đứt dây oan trái, Người yêu ta lắm... ta tê tái Nay dầu giữ mãi nghĩa phu thê, Búa kia sẽ bửa đầu ta bể !... Điền thị nghe xong bốn câu thơ then đổ mặt lòng như chết điếng, chưa kịp biện bạch lời nào thì Trang Tử đã ngâm bồi thêm bốn câu thơ nữa :

Phu thê bách nhật hữu hà ân ?

Kiến liễu tân nhân vong cựu nhân !

Phủ đắc cái quan tao phủ phách, Như hà đẳng đãi phiến can phần ?

Dịch :

Trăm ngày tình nghĩa có gì ơn ?

Được mối duyên tình cạm nghĩa nhờn !

Nhất bữa nọ quan còn thấy đó, So người quạt mộ, gái nào hơn ? Ngâm dứt bốn câu thơ, Trang Tử nói với Điền thị :

— Để ta gọi thầy trò Vương Tôn đến đây cho phu nhân xem nhé !

Liền lúc đó, ngoài cửa quả có Vương Tôn và người lão bộc thấp thoáng trước rèm, bên trong Trang Tử lại biến đi đâu mất. Điền thị biết chồng mình hóa phép để thử lòng mình, nên quá hồ thẹn, thất cổ mà chết.

Trang Tử đem thầy vợ xuống, đặt vào chiếc quan tài bị phá vỡ rồi lấy chiếc chậu vàng vừa gõ vừa ca :

Ngã tai, nhĩ nhọa khẩu :

Ngã tử nhĩ bất giá Thê bị tha nhân hữu Ngã bị tha nhân khóa Ngã nhược chân cá tử, Nhất trường đại tiểu thoại Dịch :

Ta sống nằng khỏe khoan Có chết nguyện thủ tiết Nhưng rồi lại thay chồng Ngựa hồng người khác cỡi Nếu mà ta chết thực Trò cười thật mỉa mai ! Ca xong đập vỡ cái chậu, rồi nổi lửa đốt ngôi nhà. Tất cả đều cháy rụi. Từ đó Trang Tử ngao du trong thiên hạ, sớm chiều bạn với trăng sao, cây cỏ, chán cái mời tục lụy nên chân hồ hải với hai bộ kinh “Đạo Đức” và “Nam Hoa” truyền cho những người hiểu học sau này.

Tô Tiểu Muội

Tại Châu Mi, thuộc Tứ Xuyên có một người họ Tô tên Tuấn, tự là Minh Doãn biệt hiệu là Lão Tuyền. Ông ta là một nhà thông thái, có tiếng là học giỏi cho nên được người thời đó kính trọng và tôn là Lão Tô.

Lão Tô sinh được ba con, hai trai, một gái.

Đứa con trai lớn là Đại Tô, tên Thức, tự Tử Chiêm, biệt hiệu là Đông Pha. Đứa con trai kế là Tiểu Tô, tên Triệt, tự Tử Do, biệt hiệu là Dĩnh Tấn. Cả hai đều nổi tiếng hay chữ, kinh luân nặng túi, thi phú đầy lòng. Anh em cùng đậu Tiến sĩ một khoa làm đến chức Hàn lâm học sĩ, nổi tiếng nơi triều đình.

Còn người con gái, tuy phận liễu bồ, song chữ nghĩa cũng không kém.

Nàng tên là Tiểu Muội, tánh hay đọc, làm thơ, ngoài ra không còn dự vào công việc gì khác cả.

Năm Tiểu Muội lên 16, Lão Tô cố kén rể đông sàng, nhưng lựa mãi mà không có ai đáng mặt làm chồng cái cô nữ thi sĩ ấy.

Bỗng một hôm, Tể tướng Kinh quốc công Vương An Thanh sai người mời Lão Tô sang dinh để uống rượu chơi.

An Thanh là một người nổi tiếng bậc đại hiền song có tánh kỳ dị, hàng tháng không rửa mặt, giặt áo, do đó Lão Tô cho là một kẻ “bất cận nhân tình” và đoán rằng lão này lúc đắc ý sẽ trở nên một gian thần phản quốc. Vì thế Lão Tô đã từng viết quyển “Biệt gian luận” để châm biếm.

Lão An Thanh vẫn nuôi hận trong lòng, chờ cơn trả oán, nhưng về sau thấy hai đứa con của Lão Tô đều đỗ tiến sĩ, làm đến chức Hàn lâm học sĩ nên đổi oán thành thân.

Còn Lão Tô, thấy An Thanh nắm trong tay trọng quyền, nếu gây chuyện sợ hại đến đường tiến thủ của hai con mình nên cũng làm lành trong việc giao du.

Hôm ấy Lão Tô đến dinh. Tô Thanh hai người đang đối ẩm với nhau rất tương đắc, thì An Thanh khoe rằng ông ta có một đứa con trai, đọc sách chỉ đọc qua một lần đã thuộc lòng ngay.

Lão Tô đang lúc hứng chí, không nín được bèn nói :

— Hai đứa con trai tôi cho việc ấy là thường sự, cả đến đứa con gái tôi, coi qua một lần sách vở đều nhớ không sót một chữ nào.

An Thanh nghe nói mặt buồn dầu dầu nghĩ rằng :

— Như vậy tức là bao nhiêu tú ký My Sơn đã ung đúc vào nhà họ Tô cả.

Tô lão nói lờ lờ, trong lòng cũng hối hận, nên nói thêm qua loa vài câu nữa rồi cáo biệt ra về.

An Thanh sai tiểu đồng vào phòng học công tử lấy một quyển vở, thân đệ đến trước mặt Lão Tô nói :

— Đây là bài của cháu nó học, vậy hiền đại nhân chấm xem nếu có chỗ nào sơ suất phiên đại nhân chỉ bảo cho.

Tô Lão không từ chối, cất tập vở vào tay áo rồi ra về.

Về đến nhà ông ta cởi áo vào phòng ngủ khì. Khi tỉnh rượu mới sực nhớ đến câu chuyện ấy, và nghĩ rằng :

— An Thanh đưa vở của con trai y cho ta chấm, như thế là có ý cầu thân. Nhưng làm thân với người ta không muốn thực là một tai hại.

Tuy nghĩ thế, Tô Lão cũng lấy vở ra xem, quả trong đó văn chương tuyệt tác, thật là một đáng tài hoa.

Phúc động lòng vài tài năng, Tô Lão nảy ra một ý kiến, muốn thử lòng đứa con gái mình xem sao, bèn kêu a hườn đến bảo :

— Bài vở này của một chàng trai trình đệ ta phê chấm, nhưng ta bận việc, đưa nhờ tiểu thư của mi duyệt xem, xem xong phê vào đó rồi mang ra đây ngay.

Vừa nói, Tô Lão vừa rọc bỏ cái tên Vương Nu trên mặt sổ, rồi trao cho a hườn.

Liễu hoàn, tên con a hườn của Tiểu Muội, cầm vở đi thẳng vào phòng thuật lại đúng như lời Tô Lão đã dặn.

Tô Tiểu Muội, tay cầm bút son, chấm phá một lúc rồi than rằng :

— Văn chương tuyệt tác song tú khí phát tiết đến tận cùng, e khó bề mà trường cửu.

Bèn cầm bút son phê trên mặt quyển :

— Tài này dùng để chiếm đoạt cao khoa có thừa xong hưởng tuổi trời chẳng đủ.

Tiểu Muội phê xong giao cho Liễu Hoàn kính trình thân phụ.

Tô Lão thoáng thấy lời phê của con gái mình, thất kinh, nói :

— Lời phê thế này nếu An Thanh mà trông thấy thì bất tiện lắm.

Nghĩ đi nghĩ lại, Tô Lão xé mặt quyển, đổi giấy, và viết lại một câu để làm vừa lòng An Thanh, rồi cho gia đình đem sang nhà trả lại.

Chiều hôm sau, có một sai quan của Vương phủ đến thưa rằng :

— An tướng công, vì một tài đức của Tiểu thơ, nên cho tôi đến đây cạy lời mai mối, chẳng biết tôn ý ra sao ?

Tô Lão lựa lời từ chối khéo :

— Tướng phủ hạ cố cầu thân, tôi đâu chẳng dám tuân lời, song tiện nữ của tôi tài sơ, trí thiển, lại xấu xa, không xứng đáng với công tử đâu.

Sai quan về bẩm lại. An Thanh thấy mặt quyền đã đổi giấy, lại từ chối như thế, trong lòng không vui, song cũng bỏ qua câu chuyện hôn nhân.

Trong thời đó, ai ai cũng biết rằng nhà họ Tô, anh em trong nhà hay dùng văn chương thi phú mà trêu ghẹo lẫn nhau, cái tiếng ấy vang dội khắp cả vùng đều biết tiếng.

Ví dụ như Đông Pha râu rậm, Tiểu Muội nhạo rằng :

Khẩu đốc kỷ hồi vô mịch xứ, Hốt văn mao là hữu thanh truyền Dịch :

Mồm mép nơi đâu không thấy rõ Bổng nhiên râu vểng tiếng truyền ra Tiểu Muội trán dô, Đông Pha nhạo lại rằng :

Vị xuất đồng trung tam ngũ bộ, Ngạnh đầu trên đảo họa đường tiền Dịch :

Trong sân chưa quá năm ba bước Trước cổng đã nhô chiếc trán dô Tô Đông Pha mặt dài, Tiểu Muội nhạo rằng :

Khứ niên nhất điểm tương tư lệ, Chí kim lưu bất đáo tư liên Dịch :

Giọt lệ tương tư xưa chảy mãi Đến nay gò má vẫn chưa qua Tiểu Muội mắt sâu, Đông Pha nhạo lại :

Kỷ hồi thức lệ thâm nan đảo Lưu thuốc uống dương lưỡng đạo truyền Dịch :

Mắt sâu lệ chảy lau không tới Linh láng đôi giòng mãi chẳng thôi Các sĩ phu hay được tin Tướng công An Thanh cầu hôn bất thành nên tấp nập đem văn đến cửa nhà họ Tô bán rao ầm ĩ.

Tô Lão truyền bắt bọn cầu thân xuất tỉnh văn bài đệ cho Tiểu Muội tự ý lựa chọn người chồng là tướng.

Trong số bài vở rất đông, nhưng chỉ có một quyền Tô Tiểu Muội phê :

— Ngày nay tuy tú tài ngày kia sẽ học sĩ. Rất tiếc hai Tô đồng thời nếu không hoàng bàng một thưở.

Tô Lão xem quyền, biết con gái mình vừa ý, bèn dỡ bìa quyền ấy xem thấy đề tên Tú tài Tàn Quán.

Tô Lão lập tức truyền cho bọn gia nhân, hễ thấy tên Tàn Quán đến thì mời vào.

Nhưng khôn thay, cái gã Tàn Quán kia người quận Cao Đưu đất Dương Châu — tuy tài cao học rộng — cũng theo đòi thiên hạ, đem ngọc bán rao, song lại sợ tổn thương đến danh dự nên không cùng với mọi người đến ngưỡng cửa họ Tô chào chực.

Tô lão thấy Tàn Quán không đến, đành sai người đến ngõ sở tìm đón.

Tàn Quán tuy trong lòng hí hửng muốn chọc ghẹo khách anh tài, nghe Tô Tiểu Muội tiếng tăm lừng lẫy, cũng muốn được cầu thân, song chưa thấy được dung nhan, lại nghe đồn trán nàng cao như núi, mắt thăm tợ sông, trong lòng cũng ngán ngán, muốn kiếm dịp nào để gặp mặt, coi hơn thiệt thế nào rồi sẽ định.

Vừa lúc ấy chàng lại nghe tin đúng ngày mùng một tháng hai Tiểu Muội đến chùa dâng lễ.

Thế là dịp tốt. Ngày hôm đó thấy Tần Quán dậy thật sớm, ăn mặc nâu sòng, trá hình một tăng sĩ du phương, cổ đeo chuỗi hạt, đầu thắt khăn vải.

Trông vào gương, chàng ta mỉm cười tự nghĩ :

— Nếu mình đi tu thật thì chắc làm cho các bà vãi si mê không ít.

Chàng ta lấy làm tự đắc cho sắc đẹp của mình, ung dung bước đến chùa Đông Nhạc.

Giữa lúc đó, kiệu hoa của Tiểu Muội cũng vừa đi đến. Tần Quán trông thấy nàng, tuy mặt nàng không phải bức “chìm đáy nước cá lơ đờ lặn, linh da trời nhận ngấn ngơ sa”, nhưng chứa đựng một cái gì uy nghi, đoan chính.

Muốn thử chút tài năng, Tần Quán đứng đợi dâng hương xong, mới bước đến nói :

— Tiểu thư hữu phúc, hữu thọ, nguyện phát từ bi... (Tiểu thư có phúc, có thọ, xin mở lòng từ bi).

Biết chàng trai kia có ý gheo mình, Tô Tiểu Muội nói lời đáp :

— Đạo nhân hà đức, hà năng cảm cầu bồ thí ? (Đạo nhân có đức, có tài gì mà dám xin bồ thí ?) Tần Quán nói tiếp :

— Nguyên tiểu thư, thân như được thụ, bách bệnh bất sinh... (Cầu chúc tiểu thư mình như cây thuốc, trăm bệnh không sinh).

Tiểu Muội vừa bước đi, vừa quay đầu lại đáp :

— Tùy đạo nhân khâu thổ liên hoa, bán văn vô cả (Dù đạo nhân miệng nở hoa sen, nửa đồng không có).

Tần Quán nói thêm :

— Tiểu nương tử nhất thiên hoan hỷ, như hà triết thủ bảo sơn ? (Tiểu nương tử một trời hoan hỉ, tại sao lại khép non vàng ?) Tiểu muội bồi thêm một câu :

— Phong đạo nhân điểm địa tham si, ma đắc tùy thân kim huyết (Phong đạo nhân lấp đất tham si, đâu được thân vào hang bạc).

Đáp xong câu ấy, Tiểu Muội bước lên kiệu.

Các nhà sư trong chùa đi theo đưa Tiểu Muội được nghe các lời đối đáp ấy, lấy làm lạ, chẳng hiểu tên đạo nhân nào, từ đâu đến mà lại sỗ sàng như vậy.

Vừa định quay lại để trách cứ thì tên đồng tử đến bên người đạo nhân kia, kính cẩn nói :

— Xin công tử về nhà thay áo.

Chờ người đạo nhân đi khỏi, người giữ chùa hỏi nhỏ đồng tử :

— Người đó là ai thế ?

Đồng tử đáp :

— Đó là công tử Tần Quán, tự là Thiệu Du, một danh tài ở đất Dương Châu, ai ai mà chẳng biết...

Người giữ chùa nghe nói thất kinh, đem chuyện ấy thuật lại với một người trong chùa. Và chẳng bao lâu, tiếng ấy đồn khắp đó đây.

Thiếu Du thấy nhan sắc Tiểu Muội không đẹp nhưng mặn mà, đem lòng kính mến, liền đến nhà Tô Lão để cầu thân.

Tô Lão nhận lời. Thiếu Du lập tức đem nạp đồ sính lễ.

Lúc bấy giờ, vào đầu tháng hai. Tần Thiếu Du nóng thành hôn, nhưng Tiểu Muội xem văn, đoán biết khoa thi này, thế nào Thiếu Du cũng đậu tiến sĩ, muốn rằng vị tân lang của mình, ít ra ngày hợp cẩn cũng có bảo gấm hia thêu, nên thưa với Tô Lão xin hoãn cuộc thành hôn lại đã.

Kịp đến mồng ba tháng ba, triều đình mở khoa thi kén chọn nhân tài, Tần Thiếu Du quả nhiên thi đậu, bằng vàng đề tên.

Khoa thi đã đỗ, Tần Quán lại càng nóng lòng cưới vợ, vội vã đến xin làm lễ cưới ngay ngày hôm ấy.

Tô Lão thấy chàng rể mình quá bồn bực, cười xòa, và nói :

— Ngày hôm nay yết bằng ất là ngày lành, vậy ta cho nghĩa tế thành hôn tại tệt xá trong đêm nay có được chăng ?

Còn gì mừng rỡ hơn nữa. Tần Thiếu Du lạy tạ đền ơn...

Đêm ấy trời trăng vẫn vặc, bầu trời trong suốt, gieo vào lòng người một tâm hồn man mác, như muốn giúp cho đôi tình nhân văn học một nguồn cảm giác xa xôi.

Sau khi dự tiệc, Thiếu Du toan bước vào động đào để xem hoa nở, thì thấy cửa phòng tiểu thư đóng kín, trước cửa có để một bàn án nhỏ, đủ cả văn phòng từ bửu, lại có thêm ba phong thơ và ba cái chén : một chén ngọc, một chén vàng, và một chén bằng sứ.

Thấy con Liễu Hoàn đứng lấp ló, Tần công tử tưởng nó chực mở cửa cho mình, bèn nói :

— Vào báo cho tiểu thư biết, tân lang đã đến sao không chịu ra mở cửa ?

Liễu Hoàn cung kính đáp :

— Tiệm tỳ tuân lệnh tiểu thư ra đây để nhắc cho công tử rõ ràng trên án thư có ba đề mục, nếu đáp trúng cả ba, tôi xin mở cửa ngay.

Thiếu Du nói :

— Ba cái chén ấy dùng đựng gì thế ?

Nữ tỳ đáp :

— Chén ngọc đựng rượu, chén vàng đựng trà, chén sứ đựng nước lã. Nếu trúng cả ba đề mục tôi sẽ dùng chén ngọc dâng ba lần rượu trước khi mở cửa vào phòng ; nếu chỉ đáp trúng

hai đề mục thì tôi dùng chén trà dâng một chén nước để công tử giải khát, chờ đến đêm mai sẽ lại ; còn nếu đáp trúng một đề mục thì tôi sẽ dâng cho công tử một chén nước lã và phạt ở ngoài hiên đọc sách ba tháng.

Thiếu Du nghe xong, trong lòng hậm hực, nhưng không biết phải làm sao, chẳng lẽ từ chối cuộc chơi ấy thì còn gì là một trượng phu, nên gượng cười đáp :

— Nơi chốn trường thi, ngàn vạn anh tài tranh đoạt, thế mà ta còn chưa sợ thay, huống chi ở đây chỉ là một đề thi thử thách, đâu có đáng kể !

Liễu Hoàn cũng không vừa, nghe Tần Quán tự phụ như vậy, vội nói ngay :

— Tiểu thơ của tôi không thể ví với các khảo quan, chỉ lời những sáo cũ ra mà lờn thí sinh. Ở đây có ba đề mục. Thứ nhất là bốn câu, công tử phải trả lời bằng 4 câu thơ ẩn nghĩa của bài thơ xướng là đúng. Thứ hai cũng là bốn câu thơ, trong đó có bốn danh nhân thời cổ, công tử biết đặt bốn tên ấy, mà trả lời thì đúng. Thứ ba, đề tài này dễ hơn, công tử chỉ phải đối một vế câu đối bảy chữ mà thôi.

Nói xong, Liễu Hoàn kính cẩn dâng cho Tần Quán một phong thư. Tần Quán bóc thư ra, thấy bốn câu thơ viết trên một tờ hoa tiên.

Đồng thiết đầu hồng đã lâu nghĩ thương phần tường Âm dương vô nhị là Thiên địa ngã trung ương...

Đồng thiết quận lò lớn : ẩn nghĩa chữ “hóa” Ong kiến lên tường vôi : ẩn nghĩa chữ “duyên” Âm dương không hai đường : ẩn nghĩa chữ “đạo” Giữa trời đất có ta : ẩn nghĩa chữ “nhân” Thiếu Du xem xong mỉm cười và nghĩ thầm :

— Theo người khác thì khó thực, nhưng ta, ta là người đã giả đạo nhân để ghẹo nàng trước kia, nay nàng lại làm một đề thơ có hàm ý chữ “hóa duyên đạo nhân” thì chẳng khó khăn gì, ý nàng muốn trêu ta về câu chuyện ở chùa hôm nọ.

Nghĩ xong, bèn lấy bút viết bài thơ trả lời :

Hóa công hà ý bả xuân thôi Duyên đào danh vên hoa tự khai Đạo thị xuân phong chân hữu chu?

Nhân nhân bất cảm thương hoa đài Dịch :

Hóa công sao khéo giục xuân hoài Duyên đến vườn thơm hoa tự khai Đạo ấy, giờ xuân đà có chu?

Nhân nhân, ai dám tới hoa đài

Liễu Hoàn thấy Thiếu Du viết xong, vội vã tiếp lấy đem vào trình cho Tiểu Muội.

Tiểu Muội xem qua mỉm cười nói :

— “Hóa duyên đạo nhân” ý ! ra cũng giỏi đấy.

Thiếu Du lại giở phong bì thứ hai, thấy trong đó cũng một bài thơ đề :

Cường gia thắng tổ hữu thi vi Tạc bích thâm quang dạ độc thư Phùng tuyến lộ trung thường ức mẫu Lão ông chung nhật ý môn lưu

Dịch :

Con lại hơn cha chẳng kể bì, Dục tường mượn sáng đọc bài thi Vá may buồn bã thường trông me.

Tựa cửa lão ông đợi suốt ngày Câu “Cường gia thắng tổ” nghĩa là “Tôn Quyền” “Tạc bích thâm quang” nghĩa là “Khổng Minh” “Thường ức mẫu” nghĩa là “Tử Tư” “Lão ông tựa cửa” nghĩa là “Thái Công Vọng” Thiếu Du xem xong lấy bút đèn liền bốn tên ấy với những lời chú giải.

Liễu Hoàn lại tiếp lấy đem vào dâng cho Tiểu Muội xem, Tiểu Muội cũng chắc lưỡi khen thầm.

Đã trả lời được hai đề thi khó khăn rồi, bây giờ đến đề thi thứ ba là một câu đối. Thiếu Du thở ra khoan khoái, tưởng chừng như mình sắp được vào phòng rồi, mặt mày hơn hớn, bóc đề bài thứ ba ra xem; trong ấy viết :

Bế môn, suy xuất song tiền nguyệt Khi mới đọc xong, Thiếu Du cho là một vế đối rất dễ, nhưng lòng anh chàng lúc này đã quá nóng nảy, ý tứ không còn tập trung nữa, tâm hồn như đang lạc loài trong cõi mộng thần tiên, thành thử nghĩ hoài mà không ra ý.

Giữa lúc đó Đông Pha chưa ngủ, biết rằng đêm hợp cần thế nào đưa em gái mình cũng “chơi ác” để làm khốn vị tân lang, bèn đến gần khuê phòng nghe ngóng. Vừa đến nơi, thấy Thiếu Du chấp tay thơ thẩn mãi trong sân, miệng lẩm bẩm câu :

Bế môn, suy xuất song tiền nguyệt Đông Pha mỉm cười, tự bảo :

— Đúng rồi ! Cô em gái mình đang đưa vế đối ấy để làm khó dễ vị tân lang của hấn ; ý muốn giúp đỡ cho Thiếu Du một chút cho xong chuyện, xong sợ Thiếu Du tự ái, chẳng biết phải làm sao. Đông Pha suy nghĩ một lúc rồi lượm một hòn đá nhỏ ném vào mặt hồ gần đấy.

Nước trong hồ đang im lìm trong giấc ngủ, bỗng cau mày, vầng trăng tan rã ra từng mảnh, nước bắn vào mặt Thiếu Du.

Như chiêm bao sực tỉnh, Thiếu Du hội ý, chạy vào án thư cầm bút đối rằng :

Đầu thạch xung khai tỉnh để thiên (Ném đá vỡ trời tung đáy nước) Để đối với câu của Tiểu Muội :

Bế môn suy xuất song tiền nguyệt (Đóng cửa đèn trăng ra trước sân) Liễu Hoàn vừa nạp bài thi chót vào cho Tiểu Muội chưa bao lâu, thì bỗng “kẹt” một tiếng, cánh cửa “động đào” mở rộng, một tên tùy nữ từ bên trong bước ra, tay dâng chén ngọc đầy rượu và nói :

— Thật là một đáng tài hoa. Tiểu thơ tôi xin mời công tử cạn ba chén.

Thiếu Du đắc ý uống liền. Uống xong, bên trong lại có hai con tùy nữ khác bước ra, kính cẩn đưa chàng vào phòng huê chúc.

Mối tình giai nhân tài tử thắm thía vô cùng...

Một thời gian sau, vì tài năng lừng lẫy, Thiếu Du được triều đình bổ nhậm đến chức Hàn Lâm học sĩ. Còn Tô Tiểu Muội thanh danh càng ngày càng lừng lẫy, được Hoàng thái hậu mời vào cung để xướng họa suốt ngày đêm.

Về sau, Tiểu Muội mất sớm, Thiếu Du thương tiếc quá, không tục huyền, giữ mãi mối tình thơ, gói trong niềm ân ái, đến chết vẫn chưa phai.

Tả Bá Dao

Cuối đời Xuân Thu Chiến Quốc, nước Tàu loạn lạc, gần bốn mươi chư hầu lăm le thôn tính lẫn nhau. Vua Nguyên Vương nước Sở là người trọng đạo, sùng nho, muốn khôi phục sự hùng cường cho đất nước và chiếm lại những đất đai đã bị mất để chống đối với nước Tần tàn bạo.

Thuở ấy, tại núi Tích Thạch, thuộc xứ Tây Phương, có một vị ẩn sĩ, họ Tả, tên Bá Dao, tuy mồ côi cha mẹ, song có chí học hành, nên sớm trở thành một người có tài trị thế an bang.

Đã gần bốn mươi tuổi, Tả Bá Dao không chịu ra làm quan, nay nghe Nguyên Vương nước Sở mến nghĩa cầu hiền, đem lòng hoài bảo thi thố tài năng của mình.

Ông ta lần đến kinh đô nước Sở để yết kiến.

Khi đi đến xứ Ung, gặp lúc trời mưa tuyết đổ dầm dề, đường sá trơn trượt, mình mấy ướt dầm, không thể đi được nữa, nên phải tìm nơi tạm trú.

Lần mò mãi quanh chân núi, bốn bề đều vắng tanh không có một nhà cửa làng mạc nào cả. Trong cơn bối rối, màn đêm lại rủ xuống, gió lạnh rít từng cơn. May thay, trước mặt xa, trông thấy lấp loáng một ánh đèn, Tả Bá Dao lần đến thấy một ngôi nhà cỏ, bốn bề phủ một giậu trúc, trông có vẻ thanh cao và u nhã.

Bá Dao bước vào gõ cửa, bên trong chủ nhân ra mở cửa, và mời vào.

Nhà tuy chật hẹp, song rất sạch sẽ, ngăn nắp; giữa nhà kê một chiếc giường mây, trên treo mấy bức họa thời cổ, chung quanh chất đầy sách vở.

Biết là nhà của một nho sĩ ẩn dật, Bá Đa cúi chào và nói :

— Tiểu sinh là người Tây Phương, tên Tả Bá Dao, định sang nước Sở, chẳng may giữa đường gặp nước dầm, tuyết lạnh, vậy xin tiên sinh cho tá túc một đêm.

Chủ nhân lễ mễ đáp :

— Ngài không chê tệ xá mà đến đây thực là quà hóa lắm.

Nói xong, tìm trúc đốt lửa lên cho ấm và sửa soạn cơm, rượu dọn lên đãi khách.

Trong lúc ăn uống, Bá Dao hỏi họ tên thì chủ nhân đáp :

— Tiểu sinh họ Dương, tên Dốc Ai, ham việc sách đèn, nay may gặp tiên sinh hạ cố đến đây thực là may mắn lắm !

Bá Dao nói :

— Trong cơn mưa dầm tuyết đổ, được tiên sinh cho tạm trú, lại ân cần thiết đãi như vậy, ơn ấy ngàn ngày không quên !

Đêm ấy hai người nằm gác chân nhau chuyện trò vui vẻ đem hết tài năng kinh lược ra bàn với nhau, tâm tình mỗi lúc một thêm khẩn khít.

Sáng hôm sau, mưa tuyết vẫn dằng dai không ngớt, Dốc Ai cảm Bá Dao lại không cho lên đường.

Bá Dao nóng lòng nói :

— Nay Nguyên Vương nước Sở chiêu đãi hiền sĩ, tôi tính xuống đó để lập công, còn hiền đệ có tài đồ vương định bá sao không đi cùng tôi xuống đó để lập nghiệp, lại sống ẩn dật nơi đây làm gì cho uống đời tài hoa như thế ?

Tuy Dốc Ai lâu nay vẫn tính sống cảnh thanh nhàn, nhưng nay trước thâm tình không nỡ từ chối bèn sửa soạn hành trang cùng đi.

Đường xá xa xuôi dẫu vội, lại gặp lúc trời mưa mỗi lúc một thêm, phần thì cả hai người lâu nay sống trong cảnh nghèo nàn thanh đạm, hành là không có bao nhiêu, chỉ dồn vào một bao thay phiên nhau mà vác.

Gió càng ngày càng thổi mạnh, mưa mỗi lúc một thêm, bầu trời lạnh lẽo rủ xuống một màu trắng đục như một màu tang chim trong cảnh hoang vu quạnh quẽ.

Qua khỏi vùng núi Lương Sơn, đường sá lại càng gay go hơn nữa.

Hỏi thăm thổ dân họ cho biết rằng con đường này, hơn trăm dặm đều là núi sâu, rừng rậm, các thú dữ đi từng đoàn khó mà vượt qua khỏi.

Hai người nhìn nhau thở ra, tuy không ai nói với ai câu gì, nhưng lòng mỗi người đều lo lắng.

Bá Dao nói :

— Xưa nay sống thác đều có số mệnh, chúng ta đi đến đây chẳng lẽ trở về. Người anh hùng phải tìm cái sống trong cái chết !...

Đến một ngày kia, núi rừng u tịch, đường sá tuyết đọng trắng phau, lương thực trong hồ bao đã gần cạn, sức người có hạn làm sao chống lại với thiên nhiên trong cảnh nguy nan.

Tả Bá Dao nói với Dốc Ai :

— Tôi nghĩ từ đây phải đi qua hơn trăm dặm trên con đường núi vắng vẻ, không có làng mạc nhà cửa. Tính số lương thực thì một người đi may ra tới nước Sở được. Vậy ta trao lương thực và áo quần cho hiền đệ cố gắng mà đi. Còn ta, ta đã kiệt sức rồi, đành nằm chết ở nơi đây, đợi hiền đệ về đến kinh đô nước Sở, bái yết xong sẽ trở về đây đắp một cho ta cũng được.

Dốc ai nghe Bá Dao nói đau lòng, đáp :

— Chúng ta đã kết nhau làm anh em, thì sống thác có nhau, sao hiền huynh lại nghĩ như thế ?

Bá Dao nói :

— Nếu như thế rồi đây chúng ta sẽ bỏ thây cả hai nơi chốn rừng thâm này phỏng có ích gì không ?

Dốc Ai nhất thiết không chịu, thấy Bá Dao có vẻ hơi mệt nhọc, bèn dìu bạn đến một gốc cây dâu bên mé đường, bẻ cành khô đốt lên để sưởi lửa cho ấm.

Thấy lửa đã gần tàn, và tuyết vẫn rơi như đổ, Dốc ai vội vả rảo bước quanh vùng để kiểm thêm củ khô đem về đốt.

Vừa mới về đến nơi, thấy Bá Dao cởi bỏ hết quần áo, nằm chèo queo, Dốc Ai thất kinh hỏi :

— Anh định làm gì thế ?

Bá Dao chỉ đóng quần áo nói :

— Hiền đệ hãy mặc thêm quần áo cho đỡ lạnh, rồi mang lương thực ra đi, tôi nhứt định chết ở đây !!!

Dốc Ai ôm quần áo đem đắp lên mình Bá Dao và nói :

— Nếu anh làm như thế, tôi cũng nguyện chết theo anh cho trọn nghĩa đệ huynh.

Về mặt đầy nét hy sinh và khảng khái, Bá Dao nói :

— Tôi bình sanh nhiều bệnh tật. Hiền đệ còn trẻ trung, khỏe mạnh, tài học lại hơn tôi bội phần, do đó nên tôi quyết nhường lương thực cho hiền đệ đi tới nước Sở mà lập nghiệp, hiền đệ đừng câu chấp như thế mà hai đứa phải chết cả nơi đây thì vô ích lắm.

Nói xong, thần sắc Bá Dao biến hẳn, rồi chỉ trong chớp lát, con người hy sinh ấy tắt thở.

Dốc Ai thương khóc thảm thiết, muốn tự tử chết theo, song sợ như thế sẽ phụ lòng Bá Dao, làm cho vong hồn Bá Dao không toại chí, bèn vái rằng :

— Em nguyện xin tuân ý anh ra đi và cầu xin vong linh anh phò hộ cho em sớm được thành công để về đây chôn cất cho anh, ấy là nguyện vọng của đời em.

Nói xong, Dốc Ai lấy áo quần mặc, vác bao lương thực còn lại ra đi.

Trải qua bao nhiêu ngày đói rét, Dốc Ai mới lần mò đến kinh đô nước Sở.

Quan Giám khảo là Thượng đại phu Bùi Trọng trông thấy Dốc Ai quần áo rách rưới, nhưng vẻ mặt thông minh, đĩnh ngộ, liền đem tất cả những nghĩa là trong điển kinh ra bàn hỏi. Dốc Ai ứng đáp như nước chảy, Bùi Trọng mừng lắm, vào tâu lại với Sở Vương.

Sở Vương tức khắc cho triệu Dốc Ai đến để bàn việc quốc sự. Dốc Ai dâng mười điều sách lược rất cần yếu cho sự tồn vong của nước Sở.

Nguyên Vương cả mừng, thiết đãi yến tiệc và phong cho Dốc Ai làm Trung đại phu.

Dốc Ai lạy tạ Ông vua, nhưng đôi dòng nước mắt chảy ròng ròng.

Nguyên Vương ngạc nhiên hỏi :

— Trẫm đã mến tài khanh, trọng dụng như thế cơ sao khanh lại còn buồn bã là ý gì vậy ?

Dốc Ai đem chuyện Tả Bá Dao kết nghĩa thâm giao và hy sinh liều chết nơi chốn núi non, để cho mình đủ lương thực đến kinh đô nước Sở bái yết.

Sở Vương nghe nói, động lòng rơi lụy thán phục tinh thần hy sinh cao cả của Tả Bá Dao, và phong cho Tả Bá Dao chức Trung đại phu, ban tứ đồ khâm liệm rất hậu, ủy thác cho Dốc Ai đến đó để dốc táng.

Dốc Ai lạy từ Nguyên Vương trở về đường cũ, tìm đến gốc bụi dâu nơi chân núi Dương Sơn, thấy thi thể Tả Bá Dao vẫn còn tốt tươi như người còn sống.

Dốc Ai khóc lóc một hồi, tẩn liệm theo nghi lễ, rồi xây tường bao quanh mộ, xây đền thờ kỷ niệm, lập bia ghi lại nỗi lòng hy sinh hiem có ấy.

Bên cạnh ấy lại có xây một ngôi nhà riêng để cất đặt người ở trông nom việc tế lễ hằng năm.

Công việc hoàn thành, thì tối hôm ấy Dốc Ai chong đèn ngồi trầm tư mặc tưởng ở hưởng đường, nhớ lại tấm lòng thâm khiết cao vời của bạn.

Bỗng nhiên một trận gió thổi đến ào ào làm cho ngọn đèn lờ đi rồi tỏ lại. Dốc Ai nhìn ra trước nhà thấy Bá Dao đứng sừng sững trước mặt, thất kinh vội hỏi :

— Đại huynh hiện hồn về đây chắc có điều gì dạy bảo đệ chăng ?

Vong hồn Bá Dao buồn bã đáp :

— Cảm nghĩa hiền đệ tận tâm chiếu cố đến nắm xương tàn của anh, anh không bao giờ quên được. Song có một điều là phần mộ của anh, em đem táng gần ngôi mã của Kinh Kha, một vong hồn cực kỳ uy mãnh. Đêm đêm vong hồn ấy thường đến kêu anh máng nhức, nói :

— Mày là tên quỷ chết đói sao dám xâm phạm đến phần đất của ta. Nếu không dời đi nơi khác, ta quyết quật thây mi đó.

Vì vậy cho nên anh phải hiện hồn báo cho hiền đệ biết để dời ngôi mộ ta đem táng một nơi khác cho yên thân.

Hồn Bá Đạo vừa nói dứt tiếng thì trận cuồng phong lại nổi lên làm cho ngọn đèn lay động. Dốc Ai trông ra đã không thấy bóng hình của Bá Đạo đâu nữa.

Lấy làm lạ, Dốc Ai đợi trời sáng tìm đến hỏi vài người thổ dân trong vùng ấy.

Người người đều nói :

— Trong rừng từng trước mặt có mã của Kinh Kha, và có miếu thờ vong ấy.

Dốc Ai lại hỏi :

— Người ấy trước kia vì Thái tử Đan ở nước Yên đến hành thích Tần Thủy Hoàng, nhưng việc không thành, tại sao lại lập miếu mà thờ.

Thổ dân giảng giải :

— Nguyên Cao Tiệm Ly là người xứ này, biết Kinh Kha sau khi bị giết thể nào thân cũng bị ném ra đồng hoang, mới lần sang Tần quốc lén trộm thân bạn đem về an táng ở đây. Sau vong hồn ấy linh hiển lắm, nên chúng tôi phải lập miếu mà thờ.

Dốc Ai nghe xong lập tức tìm đến miếu Kinh Kha.

Thấy trong đó có một tượng thần, Dốc Ai nổi giận, chỉ vào mặt lớn tiếng mắng rằng :

— Người là một kẻ lưu vong ở nước Yên, thờ phụng Thái tử Đan, đáng lẽ phải đem tài an bang tế thế, mưu đồ cho nước ấy được phú cường, diệt cái uy lực của nhà Tần. Người chẳng làm được, về sau được ủy thác của Thái tử Đan, giắt con dao ôm sang Tần quốc để thích khách vua, người lại cũng không làm được gì để đến nỗi cha con vua nước Yên phải thác bao nhiêu sanh linh vong mạng, thế mà mi không biết hối ngộ tài năng và tội lỗi của mình, mê hoặc lòng dân, bắt dân chúng tôn sùng thờ phụng. Anh của ta là Tả Bá Đạo một bậc danh nho tài đức, nghĩa trọng thiên kim, đáng cho mi kính phục, mi lại đem lòng ganh ghét xua đuổi, mắng nhiếc nhiều điều, cậy thế cậy thần mà bức bách. Nếu mi còn hống hách như thế ta sẽ phá miếu, quật mồ người lên đó.

Mắng xong, Dốc Ai trở về mộ Tả Bá Đạo, van vái rằng :

— Nếu đêm nay mà Kinh Kha còn đến quấy rầy hiền huynh nữa mong hiền huynh hiện hồn về báo mộng cho em rõ.

Đêm ấy lúc Dốc Ai ngồi tựa hường đường, thì lại có một trận cuồng phong thổi đến nữa. Lần này không thấy bóng của Tả Bá Đạo hiện ra, chỉ nghe giọng nói bí ẩn từ ngoài vang lại :

— Cảm lòng em chu đáo. Song Kinh Kha hung dữ lắm, lại có thêm Cao Tiệm Ly trợ giúp, cứ đến xỉ vả anh hoài; nay mai, thân anh sẽ bị quật lên khỏi mộ. Mong hiền đệ dời gáp đi nơi khác để anh khỏi tủi lòng.

Dốc Ai nói :

— Chúng dám lăng mạ anh như thế thì em nhất định giúp anh để đối phó với chúng.

Giọng nói bên ngoài buồn rầu đáp lại :

— Em là người dương thế làm thế nào mà chiến đấu với kẻ âm phủ cho được.

Dốc Ai hần học đáp :

— Anh cứ yên tâm. Sáng mai em sẽ liệu cách.

Sáng hôm sau, Dốc Ai đến mộ Kinh Kha, mặt hầm hầm giận dữ, muốn đập phăng pho tượng và quật mã lên, song thổ dân trong vùng theo năn nỉ cầu xin đừng phá phách, vì thế cho nên Dốc Ai nuốt hận trở về.

Về đến hưởng đường Dốc Ai ôm đầu suy nghĩ, rồi viết một đạo biểu chương dâng lên Sở Vương nói rõ mối thâm tình của ông ta với Tả Bá Dao. Trước đây, Tả Bá Dao đã hy sinh cho mình được sống, vì thế mới tao phùng Thánh Chúa, mong đội ơn sâu, nay xin hện lại kiếp sau mới đáp đền ơn Thánh Thượng.

Lời lẽ trong tờ biểu rất bi thiết.

Viết xong, Dốc Ai khóc lớn, rồi giao tờ biểu chương cho bộ hạ đem về triều phục mạng.

Còn mình thì đến trước mộ Bá Dao van vái rằng :

— Anh bị vong hồn Kinh Kha bức bách, em muốn đốt miếu và quật mồ để rửa hận cho anh, song dân chúng ngăn cản, vậy em tự nghĩ, em còn có cách là chết theo anh cho có bạn để họp nhau mà trừ loài quỷ hung hãn ấy.

Vái xong, Dốc Ai rút gươm tự vận.

Thổ dân thấy đôi tình thân thiết như vậy bèn đem xác Dốc Ai chôn gần nơi mộ Tả Bá Dao.

Đêm ấy, một trận cuồng phong nổi dậy, sấm sét ầm ầm, trong rừng thông vi vút như tiếng gươm giáo choảng nhau, lại có những tiếng hò hét như thiên binh ngàn tướng.

Trời sáng, mộ Kinh Kha bị bật tung, xương cốt ném đầy trước mộ. Tượng đá, miếu thờ đều bị gió cuốn đi đâu mất biệt.

Bọn tùy tùng trở về nước Sở, tâu lại đầu đuôi công việc.

Sở Vương bùi ngùi thương xót, tiếc cho những kẻ chân thành đã vui thân trong nắm đất.

Muốn làm rạng tình nghĩa thiết tha của đôi bạn ấy, vua Sở truy phong cho hai người lên chức Thượng đại phu, lập miếu tôn thờ, và làm bia ghi sự tích ly kỳ ấy.

Mãi đến nay, hương khói còn lưu truyền mãi mãi. Quanh vùng đó, những ai muốn kết nghĩa tử sanh với nhau đều dất đến đó để thề nguyện.

Tám gương yêu mến của hai người truyền tụng mãi đến muôn đời.

Các bậc sĩ phu đi ngang qua đó thường cảm kích đề vịnh, và đây là một bài :

Cổ kim đại nghĩa bao thiên hạ.

Chỉ tại nhân tâm phương thốn gian Nhị sĩ miếu tiền thu khí túc Anh hồn thường bạn nguyệt quang hàn Dịch :

Xưa nay nghĩa lớn trùm trời đất Chỉ tại lòng người một chút nhân Thu khí hắc hui lòng trước miếu Tình vờn thương bạn bóng trắng trong

Đỗ Thập Nương

Về đời Vạn Lịch, nhà Minh Nhật Bản khởi binh xâm lấn Triều Tiên. Quốc vương Triều Tiên dâng biểu cáo cấp. Trung Quốc phái binh cứu ứng.

Vì thời đó, binh lương thiếu hụt, nên triều đình Trung Quốc ra một định lệ hễ ai muốn vào học trường Quốc Tử Giám phải nộp tiền bổ sung vào quỹ quân lương.

Học trò theo trường Quốc Tử Giám cũng khá đông, trong số đó có người họ Lý, tên Giáp, tự Tu Tiên, quê ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Triết Giang, là con của Lý Bò Chính. Có

ba người con trai, nhưng Giáp là lớn nhất, từ thuở nhỏ vẫn theo học ở trường Tường, mà vẫn chưa đậu.

Nay, theo lệ nộp tiền, lại rủ thêm người bạn cùng làng tên Liễu Ngộ Xuân cùng học nơi Quốc Tử Giám.

Đôi bạn là cả nơi Để đỗ, lại kết liên với một danh kỹ họ Đỗ tên Ty, đứng hàng thứ mười trong kỹ viện, mọi người gọi là Đỗ Thập Nương.

Đỗ Thập Nương tuy tuổi mới lên 19 mà cặp má đào phơn phớt hương xuân ấy đã làm tan nhà nát cửa không biết bao nhiêu vương tôn, công tử nơi chốn Để đỗ.

Lý Giáp cũng là tay phong lưu công tử, mặt mũi khôi ngô, tác phong nho nhã, ra mặt con nhà thể phệet đoan trang.

Từ khi vàng đá gặp nhau, hai bên trao tình ân ái, càng ngày mối tình của chàng thư sinh với nàng ca kỹ càng thấm đượm sâu xa.

Mà con người lúc đã yêu nhau thì ai còn có thể sống mãi trong cảnh hỗn độn như thế được, nàng Thập Nương bắt đầu chán với cuộc sống nơi kỹ viện, muốn trở lại cuộc sống thanh bạch của ngày nào. Hơn nữa, thấy Lý Giáp là người trung thực, đáng mặt trượng phu, có thể sống gởi nạc, thác gỏi xương được.

Một hôm, Đỗ Thập Nương đem ý mình tỏ với Lý Giáp biết. Lý Giáp tuy trong lòng cũng muốn vớt đóa hoa tươi, sớm rời giòng nước, nhưng ngại vì thung đường chẳng khứng, còn chần chừ chưa quyết. Mặc dù thế, nhưng tình ân ái vẫn đậm đà.

Bà chủ kỹ viện thấy mối tình của cặp tình nhân ấy càng ngày càng khẩn khít, ban đầu Lý Giáp tiền bạc còn nhiều, bà ta tiếp đón rất nồng hậu, nhưng sau coi đà Lý Giáp chỉ còn bàn tay trắng, mặt mày trở mặt... Và lại mặt nghe Lý Bồ Chính ở nhà hay tin con du đảng không gởi tiền nữa, từ đó mặt ra mặt khinh khi, không còn giữ chút gì lễ độ nữa.

Vì mối tình chân thật, Đỗ Thập Nương khác hẳn, thấy Lý Giáp hết tiền, trong lòng bức rức, nhất là thấy mặt chủ hát hủi chàng ta, lòng lòng không nở.

Một hôm mặt chủ nói với Đỗ Thập Nương :

— Nhà này là chỗ rước khách, hề kẻ nào có tiền thì được trọng đãi, kẻ nào không có tiền đừng có léo tới làm rầy. Nếu cứ chiều chuộng mãi cái bọn túi rỗng kia thì cả nhà này phải chết đói sao ?

Cổ nhần nhục, Thập Nương đáp :

— Trước kia công tử đâu phải là kẻ túi rỗng đến đây sao ?

Mặt chủ cười xòa nói :

— Trước kia ta cũng không bạc đãi nó vì nơi đây nuôi con em là để rước khách lấy tiền, chứ đâu phải để thương yêu nhau bằng cái lối “chung thủy” ấy. Nếu mặt thấy nó quả thật yêu mặt thì mặt bảo nó đem tiền đến chuộc mặt ra, để tao lấy tiền mua đũa khác cho kỹ viện.

Đỗ Thập Nương thấy mặt chủ mờ lời như vậy trong lòng mừng rỡ, hỏi lại :

— Quả mặt bằng lòng như thế sao ? Hay mặt thấy Lý Giáp hết tiền đặt điều đuổi khéo ?

Mặt chủ mỉm môi, đáp :

— Ta chưa bao giờ nói sai lời với ai cả !

Đỗ Thập Nương chưa tin, hỏi thêm :

— Bà định giá bao nhiêu ?

— Người khác thì phải đủ ngàn vàng, nhưng đối với Lý Giáp nghèo khổ, ta chỉ lấy ba trăm lạng thôi. Nội trong ba ngày, nếu có đủ số ấy thì tốt, bằng không mà còn lân la đến đây thì đừng trách ta có ác ý.

Thập Nương suy nghĩ một lúc rồi nói :

— Bất một người không tiền phải có ba trăm lạng vàng trong ba ngày e gấp quá ! Xin hạn cho mười hôm.

Mụ chủ biết Lý Giáp lúc này không đào đâu ra tiền nữa, nên làm ra mặt dễ dãi nói :

— Được rồi, ta cho một thời hạn mười ngày đó.

Thập Nương trong lòng vẫn e ngại, nên hỏi tiếp :

— Nếu trong mười ngày, người ta có đủ số tiền mà bà không y lời hứa thì sao ?

Mụ chủ đôi mắt tròn xoe, tỏ ý bất bình :

— Nếu ta nói sai, ta sẽ là một con thú vật.

Đêm ấy Lý Giáp đến, Đỗ Thập Nương nói tỉ tê với chàng. Lý Giáp buồn bã phân trần :

— Tôi có ý ấy đã lâu ngật vì tay trắng, không kiếm đâu ra tiền, biết làm sao ?

Đỗ Thập Nương nói :

— Chàng nên tìm vay mượn nơi bạn bè thân thích, chúng ta sẽ cùng nhau chung sống suốt đời. Thoát khỏi cảnh cá chậu chim lồng này, thiếp xin nguyện làm thân trâu ngựa để báo đền ơn ấy.

Lý Giáp phản nản :

— Bạn bè thân thích hiện nay thấy tôi tới lui nơi kỹ viện đều lánh mặt, khó mà mượn được, chỉ có cách là ngày mai tôi giả vờ mượn đỡ một ít tiền hồi hương, may ra có được ít nhiều.

Hôm sau, Lý Giáp đến các bạn học cáo biệt và hỏi mượn một ít bạc tiền làm lộ phí về quê. Các bạn bè đều một mực từ chối, không ai cho mượn cả.

Lý Giáp chạy luôn ba ngày như vậy mà không tìm đâu ra được một đồng một chữ nào, xấu hổ quá, không dám đến kỹ viện nữa, mới lén qua ngủ nhờ nơi nhà người bạn học cùng làng là Liễu Ngộ Xuân.

Liễu Ngộ Xuân thấy mặt bạn dầu dàu, bèn hỏi thăm duyên cớ. Lý Giáp đem câu chuyện Đỗ Thập Nương đầu đuôi kể lại.

Liễu Ngộ Xuân nói :

— Chưa hẳn là nàng Thập Nương đã thật dạ yêu anh đâu. Nàng là danh ca đệ nhất của kỹ viện, tôi e mụ chủ tìm cách để gạt gẫm anh đấy thôi, chứ là nào mụ ấy lại chịu buông cái con “bò sữa” ấy.

Lý Giáp nói :

— Không, nàng quả thật tình yêu tôi, và nói mụ chủ hứa chắc như vậy.

Liễu Ngộ Xuân trầm lặng một lúc rồi nói :

— Mà dẫu nàng có yêu anh thật, dù mụ chủ có thật tình như thế thì bây giờ anh kiếm đâu ra tiền. Bè bạn hiện giờ anh hỏi vay ba lạng vàng cũng không có nữa, đừng nói đến ba trăm lạng. Anh nên chia tay với nàng ấy là hơn.

Lý Giáp thở ra, đáp :

— Phải, anh nói rất có lý.

Tuy miệng nói thế chứ trong lòng nóng như bèo, Lý Giáp không ăn uống gì được, qua sáu ngày liền vẫn không hỏi mượn ai được một đồng xu nhỏ.

Thập Nương mấy ngày không thấy Lý Sinh đến, trong lòng buồn bực, chẳng biết công việc ra sao, bèn cho người tiểu bộc đi tìm.

Người tiểu bộc gặp Lý Giáp đang thơ thẩn trên đường, liền kể lại nỗi lòng nhớ nhung của Thập Nương đang ngóng đợi.

Vì xấu hổ, Lý Giáp không dám trở lại kỹ viện, nay có tin nàng Thập Nương mong đợi, bất giác chàng liền lĩnh theo chân tên tiểu bộc.

Khi thấy mặt Thập Nương, Lý Giáp cuối đầu e thẹn, đôi dòng nước mắt rơm rớm, không nói năng gì cả.

Thập Nương biết Lý Giáp vì không tìm được tiền nên xấu hổ không đến, bèn làm ra vẻ ân cần nói :

— Việc ấy không nên thổ lộ đến tai mụ chủ. Đêm nay công tử ở lại đây, thiếp có việc cần bàn luận.

Nói xong, Thập Nương đi sửa soạn cơm nước, rượu thịt đãi đằng.

Lý Giáp buồn bã uống đến say rồi vào phòng nằm nghỉ.

Khi chàng thức giấc dậy, Thập Nương đã đứng bên màn nói :

— Trong chiếc nệm của thiếp nằm có hơn một trăm năm mươi lạng vàng vụn. Bây giờ trời đã mờ sáng, vậy chàng cứ mang số vàng ấy về và lo thêm cho đủ số. Xin chàng lưu tâm cố gắng đừng để lỡ việc.

Nói xong, Thập Nương lại sai người tiểu bộc cuốn nệm mang theo Lý Sinh đến nhà Liễu Ngộ Xuân.

Về đến nhà, Lý Giáp xé đệm ra, đem cân số vàng quả đúng y một trăm năm mươi lạng.

Liễu Ngộ Xuân thấy vậy nói :

— Người con gái này thật hiếm có, một tấm chân tình đáng cho anh quý mến.

Lý Giáp hỏi :

— Thế thì anh liệu cách giúp cho tôi, để tác thành việc này được chăng ?

Liễu Ngộ Xuân gật đầu. Và hai ngày sau, chàng ta tìm đến các bạn bè hỏi mượn được số vàng giao cho Lý Giáp và bảo :

— Tôi đi vận động việc này thật là vì tấm lòng của Thập Nương chứ không phải vì anh đâu.

Lý Giáp mặt mày hớn hờ, cảm tạ tấm thịnh tình của bạn rồi mang đủ ba trăm lạng vàng đến kỹ viện.

Thấy Lý Giáp đem vàng đến, Thập Nương mừng rỡ, hỏi ra mới biết Liễu Ngộ Xuân đã giúp. Nàng chấp hai tay lên trán nói :

— Chúng ta mà đạt được nguyện vọng, một phần lớn cũng nhờ ở tấm tình hiếm có của Liễu sinh vậy. Hôm nay chàng đã có tiền rồi, thân thiếp như con én sổ lồng, bay bổng lên từng mây diễm ảo để tìm một định hướng của đời mình.

Hai người còn đang riu rít ngợi khen tấm tình bạn của Liễu Ngộ Xuân thì mục chủ đã xô cửa bước vào.

Nhìn thấy cặp uyên ương, mục chủ hỏi :

— Sao ? Hôm nay đã đúng mười ngày, hẵn Lý Sinh có mang tiền theo đó chứ ?

Lý Giáp vội vã trao túi vàng cho mục chủ trước mặt Thập Nương.

Mục chủ vì lâu nay tưởng Lý Giáp không kiếp đâu ra tiền, nay Lý Giáp lại đem sổ tiền trao hẵn hoi, mục ta sửng sốt nhưng vì đã hứa lỡ không biết nói sao, đành cứng cổ tiếc con chim hoàng anh thoát ra lồng sắt.

Thập Nương nói :

— Tôi ở nhà bà lâu nay, vàng bạc bà đã nhờ tôi mà thu vô khá nhiều, nay bà lại cho tôi được giải thoát, thì công ơn tôi thế là bà đã trả. Từ nay xin chúc bà làm ăn phát đạt.

Nói xong cặp tình nhân dắt nhau ra đi.

Thập Nương nói nhỏ với Lý Sinh :

— Chị em hàng viện, thường ngày đi lại với tôi, mối tình rất thiết tha. Chị em đã góp nhau một số tiền lộ phí để tiễn tôi, vậy trước khi đi, chúng ta nên đến cảm ơn và giã biệt họ.

Hai vợ chồng dắt nhau vào viện.

Giữa lúc ấy các bạn của Thập Nương là Tạ Nguyệt Lăng, Từ Tố Tố đang ngồi trông đợi. Thấy Thập Nương đến, hai bạn nhảy đến ôm Thập Nương vào lòng, lại lấy cả quần áo và đồ trang sức của mình đem biếu cho Thập Nương nữa.

Tạ Nguyệt Lăng nói :

— Nay chị Thập Nương đã bỏ chúng ta theo chồng, đường xa ngàn dặm, vậy chúng ta phải sửa sẵn hành là để tiễn nhau gọi là một chút tri kỷ của kiếp phần son.

Mọi người đều hoan hỷ.

Đêm ấy Lý Giáp và Thập Nương nghỉ tại phòng của Tạ Nguyệt Lăng.

— Hai ta dẫn dắt nhau trở về, chàng thấy có gì bất tiện chăng ?

Lý Giáp đáp :

— Cha tôi lâu nay nghe tin tôi hoang đường nơi chốn lầu xanh, nên đem lòng giận dữ, nếu nay mà tôi lại dắt một nàng ca kỹ trở về e lụy đến nàng.

Thập Nương nói :

— Tình cha con là trọng, không thể làm mất lòng. Vậy thì chúng ta đến Hàn Châu tạm trú ở đó, chàng về nhà trước cầu cứu với thân bằng, cố hữu đến khuyên dụ cha già, nếu cha già chấp thuận thì lúc đó em sẽ về ở với anh cũng không muộn.

Lý Giáp khen phải.

Hôm sau, hai người dậy sớm đến nhà Liễu Ngộ Xuân để sắp sửa hành trang và chào tiễn biệt.

Thập Nương nói :

— Vợ chồng tôi ngày nay mà được sát cảm hòa hợp thật là nhờ ở tấm lòng hiềm có của ngài.

Ngộ Xuân lễ phép nói :

— Cô nương là người chung tình có một, chẳng vì nghèo ngặt mà đổi lòng, thực là một kẻ đáng noi gương tốt chốn hồng lâu, một chút ít tiền của tôi giúp đỡ đâu có gì gọi là quà giá.

Chưa cạn lời, trước hiên kiệu ngựa thuê đã dục lên đường.

Hai người phải chia tay cùng Liễu Ngộ Xuân.

Ra đến cổng, Thập Nương khiến người đưa tin cho Tạ Nguyệt Lăng và Tử Tố Tố hay giờ xuất hành.

Hai người này ra đến vài dặm đường đưa đón.

Nguyệt lăng nói :

— Nay chị Thập Nương, nay chị ra lấy chồng, đối với chúng tôi thế là từ nay quan san cách trở, không thể nào tâm tình với nhau được như xưa, vậy chúng tôi dâng chút lễ mọn để chúc đôi tân hôn giữ mãi mối tình nồng thắm.

Nói xong, gọi người khiêng ra một cái rương thật lớn, phong khóa kiên cố, chẳng hiểu bên trong đựng những thứ gì.

Thập Nương không từ chối, cũng không cần mở ra xem, cảm tạ mọi người rồi lên kiệu khởi hành.

Lý Giáp cùng Thập Nương đi đến Lộ Hà thì gặp được chuyến sai thuyền trở lại Qua Châu. Hai người xuống thuyền đi cho đỡ vất vả.

Lý Sinh buồn rầu lo cho số tiền lộ phí của mình thiếu hụt. Thập Nương nói :

— Xin chàng chớ lo. Chị em ở kỹ viện đã tặng cho chúng ta chiếc rương ấy, ắt không phải là những vật không quà giá.

Nói xong Thập Nương rút khóa mở ra một ngăn kéo thấy có vô số vàng bạc vụn. Còn các ngăn khác đựng gì, Thập Nương hình như không cần biết đến.

Nàng nói :

— Tặng vật của chị em kỹ viện chẳng những giúp ta đủ tiền lộ phí mà còn có thể giúp ta ngao du khắp miền trong một thời gian lâu nữa.

Đêm ấy thuyền tới Qua Châu, đậu nơi cửa sông. Trên trời trăng vằng vặc, gió thổi rạc rạo, các gợn sóng lăn tăn như những chiếc vảy vàng rung động.

Trước cảnh vật nên thơ ấy, Thập Nương thấy hào hứng vô cùng, nói với Lý Giáp :

— Chúng ta lâu nay yêu nhau trong đau khổ, nay mới được có phút tự do, ngồi bên nhau nơi đầu thuyền tâm tình ngoài những con mắt của vật chất, vậy thì đêm nay chúng ta đồng đối ẩm cho say sưa để thỏa lòng mong ước.

Hai người đối diện nhau, nâng chén.

Lý Giáp nói :

— Đã lâu, anh vắng nghe giọng oanh réo rắc của em, tiện đây em hát lên vài khúc để nhớ lại những đêm tình tự xa xưa.

Thập Nương chiều chồng, cất giọng thanh tao hát lên réo rắc, âm thanh vang trong cảnh tịch mịch u huyền, trong như những giọt sương thánh thót.

Gần đó có chiếc thuyền buôn của một thanh niên họ Tôn tên Phúc. Chàng này người quận Tân An, chuyên nghề buôn muối, là một phú thương giàu có, nổi tiếng khắp vùng.

Thoạt nghe tiếng hát véovon, chàng ta nhìn ra cảnh vật mung lung, lòng đắm chìm theo nhạc điệu.

Tiếng hát đêm trăng quả là một mãnh lực hạo huyền. Tôn Phúc không thể chịu nổi nữa, bèn sai đầy tớ hỏi xem thuyền ai hát như thế.

Bọn đầy tớ bỏ thuyền con ra bờ lội một hồi rồi trở về báo lại :

— Thuyền ấy là thuyền của Lý công tử, còn người ca hát là ai không rõ.

Tôn nghĩ thầm :

— Giọng hát này không phải là kẻ khuê môn, hẳn là một nàng ca sĩ. Vậy ta phải tìm cách gặp mặt mới được.

Đêm ấy Tôn nằm trần trọc mãi không sao ngủ được. Giọng hát nhạc khoan cử reo réo vào lòng.

Đến sáng, trời bỗng nổi mưa, tuyết rơi lả tả, bao nhiêu thuyền bè buộc phải tập trung vào bến tìm chỗ ẩn núp.

Lợi dụng cơ hội ấy, Tôn Phúc cho thuyền mình ghé sát thuyền Lý Giáp rồi tìm cách lân la chuyện vãn. Nhưng Lý Giáp ở mãi trong khoang thuyền cùng với tình nhân say sưa men rượu không ra ngoài.

Tôn Phúc đứng mãi đầu thuyền chờ đợi.

Lâu lắm, chàng mới thấy bóng một thiếu nữ, vẻ đẹp chim sa cá lặn, đứng chài đầu bên thuyền Lý Giáp, bóng lồng trên mặt sông.

Thôi quả là nữ ca sĩ đây rồi, lòng Tôn Phúc bỗng nổi sóng tương tư, nhưng biết làm sao dụ được Lý Giáp qua thuyền mình để trò chuyện.

Ngẫm nghĩ hồi lâu chàng sanh ra một kế để dụ Lý Giáp.

Chàng ngâm nhỏ hai câu thơ :

Tuyết mấn sơn trung cao sĩ ngọa, Nguyệt minh lâm hạ mỹ nhân lai... Nghĩa là :

Tuyết phủ núi ngàn cao sĩ ngọa, Trăng soi rừng thắm mỹ nhân về...

Quả nhiên Lý Giáp nghe ngâm hai câu thơ ấy liền ra khỏi thuyền để xem người nào. Tôn Phúc được dịp vội vàng thi lễ, rồi làm quen mời Lý Giáp qua thuyền mình. Lý Giáp thật tình, đầu hiểu những lời đường mật cám dỗ của Tôn Phúc. Do đó, chẳng mấy chốc hai người trở nên thân mật nhau.

Tôn Phúc lại khiến đầy tớ bày tiệc rượu trong thuyền, hai người đối ẩm.

Thừa lúc vắng người, Tôn Phúc hỏi nhỏ Lý Giáp :

— Người nào ca hát trong thuyền đại huynh thế ?

Lý Giáp thật tình, đem câu chuyện mình với nàng ca kỹ yêu đương nhau, nhưng vì cha già nghiêm khắc không dám đường đột đem nhau về, phải cho thuyền đậu nơi đây để tôi về trước thương lượng đã.

Tôn Phúc rõ được ngọn ngành, cười híp mắt nói :

— Đại huynh tính như thế sai rồi. Quyền cha già là quyền tuyệt đối, mà tình cha già cũng là tình thiêng liêng, nếu đại huynh làm như thế e bá phụ giận dữ thì nguy. Vả chăng nàng ca kỹ xưa nay mấy ai mà chân thành với nghĩa đá vàng đâu. Chẳng qua thấy đại huynh say mê nên giả vờ để gạt đại huynh đó. Một thời gian đại huynh sẽ thấy, tình nghĩa không bền. Thôi đời “ngựa quen đường cũ”, chi bằng trả nàng ấy lại với đời son phấn cho trọn tình nghĩa với cha già.

Lý Giáp trong lòng đang lo lắng, nghe Tôn Phúc nói như vậy ngồi thừ ra không biết phải trả lời sao cả.

Thấy mình đã chinh phục được, Tôn Phúc bồi thêm một lời :

— Tôi với đại huynh tuy mới quen mà thân; cảm hoàn cảnh của đại huynh tôi mới nói như vậy. Bây giờ tôi có một ý nữa, chẳng biết đại huynh nghĩ thế nào ?

Lý Giáp nói :

— Được, xin cứ nói.

Tôn Phúc làm ra vẻ dè dặt :

— Đại huynh trôi nổi hơn một năm trời, tôn đường giận dữ, cho đại huynh là kẻ đắm sắc say hoa chẳng kể đến phần nghiêm huấn. Bây giờ nếu đại huynh trở về với hai tay trắng làm sao nghiêm đường không nghi kỵ. Chi bằng sẵn tôi đây là người giàu có, có thể giúp cho đại huynh được, tôi sẽ đưa cho đại huynh một trăm lượng vàng, đại huynh đem về nhà, nghiêm đường trông thấy sẽ không còn nghi là đại huynh lâu nay chơi bời nữa. Còn nàng Thập Nương, đại huynh cứ giao cho tôi giữ, chừng nào nghiêm đường cho phép tôi sẽ đưa sang.

Lý Giáp nghe nói rụng rời, phần sợ cha già trách mắng, phần sợ công việc bất thành. Chàng ta sùi sụt nói :

— Lời Tôn huynh nói rất phải, ngặt vì nàng Thập Nương cùng tôi đã nặng tình không nỡ xa nhau, vậy xin để tôi về bàn lại đã.

Tôn Phúc ân cần dặn :

— Đại huynh phải dùng lời nhỏ nhẹ mà khuyên nhủ nàng, nếu quả thật nàng yêu đại huynh thì tất nàng phải tránh cho đại huynh những nỗi khổ tâm.

Hai người uống thêm cạn tuần rượu rồi mới chia tay.

Về đến thuyền mình, Lý Giáp thấy Thập Nương thững thờ ngồi đợi, chàng vừa bước vào thì nàng đã vồn vã hỏi :

— Chàng đi chơi đâu mà để em mong đợi hoài thế ?

Lý Giáp mặt dàu dàu không đáp.

Thập Nương lại nói :

— Hôm nay chàng đi chơi gặp điều gì mà buồn bã thế kia ?

Lý Giáp buông tiếng thở dài... Thập Nương lần hỏi đôi ba phen, Lý Giáp mới đem chuyện gặp Tôn Phúc kể lại một hồi.

Thập Nương kinh hoàng, nước mắt đầm đề nghẹn ngào không nói được nữa, giây lâu mới hỏi :

— Chẳng hay chàng có bằng lòng nghe theo lời Tôn Phúc chăng ?

Lý Giáp nói ngớ ngẩn :

— Tình chúng ta nặng tựa Thái Sơn, biết làm sao phai lạt được. Tuy nhiên, nếu không nghe lời Tôn Phúc thì ắt mang họa vào thân, xa tình cốt nhục.

Thập Nương chết điếng, ngồi lặng một lúc lâu rồi hỏi :

— Chẳng hay chàng đã nhận một trăm lạng vàng của Tôn Phúc chưa ?

Lý Giáp đáp :

— Chưa, tôi còn hẹn trở về hỏi ý kiến nàng đã.

Như tiếng sét đánh vào tai, dòng nước mắt của Thập Nương ngừng chảy. Nỗi đau đớn đã làm cho nàng như điên dại. Nàng nói :

— Người ấy vì chàng bày kế ấy thật đáng mặt trượng phu, vậy chàng cứ lấy trăm lạng vàng để về sống yên vui dưới mái gia đình đi. Còn thân thiếp, thiếp sẽ liệu.

Sáng hôm sau, tiếng gà vừa eo óc, trời tang tảng trong sương mờ, Thập Nương trang điểm cực kỳ lộng lẫy.

Nhìn thấy vẻ mặt Lý Giáp vui vui, Thập Nương đứt từng khúc ruột.

Lý Giáp thân hành đến thuyền Tôn Phúc để nhận tiền.

Tôn Phúc nói :

— Đưa tiền là điều rất dễ, nhưng phải có một vài món đồ gì của Thập Nương đem đến để làm tin.

Lý Giáp về nói lại, Thập Nương chỉ chiếc rương lớn và nói :

— Hãy đem của ấy theo tôi.

Khi thấy người Lý Giáp đã nhận đủ số vàng, Thập Nương ngồi tựa mũi thuyền, lấy tay vẩy Tôn Phúc, bảo :

— Hãy đưa chiếc rương lại đây, trong đó còn có giấy tờ của Lý Giáp, tôi cần phải trả lại hết.

Tôn Phúc ngỡ thiết, trong lòng sung sướng vô hồi, sai đầy tớ khiêng cái rương của nàng đem trả lại.

Thập Nương mở rương ra, bên trong có rất nhiều ngăn nhỏ đầy những ngọc ngà, châu báu cùng vàng bạc vô số. Mọi người đều hoa mắt trước số tiền của và bảo vật ấy.

Thập Nương không nói gì cả, lặng lẽ hốt từng nắm vàng bạc, châu báu xuống dòng sông.

Mọi người trông thấy thất kinh, đứng trân trân như những pho tượng gỗ.

Khi đã nép hết vàng bạc, ngọc ngà xuống sông, Thập Nương quay lại mắng vào mặt Tôn Phúc :

— Ta cùng Lý lang ném bao nhiêu cay đắng, nay mới được sum họp cùng nhau như vậy mà mi nỡ đem lòng dèm siểm, mang ý gian dâm, cắt đứt dây ân ái của ta. Ta chết xuống tuyền đài nguyện cáo với thần minh trừng phạt mi cho đáng tội.

Mắng xong, Thập Nương quay lại nói với Lý Giáp :

— Lòng thiếp quyết lòng trọn nghĩa, lòng chàng một phút đổi thay, nay thiếp còn sống trên đời này cũng chẳng ích gì, vậy chàng cứ lấy một trăm lượng vàng của kẻ phản phúc kia mà sinh sống. Trong rương của thiếp biết bao là bạc tiền, nhưng vì mắt chàng không trông thấy nên không được hưởng.

Nói xong, Thập Nương thừa lúc mọi người bất ý, nhảy xuống sông tự vận. Thân ôi ! Vóc ngọc, da ngà, một kiếp hoa hết nợ.

Mọi thuyền hay tin chèo đến dò cả khúc sông, nhưng xác nàng Thập Nương không còn đâu nữa, chỉ thấy sóng nước chập chùng dưới bầu trời mưa lạnh toát.

Tôn Phúc và Lý Giáp, lúc này quá sợ sệt cùng nhau nhổ neo mỗi người trốn mỗi ngả.

Lý Giáp đêm nằm trong thuyền trông thấy bao vàng của Tôn Phúc, như hàng ngàn mũi tên đâm vào dạ, vừa hổ thẹn, vừa hối hận, ít ngày sau mang bệnh điên, suốt đời không khỏi.

Còn Tôn Phúc, từ ngày hôm đó, đêm nào cũng nằm thấy nàng Thập Nương rũ tóc đứng nơi đầu giường mắng nhiếc, đòi đền mạng.

Vì quá kinh khủng, chẳng bao lâu Tôn Phúc mang bệnh mà chết.

Một hôm Liễu Ngộ Xuân mẫn trường, ghét về thăm quê, đi ngang qua khúc sông ấy mức nước rửa mặt, bỗng làm rơi chiếc thau đồng xuống sông. Chàng vội vã mướn mấy người chài lưới tìm vớt.

Vớt không được chiếc thau đồng, nhưng họ lại vớt được một chiếc hộp dưới dòng sông, đem đưa cho Liễu Ngộ Xuân.

Liễu Ngộ Xuân cho là điềm lạ, chưa hiểu ra sao, thì đêm ấy nằm mộng thấy nàng Thập Nương hiện đến nói :

— Nhớ ơn ân nhân trước kia đã có ý giúp đỡ tôi tác thành duyên thắm. Nay tuy giữa đường đứt gánh, song không quên được nghĩa xưa; vậy gởi lại ân nhân viên ngọc ấy gọi là đáp chút tâm tình. Từ nay xin vĩnh biệt không bao giờ còn gặp nhau nữa.

Ngộ Xuân giắt mình thức dậy, than thở vài lời. Hỏi ra mới biết nàng Thập Nương đã tử tiết trên mặt sông này.

Đau lòng cho một kiếp tài hoa bạc số. Ngộ Xuân sấm lể vật tể ngay ở đầu thuyền để tạ lòng chiều cố.

Sóng nước rập rình, hồn oan nhi nữ dật dờ đêm đêm với sông nước tràng giang...

Mảnh gương trung liệt

Triều Minh, vào năm Gia Tĩnh, có tên gian thần họ Nghiêm, tên Tung hiệu là Giới Khê, sau khi siểm nịnh, hại được vị trung thần đại học sĩ Hạ Ngôn, một mình lên đoạt quyền thừa tướng.

Đất nước thuở ấy tuy thanh bình, nhưng triều chính thật là bê bối. Tên gian thần ấy cậy quyền ý thể đến nội trong nước từ dân giả đến các quan, ai nấy đều khiếp sợ. Kẻ đua nịnh thì theo bợ đỡ để được mau thăng thưởng để bề bõn lộc dân lành, người trung thần thì vì yếu thế, không dám hở môi, đành ngậm miệng để cho họ Nghiêm thao túng.

Nghiêm Tung lại có một người con trai tên Thế Phồn. Tên này cũng sâu độc không kém người cha. Nghiêm Tung nâng đỡ con mình lên chức công bộ Thị Lang, để có chỗ

trông cậy. Thế Phồn nói gì Nghiêm Tung cũng nghe, vì vậy trong triều người ta gọi hai cha con là đại Thừa tướng và tiểu Thừa tướng.

Trong thời ấy tại phủ Thiệu Hưng, có một người họ Thẩm tên Luyện, là một tay trung liệt. Xuất thân trong cảnh bần hàn, từ lúc nhỏ kính mộ Khổng Minh, cho Khổng Minh là một tấm gương sáng đáng kính phục, nên lúc nào cũng đem hai bài tiền hậu xuất sự ra mà đọc, ông ta cũng lại thường nhắc đến câu nói của Khổng Minh : “Cúc cung tận tụy, tử nhi hậu sĩ” (hết lòng hết sức, đến chết mới thôi).

Thẩm Luyện văn võ toàn tài, năm mậu tuất, niên hiệu Gia Tĩnh, ông đậu tiến sĩ, tuy nhiên vì tính tình khảng khái không muốn bợ đỡ ai, do đó ông ta vẫn lẹt đẹt ở mãi cái chức Châu huyện. Mặc dầu thế, ông ta không lấy đó làm xấu hổ, trong lúc các tên dua nịnh thăng thưởng như nấm.

Một hôm, Thế Phồn mời tất cả các quan chức đến tư dinh dự tiệc. Các trung thần từ trước đến nay, lớp bị thanh trừng, lớp bị cách chức, còn một số ít không dám hé môi, ai nấy đều cáo khiêm, duy có Thẩm Luyện vẫn cứ mạnh dạn đến dự.

Trong tiệc, Thế Phồn hách đủ lối, khoe khoang quyền cao chức cả của mình, rồi dùng chén to ép mọi người uống đến say mềm, ai nấy không dám cãi lệnh, phải gắng mà cạn chén để làm vui lòng “tiểu thừa tướng”.

Trong số các người đi dự tiệc có Mã Cấp Sự, anh chàng này vốn ít hảo rượu, nay bị Thế Phồn ép uống, cố sức từ chối đến đôi ba phen. Thế Phồn dờ mắt nói :

— Tiểu quan lại dám khinh ta không chấp thuận lời mời của ta sao ?

Nói xong, Thế Phồn nhảy đến, nắm tay Mã Cấp Sự, bưng ly rượu đổ vào miệng. Mã Cấp Sự ghen ngào nuốt hết.

Uống xong, say quá, không còn làm thế nào gượng được, phải ngã lăn xuống đất. Thế Phồn đắc ý cười híp mắt, cho đó là một độc thú vô cùng khoái trá.

Thẩm Luyện thấy trò chơi ấy quá nóng lòng, bèn đứng dậy đi tìm một ly rượu lớn nhất, mời Thế Phồn uống :

— Mã Cấp Sự mong ơn đại nhân ban rượu, đáng lẽ phải tạ Ơn, nhưng vì say quá không thể đáp lễ được, vậy tôi thay mặt và dâng cho đại nhân ly rượu thọ vậy, xin đại nhân cạn chén.

Thế Phồn ngạc nhiên, chưa kịp từ chối thì Thẩm Luyện đã bước đến nắm tai đồ rượu vào mồm. Đổ xong, Thẩm Luyện quăng chén xuống bàn, rồi vỗ tay cười rồi rút trước mặt mọi người.

Các quan ai nấy trông thấy đều sợ sệt không dám hé môi cười.

Thế Phồn quá tức giận, bị Thẩm Luyện khinh mình trước mặt bá quan, muốn xáp lại đánh, nhưng không dám, đành nuốt hận, giả say, cáo từ ra về.

Mọi người đều âm thầm giải tán.

Khi về đến nhà, Thẩm Luyện ngồi một mình nghĩ đến hậu quả không hay của câu chuyện khí phách xảy ra vừa rồi.

Ông ta lẩm bẩm :

— Hai tôi trung nịnh không bao giờ sống chung nhau một triều được. Thế Phồn một tay thâm độc, bị ta làm nhục trước mặt mọi người, thế nào hắn cũng cày quyền để trả thù. Nay chẳng lẽ ta lại ngồi yên để chờ hắn hãm hại sao. Tốt hơn ta nên ra tay trước thì hơn.

Nghĩ xong, ông ta viết một đạo sớ văn, lời lẽ rất bi thiết. Trong sớ ấy, Thấm Luyện trình bày tất cả tội lỗi cha con Thế Phồn, siểm nịnh, hối lộ, hãm hại lương dân trước sau đều trọng tội, và đề nghị xin tru lục toàn gia họ Nghiêm để mua lòng thiên hạ.

Cha con họ Nghiêm hay được việc ấy, vội vã vào triều, kiếm lời nịnh bợ nhà vua, kết tội cho Thấm Luyện là phỉ báng đại thần, muốn làm loạn triều đình.

Nhà vua nghe theo lời, cách chức Thấm Luyện đày ra ngoài ải làm dân.

Thấm Luyện thấy vua không chấp chánh lời phải, nghe lời lũ nịnh, phần cô thế, không biết làm sao đành phải tuân lời.

Tuy nhiên, Thế Phồn lòng dạ thâm độc, thấy vua cách chức Thấm Luyện cũng chưa vừa ý, bèn tâu với vua xin phạt Thấm Luyện một trăm trượng trước triều thần để làm gương cho kẻ khác.

Bị ép uổng, nhà vua buộc lòng phải y tấu.

Than ôi ! kẻ trung thần lúc cô thế chỉ biết lấy sanh mạng mà gìn lòng trung can, chứ biết làm sao hơn.

Thế Phồn bí mật dặn nhỏ cận vệ đánh Thấm Luyện cho đến chết để trừ hậu hoạn. May thay viên cận thần này họ Lục tên Bính, vốn có lòng trọng kẻ khí tiết, tuy ngoài mặt làm ra vẻ sốt sắng tuân hành nhưng trong lòng không nỡ. Vì vậy, người này đã tìm cách riêng che chở cho Thấm Luyện không tổn hại gì đến thân cả.

Đánh xong, Thấm Luyện bị đày ra Bảo An châu làm dân. Thấm Luyện đem cả vợ con theo.

Ông có tất cả bốn người con. Người chín trưởng là Thấm Trương đỗ tú tài, ở quê nhà để trông nom phòng một. Đứa con thứ là Thấm Côn, đứa thứ ba là Thấm Bao, đứa con út là Thấm Cửu. Cả ba cùng với người lão bộc trung thành theo Thấm Luyện, dầu giải gió sương trên khoảng đường dài vô tận, trèo non lặn suối đi mãi mà chưa đến nơi.

Một hôm trời u ám, mưa phùn lả chả, gió lạnh rít từng hồi, dân chúng quận Bảo An thấy một chiếc xe nhỏ thấp thều trên đường, mọi người ngạc nhiên xúm đến xem hỏi ra mới biết Thấm Công bị nhà vua cách chức đày ra nơi đó.

Trong lúc cảnh lạ quê người, lại gặp khi trời mưa ảm đạm, đoàn người của Thấm Công trông có một cái gì thê thảm vô cùng.

Giữa lúc đó trong đám dân chúng, có một người thấy Thấm Công khí phách bời bời, biết là một kẻ tội trung mắc nạn, động lòng đến hỏi thăm lai lịch.

Thấm Công đang lúc bỡ ngỡ thấy có một người ân cần hỏi han, lòng rất cảm động, nói tên họ và hoàn cảnh mình, rồi hỏi lại :

— Ngài là ai ? chẳng hay có ý gì mà lại đoái thương đến chúng tôi như vậy ?

Người lạ mặt đáp :

— Tôi họ Giá tên Thạch, ở đây đã lâu. Hôm trước tôi có nghe đồn rằng ngài vì hết lòng trung nghĩa, làm sớ mười điều dâng lên nhà vua kể tội gian thần, vì vậy mới bị cách chức. Hành động ấy thật là một hành động cao cả, tôi rất thán phục. Hôm nay ngài bị đày ra đây, tôi ước mong sẽ giúp đỡ ngài một phần nào để tỏ chút lòng tri ngộ.

Nói xong, Giá Thạch cúi xuống thi lễ.

Thấm Luyện bảo vợ con ra chào hỏi và mọi người trong gia đình đều tỏ lòng cảm ơn Giá Thạch khôn cùng.

Giá Thạch nói :

— Bây giờ ngài đã đến đây, nhiệm vụ tôi là phải nghinh đón. Vậy để tôi cho người đến thu dọn hành lý và đưa gia đình ngài về nhà tôi tạm trú cho đỡ nhọc.

Thẩm Công nói :

— Tôi mang ơn ngài như thế cũng quá nhiều rồi. Việc ăn ở xin để mặc tôi thu xếp lấy. Giá Thạch nhất định không nghe, khiến gia nhân ra đem tất cả hành lý của Thẩm Công vào nhà mình, dọn phòng ở sạch sẽ và làm tiệc thết đãi.

Trong lúc ăn uống, Giá Thạch lễ mễ nói :

— Xin ngài đừng ngại, cứ lưu trú nơi tẻ xá một thời gian, tôi xin đưa gia đình tôi đến ở nơi khác, nhường nhà này lại cho gia đình ngài. Chư ông nào thánh thượng hồi tâm phục chức cho ngài, chư ông ấy ngài trở về triều, và tôi sẽ dọn trở về. Tôi tuy là một kẻ dân dã, nhưng cũng có đọc sách thánh hiền, lòng rất hâm mộ những kẻ trung thần khảng khái.

Thẩm Luyện không ngờ trong chốn cùng cư ấy lại có người có những hành vi nghĩa hiệp như vậy, bèn đề nghị kết làm anh em.

Giá Thạch nói :

— Tôi là phận dân hèn đâu xứng đánh sánh vai với đại nhân, xin đại nhân thứ cho.

Thẩm Luyện đáp :

— Những kẻ trượng phu chỉ cần trọng đại nghĩa chứ đâu phải nghĩ đến giàu sang, chức tước hay tài năng.

Nói xong, Thẩm Luyện khiến người bày bàn hương án tế trời đất, hai người nhận làm anh em.

Thẩm Công hơn Giá Thạch năm tuổi nên Giá Thạch gọi Thẩm Công bằng anh. Cả hai gia đình đều gọi vợ con ra để thi lễ cùng nhau theo thứ bậc.

Bữa tiệc hoan hỉ vừa xong, Giá Thạch dọn nhà đi cư ngụ nơi khác. Thẩm Công ở lại, lòng buồn nghĩ đến tương lai đen tối của mình, song cũng thấy vui vui trước mối tình nồng nàn thống thiết của con người đất khách bơ vơ ấy.

Thẩm Công ở đó được một thời gian, tiếng đồn là một bậc trung thần khảng khái, nên các bậc nho lão mến thương, ai nấy kẻ ít người nhiều đem vàng bạc, lễ vật đến giúp đỡ.

Thẩm Luyện nhất nhất không nhận một món gì cả, đành chịu sống cuộc đời thanh đạm nghèo nàn thế thôi.

Được lòng dân mến chuộng, Thẩm Luyện vui được nỗi buồn xa xứ bơ vơ. Nhiều người nghe tiếng Thẩm Công là một nhà văn võ toàn tài, đều rủ nhau cho con em đến học. Thẩm Luyện lại tùy theo năng khiếu của mỗi người mà dạy.

Có một số thanh niên ham chuộng nghề võ, thấy Thẩm Công có tài bắn rất giỏi, có thể bắn rơi chim bay giữa trời, bèn xin theo học nghề bắn.

Thẩm Luyện làm ba con hình nhon, cho mặc gấm vóc tử tế; mỗi hình nhon trên đầu có cắm một cây thê.

Cây thê thứ nhất đề tên : “Là Lâm Phủ, tên gian thần của triều Đường”.

Cây thê thứ hai đề tên : “Nghiêm Tung, gian tướng của triều Minh”.

Cây thê thứ ba đề tên : “Tàn Cối, gian thần triều Tống”.

Ba hình nhân này làm mục tiêu để những người tập bắn. Khi bắn, Thẩm Luyện lại bắt học trò kể tội từng tên ra rồi mắng nhiếc thậm tệ.

Học trò khoái lắm, chúng mắng chửi rất hăng, và bắn rất dữ. Dân chúng khắp vùng đều lần lượt đến xem.

Ngày tháng trôi qua, trò chơi tập bắn ấy lần lần thẩu đến tai cha con họ Nghiêm. Hai tên nịnh thần này rất căm phẫn, muốn trừ cho tuyệt hậu quả nhưng chưa biết phải làm sao, thì thời ấy có chức Tổng đốc Tuyên đại khuyết, Nghiêm Tung vận động bổ con nuôi ông ta là Dương Thuận đến đó trấn nhậm.

Dụng ý của cha con họ Nghiêm đưa Dương Thuận ra đó, để tra xét những lỗi lầm của. Thẩm Luyện vu cáo cho tội “tập họp đồ đảng để phản quốc”. Hơn nữa, Dương Thuận cũng là một tay đua nịnh, để hèn không kém.

Khi Dương Thuận vừa đến nhậm sở ít lâu, thì có giặc Thát Đát nổi lên quấy nhiễu biên cương. Chàng này vốn là một tên hèn nhát, thừa nhân vỗ bụng ăn xôi, lúc bát loạn đầu có đám đương đầu ra trước vòng nguy hiểm, vì thế cho nên cứ im hơi bất tiếng, không dám phát lính cứu viện, để mặt cho dân chúng sống với cảnh lầm than.

Đã thế, Dương Thuận lại còn cho người đi khắp các châu huyện, thúc dục lương tiền lấy cớ gởi ra mặt trận để bỏ vào túi.

Đến khi các quận huyện đã họp nhau đánh tan được giặc. Dương Thuận mới bắt mấy ngàn lương dân vô tội ra ngoài cửa ải chém đầu rồi đem về nạp cho triều đình dâng công rằng y đã dẹp được giặc.

Thẩm Luyện nghe được tin ấy, lòng sôi lửa hận, đau thương cho mấy ngàn dân lành vô tội bị thác oan chỉ vì tên phản tặc; ông làm một bài thơ, rồi mặc áo xanh, đội mũ vải, thân hành đến trước cửa nha môn đứng chờ lúc Dương Thuận bước ra thì đệ nạp. Trong thơ đại ý nói : “Công danh của một người là việc nhỏ, sanh mạng của bá tánh là việc lớn, há lại giết dân lành để lập công sao !” Dương Thuận xem bài thơ, mặt giận phùng phùng, xét nát ra từng mảnh rồi ném vào mặt Thẩm Luyện. Thẩm Luyện cũng nhìn vào mặt, cười khinh bỉ rồi bỏ đi.

Hai hôm sau, Thẩm Luyện lại viết một bản văn tế rất thảm thiết, rồi dắt cả học trò của mình ra nơi biên ải, đem theo lễ vật để tế những vong hồn bị Dương Thuận giết oan.

Tế xong, ông ta còn viết thêm một bài thơ :

Vân trung nhất phiến lỗ phong cao Xuất tái tướng quân dĩ trước lao Bất trảm đơn vu, tru bách tính Khả lân oan huyết mãn sương đao Dịch :

Khí giặc bùng lên vút tận mây Tướng quân cực nhọc đến nơi đây Đơn vu chẳng giết, giết dân chúng Thương những oan hồn, nương gió bay Dương Thuận hay được tin ấy lại càng tức tối hơn nữa, vội vẽ làm biểu, sai tên tùy cận là Lộ Khải đệ về triều, đưa vào Nghiêm tướng phủ, nói rằng : “Thẩm Luyện vì cừu hận với Thế Phồn nên chiêu tập các dũng sĩ ở biên ải, ngày đêm âm mưu nổi loạn”.

Thế Phồn nhận được tin giận căm gan, nhưng không biết phải tìm âm mưu nào sâu độc để trừ được Thẩm Luyện cho tuyệt gốc, bèn sai quan triện Lộ Khải là người tâm phúc đến để thương nghị.

Lộ Khải nói :

— Xin cử hạ quan đến tuần án Bảo An để họp với Dương Thuận mà trừ tên khốn nạn ấy mới được.

Thế Phồn mừng rỡ vội đến nói với Đô sát viện, cử Lộ Khải đi tuần án ở quan ải lập tức. Lộ Khải lãnh lệnh lên đường ra đến quan ải tỏ bày những lời ủy thác của Thế Phồn với Dương Thuận.

Dương Thuận nói :

— Trước kia Nghiêm Thị Lang sai tôi ra trấn nhậm nơi đây, mục đích ủy thác cho tôi lo việc ấy, hiềm vì chưa có cơ hội nào để triệt hạ nổi tên cứng đầu đó. Nay có tướng quân ra đây chúng ta đồng liệu mưu chước thì việc ấy phải thành.

Lộ Khải thấy Dương Thuận khiêm tốn như vậy rất thích thú, vỗ tay cười nghiêng ngửa và khoe khoang :

— Ngài chớ có lo, tôi đã đến đây rồi thì tên khốn kiếp đó không thoát khỏi tay của tôi đâu.

Dương Thuận truyền gia nhân lập bày yến tiệc đãi đằng. Hai người ăn uống say sưa hỉ hạ. Trong lúc đang uống rượu, lửa tham trong lòng nồng nực, Dương Thuận hỏi Lộ Khải :

— Chẳng hay Nghiêm Thị Lang có hứa với ngài điều chi chăng ?

Lộ Khải cười híp mắt nói :

— Nếu không có lời hứa thì chúng ta đại gì mà chịu khổ để làm việc này.

Dương Thuận hỏi nhỏ :

— Nghiêm Thị Lang hứa với ngài như thế nào ?

Lộ Khải chỉ tay lên trời nói :

— Công việc này mà xong thì tôi sẽ lên đến chức hầu bá.

Dương Thuận nói :

— Còn tôi ?

— Ngài chớ lo gì cả ! ngài cũng rõ rằng trong triều còn ai quyền hành hơn Nghiêm Thị Lang nữa, nếu chúng ta làm cho “tiểu thừa tướng” vừa ý thì muốn chức gì chả được.

Dương Thuận nghe nói khoan khoái cười ồ. Kế đó hai người vừa uống rượu vừa bàn tính âm mưu.

Lộ Khải nói :

— Hôm nay chúng ta cứ uống cho say mềm một bữa đã. Công việc ấy ngày mai sẽ nói đến.

Sáng hôm sau, Dương Thuận thăng trưởng. Bên ngoài có mấy tên quân canh la hét inh ỏi. Dương Thuận thất kinh, hỏi ra mới rõ nơi biên ải vừa bắt được mấy tên tàn quân giặc Thát Đát trước kia vì thất cơ lẫn trốn, giải đến.

Dương Thuận vỗ bàn, truyền dẫn vào. Đó là hai tên Bạch Hạo và Dương Nhất Quỷ, ăn mặc rách rưới. Dương Thuận mừng rỡ không cùng, nghĩ thầm :

— Đây là một cơ hội thuận tiện để đưa Thảm Luyện vào cõi chết rồi. Ta có thể mượn chuyện này mà diệt trừ kẻ thù được.

Nghĩ rồi lập tức truyền đem tống giam hai tên giặc, và đến tư dinh Lộ Khải để bí mật thương nghị.

Dương Thuận nói :

— Nhân việc này chúng ta đệ chiếu về Trường An vụ cho Thẩm Luyện tư thông cùng giặc, tụ tập còn đồ để mưu việc đại nghịch thì thế nào Hoàng Thượng cũng nổi giận mà trừng trị Thẩm Luyện. Hơn nữa, tội này là tội chết, hẳn có thể bị toàn gia tru lục nữa là khác.

Lộ Khải đắc ý vỗ tay khen diệu kế. Hai người cùng nhau thảo tờ biểu, và khiến người giải hai tên tàn quân giặc Thát Đát về triều giao cho Thế Phồn. Một mặt viết thư riêng ân cần căn dặn Thế Phồn phải kịp thời hạ sát.

Thế Phồn nhận được thư, vội vã đưa hai tên tàn quân sang Tuân án ngự sử để chém đầu, rồi làm biểu phụ họa theo tờ trình của Dương Thuận và Lộ Khải trình tâu với vua, lại đề nghị phong cho con lớn của Dương Thuận làm Cẩm y vệ thiên hộ, còn Lộ Khải thì được thăng lên ba trật.

Trong thời gian đó, Dương Thuận và Lộ Khải bắt Thẩm Luyện hạ ngục. Gia đình Thẩm Luyện bối rối không biết đường nào mà nói. Hai đứa con trai là Thẩm Côn và Thẩm Bao vội vã đến tìm Giá Thạch để hỏi thăm.

Giá Thạch nói :

— Đó là do hai tên chó săn Dương Thuận và Lộ Khải âm mưu để trả thù cho Thế Phồn đó. Nếu đại ca đã bị bắt giam vào ngục thì tánh mạng ắc khó toàn. Hơn nữa, việc này chúng không để cho gia đình đại ca được yên đâu. Vậy hai cháu cùng tẩu tẩu phải tìm nơi trốn tránh, đợi lúc nào họ Nghiêm suy yếu rồi hãy ra mặt mà minh oan cho nghiêm phụ, nếu chần chờ e tai họa đến không kịp trở tay đó. Công việc Tôn đại nhân trong ngục xin cứ để mặc tôi lo liệu.

Hai người đem câu chuyện của Giá Thạch kể cho Thẩm phu nhơn nghe. Thẩm phu nhơn không tin chồng mình sẽ bị giết oan như vậy, nên cứ chần chờ mãi không quyết đoán gì cả.

Giá Thạch đành than thở, không biết phải làm sao. Cách vài hôm sau, Giá Thạch cho người vào ngục dò xét, mới hay Thẩm Luyện đã bị triều đình khép vào tội tư thông với giặc, và buộc tội tử hình.

Thẩm Luyện ở trong ngục chửi mắng hai cha con họ Nghiêm và hai tên chó săn kia luôn mồm.

Dương Thuận lại sợ ngày đem ra hành quyết, Thẩm Luyện chưởi rửa chúng trước mặt ba quân, nên bắt viên chủ ngục làm tờ cáo bệnh trạng của Thẩm Luyện rồi âm thầm giết chết Thẩm Luyện ngay trong ngục tối.

Giá Thạch, vì thường ngày mua chuộc được những kẻ tâm phúc, tới lui bên trong nên hay được tin, liền nhờ chuộc xác Thẩm Công khâm liệm tử tế, đem chôn tại một nơi rất bí mật. Xong đến tin cho Thẩm Bao biết.

Mấy mẹ con Thẩm Bao khóc lóc khôn cùng.

Giá Thạch nói :

— Bây giờ có sự đã ra đường ấy. Thi thể đại ca tôi đã bảo toàn việc chôn cất xong rồi. Nay chưa thể tiết lộ được. Vậy thì tẩu tẩu và hai cháu phải lập tức tránh mau kéo bọn chó săn không để yên đâu.

Thẩm phu nhơn sụt sùi nói :

— Thẩm Công bị chết oan, việc ấy cần phải được minh oan, chúng tôi đợi lúc nào vỡ lẽ, sẽ đem linh cửu trở về tống táng chớ nữa nào lại bỏ đi nơi khác sao đành.

Giá Thạch ngậm ngùi, suy nghĩ một lúc rồi nói :

— Nếu tẩu tẩu không chịu lánh mình thì thôi, tôi không dám nói nữa, song hiện nay tôi có việc cần phải đi xa, không hẹn trước ngày về. Hai cháu ở lại nên đề phòng tình thế mà xử sự.

Giữa lúc đó, Giá Thạch ngửa mặt lên trời van vái, bỗng nhắc thấy những bài biểu tiền hậu xuất sư của Khổng Minh do Thấm Luyện chép dán đầy trên vách.

Giá Thạch nói :

— Xin hai cháu gỡ cho ta những bài biểu này để làm vật kỷ niệm, hòng sau này có gặp gỡ.

Thấm Bao bước đến, gỡ các tờ biểu trao cho Giá Thạch. Giá Thạch cầm lấy, đôi mắt rơm rớm, từ giả Thấm phu nhân và hai con rồi ra đi không ai rõ đi đâu.

Nhắc qua việc hai tên Dương Thuận và Lộ Khải sau khi hành quyết Thấm Luyện rồi, bèn đệ chiếu về triều trình tấu.

Một hôm hai người bày tiệc rượu để ăn uống, chuyện trò với nhau, Dương Thuận hỏi Lộ Khải :

— Trước kia Nghiêm Thị Lang có hứa với tôi, nếu tôi hại được Thấm Luyện sẽ cho thăng chức hầu bá, thế mà chẳng biết vì sao mãi đến nay Nghiêm Thị Lang mới phong cho đứa con trai tôi chức Thiên Hộ, còn tôi chẳng được gì hết vậy ?

Lộ Khải suy nghĩ một lát rồi nói :

— Có lẽ vì ta chỉ giết được có mình Thấm Luyện mà chưa tru được toàn gia, nên Nghiêm Thị Lang chưa vừa ý, vì sợ bọn con cái còn có thể gieo hậu quả sau này.

Dương Thuận mỉm một nụ cười nham hiểm trên đôi môi tím, nói :

— Việc ấy có khó gì. Nay ta chỉ dâng về triều một tờ biểu, nói rằng Thấm Luyện tuy đã đền tội song vợ con và vẫn nuôi chí phục thù, vậy muốn cho nước nhà khỏi sanh hậu hoạn, xin đem hết toàn gia Thấm Luyện ra mà tru lục thì yên. Ngoài ra, chúng ta còn tra xét thêm những kẻ thường ngày đi lại, giao thiệp với Thấm Luyện, chúng ta bắt đem hạ ngục và hành quyết là dứt dây tận gốc. Như thế thì Nghiêm Thị Lang làm gì mà không hả giận.

Lộ Khải vỗ tay khen phải, và nói :

— Được vậy thì chúng ta muốn chức gì mà chả được.

Chỉ cách ít hôm sau, triều đình đệ thánh chỉ đến, truyền bắt hết gia đình của Thấm Luyện hạ sát, và cả đến những kẻ thường lui tới với Thấm Luyện nữa.

Dương Thuận thi hành ráo riết, không để lọt một kẻ nào, riêng có Giá Thạch vì đề phòng trước, bỏ trốn, nên không biết đâu mà bắt.

Thương thay ! cả gia đình Thấm Luyện đều buộc vào tội thông đồng với giặc Thát Đát, đều bị xử tử cả, riêng đứa con nhỏ của Thấm Luyện mới có một tuổi nên được miễn chết cùng với Từ phu nhân, nhưng lại bị đày ra xứ Vân Nam.

Giết xong mọi người thân của Thấm Luyện ở đấy, Dương Thuận đề nghị với Lộ Khải cho người đến Triết Giang bắt đứa con trưởng của phạm nhân là Thấm Tương nữa. Thấm Tương tự là Tiểu Hà đã đổ tú tài, từ lâu nay vẫn ở nơi quê quán để phụng thờ hương hỏa.

Lâu nay Thấm Tương cũng nghe tin cha mình vì nói lời trung mà mang tội, bị đày ra Bảo An, nửa muốn đi thăm, lại sợ gia đình chưa có người săn sóc, nên vẫn còn chần chờ.

Ngày kia, Thấm Tương đang uống trà nơi nhà khách, bỗng thấy hai tên quân sai áp vào nhà, bắt Thấm Tương trói lại. Thấm Tương hỏi nguyên cớ, thì viên phủ đưa văn thư ra cho Thấm Tương xem.

Bấy giờ Thấm Tương mới biết cha và hai em mình đã bị hành hình nơi biên ải, còn mẹ và đứa em nhỏ bị đày đi xa rồi, lòng cuộn cuộn lên những mối bi ai thống thiết.

Than ôi ! giữa một thời mà bọn đua nịnh lộng quyền tránh sao cho khỏi mối tang tóc thế lương gieo vào đầu những kẻ trung thần khí phách.

Thấm Tương vừa thất thểu bước ra khỏi nhà thì đằng sau con cái, bé lớn trong gia đình đồng khóc rống lên một lượt. Đứng trước cảnh nát lòng ấy, Thấm Tương chỉ còn biết ngược mặt lên kêu trời mà thôi. Thì ra cả tài sản của Thấm Tương đều bị nha quan tịch thu hết. Vợ con bị xua đuổi dạt nhau ra khỏi nhà, vừa kêu vừa khóc.

Một lúc sau, bà con, họ hàng của Thấm Tương xúm đến, kẻ này an ủi, kẻ kia sụt sùi, thật là một cảnh náo lòng.

Ông nhạc của Thấm Tương là Mạnh Xuân Nguyên, đưa ra một gói bạc cống hiến cho nha quan, để nhờ họ che chở cho rẽ mình được bình an trên con đường vạn dặm. Tuy nhiên, bọn đầu trâu mặt ngựa này có ý chê ít, sừng sộ không chịu lấy.

Thấy vậy, Mạnh tiểu thư vội cõng cả vàng xuyên của mình đưa thêm vào đó, chúng mới chịu nhận. Thấm Tương nắm lấy tay vợ khóc lóc :

— Từ lúc chúng ta sống chung với nhau, anh vẫn biết em là con nhà thi lễ, vậy em hãy gắng mà gìn vàng giữ ngọc. Em có thể về bên nhạc gia mà trú ngụ cho qua ngày, còn thân phận của anh em chớ nên lo lắng mà bình loạn. Còn Văn thị, người vợ lẽ của anh hiện nay có mang ba tháng, em nên đem về nhà ngoại mà nương náu chờ đến ngày khai hoa nở nhụy, nếu sinh được con trai thì đó là giọt máu cuối cùng của giòng họ Thấm đó. Thôi, vĩnh biệt em nhé !

Thấm Tương nói vừa dứt lời thì người vợ lẽ Văn thị bước đến, đôi mắt đỏ ngầu, quần áo xốc xết, ôm chân Thấm Tương nói :

— Chàng đi chuyến này chưa biết sinh mạng ra sao, cần phải có người đi theo để trông nom săn sóc. Chị cả trở về nhà ngoại, còn em, em xin theo chàng để hầu hạ dọc đường, và nếu xuống đó chàng có bề nào, em ở ngoài lo lắng cho chàng mới tiện.

Thấm Tương nói :

— Đường xa ngàn dặm, phải dầm mưa giãi nắng, thân em là phận liễu bồ, yếu ớt lại có mang, đi sao cho tiện. Thôi, hãy ở nhà, để mặc anh thì hơn.

Văn thị sụt sùi nói :

— Phụ thân ta làm quan tại triều, bị bọn gian thần vu oan giá họa như vậy, còn chàng thì ở quê hương, lo kiếp khói hương, nay lại bị chúng bắt oan như vậy, chẳng lẽ đành chịu chết, vậy chàng cứ để cho em đi theo xuống đó may ra tùy cơ mà minh oan cho chàng.

Thấy Văn thị nói có lý, Thấm Tương ưng thuận.

Mãi còn dùng dần thì bọn công sai đã vực Thấm Tương lên đường. Văn thị vội vàng thay bỏ tất cả áo quần, chỉ mặc áo vải, quần thô, khoác khăn gói lên vai, lau nước mắt giã biệt mọi người rồi theo chồng cất bước.

Hai tên công sai theo giải Thấm Tương là Trương Thiên và Là Vạn. Hai người này có mật lệnh đem Thấm Tương đến giữa đường rồi giết đi cho biệt tích, về được hậu thưởng.

Tuy nhiên, vì chúng đã nhận vàng bạc của Mạnh Xuân Nguyên, hứa bảo vệ sinh mạng của Thấm Tương dọc đường, vả lại có Văn thị theo bên gót, nên ban đầu chúng không dám dờ dẫm bĩ ổi.

Khi đi được mấy hôm, đến vùng rừng núi kia, qua khỏi sông Dương Tử, chúng bắt đầu tỏ thái độ bạc đãi, làm khó dễ vợ chồng phạm nhân.

Văn thị nhìn thấy thái độ dã man của chúng, nên nói nhỏ với chồng :

— Thiếp xem bọn công sai này có ác ý, e chúng âm mưu gì đây, vậy chúng ta phải đề phòng mới được.

Thấm Tương cũng cảm thấy thế nên gật đầu. Đi được hai hôm nữa, thì hai tên công sai ấy lấy dao đeo vào mình và thường thầm thì nháy nhó với nhau.

Thấm Tương nói nhỏ với vợ :

— Ngày mai đến địa phận Tế Ninh, nơi đó là một nơi hiểm trở, con đường phải quanh theo dãy núi Thái Hàng và Lương Sơn. Trước đây bọn cướp thường đồn trú ở đó để chặn khách qua đường giết người lấy của. Nếu bọn công sai thừa nơi hiểm trở ấy mà hạ sát chúng ta thì chúng ta liệu làm sao đây ?

Văn thị nói :

— Xin chàng hãy định liệu kế thoát thân sớm thì hơn.

Thấm Tương bầm trán suy nghĩ một lúc rồi nói :

— Cửa đông thành Tế Ninh có Phùng chủ sự là một kẻ nghĩa khí, xưa kia là bạn đồng khoa với cha chúng ta, nay về đó cư tang. Ngày mai nếu anh được trốn đến đó kêu oan thì thế nào ông ta cũng che chở, ngặt vì không có cách gì để gạt được hai tên công sai này.

Văn thị nói :

— Nếu được dịp thế thì em có cách.

Thấm Tương nhìn vợ hỏi vợ :

— Cách gì vậy ?

Văn thị nói :

— Hai tên công sai này là bọn đề hèn, tham lam vô hạn. Đêm nay chàng nói với chúng rằng trước kia quan Chủ sự có mắc nợ cha chúng ta một số tiền lớn chưa trả, nay nhân dịp qua đây, chàng đến đó đòi. Nếu được số tiền ấy sẽ chia cho chúng, thì thế nào chúng cũng bằng lòng.

Thấm Tương cho là phải. Tối hôm ấy, chàng đem câu chuyện nói lại với hai tên công sai. Trương Thiên nghe nói động lòng tham, bèn nói nhỏ với Là Vạn :

— Ta xem chàng công tử này ngô nghê và thật thà lắm, vả lại vợ của y còn ở trong tay ta, y đâu dám trốn một mình, vậy chúng ta cứ cho nó đi đòi nợ may được thì số tiền lớn ấy chúng ta tha hồ mà chè chén.

Là Vạn nói :

— Chúng ta có hai đứa, nên chia nhau mà làm việc. Bây giờ chúng ta tìm đến một quán cơm gọi hành là rồi anh ở đấy trông vợ của hấn, để tôi dẫn hấn đi đòi nợ. Như thế chắc chắn hơn.

Trương Thiên cho ý đó rất hay. Hai người vừa đi vừa nói chuyện cười tít mắt. Chẳng bao lâu đã đến một cái quán cơm bên đường, mọi người đều dắt nhau vào.

Thẩm Tương hỏi hai tên công sai :

— Bây giờ anh nào dẫn tôi đi đòi nợ đây ?

Là Vạn nói :

— Tôi đi cùng công tử cho. Biết đâu đến đó người ta chẳng mời tôi cùng công tử say sưa một bữa.

Văn thị giả vờ nói :

— Đòi bây giờ lòng người điên đảo rất khó mà dò. Biết đâu trước kia họ là kẻ thân, mà bây giờ đến lúc hoạn nạn, họ lại khinh bỉ mình cũng không biết chừng. Vậy xin chàng cứ dùng cơm rồi hãy đi cho chắc ý.

Là Vạn nghĩ đến số bạc to tát kia, lòng say sưa hồi hộp, dục Thẩm Tương đi gấp rồi trở về sẽ ăn cũng không muộn.

Văn thị nhìn chồng nói :

— Chàng có đi thì nên về gấp kéo thiếp nóng lòng mong.

Là Vạn cười và nói :

— Đi một chút thôi, có gì mà phải cản dận thế.

Nói xong, Là Vạn nắm tay kéo Thẩm Tương ra khỏi cửa quán. Vừa ra khỏi cửa, nhân lúc Là Vạn đang đi tiểu, Thẩm Tương rào bước đi rất mau.

Là Vạn đã từng quen thuộc đất Tế Ninh, cũng đã biết qua nhà Phùng chủ sự nên không có gì lo lắng, chậm rãi đi theo sau.

Khi đến công nha Phùng chủ sự, Thẩm Tương quay lại không thấy bóng Là Vạn đâu, bèn vội chui vào cửa cổng, đi thẳng vào nhà.

Giữa lúc ấy Phùng Công đang ngồi một mình ở phòng khách, thấy Thẩm Tương bước vào, nét mặt hơi hãi, thì thất kinh vội hỏi duyên cớ. Thẩm Tương đem tất cả mọi việc cha mình bị hai tên nịnh thần mưu sát trong ngục, và hiện nay còn tìm bắt mình để vấn tội.

Phùng Công hỏi :

— Thế cháu làm sao đến được nơi đây ?

Thẩm Tương nói :

— Cháu bị hai tên công sai giải ngang qua đây. Hai tên này có ý định thủ tiêu cháu dọc đường, do đó cháu lập mưu đến đây nhờ bá phụ cứu mạng.

Phùng chủ sự khẳng khái nói :

— Cháu đừng sợ, ta đưa cháu đến một nơi kín đáo để lẩn tránh một vài hôm, chờ chúng nó đi rồi sẽ liệu định.

Nói xong, ông ta nắm tay Thẩm Tương dắt đến sau phòng ngủ, nâng một tấm ván lên, bên trong bày ra một cửa hầm đen ngòm. Trong gian hầm bí mật ấy có ba căn rất rộng rãi, có thể nướng nấu được.

Thẩm Tương chui xuống đáy, rất an lòng. Sớm chiều Phùng Công cho người mang cơm nước xuống nuôi nấng Thẩm Tương rất tử tế.

Là Vạn khi chạy đến cổng nhà Phùng Công, người gác cửa đón lại không cho vào. Là Vạn hỏi :

— Vừa rồi có người mặc áo trắng đến yết kiến lão gia đã được hội diện chưa ?

Người giữ cửa lạnh lùng đáp :

— Lão gia mời ở lại dùng cơm tại thư phòng.

Nghe nói như vậy, Là Vạn an lòng ngồi phetch trước cổng chờ.

Chờ mãi, lúc bóng tối đã buông dần, Là Vạn nóng lòng, không biết Thẩm Tương làm gì trong đó mà lâu thế, quá sức bức bối, muốn vào hỏi thúc, nhưng người gác cổng nhứt định không cho vào. Chàng phải năn nỉ, nói :

— Trong phòng khách, lão gia còn tiếp ai trong đó không ?

Người giữ cửa nói :

— Không biết.

Là Vạn nói :

— Chẳng giấu gì anh, tôi là lính công sai của quan Tổng đốc Tuyên Đại, được lệnh giải phạm nhân của triều đình, tên Thẩm Tương về phủ. Lúc đi ngang qua đây, Thẩm công tử xin vào yết kiến lão gia. Tôi vị tình nên để cho vào. Bây giờ đợi mãi đã gần tối mà chưa thấy ra, vậy phiền anh vào hỏi thúc giùm một tí.

Người giữ cửa giả vờ nặng tai, neho mắt nhìn Là Vạn rồi hỏi giọng ngớ ngẩn :

— Sao ? Anh nói gì tôi chưa hiểu.

Là Vạn phải thuật lại lần nữa rõ ràng hơn, và người giữ cửa vẫn vờ về ba lơn, nói :

— Thẩm công tử nào ? Làm gì có người khách lạ vào đây. Lão gia tôi hiện đang cư tang, không bao giờ tiếp ai hết cả. Thôi, đừng có nói vớ vẩn mãi, hãy đi đi, làm rầy mãi...

Nói xong, người gác cổng quay gót trở vào.

Thấy cổng hé mở, Là Vạn nghĩ thầm :

— Mình vâng lệnh thượng cấp thi hành công vụ chứ phải việc chơi sao, nay can phạm trốn trong đó, ta có quyền vào nã tróc chứ.

Là Vạn bèn sấn vào gọi to :

— Thẩm công tử đâu ? hãy ra mau ! ra mau !

Trong nhà im lặng, không một tiếng nào đáp cả.

Giữa lúc đó bên ngoài có tiếng cãi cọ xôn xao. Là Vạn quay ra thì thấy Trương Thiên đang đi tìm mình, và đang hỏi thăm người gác cổng.

Trông thấy Là Vạn, Trương Thiên nổi giận, mắng :

— Thật là thứ ham ăn hóc uống, chỉ lo ăn uống cho thỏa thích, không lo gì đến công vụ, và ai trông chờ cả !

Là Vạn lòng cũng đang hậm hực, thấy bạn mắng oan mình, cũng vội nói lại :

— Ăn uống thứ gì ? hời chiều giờ đứng đợi mãi ngoài cổng suốt buổi, khổ muốn chết, bụng đói như cào, còn phạm nhân thì đi đâu mất chẳng thấy tăm tích gì cả.

Trương Thiên nghe nói, trợn đôi mắt ốc nhìn sững vào Là Vạn, rồi hỏi :

— Thế anh không dẫn phạm nhân đến đây sao ?

Là Vạn nói :

— Thì dẫn đến đây chứ sao nữa, nhưng phạm nhân vào nhà không thấy ra, còn người gác cổng thì không cho tôi vô, tôi đứng đợi mãi nơi đây suốt buổi đó.

Trương Thiên cầu nhàu :

— Anh lãnh phần dẫn đi thì anh chịu trách nhiệm chứ tôi biết đâu.

Nói xong, Trương Thiên co cẳng bỏ chạy, Là Vạn nắm áo níu lại nói :

— Thì cũng chung nhau mà chịu chứ tôi ăn uống gì sao ! hấn vào nhà này thì hấn còn đó chứ trốn đằng nào được.

Trương Thiên nói :

— Suốt mai giờ chưa ăn, đói muốn chết, mụ vợ của hấn ở nhà cần rần mãi, bảo tôi đi chồng của y thị về. Bây giờ anh để cho hấn trốn mất, anh còn bảo tôi làm gì nữa.

Là Vạn nói :

— Vợ hấn còn trong tay ta, hấn lại dám trốn đi một mình, bỏ vợ lại sao. Vậy anh trở về nhà giữ mụ vợ hấn lại cho kỹ, để tôi vào nhà Phùng chủ sự mà đòi phạm nhân.

Nói xong, Là Vạn giục Trương Thiên trở về.

Trương Thiên đi rồi, Là Vạn thơ thẩn mãi trước cổng cho đến lúc vầng trăng le lói mọc khỏi đầu non, hời trống thâu canh chậm rãi buông từng tiếng trầm trầm buồn bã, bụng Là Vạn lúc bấy giờ đói như cào, mặt mày buồn xo, hấn bèn tìm một cái quán ăn gần đấy, ăn qua loa vài miếng rồi trở lại trước cổng nhà Phùng chủ sự, ôm gối ngồi đó ngủ gà ngủ gật cho đến sáng.

Trời vừa mờ sáng, hấn đã thấy Trương Thiên chạy đến nữa. Là Vạn hỏi :

— Tại sao lại không canh giữ mụ vợ hấn, đến đây làm gì ?

Trương Thiên quạu quọ nói :

— Ôi thôi ! suốt đêm y thị dục tôi đi tìm chồng y thị, tôi không chợp mắt được một chút nào. Con mụ này nhỏ tuổi mà dữ lắm. Hấn hăm rằng nếu làm mất chồng hấn thì hấn đưa chúng mình ra pháp luật.

Là Vạn cau mày nói :

— Thấm Tương ở trong nhà này chớ chưa đi đâu cả, hiềm vì chúng ta không biết làm thế nào vào nã tróc hấn mà thôi.

Trương Thiên nói :

— Tôi có mang theo công văn soái phủ và trát giải của tri phủ Thiệu Hưng đây, vậy chúng ta cứ vào bừa đi có sao.

Là Vạn nói :

— Phùng chủ sự thuộc hàng quan lại, còn chúng ta là phận lính tráng, thực khó lòng.

Trương Thiên nói :

— Mặc dầu là lính, nhưng chúng ta thi hành lệnh trên.

Là Vạn ngấm nghĩ một lúc, cho lời nói của Trương Thiên là có lý.

Khi chiếc trục cổng vừa rít lên, lăn đều một vòng trên ngưỡng cửa, hai gã công sai đều sấn vào kêu gọi ầm ĩ.

Bọn gia nhân trong nhà chạy đến lôi hai tên công sai ra, chúng phản đối la ó om sòm. Giữa lúc đó, bên trong có tiếng ho quan liêu, và quen thuộc. Bọn tôi đều đứng dang ra hai bên, chờ đường cho Phùng Công từ từ bước đến.

Bằng một giọng nghiêm khắc, Phùng Công hỏi hai tên công sai :

— Các người có việc gì mà dám đến nhà ta làm huyên náo như thế ?

Trương Thiên và Là Vạn đồng sụp xuống đất lạy và nói :

— Xin lão gia rộng lượng xét cho chúng tôi, chúng tôi là công sai được lệnh trên phái đến Triết Giang để nã tróc Thầm Tương là phạm nhân của triều đình. Lúc đi ngang qua đây, Thầm Tương xin được vào yết kiến lão gia. Chúng tôi không dám ngăn trở nên đứng ngoài chờ, chẳng ngờ Thầm Tương vào nhà rồi không thấy trở ra, vậy nhờ lão gia thương phận chúng tôi cho gã lên đường, chúng tôi xin đội ơn lão gia trọn kiếp.

Phùng Công làm bộ hỏi :

— Thầm Tương nào ? có phải Thầm Tương là con trai lớn của Thầm Lượng đó không ?

Hai tên công sai nghe hỏi đồng dạ một lượt.

Phùng Công tròn mắt nhìn chúng nói :

— Thầm Tương này chẳng những là khâm phạm của triều đình mà còn là kẻ thù của Nghiêm Các Lão, ai mà dám chứa chấp trong nhà, sao các người lại dám đến đây nói bậy làm bậy. Nếu Nghiêm Các Lão mà hay được có phải ta bị mang họa không ? quân bay đâu ? mau đuổi cổ hai tên này ra đóng cửa lại, kẻo chúng nói xàm như thế có hại cho nhà ta không nhỏ.

Nói xong Phùng Công bỏ vào trong; bọn gia nhân đồng hè nhau một lượt, bắt hai tên công sai tổng ra ngoài đóng chắc cổng lại.

Trương Thiên tức giận quá nhưng không biết nói với ai, bèn chỉ vào mặt Là Vạn nói :

— Hôm qua mi phụng mạng dẫn nó đến đây, bây giờ nó trốn mất rồi, vậy mi liệu sao thì liệu.

Là Vạn thở ra nói :

— Thôi, chúng ta trách cứ với nhau như thế cũng không ích lợi gì. Chi bằng trở về quán trọ tra hỏi vợ hán xem may ra có biết được tung tích gì không.

Hai người dắt nhau thất thủ trở về phạm điểm. Văn thị vừa mới nghe tiếng hai người léo nhéo ở đằng xa, đã chạy ra đón lại, gay gắt hỏi :

— Chồng tôi đâu ? sao không cùng về với các người ?

Là Vạn đem các việc nơi nhà Phùng Công kể lại đầu đuôi tự sự.

Văn thị không nghe, nổi giận chưởi mắng đùng đùng, vừa khóc sụt sùi vừa nói :

— Thế là hai người đã dẫn chồng tôi đem giết đi nơi nào cho mất tích rồi trở về nói dối với tôi như vậy chứ gì ?

Nói xong, nàng lại khóc òa lên làm náo động cả phạm điểm. Là Vạn và Trương Thiên tức muốn nghẹn cổ họng, không nói ra lời. Chủ quán bước đến hỏi thăm tự sự, nàng Văn thị một mặt buộc tội cho hai tên công sai kia đã giết chồng nàng.

Chủ quán nói :

— Hai người đó không có thù oán gì với công tử, không lẽ họ giết để làm gì ?

Văn thị nói :

— Chồng tôi là kẻ thù của Nghiêm Tung, chắc là Nghiêm Tung đã thuê hai người này giết chồng tôi dọc đường để làm cho biệt tích. Còn hai người này nhất định đã làm như thế để lập công.

Trương Thiên cãi lẽ :

— Nếu chúng tôi mà mưu sát chồng nàng thì chúng tôi tẩu thoát cho rồi chứ còn trở về đây làm gì ?

Văn thị không vừa, đáp ngay :

— Các người khinh tôi là đàn bà, không biết gì, nên đã giết chồng tôi, còn toan trở về đây để tính chuyện bắt lương, đòi phong bại tục nữa !

Hai tên công sai thấy Văn thị già mồm thì cứng là không biết cãi vào đâu nữa, đứng yên mà nhìn nhau.

Trong điểm lúc đó có đông người ăn uống, thấy Văn thị kể lẽ nỗi khổ tình, ai nấy đều động lòng thương, oán ghét hai tên công sai, và nói :

— Nếu công nương muốn tố giác nỗi oan tình ấy, chúng tôi sẽ đưa giùm đến binh bị đạo. Văn thị cúi đầu cảm tạ, và nói :

— Mong ơn liệt vị có lòng thương tưởng đến kẻ lâm nạn, vậy nhờ liệt vị đừng để cho hai tên giết người này trốn thoát.

Mọi người trong quán áp lại dẫn Trương Thiên và Là Vạn đến sở binh bị đạo. Văn thị theo sau vừa khóc vừa kể, uất hận tràn trề.

Khi đến thính đường, Vương binh bị xét hỏi thì Văn thị lạy phục xuống nói :

— Cảnh nhà tôi gặp cơn tai biến cho chồng tôi và hai em tôi đều chết một cách oan uổng. Chồng tôi là Thắm Tương, lâu nay ở nhà trông nom phần mộ của ông bà, không hề làm một điều gì phạm pháp, thế mà họ lại sai bọn công sai lòng bất dẫn đến nửa đường âm mưu giết đi...

Trương Thiên và Là Vạn đều ngượng cổ lên cãi lại, nhưng chúng nói đến câu nào đều bị Văn thị dùng là sự bắt bẻ đến nỗi cả hai không còn biết nói làm sao nữa.

Vương binh bị thấy thế cho là một việc áp bức của công sai, bèn giải ngay nội vụ qua phủ đường tra xét.

Quan phủ Tế Ninh nghe Văn thị kể nỗi oan tình và buộc tội hai tên công sai rất chắc chẽ, thì lòng mến phục vô cùng.

Trương Thiên và Là Vạn vì có lỗi để phạm nhân đi, nên không biết khai làm sao, cứ áp a ấp úng, chối đàng này ló đàng kia mãi.

Quan phủ Tế Ninh nổi giận, truyền đánh mỗi đứa một trăm trượng, bảo phải khai sự thật. Chúng đau quá phải bày tỏ việc cho Thắm Tương đến yết kiến Phùng chủ sự.

Quan phủ Tế Ninh truyền giam cả ba vào ngục, rồi thân hành đến nhà Phùng Công để dò hỏi. Hay được tin có quan phủ đến, Phùng Công vội vàng ra tiếp đón. Khi trà nước xong, quan tri phủ hỏi qua câu chuyện Thẩm Tương. Phùng Công ra vẻ nhún nhúm đáp :

— Bọn ấy là kẻ thù của Nghiêm Thị Lang, tôi tuy có tình đồng khoa thực, song đâu lại dại gì giao thiệp với chúng để mang họa vào thân. Xin ngài đừng hỏi đến việc ấy vô ích, e rằng tai tiếng đến Nghiêm phủ thì họa cho gia đình tôi chẳng nhỏ.

Quan phủ Tế Ninh thấy thái độ sợ sệt của Phùng Công như thế, lòng không nghi ngờ gì cả. Nói qua loa vài câu chuyện nữa rồi vội vã cáo từ ra về.

Đi dọc đường, Hạ tri phủ nghĩ thầm : “Con người nhúc nhác như Phùng Công thì có lẽ nào lại dám chứa Thẩm Tương, đây có lẽ là một sự mưu sát thực”.

Về đến phủ đường, ông ta truyền đòi Là Vạn và Trương Thiên ra công đường hỏi lại. Hai tên công sai vẫn một mực chối dài. Chúng khai không có dự tính giết Thẩm Tương và Thẩm Tương hiện chưa chết.

Tri phủ nổi giận vỗ bàn nói :

— Bây là công sai, có phạm sự giữ phạm nhân tại sao lại để cho phạm nhân đi nơi nào không biết, có phải bay đã nhận tiền một kẻ nào để thủ tiêu phạm nhân cho mất tích đi không.

Hai tên công sai khóc lóc lạy lục nhất định không chịu thú nhận âm mưu Lộ Khải và Dương Thuận đã căn dặn trước khi đi, mặc dầu chúng chưa làm thành.

Quan phủ truyền đánh mỗi đứa ba trăm trượng, nát cả mình mẩy rồi cấp cho bốn tên tráng đinh khí giới hẳn hoi dẫn hai tên công sai đi tìm Thẩm Tương.

Còn Văn thị thì hạ lệnh cho đến am cửa một vị ni cô gần đó mà tạm trú.

Hai tên công sai biết tìm đâu cho ra Thẩm Tương, chúng đi ngất ngơ ngất ngưỡng suốt ngày này sang ngày kia như hai con chó dại. Còn Văn thị cứ cách vài bữa lại đến phủ đường khóc lóc khiêu nại, và mỗi lần như thế là Trương Thiên và Là Vạn bị một trận đòn chí tử.

Lâu ngày, Trương Thiên không chịu nổi phải bỏ mình, Là Vạn tuy còn sống, song không còn đi đâu nổi nữa, một hôm lần đến am tự quỳ lạy Văn thị, kể hết sự tình :

— Kẻ tiểu nhân này sắp chết rồi, xin công nương niệm tình dung thứ. Hai đứa tôi quá thật có nhận tiền nơi Lộ Khải và Dương Thuận để thủ tiêu Thẩm công tử dọc đường thật, nhưng chưa thi hành được thì Thẩm công tử đã trốn thoát. Hiện nay Thẩm công tử chưa chết, vậy xin công nương tha mạng cho tôi, tôi nguyện đời ơn vạn hưởng.

Văn thị thấy chúng một đứa đã chết, một đứa đã ăn năn, không còn chối cãi nữa, nên động lòng thương, từ đó không đến phủ đường khiêu nại.

Quan phủ thấy việc chầy ngày tháng, không đi đến đâu, lại thấy Văn thị lơ là nên không còn quan tâm đến nữa. Do đó, một hôm Là Vạn thừa cơ hội, cuốn gói trốn đi biệt tích.

Ngày tháng trôi qua, trôi âm thầm trong uất hận của lòng dân do họ Nghiêm thao túng.

Một hôm nhà vua phái binh khoa cấp sự Ngô Thời Trung ra biên ải để xem xét công việc binh bị.

Ngô Thời Trung vốn là một kẻ trung thần. Khi ra đến nơi biết được việc Dương Thuận chém bá tánh, lấy đầu nạp về dâng công, bèn làm sớ tâu với triều đình.

Hiện lúc ấy vua Gia Tĩnh đang thiết đàn làm chay cầu phúc, gặp tờ sớ ấy lòng phùng lửa giận, truyền chỉ cho cầm y vệ bắt hai con chó săn ấy đưa về kinh hỏi tội.

Thẩm Tương lúc bấy giờ trốn tại nhà Phùng Công, nghe hai tên ấy đã bị bắt, trong lòng khoan khoái vô cùng, bèn xuất đầu lộ diện, dàng hoàng ra nơi thư phòng của Phùng Công đọc sách, không còn trốn tránh nữa.

Thời gian trôi qua rất nhanh. Mới đó đã tám năm qua. Việc đời hết lúc thịnh đến lúc suy. Hành động của nịnh thần xưa nay như ngọn lửa rơm, cháy bùng lên để rồi tắt lụi.

Nữu Dương phu nhân là vợ của Nghiêm Tung bị bệnh, từ trần. Nghiêm Thế Phồn xin phép cha được về quê cư tang.

Trong thời gian cư tang, Thế Phồn là một thanh niên đã quen thói trụy lạc, ngang tàng, hà hiếp lương dân, nên khi về quê vẫn giữ thói ấy, ngày đêm dâm dật, rượu chè, bắt gái đẹp khắp trong vùng đến đó bày trò bỉ ổi. Dân chúng uất hận, tiếng đồn thấu đến tai vua Gia Tĩnh.

Nhà vua vốn là một kẻ chí hiếu, nghe việc ấy trong lòng cay đắng vô cùng. Gặp lúc có người phương sĩ Lam Đạo Hành giỏi về nghề phụ tiên. Nhà vua triệu đến, truyền chỉ Lam Đạo Hành cầu thỉnh tiên để hỏi việc cha con Nghiêm tướng quốc “hiền hay không hiền”.

Lam Đạo Hành tâu :

— Tâu bệ hạ, thần thánh thường nói thẳng, e có điều gì không vừa ý, bệ hạ bắt tội hạ thần chăng ?

Nhà vua mỉm cười đáp :

— Nếu thế thì ta thỉnh cầu làm gì ?

Rõ được lòng vua, Lam Đạo Hành tâu thêm :

— Nếu vạn nhất có lời nào trái ý, xin Thánh Thượng miễn tội cho.

Nói xong, Lam Đạo Hành đặt bàn hương án, niệm chú, đọc lời cầu tiên. Một lúc sau thần bút cử động chập chờn như mây gió, và viết ra mấy câu sau đây :

Cao sơn phiên thảo Phụ tử các lão Nhật nguyệt vô quang Thiên địa điên đảo Nghĩa là :

Núi cao phiên thảo Cha con các lão Ngày đêm tối tăm Đất trời điên đảo Vua Gia Tĩnh xem qua mỉm cười nói :

— Chữ sơn trên chữ cao tức là chữ Tung. Chữ phiên có thảo đầu là chữ Phồn. Như thế là trẩm đã biết rồi.

Lam Đạo Hành thấy vua đã hiểu, vội vàng cúi đầu lui ra không nhận lễ vật gì cả.

Từ đó vua Gia Tĩnh lần lần không tin dùng Nghiêm Tung nữa.

Ngự sử Trâu ứng Long thấy đã đến lúc cần diệt trừ kẻ nịnh để củng cố triều đình, mua lại lòng dân, bèn làm sớ kể tội lỗi của cha con Thế Phồn mưu hại trung thần, tham ô những loạn từ trước đến nay, mỗi mỗi đều trưng ra một bằng chứng, lời lẽ rất thiết tha, và yêu cầu trừ khử để cho lòng dân được an.

Nhà vua thấy sớ y tấu, thăng chức Trâu ứng Long làm thông chính hữu tham nghị, lại truyền bắt Thế Phồn giáng chức sung vào quân ngũ, còn Nghiêm Tung thì cắt hết chức đuổi về làng.

Tuy nhiên, Thế Phồn vẫn quen thói ngang tàng không coi lệnh vua ra sao cả, cứ lo việc dân dật, bạo ngược, không chịu vào quân ngũ.

Đã vậy, do lòng bất mãn, Thế Phồn còn tụ tập một số gian nhân hòng mưu toan nổi loạn.

Quan ngự sử tuần án Giang Tây hay tin được, về tâu với nhà vua, nhà vua nổi giận, truyền chỉ chém Thế Phồn tại chỗ, tịch thu hết tài sản. Còn Nghiêm Tung thì cho vào viện tế bần, sống với bọn ăn xin nghèo khổ.

Mỗi khi Nghiêm Tung xách gậy đi xin, dân chúng người người phỉ nhổ vào mặt, thật là thâm hại.

Lẽ ra từng tuổi ấy, Nghiêm Tung cũng nên tự tử chết cho rồi, để khỏi phải sống cuộc đời xấu xa tàn tệ ấy. Thế mà Nghiêm Tung vẫn cố bám lấy cái sống, hình như trời muốn đầy những kẻ gian thần ác đức ấy, hoặc giả những bọn hủ tử tham sinh không đủ can đảm để tự xử lấy mình.

Trong thời gian ấy, những người trung nghĩa bị hại bởi tay cha con họ Nghiêm đều được minh oan.

Phùng Công hay tin ấy lòng mừng không xiết, liền báo cho Thẩm Tương hay. Thẩm Tương lật đật đến am ni cô tìm vợ. Văn thị thời gian sống nơi đó, đã sinh đẻ một đứa con trai lên mười tuổi.

Suốt mười hai năm trời nuôi con sống xa chồng, nàng đã chịu bao nỗi đắng cay, tẩm thâm liễu yếu đào tơ, một mình nơi cô quạnh, ban ngày bắt ốc hái rau, tối về nuôi dưỡng đứa con, chăm lo đèn sách, mỗi hận lòng mỗi lúc một sâu.

Nay hay đẻ bọn gian thần đã đền tội, lại được gặp mặt chồng, nỗi buồn tủi của dĩ vãng tiêu tan trong lòng thiếu phụ, nhường lại cho những cái vui của hiện tại và tương lai.

Hai vợ chồng tâm sự cùng nhau, mối tình vừa bi thiết vừa nồng nàn tưởng không bao giờ dứt.

Văn thị ẵm con vào từ giã và cảm ơn ni cô, rồi hai người cùng lên đường, xa rời am tự. Bây giờ hai vợ chồng kéo đến lạy tạ Phùng Công đền ơn bảo dưỡng. Phùng Công thấy bọn gian thần đã tàn rụi, nên định ý về triều xin phục chức, bèn dắt Thẩm Tương cùng về kinh.

Về đến Bắc Kinh, việc đầu tiên Thẩm Tương là lo thanh minh tội chết oan cho cha mình, kể đó mới tìm hài cốt về quê di táng.

Thẩm Tương vào kết kiến Thông chính tham sự Trâu ứng Long, kể lể nỗi oan tình của gia đình mình từ trước đến nay.

Trâu ứng Long nghe nói rất đau lòng, bảo Thẩm Tương làm tờ tố oan đưa đến, rồi thân hành vào triều tâu với vua.

Chẳng bao lâu, thánh chỉ truyền xuống sắc phong cho Thẩm Luyện vì trung nghĩa mà chịu chết oan nay phục hồi nguyên chức, lại phong ba cấp để làm sáng tỏ khí tiết trung thần. Lại truyền cho các phủ huyện những tài sản tịch thu trước kia phải hoàn lại đủ số. Thẩm Tương đã đổ tú tài và phải chịu nhiều điều oan khổ, nay đặt cách bổ làm Tri huyện.

Lúc bấy giờ hai tên chó săn Lộ Khải và Dương Thuận còn nhốt nơi ngục thất. Thẩm Tương thấy hai kẻ thù cần phải đền tội để cho vong hồn cha mình ở suối vàng được cõi mở bèn làm sớ dâng lên nhà vua nói :

— Cha hạ thần là Thấm Luyện, vì mắt thấy Dương Thuận giết hại dân lành để lập công, vì thế mà ngâm thơ cảm thán. Chẳng may gặp ngự sử Lộ Khải bí mật cùng Dương Thuận hợp mưu hãm hại kẻ tôi hiền. Cha và hai em của hạ thần bị hai tên gian nịnh ấy tra tấn đến chết. Nay xin bệ hạ trừ khử những kẻ ấy để vừa lòng những tôi trung, làm gương cho kẻ nịnh.

Nhà vua chuẩn tấu.

Dương Thuận và Lộ Khải bị ghép vào tội tử hình. Chẳng bao lâu, bản án ấy được thi hành xứng đáng.

Thấm Tương thấy bao nhiêu kẻ thù đã đền tội, trong lòng cõi mở, bèn từ biệt Phùng Công để đến Vân Nam đón mẹ và em về.

Phùng Công nói :

— Thấm phu nhân và quạ đệ Ở Vân Nam vẫn được mạnh giỏi. Mới đây, ta đã có cho người đến đón, chẳng bao lâu nữa hai mẹ con cũng về đến đây. Điều đó cháu không nên nhọc lòng. Chỉ có việc di cốt lộn tôn là điều hệ trọng, hiện nay không ai biết trước kia đã chôn cất nơi đâu, vậy cháu cố công tìm kiếm để lo việc cải táng.

Thấm Tương vâng lời đến Bảo An tìm hỏi.

Qua một thời gian, Thấm Tương vẫn không tìm ra được mối manh gì cả.

Suốt ngày đêm Thấm Tương dò hỏi, nhưng không một ai biết được di cốt của Thấm Công nơi đâu, lòng Thấm Tương buồn ngùi rơi lụy. Một hôm vì quá mệt nhọc, Thấm Tương đứng dựa nơi một túp lều tranh tạm nghỉ, bỗng có một cụ già quắc thước bước ra mời vào uống nước.

Thấm Tương vừa bước vào nhà thì thấy trên vách có dán mấy bài “tiền hậu xuất sư”, rõ ràng là bút tích của cha mình.

Thấm Tương dè dặt hỏi :

— Thưa lão trưởng, bản chữ này ai viết mà tốt vậy ?

Ông già lau nước mắt đáp :

— Đây là bút tự của Thấm Luyện, một người bạn kết làm anh em với tôi để lại. Nguyên Thấm Công là một bậc trung nghĩa bị gian thần hãm hại, đày ra xứ này. Lão họ Giá, tên Thạch, vì chuộng kẻ trung thần nên hết tình giúp đỡ. Chẳng may Lộ Khải và Dương Thuận lại bí mật âm mưu giết Thấm Công và hai con nữa. Còn Thấm phu nhân và người nhỏ là Thấm Cừu bị đày đi Vân Nam. Lão có thường đến đó thăm viếng và giúp đỡ. Nay bọn gian thần đã bị tận diệt, nên lão mới trở về nơi đây. Lão có tin cho mẹ con Thấm Cừu biết, thế nào sớm tối ngày nay cũng đến đây để tìm di hài của Thấm Công mà cải táng. Còn bức tiền hậu xuất sư đó là kỷ niệm của lão.

Thấm Tương nghe nói khóc òa, và nói :

— Thưa chú, cháu là Thấm Tương, con lớn của Thấm Côn, còn bức chữ này là của cha cháu đó.

— Chú nghe Dương Thuận và Lộ Khải nã bắt cháu để hãm hại, thế tại sao cháu còn sống sót được.

Thấm Tương kể hết sự tình.

Khóc một hồi, Giá Thạch nói :

— Nếu cháu muốn tìm hài cốt của cha cháu thì không khó gì, vì chính trước đây chú đã chuộc xác đại ca mà mai táng. Vậy cháu cứ an lòng vào đây dùng bữa đã, rồi sẽ lo đến việc ấy.

Cơm nước xong, Giá Thạch định dắt Thấm Tương đi chỉ mồ mả, thì phía ngoài có một tên gia nhân dẫn một thanh niên bước vào.

Giá Thạch mừng rỡ chỉ chàng thanh niên kia và nói :

— May lắm ! Thấm Cừu đã đến đây rồi.

Ông già lại chỉ Thấm Tương và nói :

— Còn đây là anh cả của cháu.

Hai anh em nhìn nhau, ôm chầm lấy nhau, khóc trong vui sướng.

Một lúc sau, hai anh em cùng đi với Giá Thạch đến tìm mả Thấm Công và Thấm Bao, Thấm Côn.

Đồ khâm liệm đã sửa sửa đủ, người ta trục hài cốt lên thì thi thể ba người vẫn tươi như người sống.

Đó là khí tiết của kẻ trung, mà đến lúc chết vẫn còn kết tinh lại.

Mối ơn thâm

Vào năm Chính Thống triều Minh, tại đất Hưng An tỉnh Quảng Tây có một người họ Tiễn, tên Vu Đồng, nhà tuy nghèo nhưng tánh ham học. Năm mười một tuổi đã vào trường, năm mười hai tuổi được nhà nước cấp học bổng, chăm lo đèn sách rất gắng công.

Tuy nhiên học tài thi phận là câu cổ ngữ từ xưa đến nay đã linh ứng, biết bao nhiêu trong cảnh lều chõng của thí sinh, Tiễn Vu Đồng thi mãi không đậu, khoa thi nào cũng vác lều vác chõng đi để rồi trở về không.

Tuy thế Vu Đồng không lấy đó làm điều chán nản. Không phải như cụ Tú Xương nhà ta :

Mai mà tứ hồng tứ đi ngay, Cúng giỗ từ đây nhớ lấy ngày.

Vu Đồng càng thi hồng, càng dùi mài kinh sử, và càng dùi mài kinh sử lại càng hồng nặng hơn.

Năm Thiên Thuận thứ sáu, Vu Đồng đã năm mươi bảy tuổi, mái tóc đã đổi màu xám, thế mà còn chen chúc với đám thư sinh mớ chiếm bảng vàng, ra tay bẻ quế.

Bọn thư sinh thấy vậy ai nấy đều châm biếm, thấy mặt ông ta ai nấy cũng không nhịn được cười, đến nỗi người ta đặt riêng cho ông ta một biệt hiệu là “quái vật”.

Mà “quái vật” gì mặc kệ, Vu Đồng không lấy đó làm điều bất mãn, cứ học, cứ thi mãi, không kể đến lời dèm pha của bọn trẻ trung háo thắng kia.

Thuở ấy tại huyện Hưng An có viên tri huyện họ Bằng, tên Ngô Thời, mới đổi đến trấn nhậm.

Bằng Công vốn là người Thai Châu thuộc tỉnh Triết Giang, thông minh tuyệt thế, năm mười bảy tuổi đã đậu tiến sĩ, ra làm quan lại có đức, nên tiếng tăm đồn vang trong thiên hạ. Nhưng vì Bằng Công thi đậu sớm, nên lại phải cái tính chuộng trẻ khinh già, đó là một điều bất hạnh cho cái tên thi sinh Vu Đồng “cụ lão” kia.

Đến kỳ khảo khóa, Bằng Công ra đề.

Sau khi sát hạch, Bằng Công cố tìm quyển văn hay lỗi lạc để xứng đáng làm một kẻ đỗ đầu xứ.

Khi ráp phách để xướng danh thì oái oăm thay ! Cái ông già tóc bạc hoa râu kia lại là kẻ được Bằng Công lựa chọn.

Nghe kêu tên mình, lão Vu Đồng lén lút bước đến trình diện. Bằng Công xem thấy ngạc nhiên, trong lòng không đẹp chút nào, phần thì các thí sinh trẻ tuổi kia vỗ tay vang dậy, không phải để hoan hô, mà để chế riếu, lấy việc đó làm đề tài cho việc la ó.

Bực lòng quá, nhưng không biết phải làm sao, Bằng Công truyền xướng tiếp những danh sách trúng tuyển cho qua cảnh bực tức của mình.

May thay ! các thí sinh trúng tuyển sau đó đều là bọn đầu xanh tuổi trẻ, mặt mày tuấn tú chứ không phải tóc bạc hoa râu như lão Vu Đồng nữa.

Vu Đồng từ nhỏ đến giờ thi hỏng mãi, nay lại bằng hỏ đề tên, vui mừng tràn ngập cõi lòng, đâu còn chỗ nào mà nghĩ đến lời châm biếm của bọn thư sinh. Mà nay lại được đỗ đầu, thì còn hứng thú gì hơn nữa, Vu Đồng trở về nhà bày một tiệc rượu say sưa lúy túy.

Kịp đến kỳ thi hương, sĩ tử lại tựu trường, mang lều chống đến. Vu Đồng cũng thế, cũng lén lút mang tráp ra đi.

Khi đến thí trường thấy lại có tên Bằng Công sung vào phòng lễ Ký khảo quan. Vu Đồng mừng thầm, tưởng rằng khoa thi hương này có người hiểu tài năng của mình nữa, nên chẳng lo gì cả, trong lòng hớn hở ghé ra quán rượu uống đến say mềm.

Bằng Công khi được xưng vào ban giám khảo, thoáng thấy trong danh sách thí sinh lần này cũng có tên Vu Đồng, thì trong lòng nghĩ thầm :

— Tại sao ta cứ gặp cái lão thí sinh già này mãi. Kỳ này hẳn ta không thể làm lạc mà lấy trúng bài của hắn nữa. Hắn đã già rồi, nếu làm ơn cho hắn thì ích gì, chi bằng lấy những đứa trẻ trung sau này chúng có nhiều cơ hội nhớ ơn ta.

Nhưng rồi Bằng Công lại nghĩ :

— Nếu ta cứ lựa bài nào văn chương già dặn, xuất sắc, e lại trúng quyền của lão “quái vật” ấy nữa. Kỳ này nên lựa một quyển nào văn chương ấu trĩ cho đậu thủ khoa, thế tất lão phải hỏng.

Định ý như vậy, Bằng Công vào trường chấm thi.

Đúng ngày hai mươi tháng tám, chính chủ khảo và khảo quan đều hội họp đến chí công đường để ráp phách, và xướng danh, yết bảng.

Khi mở quyển đầu ra, thì chao ôi ! lại trúng cái tên “quái vật” ở đất Hưng An nữa. Cũng là lão Vu Đồng đậu đầu.

Ôi ! một trận cười như pháo ngày Tết vang dội cả thí trường.

Bằng Công kinh ngạc, lòng bực tức bội phần, nói với viên chánh chủ khảo :

— Vu Đồng già cả, nếu lấy va đỗ đầu e bọn hậu sinh không phục, vậy tôi xin đề nghị chọn quyển khác.

Quan chủ khảo lắc đầu, chỉ lên tấm bảng chí công đường nói :

— Nơi đây là chỗ chí công, chúng ta đang làm việc trong phòng chí công thì còn nghĩ làm gì đến việc trẻ già ?

Bằng Công không biết làm sao hơn, đành để cho Vu Đồng chiếm tên đầu bảng.

Tại làm sao Vu Đồng là một lão uyên thâm học rộng lại trúng quyền đầu trong kỳ này, cái kỳ mà Bằng Công quyết lựa một thí sinh non nớt ?

Nguyên do là vì Vu Đồng khi đến thí trường thấy có tên Bằng Công trong ban giám thi, thì mừng quýnh, đinh ninh rằng khoa này cũng sẽ có người rõ được tài mình nên vào quán uống rượu đến say mềm. Lúc vác lều chống tựa trường, trong óc còn ngầy ngật hơi rượu, vội vã viết bậy ba bài cho xong rồi ra về. Ai ngờ lúc ấy Bằng Công lại lựa quyền nào dở nhứt cho đỗ đầu, thế là Vu Đồng dính vào đó.

Rồi ba năm qua, kỳ thi hội ròn rập đến, các thí sinh lại tựa trường, cái tên Vu Đồng già nua kia vẫn như ai cũng đệ quyền đi thi. Cái mộng bằng vàng bia đá không vì thời gian mà buông trôi theo dòng nước.

Lần này Vu Đồng không dám khinh thị nữa, vì là kỳ thi hội, có nhiều bậc đàn anh, văn chương xuất chúng. Vu Đồng cố sức dùi mài kinh sử, học ngày học đêm đến nỗi trong giấc ngủ nào cũng nằm mơ thấy mình vào trường thi. Mà giám khảo lại ra hai chữ “kinh thi”.

Vu Đồng cho đó là vận mạng đã đến nên có thần linh mách bảo, bèn cứ việc quyền kinh thi học mãi.

Lạ lùng làm sao ! Lúc đó vì Bằng Công văn hay chữ giỏi tiếng tăm lừng lẫy được triều đình triệu về bổ nhiệm chức Lễ Khoa cấp sự, vì vậy mà Bằng Công lại được sung vào khảo quan kỳ thi hội này nữa.

Cái tên thí sinh Vu Đồng và khảo quan Bằng Công vẫn đeo đuổi nhau như bóng với hình, như cá với nước.

Bằng Công tự nghĩ :

— Phen này ta lựa cái chỗ sở đoản của cái tên thí sinh già này mà đánh tới thì hẳn phải của tay. Hắn ta thuần thực về Lễ Ký, bây giờ ta ra đề về Kinh Thi, hẳn không tài nào đỗ được.

Khoa thi mở màn, sĩ sinh khắp nơi rộn rịp kéo về đón chờ ngày hoa nở. Lúc ráp phác và xướng danh cái tên đầu tiên cũng lại con “quái vật” Hưng An tên Vu Đồng nữa.

Bằng Công tức như bò đá, vẻ mặt lằm lỉ ngồi thừ ra không nói một lời nào cả.

Các ông nghè tân khoa lần lượt vào lạy tạ tại phòng sự, Bằng Công thấy vẻ mặt hí hửng của lão thí sinh già, gọi lại hỏi :

— Ông có tài gì mà chiếm được thủ khoa kỳ thi hội này ?

Vu Đồng kể lại giấc mộng của mình.

Bằng Công thở ra, nói :

— Thực là số mạng vậy.

Vu Đồng đỗ đầu hai khoa giáp được triều đình bổ ngay làm hình bộ chủ sự. Từ đó Vu Đồng lui tới, kính trọng Bằng Công vô cùng, vì nhớ ơn ba lần trúng tuyển. Còn Bằng Công thấy Vu Đồng biết ơn như vậy trong lòng cũng kính phục, hai bên đi lại rất tương đắc.

Bằng Công vốn là một kẻ hay nói thẳng, ghét ai không để vào lòng được, thấy việc sai thì không chịu nổi, cho nên từ khi về nhậm chức lễ bộ, nhiều lần làm xúc phạm đến đại học sĩ Lưu Cát. Nên ông này tìm cách trả thù.

Lưu Cát tìm những lầm lỗi nhỏ mọn, cho bọn ngự sử tay chân dâng sớ tham hặc. Bằng Công bị hạ ngục và đưa sang hình bộ để làm án.

Nhân viên hình bộ vì sợ thế lực của Lưu Cát nên tìm cách kết án Bằng Công vào tử tội. Vu Đồng thấy thế ra sức bình vực, tập hợp tất cả bạn đồng khoa lại, làm sớ dâng lên xin miễn tội tử cho Bằng Công.

Nhà vua y tấu. Thế là nhờ có Vu Đồng mà Bằng Công được bảo toàn tánh mạng. Khi sắp về quê, Bằng Công đến đền ơn Vu Đồng.

Vu Đồng nói :

— ơn của ngài đã cho tôi ba lần trúng tuyển, chút ơn mọn ấy đâu có sá gì mà ngài phải nhọc lòng như vậy.

Bằng Công nói :

— Nếu không nhờ ngài thì tánh mạng tôi ắt không còn.

Vu Đồng bày yến tiệc đãi đằng và tiễn hành Bằng Công phản hồi quê quán. Vũ Đồng làm việc tại triều hơn sáu năm; mọi người đều mến phục. Bộ lại thấy ông tài đức nên muốn đặc cách bổ ông làm một nhiệm vụ trọng đại, thì giữa lúc đó Vu Đồng nhận được tin con lớn của Bằng Công là Bằng Kính Cộ cùng một nhà cường hào tranh nhau về địa giới, thành hai bên gây cuộc đánh nhau.

Nhà cường hào kia lại đem giấu một tên gia bộc rồi vu cho Bằng Kính Cộ là giết người. Bằng công tử đuối lý nên bỏ trốn lên Vân Nam, nơi cha chàng bị giáng trích.

Vì việc quan hệ đến sinh mạng, lại vì Kính Cộ bỏ trốn, nên quan huyện cho trát bắt những người thân thuộc của họ Bằng đem hạ ngục.

Nghe được tin ấy, và biết được phủ Thái Châu bị khuyết, Vu Đồng bèn xin ra đó. Mục đích là để minh oan cho Bằng Kính Cộ.

Vu Đồng ra trấn nhậm được một thời gian, điều tra bắt được tên gia bộc mà tên cường hào giấu lâu nay để vu oan cho họ Bằng; ông ta vội vã lên trưởng đường để tra xét.

Chứng cứ đã rõ ràng, những người thân thuộc của họ Bằng bị bắt trước kia đều được thả trở về hết. Vu Đồng lại buộc nhà cường hào kia về tội vu khống, kết án tử hình.

Sau đó Vu Đồng viết một bức thư cho Bằng Công, kể hết mọi sự đã được minh oan.

Bằng Công mừng rỡ khôn cùng, viết bức thư hồi đáp và sai đưa con trai mình là Bằng Kính Cộ về Thái Châu để bái tạ. Vu Đồng tiếp đãi Bằng Kính Cộ rất nồng hậu.

Làm việc ở Thái Châu được ba năm thì Vu Đồng nổi tiếng là liêm chính, khắp dân gian đều mến đức.

Qua năm thứ tư, Vu Đồng được thăng Hà Nam liêm sứ rồi tuần vũ Triết Giang. Năm ấy Vu Đồng đã ngoài bảy mươi tuổi mà sức lực vẫn còn cường tráng lắm.

Bằng Công khi ấy trở về nhà tuổi già mắt kém, ông ra rất hối hận trước tấm lòng bạc đãi của mình đối với Vu Đồng thuở nọ. Hành động và tấm lòng trung thành của Vu Đồng làm cho ông ta thức tỉnh.

Khi nghe Vu Đồng được bổ lên chức Tuần Vũ, Bằng Công bèn đến để chúc mừng, lại dắt theo một đứa con nhỏ đến yết kiến.

Vu Đồng không lấy thế làm cao, thấy Bằng Công đến ông ta cúi chào sát đất, giữ nghĩa tình xưa.

Bằng Công nói :

— Lão phu đã mang ơn ngài cứu sống, sau đưa con lớn của lão lại nhờ ngài minh oan cho, khỏi phải liên lụy. Công ấy dầu chết không quên. Nay lão có một đứa con nhỏ, nguyện đem đến để nhờ ngài dạy dỗ, mai sau phông có nên người thì nó sẽ thay mặt tôi để đáp đền ơn tri ngộ.

Vu Đồng đứng dậy, chấp tay nói :

— Tiểu đệ già nua yếu đuối, tài năng không có bao nhiêu, nay được sư huynh phó thác cho việc trọng như vậy thì dầu tiểu đệ có bề nào cũng xin nguyện hết lòng.

Bằng Công nghe nói rất thán phục, hai dòng nước mắt chảy ròng ròng, nói :

— Nếu được ơn ngài chiếu cố cho con lão thì dù nhắm mắt lão cũng vui lòng.

Chuyện vãn một lúc, Bằng Công từ biệt ra về. Còn đứa con nhỏ ở lại để lo việc sách đèn dưới sự giáo huấn của Vu Đồng.

Bằng Ngô ở tại nha Tuần Vũ được Vu Đồng dạy dỗ rất cần mẫn. Chẳng bao lâu đã thành tài. Ba năm sau, Vu Đồng thấy Bằng Ngô đã đủ sức ra thi cử với mọi người, bèn lấy ba trăm lạng bạc trong số tiền lương dành dụm của mình, cấp cho rồi đưa Bằng Ngô về nhà.

Ai ngờ, lúc đó Bằng Công bị bệnh mất đã hai ngày rồi.

Vu Đồng đến trước linh sàng khóc lóc rất là thâm.

Vu Đồng ở lại đó cư tang mấy hôm, chôn cất xong mới trở về Triết Giang. Trước khi trở về, Vu Đồng hỏi Bằng Kính Cộg :

— Lão sư trước khi chết có dặn dò gì không ?

Bằng Kính Cộg kể lại :

— Cha tôi trời lại rằng : “Trong đời cha tôi mọi việc đều phân minh chính trực, chỉ có một điều lúc chấm thi, yêu trẻ ghét già, vì vậy mà suýt đã bạc đãi một ân nhân hiếm có trong đời. Ta thật có mắt mà không người. Trong đời ta chỉ có người thí sinh già ấy hết lòng hết dạ mà thôi. Còn các người trẻ tuổi khác thật là bạc tình. Trong lúc lâm nạn, họ không một lời ủi an... Từ nay về sau, cha khuyên các con đừng có khinh những kẻ tuổi tác mà chưa gặp thời...” Vu Đồng nói :

— Hạ quan có gì mà phải chịu ơn làm vậy, chẳng qua đó là sự bồi đáp cho ân sư, để người đời rõ rằng kẻ thất thời mà giúp đỡ họ thì họ rất biết ơn về sau !

Tình bằng hữu

Về đời nhà Đường nguyên niên, tại tỉnh Hà Bắc có một người tên là Quách Trọng Tường, tài kiêm văn võ, tánh tình hào hiệp, hay cứu giúp người không bao giờ nghĩ đến công ơn.

Người này là cháu của quan Đại quốc công Quách Chấn, tự Nguyên Chấn, hiện đương chức tại triều.

Năm ngoài hai mươi tuổi, Trọng Tường đến kính thăm bác để nhờ sự tiến thân. Nguyên Chấn vốn là người hào hiệp, thấy cháu mình có ý cầu thân như vậy, nên khuyên một câu :

— Làm trai ở đời, muốn cho xứng đáng với danh dự, không hổ với chức tước của mình, phải đem thân ra vui gan nếm mật, lập những chiến công hiển hách, để tiếng lại ngàn thu, còn như việc Cậy thể thần của người trong tộc họ, để vinh thân phú quả thì điều đó không lâu bền.

Trọng Tường suy nghĩ một hồi rồi lãnh ý.

Cách mấy hôm sau có tin cấp báo về triều, quân Man vượt sang biên giới, cướp phá tung hoành, làm cho nhân dân khiếp đảm.

Triều đình sai Lý Mông lãnh chức Diên Châu đô đốc, kéo binh ra biên ải để dẹp loạn. Lý Mông lãnh chỉ, sửa soạn chỉnh tề. Trước ngày đi, chàng đến tướng phủ để từ giã Nguyên Chấn và xin Nguyên Chấn đôi lời chỉ giáo.

Nguyên Chấn nói :

— Xưa Khổng Minh Gia Cát đánh quân Man bắt Mạnh Hoạch bảy lần đều tha bảy lần, làm cho quân Man thần phục hàng đầu. Nay đô đốc kéo binh ra biên ải, lão phu chỉ có một lời khuyên là nên lấy đó làm gương. Tiện đây lão phu có một người cháu tên Quách Trọng Tường, tuy tuổi trẻ song cũng có chút ít tài năng, lão phu muốn cho theo đô đốc để dẹp giặc, may ra nhờ cơ hội có thể lập được chút công lao với triều đình.

Nói xong, Nguyên Chấn gọi Trọng Tường ra để yết kiến đô đốc Lý Mông.

Nhìn qua tướng mạo, Lý Mông thấy Trọng Tường diện mạo phương phi, hình dung tuấn tú, võ khí đường đường lại là cháu của quan Tể tướng trong triều nên vội vã thu dụng ngay và phong cho Trọng Tường làm chức Hành quân tư mã. Trọng Tường giã nhà từ biệt bá phụ với tất cả lòng hăng hái và phấn khởi với một lòng trai đang hăng chiến đấu, trả nợ tang bồng.

Khi đến Kiến Nam, quê hương của Trọng Tường, thì chàng gặp một người bạn tên là Vĩnh Cố, hiện đang nhậm chức Phương Nghĩa tại quận Đông Xuyên. Hai người này tuy lâu nay chưa hề thân mật, xong hai bên đã được nghe tiếng thăm nhau, cùng cảm nghĩa.

Vĩnh Cố nghe Trọng Tường xuất quân lòng rạo rực, nên viết một phong thư sai người đem đến cho Trọng Tường, nhờ Trọng Tường tiến cử mình. Trọng Tường xem thư thấy lời đầy nghĩa khí, đem lòng mến phục, nghĩ rằng :

— Bình sinh ta chưa hề gặp một người nào mới quen biết nhau mà đã thông cảm lòng nhau, đem cả tương lai và vận mệnh ủy thác cho mình như vậy. Kẻ đại trượng phu gặp người chí nghĩa đâu dễ làm ngơ cho được. Nếu ta chẳng giúp đỡ cho Vĩnh Cố há chẳng thẹn với cổ nhân lắm sao.

Ngày hôm ấy, Trọng Tường đem việc Vĩnh Cố xin sung vào quân đội trình lên, đô đốc Lý Mông y lời, lập tức sai người đến quận Đông Xuyên mời Vĩnh Cố đến phong chức quản lý quân vụ.

Binh mã vừa chỉnh đốn xong thì ngoài biên ải có quân thám tử về báo rằng : “Quân Man đang tràn vào làng mạc, cướp của đốt nhà, dân chúng tán loạn, thế giặc đang lừng lẩy một góc trời, người người đều khùng khiếp.

Được tin ấy, Lý Mông liền ra lệnh suốt ngày đêm kéo quân thẳng đến biên giới. Khi đến quận Diên Châu, gặp lúc quân Man không phòng bị, Lý Mông thúc quân vào đánh bất ngờ, quân Man bị một trận thua to phải rút lui ra khỏi biên giới.

Lý Mông thừa thế quân rượt theo tiến sâu vào nội địa của Man quốc.

Xứ Man là một xứ núi rừng hiểm trở, cây đá chập chùng, lại có khí độc bốc lên ngàn ngút, thật là một hiểm địa bất lợi cho đàn quân viễn chinh.

Trọng Tường can :

— Thế giặc đã bị tan tành, rút vào yếu địa, đó là lúc uy vũ của đô đốc được đề cao. Đô đốc nên dùng lợi khí của mình để chiêu dụ quân Man, làm cho quân Man hàng phục, như thế mới tỏ được lòng đại độ của Thiên triều và lòng khoan hồng của đô đốc. Nếu tiến sâu vào đất địch, tôi sợ không khéo mắc mưu gian.

Lý Mông là người háo thắng, nghe Trọng Tường can gián, tỏ ý không bằng lòng, nói :

— Quân địch hàng ngũ toi bời, người người vỡ mật, bỏ cả gươm giáo mà chạy, nếu ta không thừa thế kéo sâu vào Man quốc để phá tan sào huyệt của chúng, thì ai còn cho ta là kẻ lão luyện về binh cơ. Tư Mã đừng nói nhiều lời, hãy xem ta phá giặc.

Hôm sau, Lý Mông truyền nhổ trại kéo rốc vào nội địa Ô Man, qua những núi rừng thăm thẳm cây cối mịt mù. Quân Man không có một bóng người thấp thoáng, không biết chúng trốn vào đâu. Thật là một cảnh hoang vu vậy !

Lý Mông truyền lục lạo khắp hang cùng ngõ hẻm cũng không bắt được tên Man nào, phần thì quân lính đi lâu ngày mệt mỏi đói khát, ngựa thiếu cỏ, người thiếu lương, phần thì quân Man bỏ thuốc độc vào các khe suối, hễ ai uống vào thì bị bệnh mà chết.

Trong cơn bối rối, Lý Mông muốn kéo quân về, bỗng nghe trong các hang động tiếng trống, tiếng kèn, tiếng phen la nổi lên, bốn bề quân Man kéo ồ ạt đến phủ vây đầy rừng ngập núi.

Chúa quân Man tên là Tế Nô di xuất lãnh tù trưởng các động, dùng cung tên tẩm thuốc độc bắn giết rất hăng. Quân của Lý Mông phần đông đi mãi trong rừng núi bị nhiễm sơn lam chướng khí, phần thì không quen thủy thổ miền Man nên bị đau ốm rất nhiều, không còn một ai muốn đánh giặc nữa. Nay lại bị phục binh như vậy thì làm sao ngăn chống cho nổi.

Quân của Lý Mông chết vô số, thây nằm chật cả rừng núi, máu nhuộm đỏ khe, hầu hết các tướng đều vong mạng. Lý Mông hối hận, nhưng đã trễ, đành ngựa mặt lên trời mà than rằng :

— Nếu trước kia nghe lời Trọng Tường thì đâu đến nỗi cả quan quân mang hại như vậy. Nay ta còn mặt mũi nào mà trở về Trung Quốc để thấy triều đình.

Than xong, Lý Mông rút gươm ra tự vận.

Bao nhiêu tàn quân đều tan rã. Lốp bị bắt, lốp bị chết, lốp đầu hàng. Trọng Tường bị quân Man bắt làm tù binh.

Tế Nô Di thấy Trọng Tường mặt mũi khôi ngô, khi tiết chói ngời, can đảm chống lại quân Man đến phút kiệt quệ mới chịu hàng đầu, hỏi ra mới biết đó là cháu của Tế tướng Quách Nguyên Chấn, nên giao Trọng Tường cho tướng bộ hạ là Đầu mục Ô La canh giữ.

Quân Man vốn không có chí lớn, không mưu cầu chiếm đoạt đất đai, chỉ cướp của đốt nhà, bắt người chuộc mạng. Do đó, bao nhiêu tù binh đều được Tế Nô Di giữ lại, buộc viết thư báo cho thân quyến hay để đem tiền đến chuộc.

Những người nghèo khổ, phải chuộc với giá bốn năm mươi tấm lụa, còn những người giàu có ít ra cũng phải bốn năm trăm tấm mới được tha về.

Nay Tế Nô Di biết được Trọng Tường là cháu của Tế tướng Quách Nguyên Chấn nên đòi với giá một ngàn tám lạng. Trọng Tường phân vân nghĩ rằng nếu quân giặc đòi một số tiền chuộc mạng lớn lao như vậy, thì chỉ có cách viết thư về cho bá phụ mà xin, may ra mới đủ số.

Nhưng Nguyên Chấn ở tại triều, đường xa cách trở, muôn dặm quan san khó mà thông tin tức được. Lòng đang bối rối, Trọng Tường nghe được tin Vĩnh Cố vì kéo binh đến chậm nên thoát khỏi vòng vây của địch, hiện nay đã trở về Diên Châu.

Trọng Tường nghĩ rằng :

— Từ đây sang Diên Châu các không bao xa. Ta cứ viết thư gọi về cho Vĩnh Cố đem tin đến Trường An là tiện hơn cả.

Nghĩ xong, Trọng Tường viết một phong thư gọi cho Vĩnh Cố, trong đó kể rõ tất cả các nỗi niềm khổ cực của mình dưới sự đọa đầy tàn nhẫn trên đất Man, nhờ Vĩnh Cố thương tình lo liệu. Nếu không sẽ làm quỷ không đầu nơi đất khách.

Cuối thư có đề một bài thơ tứ tuyệt rất là thấm thiết gọi riêng cho Vĩnh Cố.

Cơ tử vi nô nhưng dị vực Hoang hân Tô Vũ tại sơ niên Tri quân nghĩa khí thâm tương mẫn Nguyễn thoát chinh tham học cổ hiền Dịch :

Tám thân đất khách tôi đòi Nhờ tay Tô Vũ tình hoài sơ giao Nghĩa tình thông cảm cùng nhau Gương xưa xin nguyện lấy màu tri âm Vừa lúc đó lại gặp dịp viên quan giả lương quận Diên Châu được người thân chuộc về, nên Trọng Tường gọi lá thư ấy nhờ đưa cho Ngô Vĩnh Cố.

Ngô Vĩnh Cố từ khi được Lý Mông xưng vào giữ chức quản là trong quân vụ, bỏ nhà, bỏ cả vợ đẹp, con thơ, một người một ngựa thẳng đến Diên Châu để coi sóc việc quân lương. Khi Lý đô đốc thất trận thì chàng thoát khỏi vòng vây, song chẳng biết Trọng Tường mất còn hay lưu lạc nơi nào, trong lòng bức rức không an. Nỗi buồn man mác nổi lên trước những cuộc ly tán bất ngờ trong thế sự. Hoài tưởng đến tri âm Vĩnh Cố để tâm dò xét, nhưng tháng ngày biền biệt trôi, mà tin người tri kỷ vẫn lạnh lùng như mặt nước hồ thu tan tác. Thì một hôm Vĩnh Cố nhận được bức thư của Trọng Tường từ Man quốc gọi về với những lời lẽ đau buồn khôn siết.

Xem thư, Vĩnh Cố lòng đau như cắt, tưởng đến những cái khổ khác, đầy đọa của người bạn tương tri nơi núi rừng u tịch trên đất Man, lòng chàng thấy ngậm ngùi đau đớn không yên. Mặc dầu sống tại Diên Châu, nhưng Vĩnh Cố tưởng như tâm hồn mình đang cùng chung với bạn sống trong cảnh cực hình u uất trên đất Man vậy.

Vĩnh Cố vội viết lá hồi thư, và gói hai ngàn lạng bạc, mượn người gọi đến đất Man để cho Trọng Tường an lòng. Kế đó, Vĩnh Cố một mình lên ngựa đi suốt ngày đêm để về Trường An báo tin cho Nguyên Chấn biết.

Ở đời, việc rủi ro mà không ai lường biết được “Họa vô đơn chí”. Những cái may thì ít có, mà những cái rủi không đến một mình, khi Vĩnh Cố về đến Trường An thì Tế tướng Nguyên Chấn đã mất đi trước đó cách một tháng, vợ con phải đem linh cữu về quê để an táng. Đứng trước cảnh thất vọng tràn trề ấy, Vĩnh Cố đôi dòng nước mắt ràn rụa nuốt hận trở về, không biết để làm sao. Về đến Toại Châu, Vĩnh Cố gặp mặt vợ con không nói được lời nào, ngày đêm khóc tức tưởi.

Vợ Vĩnh Cố là Trương phu nhân thấy thế lấy làm ngạc nhiên, than thở hỏi duyên cớ. Vĩnh Cố mỗi lần muốn nói ra lại nghẹn ngào nói không ra tiếng. Khóc được mấy ngày như vậy, Vĩnh Cố mới vui đi đôi chút trong lòng mình, kể lại đầu đuôi cho vợ nghe.

— Nay Trọng Tường bị bắt làm tù binh, bị đày đọa trên đất Man, muốn chuộc về phải có đủ một ngàn tấm lụa. Nay Tể tướng Nguyên Chấn vừa mới chết, ta có bốn phận phải đi chuộc bạn về, nhưng nhà ta vốn nghèo nàn và thanh bạch từ lâu, làm gì có một ngàn tấm lụa để chuộc mạng. Mà nếu không có số lụa ấy để cho Trọng Tường ngày đêm mòn mỏi trông mong dưới sự hành hạ của quân địch thì lòng ta sao yên được ?

Nói xong, Vĩnh Cố lại khóc, khóc mãi không ngớt.

Trương phu nhân bùi ngùi khuyên giải :

— Sức người làm sao chống nổi với cơ trời. Nay sự thế đã như vậy, nhà mình lại nghèo khổ, dù cho tình nghĩa có trọng đến bao nhiêu thì cũng đành xuôi tay chịu vậy, phó mặc cho vận mạng chứ làm sao ? Chàng cứ khóc hoài như vậy phỏng có ích gì ?

Vĩnh Cố sụt sùi nói :

— Nếu ta không chuộc được Trọng Tường về, nhứt định ta không thể sống trên đời này nữa. Trước kia chỉ mới quen biết nhau thôi, thế mà ta chỉ gởi một phong thư Trọng Tường hết lòng tiến cử cho ta. Cái ân nghĩa ấy dù cho mấy ngàn tấm lụa cũng chưa trả nổi, đừng nói chỉ một ngàn tấm.

Trương phu nhân tìm hết cách để an ủi và can gián, nhưng Vĩnh Cố vẫn không thôi khóc. Chàng bán cả đồ đạc trong nhà, góp nhóp được một số tiền trị giá hơn hai trăm tấm lụa, rồi bỏ mặc vợ con, lấy tiền làm vốn ra đi buôn bán, chỉ ước mong một ngày nào đó kiếm được đủ số tiền để chuộc bạn về.

Nhưng lại sợ bất ngờ có thư của Trọng Tường ở đất Man gởi về, rồi không gặp thì tủi lòng, nên Vĩnh Cố không đi xa, cứ lẩn quẩn mãi nơi đất Diên Châu, tìm đủ mọi phương kế để kiếm tiền.

Hễ kiếm được đồng nào Vĩnh Cố lại mua lụa. Cứ mua được một trăm tấm chàng lại đem gởi vào kho Diên Châu.

Ngày tháng trôi qua, cái con người xuôi ngược hải hồ ấy chỉ biết làm tiền, trước mắt chỉ nghĩ đến lụa, vì thế mà hình bóng vợ con mỗi ngày một phai nhạt. Thoắt đã mười năm qua, một chàng trai khí phách hiên ngang đường đường một võ tướng như thế, mà phong sương dày dạn biến thành một gã giang hồ, da mặt nám đen, mắt sâu, má lõm, không còn chút gì đượm nét phong lưu cả.

Thế mà số tiền kiếm được vẫn chưa đủ. Bao nhiêu mồ hôi nước mắt chỉ góp vào được hơn bảy trăm tấm lụa.

Trong thời gian ấy thì Trương phu nhân ở lại nơi Toại Châu với đứa con thơ, nhà cửa bạc vàng đã bị chồng góp nhóp bán sạch rồi, cui cút nuôi con, sống với hai bàn tay trắng, trong cảnh đèn khuya gối chích, vô võ trông chồng; tháng năm lặng lẽ trôi, tin chồng mỗi ngày một vắng.

Mấy năm đầu, Trương phu nhân còn kiên nhẫn đợi chờ, một mình vá may canh cửi. Mặc dầu trong cảnh cô đơn, nhưng nghĩ đến tấm lòng vì nghĩa của chồng, nàng cũng tự an ủi được phần nào. Vả lại làng xóm thấy thế cũng thương tình, ra ơn giúp đỡ.

Mãi về sau, tin tức Vĩnh Cố không ai còn nhắc đến nữa, cũng chẳng ai biết chàng ta sống thác nơi đâu. Trương phu nhân đành thất vọng, dắt đứa con thơ đến Diên Châu để tìm chồng.

Hai mẹ con dấn thân trên bước đường lưu linh, ngày đi đêm nghỉ. Trong khoảng thời gian lặn lội, sự nhọc nhằn kể sao cho xiết. Nàng đi mãi, tay dắt đứa con thơ, mỗi ngày chỉ đi bộ hai dặm đường.

Ngày kia, đến địa giới Nhung Châu thì tiền bạc đã hết sạch. Không biết làm sao, nàng phải vào xóm xin nhờ từng bữa cơm độ nhật.

Tuy nhiên, Trương phu nhân vốn là con nhà đài các phong lưu, từ nhỏ đến lớn chưa hề chịu cảnh nhọc nhằn, nay đột nhiên sa vào cảnh cùng quẫn ấy làm sao mà chịu cho nổi. Nàng tự thấy số phận hẩm hiu, muốn tự vẫn cho rồi song không nỡ bỏ đứa con thơ nên tủi lòng khóc mãi.

Một hôm, nàng đang ôm con ngồi khóc nơi dưới gốc dâu bên lề đường thì bỗng có một vị quan họ Dương tên An Cư, vừa được phong chức Đô đốc, từ Trường An đến Diên Châu để nhậm sở.

Khi đi ngang qua Ô Mông, nghe tiếng khóc thê thảm của nàng, An Cư động lòng trắc ẩn, truyền quân dừng xe lại, bắt người đàn bà kia dẫn đến để hỏi duyên cớ.

Trương phu nhân sụt sùi bước đến trước kiệu quan Đô đốc An Cư, kể lể :

— Chồng thiếp là Ngô Vĩnh Cố, trước kia có làm bạn với Trọng Tường, cùng nhau sang đánh giặc Man. Chẳng may Trọng Tường bị quân Man bắt, đòi phải có một ngàn tấm lụa mới cho chuộc mạng. Vì tình tri kỷ, chồng thiếp không nỡ để cho người bạn phải tuyệt vọng, nên bán nhà bán cửa ra thân xuôi ngược, cố tạo cho đủ số lụa để chuộc bạn về mà quên cả vợ yếu con thơ sống trong cảnh má hồng răng trắng.

Nay thiếp nghèo khổ, không biết nương tựa vào đâu, dắt con đi tìm chồng, thì nửa đường lương thực tiền bạc đều hết sạch, phải ăn xin độ nhật. Thiếp nghĩ phận mình mà hờn tủi, khóc than, chẳng ngờ làm xúc phạm đến đại quan, xin đại quan mở lòng dung thứ.

Dương Đô đốc nghe nói trong lòng bùi ngùi cảm cảnh, nghĩ thầm :

— Ngô Vĩnh Cố quả là người trọng nghĩa, một tấm gương sáng thuở nay chưa từng thấy. Hiềm vì ta bạc phước vô duyên không được kết giao cùng người ấy.

Nghĩ như thế, Dương Đô đốc quay lại nói với Trương phu nhân :

— Xin phu nhân đừng lo. Hạ quan hiện nay lãnh chức Đô đốc, trấn nhậm Diên Châu. Đến đó, hạ quan sẽ cho người tìm kiếm Ngô quân, dẫn về gặp phu nhân lập tức. Còn bây giờ, hạ quan xin tặng phu nhân một số tiền lộ phí, để phu nhân cùng công tử có thể đến đó.

Nói xong, ông ta rút trong túi ra đưa cho Trương phu nhân ba trăm lạng bạc, và khiến quân cấp cho nàng một chiếc xe êm, phái người đưa đến Diên Châu lập tức.

Trước tấm thịnh tình của Dương Đô đốc, Trương phu nhân cảm kích khôn cùng, cúi đầu tạ ơn rồi ẩm con lên xe. Khi đến Diên Châu, Dương Đô đốc khiến người đưa mẹ con Trương phu nhân vào quán dịch rồi ra công văn khắp quận, hễ ai tìm được Ngô Vĩnh Cố thì trọng thưởng. Lại phái người thân thích ngày đêm tủa ra các nẻo đường để hỏi han tin tức.

Chỉ trong năm ngày, bọn tùy viên đã tìm được Vĩnh Cố. Con người trọng nghĩa ấy lúc bấy giờ mình đen như cột cháy, mắt sâu, má lõm, không còn chút gì khí phách hiên ngang của vũ tướng. Vừa thấy mặt Vĩnh Cố bước vào, viên Đô đốc chạy đến nhìn từ đầu đến chân, bùi ngùi nói :

— Tôi thường nghe cổ nhân có nói đến những người bạn tâm giao hết lòng vì nghĩa. Tuy nhiên, từ xưa đến nay tôi chưa hề thấy. Hôm nay tôi chỉ thấy ông là một. Tôn phu nhân và công tử, từ xa tìm đến, tôi đã mời vào quán dịch nghỉ ngơi. Vậy mời ông đến đó

để hàn huyên cho thỏa tình thắm năm cách biệt. Còn lựa kia nếu thiếu bao nhiêu ông cứ để mặc tôi lo liệu.

Vĩnh Cố ngơ ngác nhìn viên Đô đốc nói :

— Kề hèn này chỉ vì chút tình bề bạn bỏ vợ con nheo nhóc, cô đơn trong những ngày ẩm lạnh, còn dám đâu làm phiền đến đại quan, xin đại quan cứ để mặc tôi lo liệu.

Bằng một giọng thành thật và cảm động, viên Đô đốc nói :

— Bình sanh tôi rất chuộng người trọng nghĩa, nên gặp ông tôi rất cảm mộ. Ông có thể là một tấm gương sáng cho hậu thế. Vậy tôi xin giúp ông một tay để ông toại được chí cả của ông.

Lòng thành thật của Dương Đô đốc làm cho Vĩnh Cố không còn từ chối được nữa, nên vội vã cúi đầu tạ Ơn :

— Cảm đức đại quan, kẻ hèn này không dám không tuân. Số lựa còn thiếu hơn ba trăm tấm, xin đại quan cấp phát cho tôi, để đến đất Man chuộc bạn về, rồi sau sẽ gặp vợ con cũng chẳng muộn.

Dương Đô đốc liền vay tạm một số tiền trong kho, xuất ra mua ba trăm tấm lựa giao cho Vĩnh Cố, lại còn cấp cả ngựa xe và tiền lộ phí nữa.

Vĩnh Cố mừng rỡ thu xếp một ngàn tấm lựa lên đường thẳng đến Man Quốc. Lòng chàng nặng trĩu với tâm tư, vừa hy vọng vừa hồi hộp, chẳng biết con người thư sinh trẻ trung ấy, hơn mười năm biệt, đầy đọa trên đất Man, nay còn mất lễ nào.

Khi đến Man Quốc, Vĩnh Cố đem một ngàn tấm lựa, nhờ một người Trung Quốc của đất Man, lâu nay làm một trung gian cho việc chuộc mạng người, tiến cử chàng gặp mặt Man Vương.

Trong mấy năm trời đằng đẳng, Trọng Tường sống ngoắc ngoải dưới sự đầy đọa trong bộ lạc Ô La.

Ô La những tưởng, Trọng Tường là con cái một nhà giàu có ở Trung Quốc, trong một vài năm sẽ đem tiền đến chuộc mạng. Không ngờ thời gian đằng đẳng, không thấy ai đoái hoài, lâu ngày sinh chán. Ban đầu còn tử tế, nhưng sau hành hạ đủ bề, mỗi ngày chỉ phát cho một nắm cơm ăn để cầm hơi.

Trong cảnh khổ ấy, Trọng Tường nghĩ đến cha già con dại, ngày đêm tan nát cõi lòng, nơi quê hương cách trở ngàn trùng, chẳng biết cảnh liêu kia có giữ được màu xanh trước gió không.

Nỗi buồn ấy cô đọng trong người, với lại thời gian dần dặc trong cảnh âm u ngục tối lâu ngày không thể chịu nổi nữa.

Một hôm, nhân lúc Ô La đi săn, Trọng Tường vượt ngục định bỏ trốn về Trung Quốc, thì bị quân Man bắt lại được. Ô La về giận dữ, liền đem Trọng Tường bán cho động chủ phía Nam là Tân Đình để làm nô dịch.

Tân Đình vốn là người hung bạo, tàn nhẫn, những người làm bất ý Tân Đình là roi vọt đánh người không còn tiếc sức.

Lúc ấy Trọng Tường thấy vắng người lại trốn đi, nhưng rồi cũng bị bắt trở lại. Tân Đình tức giận liền đem bán cho động chủ Bồ Tát Man.

Tên động chủ này vô cùng ác độc và biết rõ Trọng Tường mấy lần đã trốn đi, Bồ Tát Man liền dùng hai miếng gỗ đóng đinh, bỏ dưới một hầm sâu, chân tay đều khóa cả lại và cho binh sĩ canh giữ cẩn thận.

Khi Vĩnh Cố đến điều đình cùng Ô La, Ô La thấy đủ số một ngàn tấm lụa lòng mừng khắp khối, sai người đến điều đình với Tân Đình, Tân Đình lại sai người điều đình với Bồ Tát Man.

Bồ Tát Man xem công văn xong liền sai người xuống hàm nhử đinh đem Trọng Tường lên. Tay chân Trọng Tường lúc bấy giờ bị đóng đinh lâu ngày nên sưng vù cả, máu mủ thấm đầy nhiều lớp, mấy cây đinh sét rỉ, nên lúc nhử ra chàng không chịu nổi, ngất đi hơn mấy giờ đồng hồ mới tỉnh lại.

Bồ Tát Man truyền đem da sống bọc cả hai chân Trọng Tường rồi khiêng trả về cho Ô La.

Ô Tha cốt thu đủ số lụa, có kể gì đến mạng người sống chết mặc kệ. Vĩnh Cố và Trọng Tường gặp nhau, trong trường hợp ấy họ rất cảm động. Họ ôm nhau khóc ngất lên, không ai còn nói được câu nào, mà trong lòng họ như đã nói lên được ngàn vạn chuyện.

Vĩnh Cố thấy Trọng Tường người gầy ốm, tay chân như những cành cây mọt, trong mình đầy những vết sẹo cũ, mới chắt chứa lâu năm, không đi nổi một bước, trong lòng thương xót, cảm cho kiếp sống tài hoa phải chịu mười năm tan tác, bèn đỡ bạn lên xe, nâng niu như một đứa bé mới lọt lòng vậy.

Khi về đến Diên Châu, hai người vào yết kiến Dương Đô đốc. Dương Đô đốc mừng rỡ khôn cùng, sai người đi thỉnh các danh y về dinh săn sóc cho Trọng Tường.

Qua một tháng thuốc men đầy đủ, lại ăn uống sung túc nên sức lực của Trọng Tường bình phục như xưa. Trọng Tường rất cảm kích tấm lòng đại nghĩa của Dương Đô đốc, vội vào thỉnh đường bá tạ.

Dương Đô đốc nói :

— Giúp ích như vậy là việc nhỏ mọn, đâu có gì gọi là ơn huệ. Sự giúp đỡ của tôi so với tấm lòng Vĩnh Cố chẳng khác nào một hạt cát giữa bãi trùng dương.

Sau khi đưa bạn về đến soái phủ, Vĩnh Cố mới đến quán dịch thăm vợ con, để hàn gắn lại nỗi chia ly cách biệt trong mười năm trời, kẻ lênh đênh muôn dặm, người ấp ủ thâm khuê.

Dương Đô đốc vì cảm nghĩa nên biên thư về Trường An, nhờ những tay quyền quâ ở đó tâu với vua phong chức cho Vĩnh Cố, còn Trọng Tường thì ở lại phủ Đô đốc sung vào chức phán quan, trông nom việc văn thư giao dịch với người Man.

Vĩnh Cố dẫn vợ con từ giả bạn lên đường. Trọng Tường theo đưa đến hơn trăm dặm. Cái cảnh tiễn biệt kẻ ở người đi, trước tấm tình nồng nhiệt, giọt lệ cảm hoài tuôn chảy đến không bao giờ dứt.

Đôi bạn dùng dằng nhau, cuộc chia tay nửa ngày mà tâm sự chưa vơi.

Khi về đến Kinh Đô, Vĩnh Cố được bổ chức Huyện lệnh Thương Sơn, vội vã dẫn vợ con đi phò nhậm. Trong thời đó, triều đình nhớ công ơn của Đại quốc công Quách Chấn nên muốn lưc con cháu để bổ dụng.

Dương Đô đốc dâng biểu đề cử Trọng Tường, nói rõ Trọng Tường là cháu của Nguyên Chấn, trước kia đi dẹp giặc Man, bị giặc Man bắt giam cầm nơi khách địa mười năm đằng đẳng mà lòng trung can không một chút đổi dời. Nay hiện tưng sự tại quận An Diên, xin ơn trên đền đáp.

Triều đình nhận được biểu chương, tức thì phong Trọng Tường làm chức Lục sự tham quân Quý Châu.

Trọng Tường được lệnh bỏ nhậm, lẽ phải lên đường, nhưng vì lâu nay quê nhà cách biệt, hơn mười năm trời trôi nổi nơi đất khách, nỗi cha già, vợ yếu, tháng ngày khoắc khoải nhớ mong, vì vậy mà trước khi đi nhậm về, Trọng Tường ghé về nhà thăm quê quán.

Cả thời gian cách biệt, nơi quê hương ai cũng tưởng Trọng Tường đã vùi thân nơi khách địa, nay lại thấy Trọng Tường trở về với chức tước hiển vinh, cả gia đình mừng vui khôn xiết.

Vui với gia đình ít ngày, Trọng Tường lại sắp sửa sang Quý Châu, lo tròn nhiệm vụ của mình.

Hai năm qua, Trọng Tường làm quan nổi tiếng là một bậc thanh liêm, gương mẫu. Triều đình bổ dụng chàng, thăng chức Tham quan Đại Châu.

Trọng Tường là bậc trung hiếu, lại tài ba lỗi lạc, những năm qua lận đận trong chốn công gia, chẳng qua là vận thời chưa đến. Nay được thuận gió xuôi buồm, thì con thuyền thẳng tắp trên mặt trũng dương, việc đó không có gì là lạ lắm.

Chỉ có một điều, chức vị càng cao, Trọng Tường lại càng nhớ đến công đức của những người đã giúp mình trong thờ hoạn nạn. Chàng cáo với triều đình, xin phép một thời gian để trở về cư tang cho Quách thái công, bác của mình.

Xong, chàng lại nghĩ đến Ngô Vĩnh Cố.

“Trước kia ta nhờ Ngô Công vì nghĩa cả, không kể đến thân, tạo đủ số vàng lụa để chuộc về, hôm nay hai đảng trung hiếu ta đã lưỡng toàn, chẳng lẽ để bạn mình sống âm thầm với chức tiểu lại nơi biên ải sao !” Nghĩ như thế, Trọng Tường nóng ruột, vội vã đến Bành Sơn để thăm bạn.

Khi đến nơi, Ngô Vĩnh Cố đã mất nhậm. Cảnh gia đình lại thanh bạch, sống trong túng thiếu. Do đó, Vĩnh Cố không có tiền về Trường An để xin điều bổ.

Vợ chồng sống vất vưởng nơi biên cương, chẳng may bị bệnh dịch, cả hai đều bỏ mạng. Hiện linh cữu còn đang quảng ở hậu viên chùa Hoàng Long.

Người con trai là Ngô Thiên Tá, trước đây được mẹ dạy dỗ, nên nay rõ thông kinh sử; song trong cảnh túng thiếu ấy làm gì có tiền để đưa linh cữu cha mẹ về quê tống táng. Chàng nay lưu lạc ở Bành Sơn làm nghề dạy trẻ để kiếm tiền.

Trọng Tường lâu ngày nhớ nhung định bụng tìm đến, mong gặp bạn để thăm viếng, cặn mối tình hoài, chẳng ngờ khi đến đó hỏi thăm ra thì vợ chồng Ngô Vĩnh Cố đã chết.

Than ôi ! Trọng Tường như thấy cả một bầu trời tan vỡ. Bao mối tâm tư hầu như khô cạn, chàng mò đến chùa Hoàng Long tìm linh cữu vợ chồng Ngô Vĩnh Cố, rồi nằm đấy khóc mấy ngày bỏ ăn bỏ uống. Những dòng nước mắt mông mênh ấy chảy mãi, thấm vào lòng đất lạnh lạnh muôn đời !

Qua mấy ngày khóc lóc, Ngô Thiên Tá trở về thăm linh cữu của cha mẹ, gặp Trọng Tường trong cảnh bi thiết ấy, chàng rất đỗi ngạc nhiên, hỏi ra mới biết kẻ trọng nghĩa ấy là Trọng Tường. Hai đảng bái tạ nhau, coi như anh em ruột.

Trọng Tường bàn với Ngô Thiên Tá rước linh cữu về quê hương an táng.

Ngô Thiên Tá nói :

— Đó là nhiệm vụ của tôi, vốn tôi đã có dự ý từ lâu, song ngặt gia đình sút kém, tiền bạc không còn, đường đi từ đây về đến quê nhà lại dẫu vợ nên kiếm chưa ra tiền, tôi tính dạy học vài năm may ra góp đủ số tiền sẽ lo việc đó.

Trọng Tường nói :

— Ngô Công đối với tôi, ơn nghĩa muôn ngàn, dù tôi có làm thân trâu ngựa cũng chưa đủ đền bồi. Vậy việc này hiền đệ cứ để mặc tôi lo liệu.

Nói xong, Trọng Tường đi mua đủ các thứ lụa là, vàng hương, cùng các đồ tẩm liệm để đem hài cốt vợ chồng Ngô Vĩnh Cổ về quê.

Khi mở nắp quan tài ra, nắm xương của Vĩnh Cổ đã rục rũ. Trọng Tường rưới lên đó một lớp phấn thơm và sắp từng cái vào chiếc bao lụa mới tinh.

Muốn cho chắc ý, Trọng Tường còn làm dấu đầu vào đó rất cẩn thận. Đoạn bỏ vào chiếc rương mây, mang lên vai, thất thểu ra đi.

Thiên Tá kêu lên :

— Đó là hài cốt của cha mẹ tôi, tôi có bổn phận phải mang nó, sao thúc thúc lại gánh lấy sự phiền phức ấy ?

Trọng Tường sụt sùi đáp :

— Vĩnh Cổ đã vì ta, bỏ vợ bỏ con, lìa nhà lìa cửa trong mười mấy năm trời giữa cảnh gian nan, cơ cực. Dẫu nay ta có làm một con vật đi nữa cũng chưa đủ báo đền trong muôn một, huống chi ta chỉ mang nắm xương tàn thì có gì gọi là phiền phức.

Nói xong, Trọng Tường lại vừa đi vừa khóc. Hai dòng lệ đọng mãi trên khóe mắt không lúc nào khô.

Thất thểu trên con đường vạn dặm, lòng Trọng Tường băng khuâng tình bạn, đau đớn trước cảnh chia lìa, được mấy ngày thì hai chân Trọng Tường sưng húp không đi nổi nữa.

Bóng chiều buông xuống, cảnh vắng lẽ thê, trên đỉnh núi cao, cánh chim mịt mù trong mây tím, Trọng Tường vai mang nắm hài cốt của bạn lê vào một chiếc quán trọ bên đường, lấy vàng hương ra van vái lạy lục suốt đêm, quên ăn quên ngủ.

Tấm tình chung thủy ấy hình như có một mãnh lực huyền bí, giúp cho con người vì nghĩa được toại chí bình sinh, nên sáng hôm sau tự nhiên hai bàn chân của Trọng Tường bỗng không còn đau nhức nữa.

Trọng Tường mừng rỡ, mang hài cốt của bạn ra đi. Đi mãi không kể đêm ngày, gió mưa cực nhọc.

Về đến nhà, Trọng Tường cùng với Thiên Tá quét dọn trung đường, mua sắm quan quách cùng đồ tế liệm, chôn cất rất long trọng.

Hai người mặc đồ tang, suốt ngày này sang ngày kia lo việc xây mộ, lập bia, không nghĩ gì đến cảnh hào hoa phú quý.

Suốt ba năm trường, Trọng Tường ngày nào cũng lui tới viếng mộ bạn, nhỏ giọt nước mắt khóc cho tình thâm của cố nhân chôn vùi dưới nắm cỏ xanh, lòng quặn quại không nguôi. Lúc nào rảnh rỗi thì đem kinh thư, võ nghệ ra dạy Thiên Tá.

Chẳng bao lâu, Thiên Tá trở thành một thiên tài lỗi lạc.

Trọng Tường lại đem người cháu họ của mình gả cho Thiên Tá, rồi chia cho Thiên Tá một nửa gia tài của mình để sống một cách sung sướng đầy đủ.

Sắp đặt đầu đó xong, Trọng Tường mới trở lại Trường An.

Nhà vua cảm lòng trung nghĩa của Trọng Tường, phong cho chàng thăng chức Thứ sử Lam Châu.

Càng giữ chức lớn bao nhiêu, Trọng Tường lại càng nhớ đến ơn Ngô Vĩnh Cổ bấy nhiêu. Một hôm, Trọng Tường vào triều dâng biểu tâu với vua, kể hết mọi tình nong hậu của bạn mình đối với mình từ trước đến nay, và xin vua phong cho đưa con của Ngô Vĩnh Cổ một chức tước để đáp đền nghĩa bằng hữu.

Nhà vua muốn nêu gương sáng trong dân chúng, nên tức khắc phong cho Ngô Thiên Tá nhậm chức Huyện úy huyện Lam Cốc.

Huyện Lam Cốc và Lam Châu giáp nhau, vì vậy Trọng Tường và Thiên Tá ở gần nhau rất dễ dàng. Mỗi tình bằng hữu liên kết nhau đời đời cho đến lúc chết.

Người sau cảm tấm lòng tri ngộ ấy, dựng lên đền Song Nghĩa (hai cái đền sát nhau) để phụng thờ, cho là một bậc Siêu nhân vậy.

Tại Song Nghĩa ấy còn một bài thơ lưu truyền đến nay, song không rõ của ai cả.

Tàn Tàn ác thủ vĩnh căn chân Lâm nạn phương tri ý vị thân !

Thi vân Quách, Ngô chân nghĩa khí Nguyễn phi bình nhật kết giao nhân Dịch :

Nắm tay giao kết giải đồng Lâm cơn hoạn nạn có cùng nhau chẳng !

Quách, Ngô bình nhật chưa thân Tắm gương bằng hữu mười phân vẹn mười.

Có những nàng hoa

Anh Hoa

Về đời Đường, có một nhà ẩn giả họ Thôi tên Huyền Vĩ, là một người mộ đạo. Suốt đời ẩn nấu một mình ở Lạc Đông Thôn xử sĩ không thêm biết dư vị phấn hương của mỗi tình kháng lệ. Trong mảnh vườn u tịch muôn sắc thắm tươi của đủ các giống hoa kỳ, cỏ lạ : nào tùng biếc, trúc xanh, mai trắng, đào hồng... đều tăng vẻ kiêu diễm.

Bài thơ tiếc hoa sau nói lên được cái thú tiêu khiển thanh tao, nỗi buồn dịu vợi của con người tài hoa phong nhã, trọn đời chỉ biết tiêu khiển, chỉ biết bầu bạn với hoa lá, gió trăng. Một đêm mưa nghe lòng mình nặng nặng.

Liên tiêu phong vũ bế sài môn Lục tận thâm hồng, chỉ liễu tồn Dục tảo thương đài thả đình chửu Giai tiền điểm điểm thị hoa ngân Dịch :

Cửa sài đóng kín đêm mưa gió Liễu rụng hồng rơi bóng nhạt phai Niềm riêng phủ lớp rêu xanh biếc Lốm đốm hoa in mấy bậc ngoài Gặp lúc tiết xuân êm ả, trăng vườn hoa muôn cánh rạt rào, sắc hương chìm trong sương lạnh. Đêm thanh, bản nhạc thanh bình rít lên pha lẫn vào khóm dương đan thánh thót những giọt sương đục màu sữa. Vầng trăng lơ lửng giữa giấc ngủ im lìm của tạo vật, Huyền Vĩ thấy lòng mình lảng lảng, một mình đi lẫn thẩn từ khóm hoa này sang khóm hoa khác, bỗng thấy trong vườn có một mỹ nhân áo xanh non màu lá mạ thất thểu đi đến... chập chùng dưới ánh trăng màu vàng nhạt.

Huyền Vĩ lấy làm lạ, tự hỏi :

— Đêm khuya, canh tĩnh, tại sao lại có người con gái ở vườn hoa này ?

Huyền Vĩ còn ngờ ngác chưa rõ sự thể ra sao, thì mỹ nhân đã bước đến trước mặt thi lễ.

Huyền Vi bối rối ngược nhìn nét hoa, hỏi :

— Chẳng hay tiểu thư ở đâu, đêm khuya cảnh vắng lại vào nơi tẻ viên, ắc hẳn có điều chi chỉ giáo ?

Cặp môi đào hé mở, vùng ngáp chói ngời, như giọng oanh thánh thót, thiếu nữ đáp :

— Tiệp nữ nhà ở gần đây. Nay cùng mấy người bạn đến đông môn để thăm người dì, tiện đây xin tá túc một đêm biết công tử có khứng cùng chăng.

Tuy trước cảnh bất ngờ, nhưng không lẽ từ chối lời nói của mỹ nhân, nên vui vẻ nhận lời. Mỹ nhân cúi đầu cảm tạ rồi bước ra lối cũ.

Một lát sau, thiếu nữ kia lại dẫn một đoàn mỹ nhân khác rẽ hoa bước vào. Dưới trăng mờ huyền ảo, nét diễm kiều trong gió bụi vẫn không phai, mỗi người như một cánh hoa phù dung lác lác trước gió.

Huyền Vi như hoa mắt, miệng không nói được lời nào, lặn đưa các thiếu nữ vào phòng khách, mời ngồi và hỏi :

— Thưa quý nương, chẳng hay quý nương phương danh liệt tánh là gì, mà vóc ngọc thân ngà lại lặn lội đến tẻ xá làm vậy.

Một thiếu nữ mặc áo màu lục đứng dậy đáp :

— Chúng em sống nơi quê mùa, tên họ lại xấu xí, e nói ra làm rất tai công tử chăng !

Huyền Vi mỉm cười, nói :

— Xin quý nương đừng quá khiêm tốn.

Cô thiếu nữ mặc áo nguyệt bạch đứng dậy đáp :

— Em đây vốn họ Dương, còn chị mặc áo xanh đây là họ Là, còn chị mặc áo hồng kia là họ Đào...

Mỗi thiếu nữ đều đứng dậy tự giới thiệu tên mình. Cuối cùng đến người mỹ nhân nhỏ tuổi nhất. Dương mỹ nhân đứng dậy vỗ vai nói :

— Đây là em út của chúng tôi, họ Thập tên A Thác. Tuy có khác họ thật, song từ lúc nhỏ đến giờ mỗi tình tha thiết và gắn bó với nhau lắm.

Đêm nay chúng em hẹn đến Thập Bát Di Nương để chào người, tiện đây chúng em vào yết kiến công tử, để cảm ơn công tử cho chúng em mượn vườn hoa này làm nơi gặp gỡ.

Nghe các thiếu nữ ăn nói lưu loát, Huyền Vi toan tìm lời văn hoa và cử chỉ nhã nhặn để đối đáp, nhưng chàng chưa biết nói lời nào thì các thiếu nữ đã đứng dậy nhìn ra vườn hoa, reo to :

— A ! Thập Bát Di đã đến kìa !!!

Dứt lời, mọi người đều chạy ra vườn để đón. Huyền Vi vội lảng tránh sang một phòng bên để lánh mặt.

Bọn thiếu nữ thi lễ xong đồng nói :

— Chúng tôi đến đây để đón Di Nương, nhưng được chủ nhân mời vào hỏi chuyện nên tiếp đón có hơi chậm trễ, xin Di Nương miễn thứ cho.

Di Nương có tên là Phong Di, một thiếu nữ oai vị, tuy vẻ đẹp phong nhã, nhưng có hơi đanh ác, bước tới nhìn các thiếu nữ kia, mỉm cười nói :

— Đã mấy lần định đến thăm các em nhưng vì bận việc không đi được, hôm nay mới có dịp, để các em phải nóng lòng mong đợi, thực chị có lỗi lắm.

Các thiếu nữ đồng thanh đáp :

— Được quý nương chiếu cố đến thăm các em, các em có gì mừng hơn. Vậy đêm nay trăng sáng, hoa tươi, xin quý nương vào tạm nơi đây để chúng em được dâng ly rượu thọ.

Phong Di nhìn vào căn phòng trống, hỏi :

— Hội họp ở đây có gì bất tiện không ?

Dương Mỹ nhân đáp :

— Chủ nhân ở đây là một bậc quân tử, thanh tao và nho nhã, vả lại khu vườn này cũng khá u tịch, không có gì đáng để cho Di Nương ái ngại cả.

Phong Di hỏi :

— Thế thì chủ nhân hiện giờ ở đâu ?

Huyền Vi đang ở phòng kế cận, nghe Phong Di hỏi đến mình, liệu khó bề trốn tránh nên vội bước ra thì lễ.

Các cô thiếu nữ vội vàng nhắc ghế mời Phong Di ngồi trên rồi lần lượt nắm tay nhau ngồi chung quanh. Huyền Vi kéo ghế ngồi bên ngoài để giữ lễ.

Chẳng bao lâu, bên ngoài có một cô tỳ nữ bưng vào một mâm đầy những thứ món ngon vật lạ, tỏa trong phòng một mùi thơm ngát. Trong đó đủ các thứ bánh, Huyền Vi không biết thứ bánh gì mà gọi. Lại còn có những thứ rượu gì bay hơi ngọt ngào như mật ong vậy.

Các thiếu nữ rót rượu, mời Phong Di uống trước.

Phong Di cảm ly rượu, tỏ lời mời các thiếu nữ đồng nhau đối ẩm.

Các thiếu nữ tiếp lời mời Huyền Vi.

Đêm thanh trăng tỏ, bên ngoài gió hiu hiu thổi, tiếng trúc rạc rào như muôn nhạc điệu lắng chìm trong cảnh tịch tịch u huyền.

Cạn nửa tuần rượu, thiếu nữ mặc áo hồng đứng lên, rót thêm đầy chén ngọc tử hà, dâng cho Phong Di và nói :

— Tiện nữ có mấy câu hát này xin dâng cho Di Nương giải muộn.

Nói xong nàng cất tiếng hát lâng lâng :

Phi y, phi phát lộ doanh doanh Đạm nhiễm yên chi, nhất đoá khinh Tự hận hồng nhan lưu bất tục Mạc cán xuân phong đạo bạc tình.

Dịch :

áo xiêm phát phới giữa sương lam Một đoá hương hoa phận yếu mềm Nghĩ trách hồng nhan thường mệnh bạc Trách chi ngọn gió chẳng thương tình Tiếng ca lãnh lút, lâng lâng một mối buồn nhè nhẹ... hòa nhịp theo khúc nhạc trúc êm đềm, tưởng như vũ trụ đang quay cuồng giữa cảnh bồng lai.

Dứt tiếng hát, thiếu nữ mặc áo màu nguyệt bạch lại đứng dậy dâng rượu cho Phong Di rồi ca tiếp một bài khác :

Hạo thiết ngọc nhan trắng bạch tuyết Huống mãi đương niên đối phương nguyệt Trầm ngâm bất cảm oán đông phong Tự thán dung hoa ám tiêu yết Dịch :

Tắm thân trong tợ tuyết sương pha Bát ngát hơi hương dưới nguyệt tà Nhìn ngọn gió đông không dám trách Chỉ than cho một kiếp đời hoa Tiếng hát rít lên như muôn cung đàn rào rạc trong gió lộng u hoài.

Phong Di lúc đó đã say, lòng vẫn có tánh khinh bạc mọi người, nên lòng trắc ẩn nổi lên, chưa nghe hết câu đã vội trách mắng :

— Đêm thanh trăng tỏ, cuộc hội ngộ này đáng lẽ tìm những lời vui về hát ca, sao các cô lại tấu lên những khúc nhạc nghe bi thảm làm vậy ? Và lại trong lời hát, ta cảm thấy như có một cái gì hồng hách, ngạo mạn, ta phạt cho mỗi cô phải uống thêm một chén lớn nữa để rồi mỗi người phải hát lên một khúc hát vui về xem nào ?

Nói xong, Phong Di lại nâng chén uống một hơi.

Lúc bấy giờ hơi rượu đã thấm vào tâm não, Phong Di say liếng niếng, bưng ly rượu ngất ngưởng ngã xiêu vẹo đổ vào chiếc áo hồng của nàng A Thác, một thiếu nữ ngồi gần bên cạnh.

Nàng A Thác vốn tánh điềm tĩnh, bị rượu đổ vào áo, nàng phật ý, nét mặt cau lại trong hơi men đã chênh choán, nàng vụt đứng dậy nói :

— Tại sao lại có những cử chỉ thô lỗ như vậy ? Bữa tiệc hôm nay là bữa liên hoan, phải đâu để dùng quyền thế mình mà khinh bạc kẻ khác. Các chị ai muốn cầu cạnh thì ở đó, phần tôi, tôi không cần gì đến ai cả.

Nói xong, A Thác đứng dậy rũ áo bước ra khỏi phòng.

Phong Di tái mặt, chỉ tay ra cửa nói :

— Khốn nạn, nó dám mượn hơi rượu để mà miệt hạ ta như thế sao ? Ta quyết cho một trận để cho nó biết phận mình.

Nói xong, Phong Di cũng đứng dậy rũ áo bỏ ra ngoài.

Các thiếu nữ đều một mặt khuyên giải :

— A Thác tuổi trẻ, lại bị say quá nên xúc phạm đến Di Nương, xin Di Nương để đến hôm khác, chúng tôi sẽ dẫn A Thác đến mà tạ tội.

Phong Di chẳng cần nghe lời can gián của các thiếu nữ kia, mặt hầm hầm bước xuống thềm.

Các thiếu nữ sợ sệt, từ giả Huyền Vi rồi bước theo, vạch hoa đi tản ra tứ phía.

Huyền Vi lấy cớ tiễn khách, bước ra thềm để xem tông tích cá thiếu nữ ở nơi đâu. Nhưng khi Huyền Vi vừa bước ra đến thềm thì bóng các cô thiếu nữ kia không còn thấy đâu nữa.

Lấy làm lạ, Huyền Vi nghĩ bụng :

— Những con người áo xiêm ủy mỹ, ăn nói lưu loát như thế chẳng lẽ lại mà ma quái gì hiện đến sao ? Mà cũng không lẽ ta đã nằm mộng ?

Nỗi thắc mắc tràn ngập trong lòng Huyền Vi. Chàng lão đảo bước vào phòng thì mâm chén cùng các đồ ăn lúc nãy cũng đã biến đi đâu mất, chẳng còn lưu lại một vết tích gì; duy chỉ có mùi hương còn phảng phất chưa phai.

Huyền Vi càng kinh ngạc, nghĩ bụng :

— Đây hẳn là một điều quái gỡ, tuy nhiên dù sao cũng không đến nỗi tai hại gì.

Nghĩ như thế, chàng an tâm, và cố tìm hiểu xem các cô nàng kia thuộc vào giống gì cho biết.

Chiều hôm sau, Huyền Vi đang thơ thẩn trong vườn. Vầng trăng bắt đầu buông những tia sáng yếu ớt rải trên các khóm cây cao, chàng thoáng thấy xa xa có bóng đoàn mỹ nhân hôm trước đang quây quần quanh một thiếu nữ.

Chàng rón rén bước đến. Thì ra các cô kia đang khuyên nài A Thác nên đến tạ tội với Phong Di.

A Thác vùng vằng nói :

— Các chị cứ đầu phục mãi cái con mẹ độc ác ấy sao ? Người ta đã không có lòng thương chúng mình thì dù chúng mình có cầu khẩn đến đâu cũng không ích gì. Tốt hơn chúng ta nên cầu công tử Huyền Vi đây, có tốt hơn không ?

Vừa nói, A Thác vừa quay lại. Các thiếu nữ đưa mắt nhìn theo. Thấy bóng Huyền Vi, mọi người đều reo lên. Huyền Vi cực chẳng đã phải ra mặt bước đến.

A Thác bước đến trước mặt Huyền Vi kính cẩn chào và nói :

— Chị em chúng em đều trú ngụ trong vườn của công tử. Nhưng phận liễu yếu đào tơ không nơi nương tựa. Hàng năm thường có trận gió đông thổi đến bắt chúng em phải dập liểu vùi hoa. Vì vậy mà chúng em phải cầu khẩn nàng Thập Bát Phong Di che chở. Tuy nhiên, tánh Phong Di ác nghiệt, thường hay giận hờn, vì thế tìm đủ lời sách hạch làm chúng em khổ sở vô cùng. Mới đây Phong Di lên mặt giận dữ em, chúng em đoán chắc thế nào rồi đây chúng em cũng bị một trận trừng phạt. Nếu công tử đoái lòng thương chúng em, che chở cho chút phận yếu mềm của kiếp đời hoa thì chúng em nguyện ghi ơn muôn thưở.

Huyền Vi hỏi :

— Tôi làm sao mà che chở cho các cô được ?

A Thác nhanh nhẩu đáp :

— Cứ mỗi năm vào ngày nguyên đán, chúng em cầu xin công tử làm cho một lá phan màu đỏ, trong đó vẽ một tấm bùa bát quái trấn ngũ lôi, dựng ở phía đông hoa viên, như thế chúng em sẽ được bình yên ngay.

Huyền Vi nói :

— Năm nay nguyên đán đã qua rồi, thì còn làm thế nào được.

— Ngày hăm mốt tháng hai là ngày tết. Nếu buổi bình minh hôm ấy mà có gió thổi nhiều thì nhờ công tử giúp cho.

Huyền vi mỉm cười nói :

— Việc đó đâu có khó gì, chỉ sợ công việc giúp ích của tôi không đem lại cho các cô một kết quả nào thì lòng tôi không an đó thôi.

— Nếu được công tử nhận lời thì chúng tôi không còn lo gì nữa cả.

Nói xong, các thiếu nữ đều từ giả Huyền Vi, rẽ hoa, thoăn thoắt bước đi. Chẳng mấy chốc bóng các thiếu nữ đã biến đi đâu mất. Trong vườn chỉ còn mùi hương thoang thoảng, cái thứ mùi hương quen thuộc thường ngày.

Muốn chiêm nghiệm thử xem những lời nói của các thiếu nữ kia có đúng không, ngày hôm sau Huyền Vi làm một cành phan màu đỏ, vẽ bùa ngũ lôi chực sẵn ở đó.

Đúng vào ngày hai mươi mốt tháng hai, trời chưa rạng sáng, Huyền Vi đã thức dậy ra vườn.

Giữa lúc ấy quả có luồng gió lốc từ xa thổi đến; ban đầu còn yếu ớt, nhưng mỗi lúc một mạnh dần, sau thành một trận cuồng phong rất dữ dội.

Huyền Vi lập tức đem cành phan vẽ bùa ngũ lôi, dựng về hướng đông theo lời dặn của các thiếu nữ. Bốn bề cây cối xao động, các cây cao đổ lá toỉ bời, bay phát phới như cánh chuông. Tuy nhiên, trong vườn các cây hoa vẫn đứng nguyên vẹn và tươi tốt, khoe màu khoe sắc muôn vẻ.

Huyền Vi nghĩ ra một kế, các thiếu nữ kia là kết tinh của các giống hoa. A Thác là tinh hoa Thạch Lựu, còn Phong Di là nàng gió...

à ! té ra lại có những nàng hoa sống chung trong vườn thường thức, nhưng chàng đâu có hiểu.

Chiều hôm ấy, các thiếu nữ, với vẻ diễm kiều, bước đến tạ Ơn :

— Được nhờ ơn công tử đoái lòng thương, giúp đỡ cho các em thoát khỏi tai nạn, chúng em không có gì để đền ơn cho xứng đáng. Chúng em có chất Anh hoa đây là kết tinh của muôn hoa, xin dâng cho công tử. Xin công tử cứ che chở cho các em mãi như thế thì các em có thể trường sinh mà đạt đến địa vị hoa tiên.

Huyền Vi không nỡ từ chối, tiếp nhận tặng phẩm của mấy cô nàng.

Chất Anh hoa ấy quả nhiên quả hóa vô cùng. Mỗi sáng, Huyền Vi dùng một chút với nước trà, tự nhiên thấy trong người khoan khoái và vui vẻ suốt ngày. Chẳng bao lâu, dung nhan của Huyền Vi bỗng trẻ lại như người trai trên tuổi đôi mươi.

Sau đó, chẳng ai hiểu rõ chàng ta đi đâu, chỉ thấy trong truyện còn lưu lại một bài thơ như vầy :

Lạc Trung, Xử Sĩ ái tài ba Tuế tuế chu phan hội thái hòa Học đắc xan anh kham bất lão Hà tu canh mệnh táo vi qua !

Dịch :

Xử Sĩ yêu hoa chôn Lạc Trung Năm năm dựng một cánh phan hồng Anh hoa đã nếm mùi bất lão Dưa, táo cần gì đợi suốt canh !

Say hoa

Vào đời vua Nhân Tôn nhà Tống, tại thôn Trường Lạc thuộc huyện Bình Giang, có người họ Thu, tên Tiên là một nhà ẩn dật, lánh ưà sống trong cảnh an nhàn, cô tịch, không màng đến công danh phú quý. Người người đều gọi chàng ẩn sĩ này là Thu Công.

Thu Công vợ chết sớm, không con, gia tài gồm có mấy mẫu đất cha mẹ để lại, nếu chàng chịu khó chăm sóc ruộng vườn thì cũng đủ một cuộc sống phong lưu, đáng này Thu Công tánh lại thích trồng các thứ hoa, và suốt đời cũng chỉ thích có hoa mà thôi.

Do đó bao nhiêu vườn đất, chàng ta trồng hoa cả. Giữa vườn cất một cái trại khá lớn, năm tháng một mình thơ thẩn vào ra, lo việc trồng tỉa. Nếu kiếm đâu được một vài thứ hoa nào lạ thì chàng còn quý hơn làm tìm được châu báu.

Lúc nào rảnh rỗi, dạo chơi các miền lân cận, nếu gặp nhà ai có vườn hoa thì chàng nhút định xin vào xem cho kỳ được. Nếu người chủ vườn không bằng lòng, chàng ta cũng ở đó nài nỉ mãi, lúc nào được xem mới chịu đi.

Gặp những giống hoa bình thường, đương tuần hoa nở thì chàng say sưa thưởng thức, còn gặp cái thứ danh hoa, thôi thì không thể nào mà tả nổi cái cảm khoái của chàng được. Chàng nhút thiết hỏi mua, dù bằng giá nào. Nếu không tiền thì chàng cời áo thế.

Bọn lái hoa biết tánh Thu Công như vậy, cho nên lúc nào chàng ta hỏi mua thì đòi giá rất cao. Tuy nhiên cái con người sai hoa ấy chẳng bao giờ chịu bỏ qua.

Lại một bọn lưu manh tinh quái, biết Thu Công là người mến hoa, nên đi tìm nhiều thứ hoa rất lạ đem về bán với giá rất đắt, làm cho nhiều lúc vì mê hoa mà Thu Công bỏ cả tiền bạc để mua, không còn một đồng trong nhà, phải nhịn ăn nhịn mặc.

Tháng ngày trôi qua, trong vườn Thu Công góp nhặt đầy các thứ hoa rất lạ và rất quý, nổi tiếng tại đất Giang Nam.

Quanh vườn một dậu trúc dày, chính giữa là trà mi, mộc hương, táo mai, mộc cần, tường vi... Trong đó có xen lẫn các thứ hoa thực quý, phượng tiên, oanh trúc, kim quang... Thật không làm sao mà kể hết được.

Bốn mùa, tám tiết, lúc nào cũng có hoa nở, hoa, đứng ngoài trông vào như một tấm đệm gấm thêu đủ màu. Cứ mỗi lúc trăng lên, mùi hương xông lên ngào ngạt. Dù người ta đi cách đó hai dặm cũng còn nghe thoảng mùi hương.

Hai bên ngõ, những cây tòng, cây bá, sắp theo hai hàng lác lác trước gió, thỉnh thoảng những cánh lá vàng lác đác bay như những cánh bướm, trông rất ngoạn mục.

Bên trong vút tận xa mờ, lấp sau ngõ trúc quanh co, một ngôi nhà lá ba gian, tuy là thô sơ, nhưng rất sạch sẽ. Đó là nhà của Thu Công vậy.

Trong nhà không có trưng bày gì lộng lẫy cả.

Giữa thảo đường có treo một bức họa “Khổng Tử vấn lễ Lão Đam”, một bên có một bộ tràng kỷ để một bộ đồ trà, một bên có một cái bàn để một chiếc đỉnh đồng to lớn, cắm đủ các thứ hoa, bên đó là một chồng sách cổ.

Trước mặt nhà, trong góc vườn, chúng ta còn thấy một hồ nước xanh dờn, những cành liễu tha thướt rũ xuống. Đẹp nhất là những đêm xuân, ánh trăng lả lướt rắc màu vàng nhạt trên mặt hồ, lẫn lẫn nhảy múa, trông rất ngoạn mục.

Còn về mùa thu, những ngọn gió vàng hiu hắt, các cành hoa là đà chen chúc nhau, phô muôn màu vạn sắc, xinh đẹp vô cùng. Nếu gặp tiết đông, khí trời ẩm thấp, mưa phùn lã tả, thì những cành liễu buông mảnh, như những bức rèm màu sữa, lồng bên trong muôn hồng ngàn tía, như một tấm đệm kim cương.

Cái cảnh tươi đẹp bốn mùa của vườn hoa chàng Thu Công kể sao cho xiết.

Thời đó người ta có làm rất nhiều bài thơ ca tặng, và đây là một trong những bài ấy :

Hồ trung nhất sắc, thủy liên thiên Bất xướng ngư ca, tức thái liên Tiểu tiểu mao đường, hoa vạn chủng Tà dương nhựt nhựt đối hoa miên Dịch :

Mặt hồ trong vắt, nước im trời Mây lá thuyền rơi, lác đác trôi Lều cỏ thơ thơ, hoa vạn gốc Bóng chiều soi dấu bóng hoa rơi Cứ mỗi sáng, Thu Công dậy sớm quét dọn trong vườn rất sạch sẽ, nhặt những cánh hoa rơi bỏ vào một cái hộp riêng, cất trong phòng rất cẩn thận, xong xách nước tưới cây.

Nếu có cụm hoa nào mới nở, chàng ta mừng rỡ nưng niu, đứng hàng giờ nơi đó để ngắm nghía, có khi chàng lại đem cả bầu rượu, nhắc ghế đến ngồi bên gốc cây uống say mềm cả ngày như đứng trước một người bạn tri âm vậy.

Từ lúc hoa hé nở đến lúc hoa nở đều không khi nào Thu Công rời đi đâu nửa bước. Nếu gặp lúc trời nắng, thì chàng đem nước phun cho cánh hoa tươi. Nếu gặp lúc trời mưa thì chàng kiếm đồ che đậy cho hoa khỏi đọng nước. Nhất là những lúc gặp gió lớn, Thu Công ngồi đứng không yên, chạy từ nơi này sang nơi khác, tìm những đồ chống đỡ. Nếu gặp cành hoa nào yếu kém không chịu nổi với gió, gãy đi, thì chàng thương tiếc, hái đem vào cắm ở lọ hoa nơi đầu giường.

Lúc hoa tàn là lúc làm cho Thu Công đau đớn nhất.

Cứ mỗi cành hoa sắp tàn, Thu Công bắc ghế ngồi một bên nhìn hoa than thở cho đến khi hoa héo, rơi xuống đất, chàng lượm lên đem rửa sạch, cất vào hộp.

Thu Công rất phản đối hành động bẻ hoa cắm vào lọ. Lọ hoa của chàng chỉ dùng cắm những cành hoa rũ ro bị gãy mà thôi; ngoài ra, những nhánh tươi trên cành không bao giờ bẻ cả.

Chàng nói :

— Kiếp hoa mỗi năm chỉ nở một lần, trong bốn mùa chỉ chiếm được một, và mỗi mùa chỉ nở trong mấy ngày mà thôi. Đời hoa đã mong manh như thế, mà khi hoa nở ta lại nở đang tay bẻ đi để làm cho hoa kia chóng tàn thì lòng ta độc ác biết bao !

Vì vậy chàng không bao giờ bẻ hoa, và cũng rất ghét những kẻ bẻ hoa.

Chẳng những vườn hoa của chàng, chàng không muốn cho ai động đến, mà cả những lúc chàng đi đâu, gặp ai bẻ hoa, chàng cũng phản nản, giải thích. Nếu người ấy không nghe thì chàng năn nỉ, cốt làm sao trước mắt chàng đừng trông thấy cái cảnh mà chàng cho là tàn nhẫn ấy.

Khu vườn của chàng lúc bấy giờ nổi tiếng là đẹp nhất ở Giang Nam.

Nhiều người làm thơ khen tặng :

Tiên quyền viên hê mộ quyền viên
Quyền thành viên thượng bách hoa tiên
Hoa phai mỗi nhật khan bất túc
Vị ái khan niên, bất khăng niên Dịch :

Vườn hoa sớm tối chăm nom
Trăm màu khoe sắc một chòm nước mây
Xem hoa chưa thỏa lòng say
Đêm đêm còn đợi nguyệt lay trước thềm

Thời đó, trong thành Bình Giang có một anh chàng họ Trương tên Ủy vốn con nhà quyền thế, tánh khí lại ngang tàn, độc ác, dâm dăng.

Suốt năm tháng chỉ cậy vào thế lực mình để hiếp đáp dân lành. Hễ ai có cái gì đẹp thì nhứt định cướp đoạt cho được, bất kỳ là vật gì. Cả đến vợ người ta nữa, nếu kẻ nào có chút nhan sắc mà vô phúc lọt vào đôi mắt vọ ấy thì coi như khó thoát.

Dân chúng khắp vùng đều than oán hành động của Trương Ủy, nhưng biết làm sao. Dân chúng là những người ngẩn cổ, bé miệng đâu dễ gì kêu thấu đến cửa quan, mà có đến chẳng nữa cũng chỉ chuốc lấy phần thiệt thòi vào mình, vì Trương Ủy là kẻ có thế lực, rất đối các quan phủ huyện còn sợ chàng thay, huống hồ là dân !

Quen thói bạo ngược, Trương Ủy bao giờ cũng nghênh ngang, dưới mắt không coi ai ra gì nữa. Trong nhà chàng có nuôi một số thủ hạ, hễ ra đâu gặp kẻ nào can thiệp vào hành động mình, thì Trương Ủy lập tức hô bọn thủ hạ kia xúm lại đánh.

Một buổi sớm, Trương Ủy dắt bọn thủ hạ kia đi qua vùng Trường Lạc, vào quán uống rượu la cà đến say mềm.

Khi đi ngang qua vườn hoa của Thu Công, Trương Ủy liếc mắt vào trong, thấy vườn hoa rực rỡ phô đủ trăm hồng ngàn tía, ý muốn vào tìm, nhưng ngõ trúc then gài kín mít, không biết phải làm sao. Giữa lúc ấy có một người dân làng đi qua, Trương Ủy gọi lại hỏi :

— Đây là vườn nhà ai mà quan cảnh tươi đẹp như thế ?

Người dân làng nghe hỏi khiếp sợ kính cẩn đáp :

— Thừa công tử đó là vườn hoa của Thu Công, một người suốt đời chỉ biết yêu hoa và vun xới cho hoa mà thôi.

Trương Ủy cau mày hỏi :

— Thu Công trước kia có làm chức tước gì không ?

— Thừa không. Chàng ta lâu nay chỉ là một nhà ẩn sĩ.

Trương Ủy nghe nói cười híp mắt lắm bầm :

— Tưởng là một vị quan gia gì to lớn, chứ một thằng dân quèn như vậy thì khó gì mà ta không vào đó để thưởng ngoạn.

Nói xong đưa tay vẫy bọn thủ hạ theo mình, thẳng đến cửa vườn hoa của Thu Công. Bọn thủ hạ chạy đến đập cửa ầm ỉ.

Thu Công đang ngồi trong vườn ngắm các cánh mẫu đơn đang hé nhụy, bỗng nghe bên ngoài có tiếng đập cửa, vội vàng bước ra xem, thấy năm sáu người lực lưỡng, mặt mày đỏ gay, nồng nặc mùi rượu.

Thu Công bước đến hỏi :

— Các anh có điều gì gấp rút, muốn hỏi đến tôi ?

Bọn thủ hạ trợn mắt hét :

— Mày là một người dân ở đây mà không biết chúng tao là thủ hạ của Trương công tử hay sao mà hỏi ngớ ngẩn như thế chứ ? Nay Trương công tử nghe đồn trong vườn của mi có nhiều hoa đẹp nên muốn vào trong vườn đó để thưởng thức.

Thu Công nói :

— Trong vườn của tôi không có trồng được cây hoa nào quý lạ, đáng để cho công tử phải nhọc lòng đến, ở đây chỉ có mấy gốc cây mận, cây đào đều đã cần cỗi.

Trương Ủy bước tới chỉ vào mặt Thu Công nói :

— Nhân dịp ta đi ngang qua đây, muốn ghé vào vườn của mi, đó cũng là một vinh dự cho mi, sao mi lại dám kiêu có từ chối như vậy. Để ta xem thử trong vườn mi có những thứ hoa gì cho biết.

Nói xong, Trương Ủy hạ lệnh cho bọn thủ hạ phá ngõ mà vào.

Thu Công giận đỏ mặt, nhưng không làm sao ngăn cản bọn người đầu trâu mặt ngựa ấy được. Chúng hò nhau đập phá một hồi, xô Thu Công té vào bụi trúc, rồi rước Trương Ủy vào trong.

Trong vườn lúc đó các thứ hoa tuy nhiều, nhưng chỉ có hoa mẫu đơn đang nở thịnh hơn cả. Giống mẫu đơn này là chúa của muôn hoa, sản xuất tại Lạc Dương, một giống danh hoa quý nhất trong thiên hạ.

Tục truyền rằng, trước kia Vũ Tắc Thiên hoàng đế (tức là Võ Hậu) nhà Đường, hoang dâm vô đạo, rất yêu hai tên cận thần : Trương Dịch Chi và Trương Xương Tôn. Một chiều đông lạnh lẽo, mưa lác đác rơi, Võ Hậu ngự giá, xuất du nơi vườn thượng uyển, thấy cây cỏ xác xơ, trăm hoa ủ rũ, trong lòng hần học đề bốn câu thơ :

Lai triều du Thượng uyển Hỏa tốc báo xuân tư Bách hoa liên dạ phát Mạc đãi hiệu phong suy Dịch :

Bãi triều dạo Thượng uyển Gấp rút báo xuân hay Trăm hoa đêm nay nở?

Không đợi gió xuân lay Trăm hoa chẳng dám trái mạng chỉ trong một đêm mà đua nhau nở khoe đủ muôn màu, ngàn sắc trong khu vườn bát ngát giữa bầu trời đông giá lạnh mưa phùn.

Sáng hôm sau Võ Hậu dắt hai tên cận thần ra vườn ngắm cảnh, trông thấy các hoa đua nhau hơn hờ đón chào, chỉ riêng có hoa mẫu đơn bướng bỉnh không chịu phụng mệnh gian thần, bạo chúa, nên lá cành đều khô khan, không nứt ra một chiếc lá non nào. Võ Hậu nổi giận, giáng chiếu đầy hoa mẫu đơn xuống Giang Nam.

Vì thế mà hoa mẫu đơn tại xứ Lạc Dương đẹp nổi tiếng trong thiên hạ. Người đương thời có làm khúc ca “Ngọc Lâu xuân từ” để ca tụng chí khí khấn khải, và tán dương vẻ đẹp yêu kiều của hoa mẫu đơn bị luân lạc rời khỏi mảnh vườn vương giả của đất Thần kinh :

Danh hoa sức ước đông phong là Chiếm đoạn thiều hoa đô lại thư?

Lao tâm nhất phiến nhả nhân lân Xuân sắc tam phân sàu vũ tẩy Ngọc nhân tận nhật yêm yêm địa Phước lị Ong ca kinh phá trụ Sạ lâm trang kính tự kiên tu Cận nhật thương xuân thâu dữ nhĩ Dịch :

Mẫu đơn say cả đông phong Cảnh hoa mơn mớn màu hồng đẹp xinh Yêu hoa giữ tấm lòng trinh Gió mưa vui dập xuân tình phôi pha Sớm hôm nét ngọc không nhòa Sinh ca khắc khoải đời hoa bẽ bàng Dáng kiều áp ủ đãi trang Thương xuân bờ ngõ bóng vàng hắt hiu

Khóm mẫu đơn trong vườn Thu Công rất tươi tốt, mỗi cây có trồng một cột gỗ để chống đỡ, bên trên có dăng một mảnh vải thưa để che nắng. Mỗi cây cao chừng một trượng, hoa nở to như những chiếc mâm ngọc, đủ năm sắc.

Trương Uyển thấy đẹp mắt, vội chạy đến níu một cành hoa để vào mũi người. Trước cử chỉ sỗ sàng ấy làm cho Thu Công áy náy, chàng chạy đến bên Trương Uyển nói :

— Xin công tử đứng xa mà ngắm, đừng động đến nó e bất tiện.

Trương Uyển nổi giận mắng :

— Ta hạ cố đến đây là một điều vinh dự cho nhà ngươi. Ngươi đã không đón tiếp lại còn kiếp cố để chối từ. Bây giờ ngươi lại còn khinh ta như thế sao ? Khóm mẫu đơn trong vườn hoa của ngươi giá đáng bao nhiêu mà ngươi dám buông lời lỗ mãng như vậy ?

Nói xong, Trương Uyển bẻ một cành hoa mẫu đơn để vào mũi người...

Thu Công giận đỏ mặt, nhưng biết Trương Uyển là tay quyền thế, động đến hấn là có chuyện nên chẳng dám làm phật lòng, một mặt năn nỉ, nói :

— Trong vườn tôi chỉ có mấy cành mẫu đơn, công phu tôi vun trồng hàng mấy năm mới có, xin công tử để nó ở trên cành mà ngắm cho đẹp mắt.

Trương Uyển chẳng trả lời, quay lại gọi mấy tên thủ hạ bảo :

— Hoa nở đẹp thế này, thực ít khi được gặp, vậy chúng bay ra quán mua vài hồ rượu đem vào đây khè khà cho vui để thưởng ngoạn.

Được lệnh, bọn thủ hạ dạ vang.

Thu Công lòng đau nhói, cúi đầu lễ mễ, nói :

— Thưa công tử nơi đây chật hẹp, nghèo nàn, không có chỗ nơi xứng đáng, xin công tử thưởng hoa xong trở về phủ yến ẩm cho thuận tiện.

Trương Uyển nghe rồi cười, nhìn xuống đất nói :

— Trong vườn rộng và mát mẻ thế này lại không đủ chỗ để ta ngồi uống rượu sao ?

— Mặt đất gồ ghề làm sao công tử ngồi cho được.

— Cái đó không hề gì. Ta sẽ truyền bọn thủ hạ của ta đem đệm đến mà trải.

Một lúc sau, bọn thủ hạ mang đủ cả rượu thịt và đệm gấm đến. Chúng ngồi chung quanh, vừa rót rượu uống vừa nói chuyện với nhau toàn là những lời lẽ tục tằn, thô bỉ.

Thu Công ngồi một bên không biết làm sao, phải bịt tai lại.

Du cho Trương Uyển là kẻ tham tàn, tục tánh, nhưng đứng trước một vườn hoa lộng lẫy muôn màu, mùi hương bát ngát, chàng không thể không xúc động được. Chàng đưa đôi mắt nhìn quanh bốn phía thấy đâu đâu cũng phưởng phất như chốn tiên bồng, bèn hỏi Thu Công :

— Nhà ngươi là kẻ quê mùa, đần độn, dẫu ngươi có công phu trồng tỉa, song ta nhắm ngươi không có tâm hồn để thưởng thức cái đẹp của thiên nhiên, vậy ngươi hãy bán khu vườn cho ta.

Câu nói ấy làm cho Thu Công chạm lòng tự ái, không nhịn được nữa, chàng nói :

— Khu vườn này là tánh mạng, là đời sống của tôi, chỉ khi nào tôi chết đi thì nó mới thuộc về kẻ khác.

Trương Uyển tròn đôi mắt tròn vo nhìn Thu Công nói :

— Nếu mi đã không muốn bán thì ta sẽ chiếm không cho mi xem. Xưa nay có vật gì ta muốn mà không được đâu.

Thu Công mặt giận xám ngắt, chưa nói ra lời thì bọn thủ hạ của Trương Uyển đã hòa vào nói rối rít :

— Ngươi không nghe tiếng Trương công tử quyền thế như thế nào sao ? Nếu khôn thì bán đi, kiếm chút ít tiền mà độ nhật kéo bị mất toi, mà lại bị ngồi tù nữa đấy.

Trương Uyển cười gằn hỏi tiếp :

— Sao có bán hay không, cứ nói một lời cho ta biết là đủ.

Thu Công không biết làm sao đành phải nói xuôi cho qua chuyện :

— Nếu công tử muốn mua cũng thưa thả để tôi suy nghĩ đã chớ.

Bọn thủ hạ cười vang nói :

— Ý ! như thế mới là khôn chứ. Thôi, hần đã hứa bán rồi thì trước sau cũng về tay công tử, vậy công tử an lòng, để thư thẻ vài hôm, bây giờ thì cứ uống cho say cái đã.

Nói xong cả bọn thi nhau rót rượu uống vui. Một lúc sau chúng đã say mềm, không còn uống nổi nữa, Trương Uyển mới truyền lệnh :

— Thôi, dẹp đồ đạc mà về. Nhưng trước khi về ta muốn bẻ vài cành hoa mẫu đơn đem theo để người cho thỏa thích.

Trong lúc ấy bọn thủ hạ cuốn đệm, dọn cả ly chén đem đi, còn Trương Uyển thì sấn đến khóm mẫu đơn loạng choạng đưa tay bẻ hoa.

Thu Công vội vã chạy đến, xô Trương Uyển té nhào và nói :

— Đừng bẻ hoa của tôi.

Trương Uyển té ngựa muốn le lười, thở hò he như muốn chết giấc, trong lòng tức giận, hô bọn thủ hạ :

— A ! thằng khốn kiếp này nó dám vô lễ với ta đến thế. Bây áp lại bẻ hết các cành mẫu đơn cho ta.

Bọn thủ hạ chạy lại, đưa thì đỡ Trương Uyển dậy, đưa thì áp vào bẻ hoa. Thu Công một mình làm sao ngăn cản được năm bảy đứa, chúng xô Thu Công té nằm dài xuống đất rồi áp lại bẻ sạch mấy cành mẫu đơn.

Tiếc thay ! những cành hoa quý giá kia, chỉ một phút đã tan tác trong bàn của kẻ độc ác, vùi dập trong cát bụi.

Cảnh ấy, người đương thời có đề một bài thơ như vậy :

Lão quyền, độc thủ gia giao ha.

Thúy diệp, kiều hoa nhứt nhật hưu Hảo tự nhất ban phong vũ ác Loạn hồng linh lạc một nhân thu Dịch :

Bàn tay độc ác buông lời Hoa tươi lá biếc rã rời kiếp hoa Khác chi một trận phong ba Lòng người thương tiếc lòng hoa túi hờn Thu Công nằm lẫn lộn trên mặt đất, không ngớt lời chửi rủa. Những người láng giềng nghe tiếng chạy đến, thấy hoa mẫu đơn tan nát trên mảnh đất, còn Thu Công ôm bụng nằm rên la. Lại thấy Trương Uyển cùng bọn tùy tùng mặt giận hầm hầm kéo nhau ra ngõ.

Dẫu lòng họ có biết Thu Công bị áp bức đi nữa, trước mặt Trương Uyển cũng không một ai dám nói. Họ đợi cho bè lũ Trương Uyển đi rồi mới bước đến đỡ Thu Công dậy, khiêng vào trại, rồi kiểm lời an ủi :

— Tên quỷ sứ ấy đến đâu mà chẳng sanh chuyện lời thôi. May chỉ có mấy cụm mẫu đơn chứ không nguy hại đến bản thân cũng là điều tốt đó.

Thu Công mếu máo nói :

— Mẫu đơn tôi trồng đã bao năm mới nảy chồi đâm hoa, ấy thế mà vô cớ, chúng lại đến đây đập phá, thực là ngang ngược.

Các người lân cận nói :

— Ai chẳng biết Trương Uyển là tên ngang ngược. Nhưng nếu không nhịn hần thì rồi lại mang tai. Thà chịu mất khóm mẫu đơn sau này có thể trồng lại được.

Ôm lòng hậm hực, Thu Công chẳng biết nói sao, đành bước liểng xiểng ra gốc hoa, nhìn những cánh hoa tan nát, rồi vừa sụt sùi khóc, vừa nhặt những cành mẫu đơn rơi dưới đất đem rửa thật sạch, định phơi khô để cất vào hộp.

Mọi người thấy vậy, nhìn Thu Công mỉm cười rồi ra về.

Thu Công ngồi lại một mình lẩm bẩm :

— Hoa ơi ! đời ta chưa hề nhẫn tâm để mi phải chịu một phút phủ phàng. Nay vì bàn tay của quân độc ác đến đây phá phách làm cho mi phải rời rã, thật lòng ta đau đớn lắm.

Đương than vãn, bỗng chàng giật mình vì đằng sau có tiếng thỏ thẻ :

— Việc gì mà Thu Công lại thờ than, phiền não như thế ?

Thu Công quay lại, thấy sau lưng mình, một thiếu nữ kiều diễm ăn mặc lộng lẫy, môi hé nụ cười, hai hàm răng ngọc chói ngời, khuôn mặt như trăng rằm tháng tám.

Thu Công hỏi :

— Tiểu thư ở nơi nào, chẳng hay đến tị xá có điều gì chỉ bảo chăng ?

Thiếu nữ đáp :

— Tiệm nữ ở cách đây không xa, vì nghe công tử than khóc nên đến đây để hỏi thăm nỗi buồn của công tử.

Thu Công sụt sùi đem chuyện vừa rồi kể lại cho thiếu nữ nghe.

Thiếu nữ thản nhiên, mỉm cười nói :

— Hoa đã rụng rồi, song nếu công tử muốn hoa rơi được chấp lại đầu cành cũng không khó khăn gì.

Thu Công nghe nói trợn đôi mắt nhìn thiếu nữ với vẻ ngạc nhiên, hỏi :

— Tôi đang buồn vì những cánh hoa rơi này, sao cô nương lại đến đây để trêu cợt với tôi làm vậy ? Có bao giờ hoa rơi mà có thể chấp lại.

Thiếu nữ nói :

— Tôi có học phép chấp hoa, và tôi đã có nhiều lần thực nghiệm.

Lấy làm lạ, Thu Công ngơ ngẩn nhìn thiếu nữ hồi lâu. Tuy trong lòng nghi ngại, song đang buồn bã vì tiếc mấy đóa hoa rơi, nay lại được người ta nói là có thể chấp lại đầu cành được, trong lòng bừng lên một tia hy vọng, hỏi :

— Cô nương không nói đùa đấy chứ ?

Vẫn với nụ cười tươi thắm, thiếu nữ nói :

— Tôi nói đùa với công tử làm gì. Nếu tôi không chấp lại được, quyết không đời nào thấy mặt công tử nữa.

Thu Công mừng quýnh, hỏi :

— Thế thì bây giờ xin cô nương ra ơn cho.

Thiếu nữ bảo Thu Công đi múc cho mình một bát nước trong.

Thu Công y lệnh lẳng lẳng ra đi.

Khi đã múc nước xong, Thu Công bưng bát nước đến gần khóm mẫu đơn thì thấy khóm mẫu đơn kia đã nở đầy hoa, đóa nào đóa nấy tươi tốt phô đủ màu sắc như cũ. Các mảnh hoa rơi biến đi đâu mất hết.

Thu Công lấy làm lạ, chẳng biết thiếu nữ kia đã có phép gì thần thông thế, nên vội tìm thiếu nữ để tạ Ơn, nhưng thiếu nữ lại cũng đi đâu mất, chàng tìm mãi khắp vườn hoa mà không thấy đâu cả.

Sau cùng, Thu Công đoán chừng thiếu nữ kia chắc là ra ngoài phía cổng vườn nên vội vã chạy theo. Nhưng khi ra đến cổng, thì cổng vẫn còn đóng.

Thu Công mở cổng nhìn ra, thấy hai lão già hàng xóm, Ngu Công và Đơn Lão đang ngồi trước bờ sông xem các người chài đang phoi lưới.

Thấy Thu Công, hai ông già bước đến chào và hỏi :

— Nghe nói công tử bị Trương Ủy đến nhà hiếp, phá phách vườn tược, nhưng chúng tôi đang ở ngoài đồng chưa đến thăm kịp, xin công tử miễn thứ.

Thu Công cảm tạ và hỏi :

— Chẳng hay hai ngài có thấy cô thiếu nữ mặc áo trắng vừa mới ở trong vườn tôi bước ra đây không ?

Hai ông già ngơ ngác đáp :

— Chúng tôi ngồi đây từ sớm đến giờ nào có thấy ai đi ra đâu ?

Thu Công lấy làm lạ, bầm trán suy nghĩ một hồi lâu, không nói. Hai ông già hỏi :

— Chẳng hay người thiếu nữ ấy là ai, đã làm gì mà công tử lo lắng đến thế.

Thở ra một hơi dài, Thu Công đưa mắt ngơ ngàng nhìn trời nói :

— Nếu thế thì nàng này không phải là người phàm, mà là một vị thần thánh gì đây.

Thu Công đem đầu đuôi câu chuyện mình gặp người thiếu nữ rập hoa đầu cành kể lại cho hai ông già lắng giềng nghe.

Hai ông già nghe xong cũng lấy làm lạ, yêu cầu Thu Công cho phép vào vườn hoa để xem hư thật. Thu Công dẫn hai ông già vào.

Quả nhiên, trên cành hoa mẫu đơn nở dày đặc, mỗi đóa hoa to bằng chiếc mâm lớn, rực rỡ màu tươi. Hai ông già luôn mồm khen ngợi và nói :

— Nếu vậy thì đúng là thần thánh đã cảm lòng chân thành của công tử nên hiện đến để làm phép lạ đó.

Thu Công cảm động, vào nhà lấy ra mấy nén hương đốt lên và van vái, cảm tạ thần linh đã chiếu cố đến mình.

Hai ông già nói :

— Sáng mai tin cho Trương Ủy để chúng nó đến đây mà xem, cho nó xấu hổ chết đi cho rồi.

Thu Công xua tay nói :

— Ấy chết ! Cái giống sài lang ấy chúng ta cần phải tránh xa nó đi. Vì khiêu khích với nó chẳng ích lợi gì đâu.

Hai ông già nghĩ một lúc rồi khen phải. Thu Công rất vui mừng, vào nhà xách bình rượu ra, mời hai ông già lân cận cùng với mình ngồi dưới gốc mẩu đơn uống vui cho đến tối, trao đổi nhau câu chuyện tâm tình.

Khi bầu rượu đã cạn, câu chuyện đã tàn, hai ông lão mới từ giả Thu Công ra về. Lúc ra đường, hai ông lão này gặp ai cũng vui vẻ kể lại câu chuyện trong vườn hoa của Thu Công. Vì vậy chẳng mấy chốc, khắp trong vùng đều rõ câu chuyện kỳ lạ ấy...

Sáng hôm sau, mọi người trong thôn xóm hay được tin đều kéo nhau đến xem. Họ sợ Thu Công không chịu mở cửa vườn. Nhưng không, lần này Thu Công rất niềm nở, không khó tánh như trước kia nữa.

Chàng ta tự nghĩ rằng việc đời nên hư do trời định, không phải ai muốn làm hại mà được. Đến như bọn Trương Ủy, độc ác như thế mà vẫn chưa làm tan nát được vườn hoa chàng thay.

Do đó, lúc dân làng đến xin vào xem, Thu Công tiếp đón mời vào rất nồng hậu. Ông ta nói :

— Xin mời các ngài nếu muốn vào xem hoa thì cứ tự tiện, miễn đừng bẻ hoa là được.

Trong lúc đó, Trương Ủy vì bữa trước uống rượu say, lại bị Thu Công xô té, nên trong mình đau đớn như dằm. Đêm ấy chàng ngủ say mềm không hay biết gì hết.

Sáng ra, lúc tỉnh rượu Trương Ủy trong lòng căm tức, kêu bọn thủ hạ nói :

— Ta từ lớn đến bây giờ chưa một ai dám trái ý ta. Nay thằng Thu Công, một đứa hư danh lại dám vô lễ như vậy, nếu ta không trừ được nó thì bao nhiêu oai quyền của ta từ trước đến nay đều mất hết.

Bọn thủ hạ nịnh dục :

— Lệnh công tử xưa nay có đâu dám chẳng tuân. Nếu hôm qua công tử ra lệnh thì chúng tôi đã đánh chết nó mất rồi.

Trương Ủy nói :

— Hôm nay chúng ta đến nữa để hỏi mua khu vườn, nếu nó bằng lòng bán thì thôi, bằng không chúng bay phá cho tan hoang hết đi, thử xem nó làm gì cho biết.

Bọn thủ hạ reo lên một lượt, kéo nhau ra cửa.

Trương Ủy lệnh mệnh theo sau. Khi gần đến nơi, bọn thủ hạ nghe người ta kể lại câu chuyện thần tiên giáng hạ trong đêm vừa rồi, làm cho hoa bị phá hủy trở lại liền cảnh như cũ. Chúng thất kinh báo lại với Trương Ủy.

Trương Ủy nói :

— Khéo đặt chuyện. Rõ là một âm mưu của Thu Công rồi. Vì nó sợ ta đến đó phá phách cho nên nó đặt điều nói như thế để ta không dám đến đó thôi. Chúng bay cứ đi, không hề gì hết cả.

Khi đến cổng vườn hoa, bọn Trương Ủy thấy cửa vườn mở rộng, dân chúng tấp nập ra vào, ai ai cũng đều nói y như vậy.

Bọn thủ hạ đưa nào đưa nấy rồn tóc gáy. Trương Ủy trong lòng cũng sợ sệt, nhưng chẳng lẽ lui bước để cho thiên hạ cười chê, bèn làm gan xốc tới, hô kẻ thủ hạ theo mình :

— Hèn nhất như chúng bây thì làm gì được việc. Dẫu cho có thần tiên ngồi trong vườn ta há sợ sao !

Đi vòng quanh mấy luống hoa, Trương Uyển quả thấy mấy khóm mẫu đơn bị phá hủy hôm trước nay lại hoàn như cũ. Các đóa hoa tươi tốt khoe màu dưới nắng xuân, như đang mỉm cười ngạo nghễ trước mắt bọn dã tâm ấy.

Tuy trong lòng sợ sệt, song vẫn làm ra vẻ thản nhiên, Trương Uyển nhìn ngấm một hồi rồi loay hoay ra một ác ý. Kẻ có lòng gian ác bao giờ cũng chực sẵn những âm mưu sâu độc trong lòng.

Trương Uyển kêu bọn tùy tùng nói :

— Thôi, chúng ta đi hè !

Bọn thủ hạ ngạc nhiên không rõ ý định của Trương Uyển như thế nào, trở mắt hỏi lại :

— Đi sao ?

— Ừ, đi.

— Thế công tử không chất vấn hấn về việc bán vườn nà ?

Một nụ cười đanh ác nở trên môi, Trương Uyển nhìn bọn thủ hạ nói :

— Không cần phải hỏi đến hấn làm gì... Khu vườn này sớm muộn cũng về ta.

Vốn biết Trương Uyển là đứa gian ác, đa mưu túc kế, bọn thủ hạ không lấy làm lạ trước thái độ thay đổi bất ngờ của chàng, song muốn biết chủ mình sẽ thực hiện âm mưu nào, nên vội hỏi :

— Công tử sẽ thực hành diệu kế nào vậy ?

Trương Uyển vừa kéo bọn chúng ra ngõ, vừa nói :

— Hiện nay Vương Tắc ở Bối Châu mưu phản triều đình, chuyên dùng tà thuật để mê hoặc lòng dân, kết bè kết cánh. Khắp các châu, quận đang có lệnh nã tróc yêu nhân rất gấp. Người nào bắt được yêu thuật thì được thưởng ba ngàn. Ngày mai, ta sẽ đem việc “hoa rụng về cành” báo cho phủ đường, trong tờ tố cáo thêm vài chi tiết quan trọng thì thế nào hấn cũng bị bắt.

Một tên bộ hạ vỗ tay khen hay, và nói tiếp :

— Ít ra công tử cũng phải tố giác hấn về tội mưu loạn thì hấn mới bị tội nặng chứ.

— Dĩ nhiên như vậy rồi. Mà một khi hấn đã bị tội thì khu vườn của hấn phải bị tịch thu đem ra phát mãi. Chừng đó ai dám tranh với ta. Chỉ nội ba ngàn đồng bạc thưởng, ta cũng đủ mua lấy khu vườn kia rồi.

Bọn thủ hạ đồng reo lên :

— Thật là diệu kế. Thế thì ngày mai công tử phải thi hành gấp việc này mới được chứ.

Trương Uyển suy tính rồi nói :

— Mưu tính ấy rất hay, song ta muốn tránh tiếng đồn để người ngoài biết. Vậy thì ta làm đơn, để một người trong chúng bay đứng tên đưa đến phủ đường. Phần ta, ta sẽ vận động bên trong.

Trương Bá một tên thủ hạ, nghe nói ứng lên :

— Thưa công tử, xin công tử để tôi đứng tên tố cáo cho.

— Được, nếu may làm việc đó thành công ta sẽ trọng thưởng.

Sáng hôm sau, Trương Uyển thảo đơn, đưa cho Trương Bá đem nạp vào phủ đường.

Gặp lúc quan phủ được lệnh trên nã trác những người tà thuật thi đua với các quận huyện khác để đoạt tiền thưởng. Khi gặp lá đơn của Trương Bá Đút vào, quan phủ vội vàng ra lệnh phái bọn hộ dịch đi bắt Thu Công lập tức.

Trương Ủy lại đi tay trong, đón bọn hộ dịch dận dò to nhỏ và cho thêm tiền bạc để bọn này đến đó hoành hành ; một mặt, Trương Ủy dẫn bọn thủ hạ của mình hòa theo.

Bọn hộ dịch đi thẳng đến vườn Thu Công. Lúc đó Thu Công đang săn sóc mấy khóm hoa trong vườn, thấy trước cổng tụ tập đông người, tưởng dân chúng đến xem hoa, không để ý. Mãi đến khi chúng hò hét, xô ngã vào, áp đến thộp cổ, Thu Công mới ngạc nhiên đứng sững sờ, hỏi :

— Tôi có tội gì mà các người lại đến bắt tôi , Khi ấy một bầy quỷ sứ, bọn hộ dịch xỉ vào mặt Thu Công mắng nhiếc :

— Mày là một yêu nhân phản tặc toan mê hoặc lòng dân để gây loạn triều đình. Nay có lệnh trên nã trác mi về trị tội, mi chưa biết thân còn làm ra kẻ ngớ ngẩn ý ?

Chúng không để cho Thu Công phân trần một lời nào hết, đưa trói tay, đưa trói chân, đưa nắm đầu lôi ra khỏi cổng.

Xóm giềng thấy thế thất kinh, bu quanh để hỏi thăm sự việc. Bọn công sai hò hét :

— Các người muốn liên can với tên bạo loạn này hay sao mà xúm nhau đông đảo như vậy.

Ai nấy nghe nói đều sợ sệt cho thân phận mình, vội lảng tránh ra nơi khác. Duy chỉ có hai ông già Ngu Công và Đơn Lão xưa nay vốn ái mộ Thu Công, nay thấy Thu Công bị áp bức trong lòng như dao cắt không nở bỏ đi.

Bọn công sai thấy thế chỉ vào mặt hét :

— Hai lão già này muốn bắt về nha một thể ý ?

Ngu Công và Đơn Lão nghe nói hoảng sợ, bỏ đi.

Lúc bọn công sai giải Thu Công đi rồi, Trương Ủy và những đứa tùy tùng nhân cơ hội ấy vào trại Thu Công lục lạo, vơ vét hết cả đồ đạc. Lấy xong khóa cửa vườn rồi trở về. Thật là một bọn tham tàn vô đạo.

Bọn công sai dẫn Thu Công về đến phủ đường giao cho giám ngục. Tên giám ngục này vì có ân tiền của Trương Ủy nên hành hạ một cách tàn nhẫn.

Đêm ấy, quan phủ bận việc chưa tra hỏi được, nên giám ngục tổng cổ Thu Công vào phòng giam, cùm cả hai tay hai chân không cho nhúc nhích. Lại còn dùng roi đánh cho mấy cái vào mặt. Thu Công chân tay đau nhức cả đêm rên siết không ngủ được tí nào.

Trời lờ mờ sáng... Tiếng trống vừa điểm. Quan phủ thẳng đường truyền dẫn Thu Công đến. Thu Công mặt mày sừng húp, lễ mễ đứng trước viên quan phủ, định dùng lời để kêu oan, nhưng viên quan phủ đã vỗ bàn hét to :

— Mi là yêu tinh xứ nào lại dám đến đây mê hoặc lòng dân để mưu tạo loạn ?

Câu nói ấy làm cho Thu Công choáng váng, không biết tội lỗi ấy do đâu mà có, vội vã tường trình :

— Thưa, tôi là người dân thôn Trường Lạc, lâu nay vẫn ở đây, đâu phải yêu tinh ở xứ nào ? Khắp trong vùng ai ai cũng biết tôi là kẻ lương thiện làm ăn, xin ơn trên suy xét.

Quan phủ vỗ bàn hét :

— Hôm trước mi dùng tà thuật, ráp hoa rơi trở lại liền cảnh khắp vùng ai ai cũng biết, chúng có ấy đã hiển nhiên rằng mi muốn gây loạn, phá rối an ninh, mi còn dám chối nữa sao ?

Thu Công ngạc nhiên đoán biết Trương Uy tố cáo, vu oan để muốn hại mình, vội vàng ứng khẩu kể lể tất cả các hành động phá phách của Trương Uy nơi vườn hoa mình. Song Thu Công kể chưa được mấy câu, viên quan phủ đã đập bàn hét lớn, làm cho Thu Công phải im bật.

Thì ra quan phủ cũng đã được Trương Uy bẩm trước, và ông này cũng thuộc vào hạng người ô trọc tham lam vàng bạc không kể đến công là.

Quan phủ nói :

— Mi đừng chối cãi nữa. Đúng mi là một yêu nhân làm loạn. Nếu mi không chịu cung khai hành động phá rối của mi, mi sẽ tan xác tức thì.

Thu Công mới ú ớ, thì quan phủ đã vỗ bàn, hô lính đến bắt Thu Công đem tra khảo. Bọn công lại dạ vang, áp đến vật Thu Công xuống, đưa dần đầu đưa dần chân, trông rất khủng khiếp.

Quan phủ mặt hầm hầm, vừa bước tới cầm trượng, toan đánh Thu Công thì bỗng ông ta mặt mày choáng váng, té xỉu xuống đất. Tất cả công lại trong phủ đều thất kinh, xúm đến đỡ quan phủ dậy, lay gọi một hồi lâu, ông ta mới tỉnh.

Lúc tỉnh lại, mặt mày quan phủ còn lơ lảo, nhìn chung quanh như kẻ mất hồn. Một tên công sai vào bẩm :

— Bẩm quan lớn, bây giờ tên Thu Công phải làm thế nào ?

Nhìn tên công sai một lúc, quan phủ mới mở miệng nói được một câu :

— Đem nó nhốt vào ngục, ngày mai sẽ xét xử.

Nói xong quan phủ vào phòng riêng, nằm vật trên giường. Bên ngoài, bọn công sai lôi Thu Công đi xền xệt.

Thu Công mặt buồn rười rượi. Ra đến cổng phủ đường, Thu Công thấy Trương Uy và bọn thủ hạ tụ tập nơi đó để nghe ngóng. Thu Công tức giận, nhìn vào mặt Trương Uy mắg:

— Trương Uy, ta với mi lâu nay không thù oán, sao mi nỡ nào vu oan cho ta để ta phải chịu cảnh cực hình này.

Trương Uy nhìn thẳng vào mặt Thu Công khúc khích cười. Một giọng cười đầy nham hiểm, đanh ác.

Thu Công quá tức giận, nhưng không biết làm sao, nói rằng :

— Mi cố làm cho ta chết để mi chiếm đoạt vườn hoa của ta phải không ?

Trương Uy bĩu môi rồi lặng lẽ dắt bọn thủ hạ ra đi, không đáp. Giữa lúc đó có hai ông già, Ngu Công và Đơn Lão thấy bọn công sai dẫn Thu Công ra vội chạy đến hỏi thăm.

Thu Công kể lại đầu đuôi sự việc của mình. Hai ông già xít xoa nói :

— Công tử đừng lo. Công tử bị hàm oan như vậy, ngày mai thế nào chúng tôi cũng rủ nhau đến công đường để kêu oan cho công tử.

Thấy tấm lòng chân thật của hai ông lão, Thu Công cảm động khóc sụt sùi, nói :

— Cảm ơn hai ngài có lòng tốt nghĩ đến tôi, ơn ấy tôi không lấy gì đền đáp được. Song đây là tai vạ đến với tôi, xin các ngài chớ có vì thương tôi mà mang họa vào thân. Bọn Trương Uyển nay rất thân thể, khó mà kêu oan lắm.

Thu Công nói vừa dứt lời thì bọn công sai đã kéo cổ đi, không cho nói nữa. Hai ông lão thấy vậy rơi lụy đầm đề, nhìn Thu Công từ từ bước đi vào ngục.

Khi Thu Công đã khuất bóng, hai ông già vội vàng chạy ra chợ mua bánh trái, rượu thịt đưa vào ngục để tặng Thu Công. Bọn công sai trông thấy rượu thịt cười híp mắt, tiếp lấy và nói rồi rút. Chúng chờ cho hai ông già ra về, chia nhau ăn uống chứ không đưa cho Thu Công.

Thu Công đêm ấy nằm đói trong ngục, chân tay bị cùm cứng ngắt, không cựa quậy được chút nào. Dần dần, vì quá mệt mỏi, ông ta thiếp đi.

Trong cái giấc ngủ nặng nề ấy, Thu Công nằm mộng thấy mình nhẹ nhàng tung tăng chạy nhảy trong khung trời rộng bao la, gió núi mây ngàn.

Bỗng đứng chàng thấy nàng thiếu nữ hôm nọ, nàng thiếu nữ đã gặp chàng nơi vườn hoa, và chấp những cánh hoa rơi liền lại nơi đầu cành.

Thu Công mừng rỡ gọi to :

— Xin cô nương cho biết cô nương là ai ? ở đâu vậy ?

Thiếu nữ mỉm cười, bước tới nói :

— Chẳng hay công tử có muốn thoát khỏi cảnh gông cùm cả tinh thần lẫn thể xác không ?

Câu nói ấy làm cho Thu Công cảm thấy mơ màng nhớ lại mình đang mắc một tai nạn gì đây, vội quỳ xuống hỏi :

— Chẳng hay nương tử có phải là một vị tiên giáng trần để ban ơn cho tôi hay không ?

Thiếu nữ se sẽ đáp :

— Thiếp không phải là tiên, phật, thần thánh gì cả, thiếp chỉ là tinh anh của muôn hoa kết thành, và ở ngay trong vườn hoa của công tử. Thấy công tử quý trọng bạn bè của thiếp, nên thiếp đến ơn đó thôi.

Thiếu nữ vừa nói đến đó vụt biến mất. Thu Công thất kinh, toan chạy theo, bỗng lúc đó tiếng kiếng tù khua vang làm cho Thu Công giật mình tỉnh dậy, mồ hôi ướt đầm. Thu Công thấy tay chân mình vẫn còn cùm chặt cứng. Chàng mới biết mình vừa nằm mộng, nên buông tiếng thở dài buồn bã.

Chàng nằm lẳng lặng nghe từng hơi thở của mình. Bên ngoài bọn quân canh ăn nhậu say sưa ngủ khì, tiếng ngáy vo vo.

Mãi cho đến khi mặt trời mọc lên cao, Thu Công mới thấy một vài thằng hé cửa ngục bước vào ném cho Thu Công một vắt cơm và một hũ nước, nhướng mắt nhìn chiếc cùm một lúc rồi lặng lẽ bước ra không nói gì cả.

Thu Công cũng cứ nằm lì ở đấy, không thêm hỏi han gì. Lúc này chỉ có thầy trò Trương Uyển là vui vẻ nhất vì chúng hay được tin Thu Công bị ghép vào tội yêu nhân phiến loạn.

Trương Uyển nói với bọn thủ hạ :

— Thằng giặc ấy đã bị ghép vào tội phiến loạn thì sớm tối nó cũng phải chết. Vườn hoa kia thế nào cũng phải về tay ta.

Bọn thủ hạ nói :

— Chỉ tiếc là chẳng biết bao giờ quan phủ mới cho đấu giá để thầy trò mình sớm được thưởng ngoạn.

Trương Uyển mỉm cười nói :

— Cần gì. Hiện nay nó đã nằm trong ngục rồi, nếu chúng ta muốn vào vườn thưởng ngoạn lúc nào mà chẳng được.

Bọn thủ hạ reo lên :

— Như thế thì sung sướng biết bao ! Hôm trước vì thái độ cổ quái của tên giặc ấy làm cho chúng tôi cụt hứng. Nay nếu công tử chịu dắt chúng tôi đến đó để tự do dạo trong vườn thì còn gì thú hơn.

Làm ra vẻ đắc ý, Trương Uyển truyền cho bọn thủ hạ đem rượu thịt cùng các vật dụng thẳng đến vườn hoa Thu Công.

Những người lân cận trông thấy bọn Trương Uyển đến đều sợ sệt, bỏ đi nơi khác. Khu vườn vắng tanh, không một tiếng động.

Trương Uyển dắt bọn tùy tùng ồ ạt kéo vào. Lạ thay, lúc ấy hoa mẫu đơn trong vườn đều khô héo, rụng bừa bãi, cành lá khô đét, không còn lấy một đóa hoa nào.

Trương Uyển lấy làm lạ, nói với bọn tùy tùng :

— Mẫu đơn hôm nọ đã trở lại đầu cành, nở sum sê, đủ màu tươi thắm, thế mà hôm nay lại tàn tạ ! Như vậy quả Thu Công dùng tà thuật chi đây rồi.

Bọn thủ hạ nghe nói, đứa nào đứa nấy xanh mặt, hỏi :

— Thế thì thầy trò chúng ta nên trở về đi là hơn.

Trương Uyển lắc đầu :

— Đã đem rượu thịt đến đây dầu không có hoa, chúng ta cũng cứ ăn uống cho vui, tội gì mà mang trở về.

Nói xong truyền bọn thủ hạ trải đệm ngồi dưới gốc hoa chè chén. Tuy mẫu đơn khô héo, rơi rụng đầy đất, song nhờ khu vườn cây cối rậm rạp, gió hiu hiu thổi nên Trương Uyển thấy tâm hồn mình cũng khoan khoái.

Chàng ta rót một ly rượu đầy bụng cho tên thủ hạ Trương Bá và nói :

— Thu Công bị hạ ngục, ấy là công của mi đã cố gắng tận tâm giúp sức ta, vậy ta thưởng cho ngươi một chén đây.

Trương Bá nâng ly rượu nốc một hơi, thở khà ra, nói :

— Nếu phải vì công tử mà thác thì bọn tôi cũng vui lòng hưởng chi một chút việc như vậy có đáng vào đâu. Song công tử đã ban ơn, tôi không dám từ chối.

Nói xong, Trương Bá lại nốc một hơi nữa cho đến cạn chén. Sau đó, cả bọn xúm nhau ăn uống vui cười mãi cho đến lúc mặt trời chen lặn, đứa nào đứa nấy say tít.

Trương Uyển muốn ra về thì bỗng một luồng gió thổi đến nghe lạnh lạnh, làm cho tất cả các bông hoa rơi trên mặt đất bay đi đâu mất.

Tiếp đó một đoàn thiếu nữ cao độ một thước, chẳng biết từ đâu hiện đến đứng bao quanh bọn Trương Uyển, mắt nhìn chúng chòng chọc. Thầy trò Trương Uyển thất kinh,

hoảng vía, run cầm cập. Có đứa líu lười không nói được, rét lên như tiếng kêu của loài ác thú.

Một luồng gió thứ hai thổi đến, đoàn thiếu nữ kia bỗng cao lớn như người thường, mặt mày sáng rỡ nước da mịn màng, ăn mặc lả lướt, cô nào trông cũng xinh đẹp bội phần.

Nếu trong trường hợp thường, thì trước những cặp má đào mơn mớn ấy, Trương Ủy làm sao khỏi động lòng ham muốn, nhưng ở đây, chàng ta run như một con thằn lằn đứt đuôi, đứng trân trân không nói ra lời.

Một cô thiếu nữ trong bọn, nhìn các cô kia nói :

— Chị em chúng ta sống nơi đây bao năm rồi, nhờ Thu Công thăm nom săn sóc, che chở cho. Nay bỗng nhiên tên vô loại này đến phá phách chúng ta, lại còn vu oan Thu Công để chiếm vườn hoa này. Thế thì hôm nay chị em chúng ta đã gặp được kẻ thù trước mắt, chúng ta phải rửa hận, trước là trả nghĩa cho Thu Công, sau là phải tự bảo vệ lấy mình chứ !

Các thiếu nữ kia đồng reo lên một lượt, tỏ ý tán thưởng lời đề nghị ấy. Chỉ trong nháy mắt, đoàn thiếu nữ vây phủ chung quanh bọn Trương Ủy, xiêm áo tha thướt, dáng điệu mềm mại, múa tung bừng.

Nhưng lạ thay ! Những tà áo lướt thướt kia vung vút tung ra những luồng gió lạnh buốt, quất vào bọn Trương Ủy như những luồng điện đánh vào người, đau thấu xương.

Bọn thủ hạ của Trương Ủy hét lên, run cầm cập, mạnh dứa nào dứa nấy tìm đường mà chạy. Mặt mày tối sầm, chúng va vào những gốc cây, té liểng xiểng.

Sau trận gió, các thiếu nữ đã biến đi đâu mất. Bọn thủ hạ của Trương Ủy mới lồm cồm bò ra khỏi cổng vườn kiểm điểm lại thì không thấy Trương Ủy và Trương Bá đầu cả.

Chúng hoảng kinh, song không dám trở vô vườn hoa nữa, nên tri hô với hàng xóm. Lúc đó trời đã bắt đầu tối, khu vườn tĩnh mịch ấy lại lặng ngắt, trong cảnh hoang vu ấy ai cũng phải khiếp vía.

Các người hàng xóm nghe tiếng la cầu cứu vội chạy đến. Bọn thủ hạ của Trương Ủy rồi rít kể lại câu chuyện đầu đuôi gốc ngọn. Mọi người thấp đuốc vào vườn.

Sau khi tìm khắp nơi, đến bên hồ nước họ nghe tiếng người rên rỉ, nhưng hình như đã kiệt sức. Hai ông già Ngu Công và Đơn Lão lúc đó cũng có mặt trong đám hàng xóm, thấy thế trong lòng thích thú lắm.

Ngu Công nói nhỏ với Đơn Lão :

— Cái bọn ác quỷ này ngày đêm cứ lo việc vu oan, giá họa cho dân lành để mong chiếm đoạt tiền của, sắc đẹp. Nay chúng phải cái tai nạn này kể ra cũng đáng tội. Chúng ta tội gì mà tìm kiếm cho mệt.

Đơn Lão đáp :

— Đành vậy, nhưng chúng ta hẳn tìm xem chúng nó bị tai nạn gì cho biết.

Hai người nói đến đây thì thấy hai tên thủ hạ của Trương Ủy theo sau rụt rè bước đến. Ngu Công chỉ tay ra đằng trước nói :

— Kia, trước mặt chúng ta có tiếng ai rên rỉ đó. Vậy hai người hãy bước đến đó xem sao.

Hai tên kia rụt đầu, le lười nói :

— Nhờ các ngài đến xem chứ chúng tôi vừa bị một trận đến bây giờ chưa hết sợ.

Đơn Lão cười thầm :

— A ! té ra mấy chú được cái mệnh hạn là lúc bình thường, đi phá phách thiên hạ, còn lúc nguy biến lại co đầu rút cổ !

Nói xong ông ta bước đến chỗ có tiếng rên, tìm kiếm một lúc mới bắt gặp một người máu me ràng rụa, quần áo dính đầy đất cát, đang nằm bên gốc cây dương thở thoi thóp.

Lật mặt người ấy lên, Đơn Lão nhận ra là Trương Bá, bèn hô to :

— Trương Bá đây rồi bà con ơi !

Mọi người chạy đến đỡ Trương Bá dậy, xét thấy thương tích khá nặng, liệu bề khó mà cứu chữa, nên giao cho hai tên thủ hạ của Trương Ủy khiêng Trương Bá về nhà.

Tiếp đó mọi người lại lục soát khắp khu vườn để tìm Trương Ủy. Tìm khắp nơi không nghe tăm hơi gì nữa cả, mọi người muốn ra về, bỗng Ngu Công chạm phải một vật gì mềm nhũn, giật nảy người, hét to :

— Cái gì thế ?

Đơn Lão vội chạy lại, cầm đuốc soi, thì ra một người đang cắm đầu vào vũng bùn, dưới gốc cây đào. áo quần người ấy tuy sang trọng, song lấm đầy đất cát.

Mọi người xúm nhau vực xác lên thì mặt mày không ai còn nhận định được nữa. Cái xác ấy đã chết đờ tử bao giờ rồi.

Ngu Công lấy tấm khăn vấn cổ của mình lau cho nạn nhân, bỗng ông ta hốt hoảng la to :

— Công tử đây rồi !

Thật thế, cái xác chết ấy đúng là Trương Ủy.

Hàng xóm xúm lại bàn tán rất ồn ào.

— Tại sao Trương Ủy lại cắm đầu trong vũng bùn mà chết như vậy ?

Có kẻ thì thầm :

— ác hơn ác báo. Sống ở đời tàn ác thì lúc chết như vậy.

Có người nói :

— Có lẽ khu vườn này linh thiêng lắm nên mới có sự báo oán ghê gớm như vậy. Thôi chúng ta hãy trở về kêu vợ con của hấn đến đây mà nhận xác đem về chôn cất, còn chúng ta đi báo cho quan trên biết.

Mọi người nghe lời, xúm nhau ra về, làm đơn tâu tự sự, và nói rõ hành động của thầy trò Trương Ủy từ trước đến nay để minh oan cho Thu Công.

Vợ con Trương Ủy hai được tin chạy đến khóc suốt mướt, rồi lo y quan tẩm liệm cho chồng. Còn Trương Bá, vì vết thương quá nặng, rụng ngày hôm sau tất thảy. Hai đám táng của hai kẻ vô lương cùng chung một lúc. Thiên hạ được dịp nguyên rửa không tiếc lời.

Lúc này bọn thủ hạ của Trương Ủy như rắn mất đầu, không còn chỗ nương tựa, sợ khiếp vía, không dám ra khỏi nhà.

Hôm sau, viên tri phủ khỏi bệnh thì ông ta vừa tiếp được lá đơn của hàng xóm hạch tội Trương Ủy để minh oan cho Thu Công. Cả bọn công sai cũng tường trình lại cho viên tri phủ nghe cái chết ly kỳ của Trương Ủy và Trương Bá.

Bây giờ quan phủ mới thức tỉnh, liền hạ lệnh tha cho Thu Công khỏi tội, lại ra cáo thị cấm mọi người không được vào vườn hoa của Thu Công, nếu không được Thu Công đồng ý.

Thu Công tạ ơn tri phủ, và cảm kích mối tình nồng thắm của láng bàng, nhứt là hai ông già Ngụ Công và Đơn Lão.

Thu Công cùng mọi người ra về.

Khi về đến vườn hoa, thì lạ thay, hoa mẫu đơn đua nở muôn màu, mùi hương tươi tốt, hương xông ngào ngạt, cảnh lán xanh dờn, lác lác trước gió như hớn hờ đón chào người bạn cũ.

Thu Công mời tất cả láng bàng đến, bày tiệc rượu đãi đằng, để đền đáp ơn sâu.

Từ đó, Thu Công đêm ngày đóng cửa vườn tu luyện phép “thỏ nạp dưỡng sinh” của người luyện khí.

Rồi một sớm, ông ta bỏ nhà đi mất, không bao giờ còn thấy trở về nữa.

Giấc mộng hèn sang

Vào năm Thiệu Hưng đời Tống, tại Lâm An, kinh đô hoa lệ của Đông phương, tuy là hàohoa tráng lệ, song những kẻ hành khát rất đông.

Trong bọn hành khát có bầu ra một “Đầu nậu”, có nhiệm vụ cai quản, xét xử lấy họ. Cứ hàng ngày, bọn ăn xin đi xin được bao nhiêu tiền bạc lại phải về trình với Đầu nậu một số ít. Vì vậy mà người Đầu nậu tuy không đi xin vất vả như bọn hành khát, song có rất nhiều tiền bạc.

Bọn hành khát lại kính trọng người Đầu nậu lắm. Người Đầu nậu nói gì chúng cũng phải nghe theo. Thường thường người Đầu nậu qua một thời gian trở nên giàu có vô cùng.

Thuở ấy, một người họ Kim, tên Lão Đại, đã ba đời lĩnh chức Đầu nậu từ tổ tiên truyền lại. Ông ta giàu có lắm. Tuy không phải là bậc phú gia địch quốc song cũng đứng vào hạng nhì hạng ba trong thành phố.

Kim Lão Đại già nua, xét mình không thể giữ nhiệm vụ ấy mãi nên truyền lại cho người em họ là Kim Lại Tử.

Gia đình sung túc, Lão Đại lại có một người con gái tên Ngọc Nô. Ông ta cưng dứa con gái ông lắm.

Nàng Ngọc Nô tuổi mới trăng tròn, mà nhan sắc hoa nhường nguyệt thẹn. Nàng lại thông minh, học hành rất giỏi.

Lão Đại muốn kén cho con một người chồng xứng đáng, song vì tăm tiếng xưa nay, nên những bậc văn nho, thế phiệt không ai buồn để ý đến.

Lão Đại buồn lắm, ngày đêm ngẫm nghĩ :

— Nếu tổ tiên ta không làm cái nghề Đầu nậu thì chắc với tài năng, nhan sắc dứa con gái ta, ít ra cũng kén được người khoa mục. Tiếc thay !

Một hôm, Lão Đại đem ý ấy tỏ với người hàng xóm. Ông lão hàng xóm thương tình, tỏ à:

— Dưới cầu Thái Bình có một anh chàng rất nghèo khổ, họ Mạc tên Tư, đã đậu tú tài, nhưng tuổi mới đôi mươi cha mẹ mất sớm, nếu ngài không chê nghèo khổ thì tôi có thể làm mai cho ái nữ được.

Lão Đại nghe nói rất vui mừng, tỏ ý ưng thuận. Ông già hàng xóm vội vã đến cầu Thái Bình nói với Mạc Tư.

Mạc Tư lâu nay sống trong cảnh túng thiếu cơ cực, nay được người giàu có đề ý đến thì còn gì mừng rỡ hơn.

Thế là cuộc hôn nhân tác thành. Lão Đại chọn ngày lành để làm lễ thành hôn.

Mạc Tư vì nghèo khổ, trăm việc đều nhờ Lão Đại lo liệu cả. Ngày tiệc lễ quan khách đến dự rất đông. Ai nấy thấy Mạc Tư dung nhan tuấn tú, ra vẻ hào hoa, trong lòng rất phục, cho Lão Đại là một kẻ có phúc.

Mạc Tư thấy nàng Ngọc Nô mười phần xinh đẹp, trong lòng rất cảm khoái.

Tuy nhiên, vì sợ mang tiếng với người rể, nên hôm ấy Lão Đại không mời Lại Tử, người chú họ mà hiện đang giữ chức Đầu nậu trong bọn hành khát.

Không được mời, Lại Tử hậm hực trong lòng, thầm trách Lão Đại đã khinh mình, bèn xúi bọn hành khát đến nhà làm nhục để trả đũa.

Vốn kính nể người Đầu nậu, Lại Tử nói gì mà bọn hành khát không nghe. Vì vậy trong lúc quan khách đang ăn uống thì có vài chục người hành khát xông vào, áo quần dơ dáy, mình mẩy hôi thúi, kéo ghế ngồi, rót rượu uống, làm huyên náo cả nhà.

Lại Tử ngồi giữa bàn, lớn tiếng nói :

— Mau gọi cháu rể ra chào chú vợ chứ.

Mạc Tư và cả bạn bè của chàng được mời đến hỏ thẹn bỏ đi hết. Lão Đại ngồi chết đĩnh, nhưng không biết phải làm sao đành năn nỉ người chú họ và bọn “quý khách” thương tình cho.

Người Đầu nậu và bọn hành khát chẳng nói gì cả, cứ ăn uống và chuyện trò mãi. Đến lúc quan khách bỏ đi hết, trong nhà vắng tanh mới chịu ra về.

Tối hôm ấy, Lão Đại buồn bã, ngồi đứng không yên...

Nàng Ngọc Nô trong lòng căm tức, thỉnh thoảng bước ra tìm đủ lời để an ủi cha nàng. Nàng nói :

— Cha đừng buồn làm gì. Dẫu sao số phận của con đã như vậy rồi. Nếu phải duyên nợ thì Mạc Tư sẽ không vì thế mà khinh nhà mình. Còn nếu như chàng khinh bỉ thì con đành cam số phận vậy.

Lão Đại thấy con tha thiết, trong lòng đau đớn vô ngần.

Mạc Tư sau khi bỏ đi, nghĩ mình đang cảnh khốn khổ, nay lại được vợ đẹp, giàu sang, bỏ đi thì tiếc, nên tối hôm ấy chàng trở lại...

Lão Đại mừng rỡ, tiếp đón ân cần.

Nàng Ngọc Nô khuyên chồng cố công đèn sách, ăn học để chuộc lại tiếng tăm cho gia đình. Mạc Tư nghe lời, ở đó học hành.

Thôi thì sách vở, chi phí mỗi mỗi đều sắm sửa cho Mặc Tư, không thiếu một món gì cả. Hễ Mặc Tư muốn gì thì có nấy.

Qua ba năm đèn sách, Mặc Tư thi đỗ giải nguyên, rồi đỗ luôn tiến sĩ.

áo gấm, hốt ngà. Mặc Tư vinh quy trở về nhà nhạc phụ. Khi đám rước về đến nơi, bọn hành khất xúm lại bàn tán :

— Kia ! Rể người Đầu nậu đỗ tiến sĩ kia !

Câu nói ấy lọt vào tai Mặc Tư làm chàng ta áy náy, hổ thẹn. Chàng tự nghĩ :

— Nếu biết số phận ta có ngày vinh hiển như hôm nay thì thiếu gì nơi trâm anh thế phiệt, tội gì lại chui vào cái nơi thô鄙 để suốt đời chịu lây tiếng xấu của người.

Vì ý nghĩ như vậy, từ khi được đỗ tiến sĩ, chàng về nhà lạt lẽo với nàng Ngọc Nô, và có ý khinh dễ gia đình nhạc phụ.

Một hôm, Mặc Tư được chiếu vua bổ đi nhậm chức Tư bộ trong trại quân Vi Vô. Kim Lão thấy rể mình bước lên đường danh vọng, mừng rỡ làm tiệc đãi đằng để tiễn biệt.

Dự tiệc xong, Mặc Tư đem nàng Ngọc Nô theo và từ giã nhạc phụ. Lão Đại thương con không nỡ rời, song nghĩ đến câu “xuất giá tòng phu” nên phải cam lòng, cấp cho bốn đứa a hườn và hai tên tùy tùng để theo phò tá Ngọc Nô.

Thuyền của Mặc Tư đi được mấy ngày thì đến ven sông Thái Thanh. Mặc Tư lòng buồn, nghĩ đến tấm tiếng của mình, nên ra nơi đầu thuyền ngồi ngắm trăng than thở.

Bỗng chàng sanh ra một ác ý, gọi con a hườn mời nàng Ngọc Nô ra đầu thuyền thưởng nguyệt. Nàng Ngọc Nô bỗng nhiên thấy được chồng lưu luyến, lòng mừng khôn tả, vội sửa soạn xiêm y ra ngồi một bên chồng âu yếm.

Trăng khuya, gió lạnh, chờ cho bọn tùy tùng ngủ hết, Mặc Tư xô nàng Ngọc Nô xuống sông, rồi hô oán rằng nàng đã vô ý rơi xuống nước.

Bọn tùy tùng đâu biết được ác ý ấy, khi thức dậy thì Mặc Tư đã cho thuyền chạy cách đó năm mươi thước rồi cấm lại. Mặc Tư sai người lặn xuống sông tìm kiếm để tránh tiếng. Nhưng làm sao tìm được khi người rơi một nơi mà tìm một ngả.

Nàng Ngọc Nô khi rơi xuống nước tâm thần mê loạn, khi tỉnh dậy thì thấy mình đang nằm trên một chiếc thuyền lạ. Chiếc thuyền này là chiếc thuyền của Hứa Công, quan tổng trấn tại Vi Vô.

Nguyên Hứa Công đi kinh là, đêm ấy cấm thuyền xem trăng, bỗng thấy xác một người đàn bà trôi tấp bên ven thuyền nên vội vàng rút lên, và cùng vợ là Hứa phu nhân săn sóc.

Khi nàng Ngọc Nô tỉnh dậy, vợ chồng Hứa Công gạn hỏi, nàng đem đầu đuôi công việc kể lại cho vợ chồng Hứa Công nghe.

Hứa Công nói :

— Con đừng buồn, con cứ ở với ta, làm nghĩa nữ, một ngày nào đó ta sẽ tác thành con một nơi xứng đáng.

Từ đó, nàng Ngọc Nô là con gái của Hứa Công.

Hứa Công lại làm quan Tổng trấn ở Vi Vô, nên chức tư bộ của Mặc Tư vẫn là chức trong thuộc hạ của ông ta.

Một hôm, thấy Mặc Tư, Hứa Công đau đớn thẹn trách :

— Đáng tiếc con người thanh niên tuấn tú như vậy mà lòng dạ lại bạc bẽo vô luân.

Rồi cách đó vài tháng, Hứa Công tỏ ý cho mọi người biết là ông đang tìm cho con gái ông một người rể.

Mặc Tư lúc đó mang tiếng là góa vợ, nay thấy quan Tổng trấn có ý kén chọn khách đồng sản, lòng mừng khắp khởi, gấm ghê tỏ ý muốn cầu hôn.

Hứa Công thấy vậy vào hỏi nàng Ngọc Nô :

— Nay cha đã lựa cho con được một người chồng xứng đáng, tuổi trẻ, học giỏi, vậy ý con như thế nào ?

Nàng Ngọc Nô khóc sụt sùi nói :

— Tuy Mặc Tư bạc bẽo, nhưng thân con gái chỉ lấy một lần chồng thôi, con xin nguyện thủ tiết trọn đời, không màn đến chồng con nữa.

Thấy Ngọc Nô có lòng trung nghĩa, Hứa Công thương tình, đem câu chuyện chàng Mặc Tư cầu thân tỏ bày với con gái nuôi mình.

Nàng Ngọc Nô cảm thấy tấm lòng tham của Mặc Tư đáng khinh bỉ, tuy nhiên, muốn được trọn vẹn câu “bất sự nhị phu”, nàng buộc lòng ưng thuận. Ngày lễ thành hôn đến, Mặc Tư trong lòng rất vui đẹp. Chàng nghĩ thầm :

— Nếu trước kia ta không tàn nhẫn như thế thì làm sao hôm nay có được một nơi danh giá như vậy.

Tối hôm ấy cửa phòng hương hé mở, Mặc Tư bước vào làm lễ hoa chúc, vừa bước vào liếc thấy dung nhan của vị hôn thê hoa nhường nguyệt thẹn, trong lòng chàng rộn lên một niềm hoan lạc, nhưng khi bước đến gần, nhìn tận mặt thì bỗng chàng ré lên :

— Ma ! ma !

Mặc Tư kinh ngạc là phải, vì chàng có ngờ đâu trước mặt chàng người vợ mới cưới của mình lại là nàng Ngọc Nô thuở nọ.

Nàng Ngọc Nô mỉm cười nói :

— Tôi là người thật, đâu phải là ma. Có gì mà sợ khiếp như thế ! Chàng nữ đang tâm giết vợ để lấy một người vợ danh giá hơn.

Mặc Tư ấp úng :

— Tại sao nàng lại còn sống được ?

Nàng Ngọc Nô đem đầu đuôi câu chuyện chết đuối của mình kể lại cho Mặc Tư nghe. Mặc Tư cảm động, biết lỗi mình, ân hận vô cùng. Chàng quỳ xuống đất tạ tội, rồi gục đầu vào chiếc gối khóc rả rít.

Thấy chồng đã hối ngộ, dù có mắng nhiếc đến đâu cũng bằng thừa, nàng Ngọc Nô vội đỡ Mặc Tư dậy.

Từ đó hai vợ chồng rất quý nhau, coi Hứa Công như cha nuôi, lại rước Lão Đại về ở chung với mình, phụng thờ như cha đẻ vậy, không bao giờ còn có ý nghĩ sang hèn nữa.

Những kẻ chết đói

(Hữu tâm vô tướng, tướng tự tâm sanh, Hữu tướng vô tâm, tướng tùng tâm diệt) Vào đời nhà Hán Văn Đế, có một người bề tôi tên Đặng Thông, vốn kẻ trung nghĩa. Đối với

dân, ông ta là bậc thanh liêm, đối với vua, ông ta là kẻ chính trực, đối với nước, ông ta là kẻ trung thành.

Với những bản tính đó, Đặng Thông được vua Văn Đế yêu dùng và biệt đãi hơn các quan cận thần khác. Vua Văn Đế trao cho Đặng Thông tất cả mọi quyền hành, khi ra xa giá, lúc ở lâu đài, mỗi mỗi đều tỏ ra một người phong lưu thể phiệt.

Tài đức như thế, cao sang như thế, trong đời còn ai dám sánh. Thế mà một hôm, Đặng Thông ra khỏi thành độ vài dặm thì gặp một gã xem tướng số tên Huỳnh Liên, ăn mặt rách rưới, mặt mày bần thiêu, trông thấy ông liền ngửa mặt lên trời cười ha hả, rồi chỉ vào mặt nói :

— Kia, Đặng quan nhân, chớ thấy sang trọng nhất thời mà mừng ! Tôi e ngài chết đói một ngày không xa đấy.

Đoàn quân tùy tùng thấy Huỳnh Liên, gã thầy tướng có cử chỉ vô lễ với đại quan, thất kinh vội xúm lại bắt, và toan giải về triều trị tội. Nhưng Đặng Thông lại không lấy thế làm giận, truyền bộ hạ dẫn Huỳnh Liên đến trước kiệu, hỏi :

— Ta là một bậc đại quan tại triều đình, phú quý có thừa, quyền uy có một, sao người dám bảo ta là kẻ chết đói ?

Huỳnh Liên lễ mễ nói :

— Thừa đại quan, kẻ hèn này dám vô lễ nói lời ấy, xét ra rất có tội ! Nhưng kẻ hèn này cũng không phải biết nói sao hơn, vì sự thật là thế. Chẳng bao lâu đại quan sẽ là một người chết vì đói khát.

Đặng Thông mỉm cười hỏi lại :

— Chết sống là chuyện thường của người có trách nhiệm với nước với dân. Nhưng người căn cứ vào đâu mà bảo ta sẽ bị chết đói ?

Huỳnh Liên thưa :

— Tiệm nhân có nghề xem tướng lưu truyền đã mấy đời, kẻ nào chết đói khi trông thấy đã biết ngay. Kia nơi miệng đại quan có một đường vạch chạy thẳng từ cằm đến mép, đó là tướng chết đói rồi. Dầu đại quan có sang trọng đến đâu bạc vàng đầu kho, cũng không thể nào tránh khỏi.

Đặng Thông không tin. Bọn quân hầu khúc khích cười bảo nhau :

— Thật là kẻ điên cuồng ! Một vị quan giàu có nhất triều mà hần dám bảo là chết đói !

Có kẻ thưa với Đặng Thông :

— Gã này muốn dùng nghề xem tướng xỉ mạ đại quan. Xin đại quan cho phép chúng tôi bắt nó đem về triều đình cho một bữa để nó chữa tính ngông cuồng ấy.

Đặng Thông xưa nay vốn tính nhân từ, không muốn hành hạ ai nên cười lớn, khoác tay bảo bọn thủ hạ :

— Nó bảo ta chết đói nhưng ta không chết đói thì thôi, có hại gì mà phải bắt nó đánh đập làm gì ?

Dứt lời, Đặng Thông truyền quân khiêng kiệu trở về tư dinh, không lưu tâm đến câu nói của gã Huỳnh Liên nữa. Hai hôm sau, có kẻ hay việc ấy vội vào triều tâu với vua Văn Đế.

Vua Văn Đế tức giận phán :

— Chết sống số mạng do trời định, còn giàu sang là do ta. Ai dám làm cho Đặng Thông nghèo khổ mà đến nỗi phải chết đói ?

Dứt lời nhà vua truyền xuất kho cấp cho Đặng Thông mấy xe lụa là châu báu để làm của riêng, lại đặc ân ban cho Đặng Thông cả một hòn núi “Thiết đồng” để đúc tiền tiêu xài nữa.

Đặng Thông thấy nhà vua quá hậu đãi mình, lòng cảm kích vô cùng. Tuy nhiên, ông ta là kẻ không tham lam, nên cố ý từ chối không nhận.

Vua Văn Đế nói :

— Ta thuở nay không tin vào tướng số, nay có gã thầy tướng bảo khanh có tướng chết đói, vậy ta cấp cho khanh của tiền châu báu, khanh cứ nhận lấy xem thử làm thế nào chết đói được ?

Đặng Thông tâu :

— Hạ thần đã được Bệ hạ ưu đãi thế này, kể cũng quá lắm rồi ! Tiền của hạ thần đâu tiêu suốt đời cũng chưa hết, vậy xin Bệ hạ để của ấy cấp phát cho dân nghèo.

Vua Văn Đế không nghe, nhất quyết buộc Đặng Thông phải nhận lụa là châu báu và hòn núi “Thiết đồng” kia ! Do đó, Đặng Thông trở thành một người giàu có nhất trong nước, sang trọng vô cùng.

Trong thời gian đó, mỗi lần vua Văn Đế thấy mặt Đặng Thông vào chầu, mỉm cười bảo:

— Ta ra lệnh cho khanh phải ăn tiêu cho thật sang trọng đấy nhé.

Triều thần ai nấy đều lắc đầu, le lưỡi thầm bảo nhau :

— Gã thầy tướng đã làm giàu cho Đặng Thông như thế thì làm sao Đặng Thông chết đói được ?

Thời gian chẳng bao lâu, vua Văn Đế bị bệnh nặng, thổ huyết, máu luôn đầy miệng, nghệt thở nằm xiu trên long sàng. Đặng Thông cảm nghĩa, xem thân vua như thân mình, vội cúi xuống ghé mồm hút huyết tiếp hơi, cứu nhà vua tỉnh lại.

Ngay lúc đó, Thái tử vào thăm, thấy máu ra ràn rụa, và cử chỉ của Đặng Thông trông rất ghớm ghiếc, làm cho Thái tử trở về cung không ăn uống được, nhất là các món ăn tươi có máu, Thái tử thấy rợn cả người.

Và từ đấy, Thái tử cũng ít lui tới, viếng thăm vua cha.

Văn Đế biết được việc ấy, tức giận than :

— Bây giờ ta mới rõ, chỉ có Đặng Thông là bầy tôi trung thành mà thôi ! Rất đổi Thái tử còn gớm ghiếc ta, tình nghĩa cha con thực không bằng người ngoài vậy.

Câu nói ấy tuy Văn Đế chỉ nói riêng với Đặng Thông, nhưng về sau cũng lọt vào tai Thái tử, làm cho Thái tử bất bình, đem lòng căm tức Đặng Thông vô cùng.

Đối với Đặng Thông là kẻ tôi trung, hành động của ông ta là hành động đền đáp ơn vua. Tuy nhiên, Thái tử lại cho đó là hành động đua nịnh, để vua cha ghét mình, thế mới rắc rối.

Rủi thay, bệnh tình Văn Đế mỗi lúc một nặng thêm, rồi chẳng bao lâu nhà vua phải băng hà, để lại một mối cừu thù sâu sắc trong lòng vị Thái tử non trẻ kia.

Thái tử lên ngôi kế vị, lấy hiệu là Cảnh Đế.

Lòng đã sẵn thâm thù, Cảnh Đế liền hạ lệnh bắt Đặng Thông trị tội, sung công hết tài sản, giam Đặng Thông vào ngục, và cấm không cho đem cơm nước.

Thế là Đặng Thông phải chịu chết đói trong ngục, không có một lời than oán.

Lời tiên đoán của gã Huỳnh Liên đến lúc ấy mới thấy là đúng. Các quan trong triều lớn bé đều kinh khủng, cho rằng tướng mạo con người đã hình ra không thể nào tránh khỏi được.

Bấy giờ, tại triều Cảnh Đế có quan Thái sư tên Châu á Phú vốn là kẻ tham giàu sang, thấy mình đang trọng chức, sợ ngày sau có điều gì rủi ro chẳng nên lên ra ngoại thành đến nhà gã Huỳnh Liên hỏi thăm tướng mạo.

Huỳnh Liên xem qua thấy quan Thái sư họ Châu lại cũng có một vằn chỉ chạy xéo vào miệng, nên vỗ tay cười lớn, nói :

— Ôi thôi ! Quan Thái sư lại cũng có tướng chết đói rồi ! Đường chỉ “chết đói” đã hiện rồi thì ngày chết đói cũng chẳng bao lâu nữa.

Quan Thái sư buồn bã vô cùng, trở về dinh lo thu xếp bạc vàng gởi đến một nhà người thân cách kinh đô trăm dặm, để phòng khi có xảy ra tai nạn thì trốn đến đó dung thân. Việc làm của quan Thái sư tuy kín đáo, nhưng không thoát khỏi tai mắt của các cận thần.

Các quan cho là quan Thái sư sanh dị tâm nên mậu tâu với vua Cảnh Đế.

Vua Cảnh Đế lập tức cho ngự lâm quân vây phục tư dinh quan Thái sư họ Châu, bắt quan Thái sư hạ ngục và tịch thu tài sản.

Chẳng bao lâu Châu á Phú cũng bị chết đói như Đặng Thông trước kia.

Lúc này, chẳng những quan quân trong triều, mà khắp cả kinh đô, ai cũng ca tụng Huỳnh Liên là một nhà tướng số giỏi vào bậc nhất.

Đặc biệt hơn nữa, thời bấy giờ, trên mặt người nào có đường vạch chạy xéo vào miệng, thì dân chúng hoặc phỉ nhổ, hoặc thương hại, cho là kẻ “chết đói” vậy.

Trong lúc dân chúng đang sợ những người có tướng chết đói, thì nơi một làng kia có gã Bùi Độ, tuổi trẻ nhà nghèo, đi bán dầu lang thang khắp đó đây, lại xuất hiện nơi miệng một đường chỉ “chết đói”.

Một hôm, Bùi Độ đi qua kinh thành. Huỳnh Liên đứng ở đầu chợ trông thấy lấy tay vẫy gọi chàng lại, và nói :

— Kia, ông bạn ! Ông bạn đã nghèo khổ mà lại bị đường chỉ vạch xéo trên miệng thế kia tránh sao khỏi bị chết đói.

Bùi Độ thản nhiên nói :

— Tôi nghèo khổ, buôn bán độ nhật thì việc chết đói là chuyện thường, có gì lạ ?

Dứt lời, chàng gánh dầu đi vào thôn quê bán, không lấy thế làm buồn bã.

Ngày kia Bùi Độ đi ngang qua một khu đồng vắng, trời mới tinh sương bỗng thấy một cô gái tuổi độ đôi mươi, nhan sắc diễm lệ, đang ngồi trên bờ giếng lạnh, khóc nỉ non.

Lấy làm lạ, Bùi Độ bước đến hỏi :

— Cô nương từ đâu đến, có việc gì đau buồn ?

Thiếu nữ ngẩng mặt lên, thấy Bùi Độ anh chàng bán dầu, quần áo tươm tã, mồ hôi nhễ nhại, tuy nghèo nàn nhưng khuôn mặt có vẻ hiền từ, nàng lau nước mắt đáp :

— Tôi quả đang có việc buồn, nhưng nói với anh cũng chẳng ích gì, xin đừng hỏi đến làm chi !

Bùi Độ trông thấy nàng con gái nét hoa ử rữ, thương tình hỏi :

— Xin quý nương chớ ngại ! Tôi tuy là kẻ nghèo khó, hèn hạ, song nếu được quý nương cần tôi việc gì, tôi xin nguyện hết lòng. Chẳng hay quý nương từ đâu đến. Tại sao phải ngồi nơi đây khóc than ?

Thiếu nữ thở dài nói :

— Tôi là con gái của quan huyện Lạc Châu, nhà ở cách đây mười dặm. Cha tôi đã già, làm quan thuở nay rất thanh liêm chính trực. Vừa rồi, chẳng may cha tôi bị gian thần sàm tấu, bươi móc những lỗi nhỏ nhen, khiến cho Hoàng đế nổi giận, truyền bắt cha tôi hạ ngục tại triều. Tôi đã đến đó thăm viếng và kêu oan nhiều lần, nhưng tên gian thần đó đã không xét đơn, còn hạ lệnh tịch thu hết tài sản của cha tôi nữa !

Thiếu nữ nói đến đây khóc òa.

Bùi Độ cũng thở dài, để gánh dầu xuống đất nói :

— Vì mất hết cả nhà cửa, tài sản mà quý nương buồn đi lang thang đây đó chẳng ?

Thiếu nữ lắc đầu :

— Không ! Tên gian thần buộc tôi phải chạy đủ ba nén vàng mới chịu dâng sớ xin tha cho cha tôi. Vì vậy đã sáu tháng nay, tôi đem cả tư trang bán hết, và đi xin xỏ các người trong thân tộc, góp nhóp đủ ba lượng vàng, định sáng mai đem về kinh lo việc cho cha tôi. Chẳng ngờ vừa rồi tôi đi lễ chùa vô ý đánh rơi ba lượng vàng ấy dưới giếng lạng này...

Nói đến đó, thiếu nữ khóc nức nở, không sao nói được nữa.

Bùi Độ biết nàng đang đau lòng vì cha nàng, nên không dám hỏi, rón rén bước tới nhìn xuống giếng lạng.

Giếng không sâu lắm, nhưng vì bờ hoang lâu ngày lá khô rụng đầy, không ai còn rõ được bề sâu bao nhiêu nữa. Nhất là mùi hôi tanh xông lên nồng nực.

Bùi Độ thở dài, bảo thầm :

— Ba nén vàng mà đánh rơi xuống đáy giếng này thì còn biết làm sao vớt lên được ! Khốn thay !

Nhưng chàng lại nghĩ :

— Ba nén vàng ấy là sinh mạng của cha nàng ! Nàng đã góp nhóp, cực khổ sáu tháng trường mới tìm ra. Nếu mất đi tức là mất mạng cha nàng rồi ! Thế thì nàng đau đớn khóc than cũng là lẽ phải.

Nhìn thấy vẻ mặt thất vọng, đầy nước mắt của thiếu nữ, Bùi Độ động lòng nhân, nói :

— Xin quý nương cứ an lòng, tôi xin vì quý nương lặn xuống giếng này tìm thử, may ra có hy vọng !

Thiếu nữ khoa tay bảo :

— Không được ! Anh có lòng tốt như vậy tôi rất đội ơn ! Nhưng dưới giếng này có con trăn rất dữ. Từ hôm qua tôi đã tìm người trong thôn xóm thuê vớt, nhưng ai cũng sợ trăn không dám mạo hiểm.

Bùi Độ nhìn xuống giếng, thấy lá khô nổi lênh bênh, bắt giắc thở dài, than :

— Nếu vậy thì biết làm sao giải thoát được hoàn cảnh rủi ro đau đớn của quý nương ?

Thiếu nữ nói :

— Tôi đành chịu chết mà thôi ! Trời đã muốn hại mạng cha tôi tức như đã cắt đứt tình máu mủ. Tôi còn sống trên đời này làm gì nữa !

Bùi Độ biết nàng đã có ý định nhảy xuống giếng quyên sinh, nên không nỡ bỏ đi, cứ đứng nhìn mặt giếng thờ ngẩn than dài mãi.

Bỗng chàng nhớ đến lời gã thầy tướng Huỳnh Liên, và đường gạch “chết đói” nơi miệng, thâm bảo :

— Ta đã có tướng chết đói thì trước sau cũng chết. Vậy cứ hy sinh để cứu nàng còn hơn.

Chàng nhìn thiếu nữ bảo :

— Thưa quý nương, tôi thật đau đớn trước hoàn cảnh của quý nương, muốn được quý nương cho phép tôi hy sinh giúp đỡ.

Vừa nói, Bùi Độ vừa xăm xuôi bước tới bờ giếng lạng.

Thiếu nữ thất kinh hét lên :

— Trời ơi ! Xin chớ vì tôi mà chết như vậy thực chẳng ích gì !

Nàng nhào đến, nắm vạt áo Bùi Độ kéo lại.

Bùi Độ thật tình bảo :

— Thưa quý nương, tôi vốn chẳng may sinh vào cảnh nghèo khổ, lại có tướng chết đói. Nếu ham sống sợ ngày gần đây chẳng tránh khỏi cảnh chết thảm. Vậy quý nương cứ để tôi xuống giếng tìm vàng. May ra lấy được vàng tôi có thể giúp ích quý nương, bằng không nếu rủi ro chết vào bụng rắn thì tôi cũng chẳng ân hận gì !

Thiếu nữ không hiểu tướng chết đói là gì, còn đang ngờ ngác thì Bùi Độ đã co chân nhảy ùm xuống giếng.

Nhờ có sức mạnh, và nhờ biết bơi giỏi, Bùi Độ lặn xuống, chẳng mấy chốc đã mò được khăn gói vàng trôi lên mặt nước.

Chàng mừng quá, bầu vào các rễ cây lần lần leo lên.

Thiếu nữ vừa mừng vừa sợ, trố mắt nhìn, nói hỏn hển :

— Người ta bảo dưới giếng này có con rắn lớn lắm, anh có thấy nó không ?

Bùi Độ lắc đầu đáp :

— Không ! Đáy giếng đầy cả bùn, mà không thấy có rắn. Chắc họ đồn ngoa đó.

Chàng trao gói vàng lại cho thiếu nữ với niềm hoan hỉ vô biên.

Thiếu nữ tiếp lấy gói vàng, rũ xiêm sụp lạy đền ơn.

Bùi Độ cản lại :

— Thưa quý nương, công tôi một chút chẳng có là bao. Miễn sao quý nương cứu được đại quan là tốt lắm rồi, xin chớ bảo là ân huệ.

Thiếu nữ nhoèn cười, nụ cười như đóa hoa xuân :

— Thưa ân nhân, xin ân nhân cho tiện nữ biết họ tên, để còn có ngày đền đáp.

Bùi Độ nói :

— Tôi chỉ là một kẻ nghèo hèn, bán dầu khắp đó đây, không gia cư, sự nghiệp. Xin quý nương chớ bận lòng. Từ trước đến nay dân chúng trong vùng vẫn quen gọi là Bùi Độ.

Thiếu nữ cuối đầu tạ Ơn rồi mang vàng vào kinh đô lo việc chuộc tội cho cha. Trong lúc đó, Bùi Độ vẫn gánh dầu lang thang đây đó, khắp làng mạc.

Một hôm, Bùi Độ gánh dầu đi ngang qua đầu chợ, gặp gã Huỳnh Liên. Nhưng lần này Huỳnh Liên không nhìn Bùi Độ với đôi mắt khinh khi nữa, mà với vẻ kính trọng.

Lấy làm lạ, Bùi Độ toan hỏi thì Huỳnh Liên đã nói :

— ý ! Anh thật tốt phước ! Tướng chết đói của anh biến mất rồi, mà thay vào đấy tướng mạo của kẻ công khanh, giàu sang tuyệt đỉnh. Tôi chúc cho anh sớm được vinh hoa.

Bùi Độ cười hề hề :

— Thôi, xin ông chớ nhạo báng tôi. Kẻ nghèo khổ này không đủ cơm ăn, lại có tướng chết đói, chẳng biết chết vào lúc nào, xin chớ đùa nhau.

Huỳnh Liên chấp tay xá dài, nói :

— Đã mấy đời làm nghề tướng số, tôi chẳng hề đoán sai. Chẳng bao lâu nữa anh trở nên một kẻ công hầu phú quý đó.

Bùi Độ hỏi lại :

— Thế tại sao thời gian trước đây ông bảo là tôi sắp chết đói ?

Huỳnh Liên giảng giải :

— Đúng vậy ! Thời gian gần đây tôi đã thấy anh có tướng chết đói, chẳng biết vì sao nay lại có tướng quan sang ! Chắc có lẽ anh đã ra công thi ân bố đức nhiều lắm ?

Bùi Độ nói :

— Tôi chỉ vừa mới cứu một thiếu nữ trong lúc hoạn nạn mà thôi.

Huỳnh Liên nở một nụ cười :

— ý ! Thế chỉ vì việc ấy mà anh đã đổi tướng mạo. Sách có nói : “Hữu tâm vô tướng, tướng tự tâm sanh. Hữu tướng vô tâm, tướng tung tâm diệt”.

Bùi Độ không tin, chỉ cười hề hề rồi gánh dầu đi bán như cũ.

Ngày kia, vì mệt, chàng nằm ngủ quên nơi một quán vắng. Khi thức dậy, thấy gánh dầu biến đi đâu mất.

Chàng thất kinh, chạy đi tìm khắp nơi nhưng không thấy đâu cả. Thật là nguy khốn ! một kẻ nghèo khổ thế kia, chỉ biết gánh dầu đi bán kiếm lời độ nhật, mà nay mất cả gánh giống thì biết tiền đâu đem về trả cho chủ, tiền đâu nuôi sống trong ngày.

Bùi Độ chạy như ma đuổi, mặt mày tái nhợt, miệng lẩm bẩm chửi gã thầy tướng Huỳnh Liên :

— Cái thằng râu quạp, mày cố nhạo tao ! Hôm nay tao mất cả gánh dầu thế là ngày chết đói đã đến rồi, mày lại bảo tao sắp được vinh hoa phú quý ! Ồi, khổ quá !

Chạy một lúc đã mệt, Bùi Độ đến một mé rừng, thấy có một tảng đá bằng, chàng bèn trèo lên đó nghỉ, và tự bảo :

— Thôi ! Số ta là số chết đói ! Ta cứ nằm đây mà chết cho xong.

Chàng nhắm mắt để chờ chết. Bỗng trong rừng có hai người xông ra, nắm chân Bùi Độ lay gọi :

— Này này ! Gã bán dầu ! Hãy bán dầu cho chúng ta rồi sẽ ngủ.

Bùi Độ mở mắt, nhìn thấy hai người ấy mặt mày sáng sủa, ăn mặc sang trọng, lại có vẻ đũa cọt, nên tức giận đáp :

— Thôi thôi ! Để cho ta chết ! Gánh dầu của ta đã bị quân gian lấy mất còn đâu nữa.

Hai người nhìn nhau cười ngật nghẻo, nói :

— Gánh dầu của anh đã có người mua rồi, giờ đây anh theo chúng tôi đến đó lấy tiền.

Bùi Độ ngơ ngác hỏi :

— Sao lại có chuyện lạ vậy ?

Một người đáp :

— Có gì mà lạ ! Anh bán dầu thì người ta mua. Mà đã mua thì trả tiền. Anh có bằng lòng theo chúng tôi để nhận tiền hay không thì nói.

Bùi Độ nửa mừng nửa ngại, lủi thủi theo hai người lạ xuyên rừng đi thẳng.

Chẳng bao lâu, hai người dẫn Bùi Độ đến trước một cửa cổng lớn, có đề bốn chữ “Lạc Châu huyện đường”, và dắt Bùi Độ vào đấy.

Bùi Độ sợ hãi hỏi :

— Sao các người lại dẫn tôi vào đây ?

Một người nói :

— Vì đây là khách mua hàng của anh.

Hai người dẫn Bùi Độ đi vòng quanh một lúc, vào hậu đường. Chàng thấy trước cửa một ngôi nhà mát có để hai thùng dầu của chàng, nên chàng mừng quá, chạy xô đến, nói lớn:

— Gánh dầu của tôi đây rồi !

Chợt sau vườn hoa có bóng xiêm y phát phới, lả lướt tiến dần đến. Một thiếu nữ cực kỳ diễm lệ, mặt hoa da phấn, vóc ngọc mày ngài, vừa trông thấy Bùi Độ đã nhoén miệng cười, cất tiếng oanh thỏ thẻ :

— Ân nhân vẫn mạnh giỏi đấy chứ ?

Bùi Độ ngơ ngác, nhìn thấy thiếu nữ ấy chính là cô gái mà chàng đã lặn xuống giếng tìm vàng để giúp nàng chuộc cha hôm nọ.

Tuy nhiên, khác với hôm ấy, ở đây nàng đẹp như một tiên nga, tươi như một đóa trà mi buổi sáng.

Gặp lại người cũ, Bùi Độ vui mừng, vồn vã hỏi :

— quý nương đã chuộc được tội cho đại quan rồi chứ ?

Thiếu nữ mỉm cười nói :

— Nhờ anh mà cha con tôi đã đoàn tụ. Cha tôi lại được phục chức huyện quan, nên nhớ ơn anh cho người đến thỉnh, tìm mãi mới gặp, lại sợ anh không đến, nên tôi lập kế cho người mạo muội gánh hai thùng dầu về đây trước, xin anh chớ trách.

Dứt lời, thiếu nữ ra hiệu cho mấy tên quân hầu đưa Bùi Độ vào một căn phòng trang bày lộng lẫy, đồ đạc sang trọng.

Bùi Độ thấy chỗ nào cũng sạch sẽ uy nghi, chưa biết ngồi vào đâu, thì bọn lính hầu đã bưng lên một mâm rượu thịt ê hề, món ăn toàn là những món cao quý.

Đang đói bụng lại gặp cảnh này, Bùi Độ không còn biết ngại ngùng gì nữa, ngồi lại ăn uống no say.

Ăn xong, thấy buồn ngủ, chàng trèo lên bộ ván đánh một giấc, mơ màng theo men rượu. Đến lúc tỉnh giấc, Bùi Độ thấy trời đã tối, trong phòng leo lét ánh đèn dầu, cái mùi dầu quen thuộc của chàng thường ngày.

Ngoài cửa có tên quân hầu bước vào bảo chàng :

— Xin mời quý nhân qua phòng hương dùng cơm tối.

Bùi Độ vội bước theo tên quân hầu, rẽ qua đến một căn phòng rất mỹ lệ, ánh đèn le lói, các cửa đều có treo màn thêu nhiều hoa bướm.

Tên quân hầu đưa chàng đến cửa lập tức lui gót. Tức thì bên trong có một tỷ nữ, phát tay áo bước ra cung kính rước Bùi Độ vào.

Qua khỏi bức màn, một mùi thơm ngào ngạt. Giữa phòng có một chiếc bàn xinh xắn, hai bên có hai chiếc ghế thêu. Trên bàn sắp sẵn thức ăn và rượu.

Tỷ nữ đưa Bùi Độ vào ngồi đấy chưa bao lâu thì phòng bên cạnh bức màn nhung lay động, tỷ nữ chấp tay thưa với Bùi Độ :

— Cô nương tôi đến.

Bùi Độ vừa quay mặt lại đã thấy thiếu nữ khuê các mà chàng cứu nạn trước kia ung dung trong bộ y phục màu hồng từ từ bước đến, nhoen cười nói :

— Thưa ân nhân chớ lấy làm lạ. Tiện nữ xin tạm bỏ chút lễ nghi để đền ơn ân nhân thuở nọ.

Bùi Độ đứng dậy đáp lễ, nói :

— quý nương là con chí hiếu, trên đời này thật ít có. Phận tôi là kẻ hèn mọn dám đâu chịu lấy ân huệ của cô nương. Chẳng hay cô nương danh hiệu là gì ?

Thiếu nữ đáp :

— Em là Ngọc Hà, từ thuở bé đến giờ theo cha trấn nhậm nơi đây, mẹ mất sớm, cố noi theo nề nếp gia phong. Nhưng vì đối với chàng ơn sâu, không thể vì phận gái mà không báo đáp.

Dứt lời, Ngọc Hà cầm lấy chung rượu, rót đầy dâng tận tay Bùi Độ.

Trước cảnh người đẹp, rượu ngon, Bùi Độ ngây ngất cả lòng. Chàng uống mãi. Càng uống càng thấy ngon.

Cho đến khuya, rượu say lúy túy, ngọn huyền đăng chập chờn ánh sáng, lung linh tỏa khắp phòng một màu huyền ảo, Bùi Độ thần trí mơ màng như lạc đến cõi tiên bồng, không cảm được dục vọng, không còn nghĩ đến phận hèn mọn của mình, liền cầm tay Ngọc Hà thờ hồn hển, nói :

— quý nương !

Ngọc Hà nghiêm nét mặt, bảo :

— Em tiếp đãi ân nhân là để đáp đền lòng hiếu đạo, đâu phải kẻ trên bực trong dâu, xin ân nhân chớ làm thế.

Bùi Độ sợ hãi buông tay Ngọc Hà, nói run rẩy :

— Kẻ hèn này biết phận, không được quý nương chiếu cố, vậy thì kẻ hèn này xin từ giả, chẳng còn dám lưu lại đây để nhìn mặt quý nương nữa.

Thấy vẻ mặt thật thà của Bùi Độ, Ngọc Hà thương hại, nói :

— quý nhân thành thật muốn cùng tiện thiếp xe duyên sao ? Điều đó không khó gì. Tiện thiếp đã mang ơn quý nhân, đâu còn kể đến chuyện sang hèn, chỉ sợ quý nhân hiểu lầm, xem tiện thiếp là kẻ không đứng đắn mà thôi.

Bùi Độ như cởi mở, chớp chớp đôi mi, nhìn thẳng vào mặt Ngọc Hà nói :

— Nếu được cùng quý nương gây duyên can lệ thì phận hèn này suốt đời xin ở bên gối để phụng sự quý nương !

Ngọc Hà cầm tay Bùi Độ nói :

— Em chỉ sợ không làm tròn phận sự nâng khăn sửa đắp cho chàng ! Chàng là người ân của em, dẫu em có đem thân thờ chàng trọn đời cũng là lẽ phải ! Nhưng việc đó còn phải đợi lệnh nghiêm đường, chúng ta sẽ tính sau.

Bùi Độ lửa lòng phừng cháy, không cầm được yêu đương trước sắc đẹp diễm kiều, và giọng nói trong như suối ngọc của Ngọc Hà. Chàng ôm Ngọc Hà vào lòng, và không còn biết gì đến trời đất nữa.

Thế rồi từ đấy, Bùi Độ Ở luôn trong một phòng riêng, cách phòng hương của Ngọc Hà không xa lắm. Đêm đêm yến tiệc vui vầy. Đôi trai gái vì nghĩa mà kết nên tình cảm sắc.

Nàng Ngọc Hà vốn là gái trâm anh, từ nhỏ đã theo đòi nghiêng bút, nên các môn đàn ca thi họa đều xuất sắc. Bùi Độ được nàng đem hết khả năng con nhà khuê các ra phụng sự, làm cho chàng chẳng bao lâu cũng nhuốm mùi phong lưu, không còn có cử chỉ như một gã bán dầu ngày nào ở thôn xóm nữa.

Trong thời gian đó, Ngọc Hà giấu cha nàng, không nói. Vì nàng thấy cha nàng là kẻ môn phong quý tộc, chẳng lẽ kén rể dốt nát quê mùa. Do đó, Ngọc Hà cố tâm rèn luyện cho Bùi Độ nên người trang nhã trước khi tỏ ý với phụ thân.

Do đó, hàng ngày Ngọc Hà gần gũi Bùi Độ, đem sách vở, chữ nghĩa ra giảng dạy, khuyên Bùi Độ cố gắng học hành để tìm đường tiến thân về sau.

Được Ngọc Hà yêu mến, Bùi Độ như cởi mở tâm hồn, mỗi mỗi đều nghe lời nàng, học hành tiến bộ vượt bậc.

Mối tình đôi bạn vì thế mà thấm thiết, mỗi ngày một chắc chắn thêm. Thời gian qua mau như bóng ngựa, thấm thoát đã ba năm, Bùi Độ trở thành một khách phong lưu, văn chương thông suốt, tướng mạo đoan trang, hào hoa đến mực.

Và cũng trong thời gian đó, Ngọc Hà đã hiến trọn chữ trinh cho Bùi Độ, đến lúc thành tài thì đóa trà mi không còn giữ được mùi thanh khiết nữa.

Giữa lúc hương lửa đang nồng, Ngọc Hà nghĩ đến tương lai của Bùi Độ, quyết không để chàng ở mãi địa vị thấp hèn, nên một hôm, nàng đem câu chuyện ân nghĩa ấy thuật lại với cha nàng, xin cha nàng dung tha cho tội bất hiếu.

Cha nàng Ngọc Nữ vốn đã già, lại thương con. Hơn nữa từ nhỏ đến lớn, Ngọc Nữ thờ cha chí hiếu, nên ông không nỡ trái ý, liền cho dõng Bùi Độ đến yết kiến.

Bùi Độ sợ sệt vào hầu. Ngọc Lão thấy Bùi Độ đoan trang, ăn nói nhã nhặn, văn chương thông suốt nên có ý mừng thầm, bèn tính việc xe duyên.

Ngọc Hà thưa :

— Thưa cha, việc lương duyên tùy quan hệ, nhưng chẳng muộn gì. Con muốn cho chồng con trước khi thành gia thất phải có một địa vị nào trong xã hội đã. Xin cha nghĩ đến đường tiến thân trước.

Ngọc Lão gật đầu nói :

— Con tính như thế cũng phải. Song cha chức phận nhỏ nhen, không đủ tư cách để tiến cử hiền tể. Vậy cha có một người bạn thân hiện giữ chức Đô úy ở Thiểm Tây, nếu Bùi hiền tể chịu hạ mình đến đó, nhờ quan Đô úy tiến cử thì mới nên danh phận. Ngặt vì từ đây đến Thiểm Tây đường xa diệu vợi, chẳng biết ý con thế nào ?

Ngọc Nữ thưa :

— Việc đó không hề gì, miễn chồng con được thành danh, sau này đoàn tụ, hạnh phúc lâu dài.

Ngọc Lão rất hài lòng, liền viết bức tâm thư trao cho Bùi Độ, để sáng hôm sau Bùi Độ đến Thiểm Tây.

Bùi Độ lạy tạ Ngọc Lão, rồi lãnh thư trở về phòng riêng, mà lòng nghĩ đến việc phải xa cách Ngọc Hà, áy náy không an.

Đêm đó, Ngọc Nữ bày tiệc rượu, thiết đãi Bùi Độ trọng thể chẳng khác nào buổi ban đầu. Bùi Độ gạt nước mắt nói :

— Anh muốn trọn đời ở mãi gần em, không muốn có địa vị cao sang làm chi.

Ngọc Nữ buồn bã nói :

— Làm người phải trọng đến thân danh. Nếu cứ say mê ân ái mà không nghĩ đến tương lai thì còn gì thân trai bầy thước ? Xa anh em cũng đau buồn lắm, chỉ mong sao ngày thành danh, lòng anh cũng như ngày nay không đổi khác là được. Từ đây, em đóng cửa phòng khuê, ấp mình trong chăn đơn gối lẻ, để chờ ngày anh thành đạt trở về.

Bùi Độ khóc sụt sùi.

— Ý em đã muốn, anh không dám trái lời ! Nhưng lòng anh luôn luôn hướng về đất Lạc Châu này để tưởng nhớ đến em, chẳng phút nào quên.

Đêm đó, đôi trai gái tâm sự cho đến sáng, nước mắt voi đầy, không một cái gì còn giấu giếm, bao nhiêu yêu đương được cởi mở cạn nguồn, mà coi như chưa đủ.

Mờ sáng hôm sau, Bùi Độ từ giả lên đường, thẳng tới Thiểm Tây, lòng đau như cắt.

Quan Đô úy Thiểm Tây họ Đỗ tên Tâm Giao, vốn là kẻ quen thân với Ngọc Lão từ thuở còn bé. Mối tình tri âm thống thiết ! Do đó, khi được thư Ngọc Lão gởi đến, Đỗ Lão quý trọng Bùi Độ chẳng khác nào một vị tân khách.

Bùi Độ được Đỗ trưởng lão cho ở một phòng riêng, cấp cho hai kẻ hầu hạ, rồi chọn ngày về triều để vận động cho Bùi Độ được bổ dụng quan chức.

Trong thời gian vắng mặt ở Thiểm Tây, Đỗ trưởng lão giao cả công việc cho người con gái là Tiểu Oanh xử lý.

Tiểu Oanh là đứa con gái duy nhất của Đỗ Đô úy, từ nhỏ đến lớn theo cha trấn nhậm khắp nơi, nên công việc văn từ đã thông thạo. Gia dĩ nàng là người thông minh đỉnh ngộ, mới mười tám tuổi đầu tài kiêm văn võ, bậc râu mày cũng ít ai sánh kịp.

Từ khi Đỗ Đô úy về triều, nàng Tiểu Oanh sớm tối thường lui tới thính đường để giải quyết các công văn, giấy má.

Một đêm kia nhằm tiết trung thu, trăng vàng rực rỡ, hoa viên trăm màu sắc phô diễn dưới bầu trời sao, Bùi Độ chợt nhớ đến Ngọc Hà, mới độ nào đây, cũng cùng chàng dạo gót dưới trăng, trăm lời tâm sự. Nay chàng tấm thân vò võ một mình, thấy trăng mà nhớ đến tình xưa nghĩa cũ, bồi hồi không sao ngủ được.

Chàng thả gót ra huê viên, dạo một vòng, mặt buồn vời vợi.

Bỗng phía tây có một ánh đèn le lói, chiếu qua khe cửa sổ. Chàng lảo bẫm :

— Nơi đây là thính đường, mà Đỗ Đô úy đã lai kinh, còn ai ở đó ? Tại sao đêm khuya vẫn còn có ánh đèn ?

Chàng tò mò bước đến, ghé mắt nhìn vào trong. Một hình ảnh quen thuộc tự ngày nào lại diễn ra trước mắt.

Trong phòng đó, một thiếu nữ diễm kiều, vẻ đẹp như tiên nga, mắt phụng mày ngài, đang ngồi trước án thư bóc từng công văn ra xem. Thỉnh thoảng môi hồng chớm nở, vẻ uy nghi không thể tả.

Hai bên lại có hai viên lại thuộc đứng hầu. Mỗi lần xem xong một công văn, nàng cầm bút phê vào đấy, rồi trao cho hai tên thuộc hạ.

Bùi Độ say sưa, ngây ngất cả người. Chẳng những chàng say sưa vì vẻ đẹp của thiếu nữ, mà chàng còn thâm phục cái uy nghi của con người khuê tú đó.

Chàng thờ dãi lảo bẫm :

— Ta những tưởng chỉ có nàng Ngọc Hà của ta là đẹp hơn cả, ngờ đâu trong thế gian này có nhiều người đẹp gấp bội. Ôi ! Trong khuê môn là cả một vũ trụ huyền bí, là cả một bầu trời thiên thai, ước gì ta được làm thân gái, để được lui tới nơi khuê môn của các quan chức, chiêm ngưỡng những nét diễm kiều của các cô tiểu thư cho thỏa thích.

Chàng đứng đó ngẩn mẩn, say sưa như đang chìm sâu trong men rượu tình.

Thời gian chẳng biết là bao lâu, mãi cho đến lúc nàng Tiểu Oanh xem hết các công văn, giải quyết hết mọi việc, truyền cho thuộc lại tắt đèn, và nàng trở gót về phòng, Bùi Độ mới giật mình sức tỉnh.

Bấy giờ nàng Tiểu Oanh đã tung xiêm bước ra cửa thính đường. Bùi Độ ngượng ngịu, muốn lánh mặt, nhưng chân chàng không sao bước nổi, chỉ kịp lê vài bước ra khỏi chỗ núp mà thôi.

Nàng Tiểu Oanh trông thấy bóng chàng, vội cất tiếng hỏi :

— Người là ai ? Sao đêm đã khuya còn làm gì nơi đây ?

Bùi Độ lễ mễ thưa :

— Kính tiểu thư, kẻ hèn này có tên là Bùi Độ, được quan Đô úy thương tình lưu lại tư dinh đã hơn nửa tháng nay. Vì đêm khuya chạnh lòng nhớ quê hương nên lén ra đây nhìn trăng giải muộn, chẳng may bị tiểu thư đến bất ngờ, không kịp lánh mặt.

Nàng Tiểu Oanh thấy Bùi Độ ăn nói trang nhã, tướng mạo có vẻ đoan trang, đoán chàng là con nhà thế phiệt. Vả lại lúc cha nàng lai kinh có nói cho nàng biết việc Bùi Độ, và mục đích cha nàng về triều cũng chỉ để vận động xin cho Bùi Độ được bổ dụng.

Nghe Bùi Độ nói thế, Tiểu Oanh mỉm cười bảo :

— Tôi đã được nghe công tử vốn là người ở Lạc Châu, văn tài có một. Nay đến đây chờ ngày tiến thân. Làm trai đứng ở trong đời công danh là trọng, cố sao lại còn mang nặng tình quê hương ?

Bùi Độ nói :

— Tiệp nhân từ thuở bé đến giờ chưa quen đi xa, nên trước cảnh xứ lạ quê người lòng không tự chủ được, xin tiểu thư tha lỗi cho.

Tiểu Oanh nói :

— Nếu thấy buồn xin công tử lấy việc văn chương thi phú giải khuây, việc đó còn ích lợi hơn là cứ vò võ trông tin nhà.

Nói đến đó, Tiểu Oanh nhoẻn miệng cười rồi tung xiêm bước về phòng hương, thân hình uyển chuyển chẳng khác một cánh bướm vờn hoa.

Dưới bầu trăng sáng, Bùi Độ ngầy ngất nhìn theo, hình ảnh của nàng Ngọc Hà ngày nào như hiện lên trước mắt chàng, nỗi nhớ nhung tràn ngập cõi lòng người lữ thứ.

Chàng không sao chịu nổi, và cũng không thể để cho hình bóng của người khuê tú kia khuất mắt chàng. Chàng vội bước theo, đôi mắt đăm đăm nhìn vào tấm lưng ong uyển chuyển, vòng ngực nở tròn của mỹ nhân, đang vạch hoa lã lướt. Chàng thấy như muôn ngàn cánh ong bướm đang tung tăng trước mắt.

Nhưng khổ thay, cửa phong hương cách hoa viên chẳng bao xa, chỉ phút chốc mỹ nhân đã bước vào phòng, rồi cánh cửa đóng sầm lại, hình bóng mỹ nhân đâu còn nữa.

Bùi Độ thở dài, ngồi dưới gốc cây hòe than thở, những lời nói của Ngọc Hà lúc biệt ly như còn văng vẳng bên tai. Chàng khóc ! Khóc vì nhớ nhung, vì không còn thưởng thức được cái cảnh đầm ấm tự thuở nào nữa.

Đêm khuya, bốn bề lặng ngắt, ngoài tiếng đế tí tề, tiếng xào xạc của gió khóc hoa rơi, thì hình như chỉ còn có tiếng thở dài của Bùi Độ mà thôi.

Chàng ngồi mãi cho đến trời hừng sáng, ánh trăng đổi màu, chàng mới lê gót về phòng, áo quần ướt đầm.

Rồi đêm nào cũng thế, cứ mỗi tối là chàng lại lén ra vườn hoa để âm thầm nhìn bóng dáng Tiểu Oanh, nhớ đến Ngọc Hà, ôm vào lòng một niềm nhớ nhung mỗi lúc một tha thiết thêm.

Tâm tư chàng trai si tình không thể nào tả hết. Lúc khóc, lúc cười, một mình trong đêm vắng. Chàng trai đó đêm nào cũng nhuộm sương, mượn hình bóng của Tiểu Oanh để tưởng tượng đến Ngọc Hà, người vợ tương lai của chàng.

Có nhiều lúc chàng đem Ngọc Hà so sánh với Tiểu Oanh thì thấy mặc dầu Ngọc Hà được tình nghĩa sâu, nhưng cái đẹp lộng lẫy còn kém Tiểu Oanh mấy bậc.

Thế là Bùi Độ, chàng trai bán dầu học đòi phong lưu kia, chẳng biết vì nhớ Ngọc Hà hay vì say nhan sắc Tiểu Oanh mà đêm nào cũng lén ra vườn hoa, thật khó lòng biết được.

Mãi mấy đêm trường, lòng Bùi Độ nóng nung như đốt, còn Tiểu Oanh đêm nào cũng thấy vẻ mặt âu sầu của Bùi Độ nơi hoa viên, áy náy không yên. Nàng muốn tìm cách giúp cho Bùi Độ giải khuây nên một hôm bảo chàng :

— Mỗi đêm công tử ra huê viên nhìn trăng than thở chỉ thêm buồn và hại sức khỏe. Thôi thì từ nay, mỗi tối công tử nên đến thính đường, xem tôi giải quyết công việc, đọc giúp cho tôi các công văn còn ích lợi hơn. Một là để công tử quên sầu bớt nhớ, hai là để cho công tử quen dần việc quan, mai sau nhậm chức khỏi qua một thời gian bỡ ngỡ.

Bùi Độ đang mong ước được dịp gần mỹ nữ, nay nghe Tiểu Oanh nói như vậy có khác nào kẻ sắp chết đói được bữa ăn, chàng vui vẻ nhận lời :

— Được tiểu thư chiếu cố, kẻ hèn này nguyện đổi buồn làm vui để theo hầu hạ tiểu thư.

Thế là từ đấy, hàng đêm Bùi Độ quần áo chỉnh tề, dung nghi chải chuốt đến thính đường ngồi song song với Tiểu Oanh để xem các văn án.

Việc đó quả đã làm cho Bùi Độ vui sào. Lòng nhớ nhung Ngọc Hà mỗi ngày một dịu đi. Tuy nhiên, lòng chàng lại tràn ngập lòng yêu mến Tiểu Oan. Vắng Tiểu Oan, chàng không chịu nổi.

Qua một thời gian, Bùi Độ lại được phong thư của Đỗ Đô úy từ Kinh đô gọi về, tin cho biết chàng sắp được triều đình bổ dụng vào chức huyện quan, một ngày gần đây phải lên đường đi trấn nhậm. Công việc của chàng đã lo xong, nhưng quan Đô úy còn ở nán lại kinh đô thù tiếp mấy người bạn thân chưa về ngay được.

Tin ấy làm cho Tiểu Oanh mừng vô hạn, nói với Bùi Độ :

— Đường công danh công tử đã may mắn đạt được. Ngày gần đây công tử phải nhậm chức rồi.

Bùi Độ nghĩ đến ngày ra làm quan phải xa cách Tiểu Oanh, lòng không vui. Nhưng nhớ đến lời nói của Huỳnh Liên, gã thầy tướng thuở nọ, chàng khâm phục vô cùng, và thầm nghĩ :

— Ta đã có địa vị giàu sang trong xã hội như thế này thì việc gần gũi người đẹp không khó nữa. Vả lại trong trời đất, gái nữ lưu khuê tú đâu đâu chẳng có. Biết đâu, sau này ta còn gặp được người đẹp hơn Tiểu Oanh nữa.

Thế là mộng quan sang đã chiếm cả cõi lòng Bùi Độ, làm cho Bùi Độ nhìn thấy trước mắt chàng một bầu trời thăm thẳm, trong đó là một cõi thiên đàng, và những gì dĩ vãng chàng đều quên mất hết.

Một ngày kia, Bùi Độ giả từ Tiểu Oanh, trở về làng cũ để thăm viếng Huỳnh Liên, đồng thời cũng để tạ ơn Huỳnh Liên đã cho chàng biệt được tương quan sang ấy.

Tiểu Oanh nói :

— Xin công tử hãy mau mau trở lại đây để tiếp nhận chỉ dụ của Thánh Thượng, kéo thân phụ tôi về đây mà không thấy công tử ắt quở trách.

Bùi Độ nói :

— Tiểu thư chớ lo ! Tôi chỉ đi một thời gian ngắn sẽ trở về ngay.

Với khăn gói đầy vàng bạc, với mộng cao sang tràn ngập cõi lòng, nét mặt Bùi Độ tươi vui bước về làng cũ.

Chẳng mấy hôm, chàng đã đến đầu chợ tìm gặp Huỳnh Liên.

Gã Huỳnh Liên râu quặp vẫn còn làm nghề tướng số như thuở nào. Vừa thấy mặt, Bùi Độ đã vồn vã nói :

— Này thánh nhân ! Tôi sắp được bổ dụng quan chức rồi đây. Lời nói của thánh nhân ngày nào thật đúng lắm.

Huỳnh Liên nhìn nét mặt Bùi Độ rồi âu sầu bảo :

— Anh phải là người bán dầu thuở xưa không ?

Bùi Độ nói :

— Đúng vậy ! Và là một quan chức trong tương lai đó.

Huỳnh Liên lắc đầu nói :

— Không không ! Tướng chết đói của anh ngày nào lại xuất hiện như cũ. Kìa, đường vạch chạy xéo nơi miệng kìa thì dầu giàu có đến đâu cũng không tránh khỏi.

Bùi Độ trợn mắt hét :

— Lão chớ nói bậy ! Ta hiện được triều đình bổ dụng làm quan ! Trước kia ta nghèo khổ có thể chết đói, còn ngày nay ta đang vinh hiển kìa mà !

Huỳnh Liên chỉ mỉm cười khinh bỉ. Bùi Độ không vui, bỏ đi và nghĩ :

— Được ! Lão này chỉ nói bậy. Đợi lúc ta có đủ quyền hành trong tay sẽ bắt lão trị tội, nhốt vào ngục không cho ăn xem ai chết đói cho biết.

Chàng hậm hực trở về Thiểm Tây, đến dinh quan Đô úy họ Đỗ.

Bấy giờ quan Đô úy đã trở về mang sắc dụ của nhà vua bổ dụng Bùi Độ làm quan huyện ở Hà Lạc.

Bùi Độ liền sửa soạn hành trang, từ giả cha con Đô úy Thiểm Tây đến đó trấn nhậm, với mộng là sẽ tìm cho mình một tuyệt thế giai nhân, để tận hưởng trong ngày xuân xanh bù lại những ngày nhớ nhung khao khát.

Lòng dục đã khiến anh chàng bán dầu lang thang trước kia đổi tánh.

Chỉ một thời gian ngắn, Bùi Độ đã dùng quyền hành mình lục lạo khắp nơi trong huyện, tìm đến những danh gia phú hộ để kiểm giới nhân.

Khổ thay, các mỹ nữ khuê môn trông thấy tư cách của Bùi Độ là kẻ si tình đồn mạt đều khinh bỉ, chẳng ai chịu hòa thân.

Bùi Độ uất quá, nghĩ mình địa vị cao sang, giàu có rất mực, thế mà nữ nhi không phục tùng, chàng dùng quyền hành ép buộc, cưỡng bức.

Trong lúc đó, thì nàng Ngọc Hà ở tại huyện nhà, ngong ngóng tin chồng, những mong đến ngày vinh thân chàng sẽ về thăm để tỏ tình chỉ thắm.

Nào ngờ, mỗi ngày mỗi bất tin. Đến lúc sau, nàng được biết Bùi Độ đã đến trấn nhậm Hà Lạc, giữ chức huyện quan. Nàng muốn tìm đến. Nhưng than ôi ! bấy giờ tiếng đồn đã rộ bên tai, Bùi Độ đã trở thành người bất liêm bất chính, cậy thế cậy quyền, hiếp đáp dân lành.

Nàng Ngọc Hà quá đau lòng tủi phận, cố lòng đến đó một phen để dò xét cho tận mắt. Nhưng Ngọc Lão còn ngờ chưa dám cho nàng đi, chỉ sai người đến dò thám trước xem sao đã.

Thời gian chưa bao lâu, đã có tin về báo :

— Quan huyện Hà Lạc vì hiếp đáp gái lành, nên bị dân chúng kiện thưa, quan trên cách chức, và triệu về kinh để trị tội rồi !

Thật vậy, tin ấy chẳng làm ! Hành động cuồng si của Bùi Độ đã làm chấn động khắp nơi, do đó chàng bị cất chức.

Bùi Độ tự biết mình không thoát khỏi tội nên chẳng dám về triều, trốn vào rừng núi.

Rồi một ngày kia, không có cơm ăn, đói khát, hơn nữa đã thất bại trên đường đời, Bùi Độ không còn muốn sống nữa, chàng nằm trên mặt tảng đá, chết giữa một cánh rừng hoang vu.

Nàng Ngọc Hà đau lòng quá, không biết tin tức của chồng ra sao, vội lên cha về kinh để được gặp tận mặt Bùi Độ.

Nhưng khổ thay, nàng về kinh tìm hỏi suốt tháng trời, vẫn không biết được. Sau đó, nàng mới được tin : “Quan huyện Hà Lạc đã sợ tội bỏ trốn rồi, không dám về kinh trần tố”.

Nàng thất thểu ra đi, hết nơi này đến nơi nọ, hỏi thăm mãi vẫn chẳng thấy bóng chồng. Sáu tháng trời trôi qua, Ngọc Hà đi từ huyện này sang huyện khác, mỗi góì chồn chân, quần áo rách nát, tấm thân tiều tụy tưởng không còn chút nào tả nổi. Nàng khóc đã cạn nước mắt mà nỗi buồn chưa vơi.

Một hôm, nàng đi qua khu rừng vắng, thấy có một bộ xương khô của ai đã chết rũ tự bao giờ. Nàng ngờ đó là bộ xương chồng, nên ngồi đó khóc mãi. Bao nhiêu giọt lệ thừa nhỏ xuống rưới trên đồng xương tàn quyết trả nghĩa cho chồng.

Đau đớn thay ! Một người đàn bà có nghĩa như vậy lại vương phải kẻ vô tình như Bùi Độ, quả đã uổng đời hồng nhan.

Chẳng biết nắm xương khô của Bùi Độ có vì giòng nước mắt chân thành kia mà ân hận nơi chốn suối vàng chăng.

Ngọc Hà khóc đến mấy ngày đêm, sau đó vì quá đau đớn, buồn duyên tử phận, nàng đã ngất xỉu trên đồng xương khô kia, và chết tại đấy.

Ôi ! Hồng nhan bạc mệnh thay !

Hết